

TUẦN 1

NGÀY SOẠN: 01/9/2023

BÀI 1: CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ (12 TIẾT)

**TIẾT 1, 2, 3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN
“LÁ CỜ THEO SÁU CHỮ VÀNG”**

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (BIỆT NGŨ XÃ HỘI)

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề
- Học sinh nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.
- Học sinh viết được bài văn kể lại một chuyện đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản.
- Học sinh biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách

B. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

- Thiết bị, học liệu: SGK, máy tính, ti vi, phiếu học tập, video.
- Chuẩn bị của học sinh:
 - + Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK
 - + Thực hiện phiếu học tập.
 - + Đọc yêu cầu đối với văn bản Lá cờ thêu sáu chữ vàng, tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo.
 - + Tìm hiểu biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương.
 - + Chuẩn bị nội dung viết, nói, tập luyện trước khi viết, nói.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC: 0,5 tiết

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung chủ đề *Câu chuyện của lịch sử* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV gợi dẫn HS vào bài học bằng tổ chức cho HS thi nhau kể tên những triều đại lịch sử ở Việt Nam ta thời xưa - GV đặt câu hỏi thêm cho HS: Tại sao chúng ta cần phải học truyện về lịch sử - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân về việc tìm hiểu truyện về lịch sử - GV tổ chức cho HS thảo luận nhanh về câu hỏi lớn của bài học: <i>“Lịch sử có vai trò quan trọng như thế nào với cuộc sống của chúng ta?”</i> - GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 8) và dẫn HS vào chủ đề và thể loại của bài học. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trả lời, chia sẻ các câu hỏi gợi mở của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thi nhau kể về các triều đại vua – chúa ở Việt Nam ta thời xưa - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp. - Đối với câu hỏi lớn, GV không chốt đáp án đúng sai, cũng như không đưa ra kết luận cuối cùng, những ý kiến của HS	I. Giới thiệu bài học. - Chủ đề 1: Lịch sử là những gì xảy ra trong quá khứ của đất nước và nhân loại. Chúng ta có thể trở về quá khứ bằng nhiều con đường khác nhau: qua những bài học môn Lịch sử trong nhà trường, qua những cuốn sử kí viết nên bởi các nhà sử học, qua những bộ phim hoặc cuốn truyện tái hiện các sự kiện, các nhân vật lừng danh thời xa xưa,... Ở các nền văn học, luôn có những câu chuyện lịch sử được kể lại trong các tác phẩm truyện. - Thể loại: Truyện lịch sử.

sẽ được lưu lại và tiếp tục tìm tòi, khám phá suốt các nội dung bài học.

- GV chốt kiến thức về chủ đề, thể loại bài học.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu được khái niệm của truyện lịch sử, chủ đề của tác phẩm văn học, biệt ngữ xã hội

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiểu văn nghị luận xã hội Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về truyện lịch sử + <i>Truyện lịch sử là:</i> + <i>Các yếu tố trong truyện lịch sử là...</i> - GV cho HS đọc to thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 9), sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS: + <i>Cốt truyện của truyện lịch sử thường được diễn ra như thế nào?</i> + <i>Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chốt lọc ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:	II. Tri thức Ngữ văn 1. Truyện lịch sử - Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;...là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra. - Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó. - Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong đời thực.

+ Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận. + Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận: Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu liên kết trong văn bản</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 5) về liên kết trong văn bản, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về đặc điểm, chức năng của liên kết trong văn bản được trình bày trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i>. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS ghi chép tóm lược nội dung ý chính về liên kết văn bản. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức tri thức ngữ văn.	Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân,...những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc. - Ngôn ngữ trong truyện lịch sử, ngôn ngữ nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng. 2. Chủ đề của tác phẩm văn học Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hay thông điệp chính của tác phẩm. Thông thường, chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung của tác phẩm. 3. Biệt ngữ xã hội Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa) hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó. Do vậy chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp

II. ĐỌC VĂN BẢN 1: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG (Nguyễn Huy Tưởng)

(2,5 tiết)

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi
- Phiếu bài tập
- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo

3. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Khởi động

- 1.1) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- 1.2) Nội dung hoạt động: Hs quan sát ảnh
- 1.3) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- 1.4) Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuyển giao nhiệm vụ: Đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng Mỗi hình ảnh và thông tin dưới đây là gợi ý về một thiếu niên anh hùng trong lịch sử dân tộc ta. Hãy quan sát hình ảnh, theo dõi các thông tin và cho biết đó là vị anh hùng nào? * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sát giáo khoa tìm câu trả lời. * Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá nhận xét, kết nối bài học: Chúng ta vừa mới đi qua một vài chân dung trong cuộc hành trình đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng. Có biết bao nhiêu những con người được lịch sử ghi lại, được nổi danh, tên đã thành tên đường, tên phố, tên xóm, tên làng và cũng có biết bao nhiêu những người anh hùng khác nữa- những anh hùng thiếu niên vô danh cũng đã ngã xuống, cũng đã cống hiến và hy sinh cho độc lập tự do, cho sự phát triển của đất nước, dân tộc mình. Ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu một câu chuyện cũng rất xúc động về một người anh hùng thiếu niên như vậy.	Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tùy theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Tìm hiểu chung:

2.1.1. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

2.1.2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”

2.1.3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

2.1.4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960) - Quê quán: Hà Nội - Ông có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, có đóng góp nổi bật ở hai thể loại: tiểu thuyết và kịch - Một số tác phẩm tiêu biểu: <i>Đêm hội Long Trì</i> (1942), <i>Vũ Như Tô</i> (1943), <i>An Tư</i> (1944), <i>Bắc Sơn</i> (1946), <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i> (1960), <i>Sống mãi với thủ đô</i> (1961),... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Xuất bản năm 1960 - Văn bản trên thuộc phần 3 của tác phẩm <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>. b. Thể loại: Truyện lịch sử c. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự d. Ý nghĩa nhan đề: Nhan đề “<i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>” viết về người anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản. Có lẽ bởi vì Trần Quốc Toản chính là tấm bia chồi lóa lý tưởng cách mạng, tấm lòng nồng nàn yêu nước, đó chính là thứ cần đó giúp lớp lớp thế hệ mầm non tương lai dựa vào.

	Tác giả còn khẳng định tác phẩm như một thiên truyện giáo dục, nâng cao ý thức của trẻ thơ về lịch sử nước nhà, tạo sự gắn kết, bồi đắp thêm tấm lòng biết ơn ông cha, yêu thương đất nước cho các em nhỏ. e. Bối cục Phần 1: Từ đầu đến “...chẳng hỏi một lời”: Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến vua Phần 2: Tiếp đến “...thương cho em ta một quả”: Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản Phần 3: Còn lại: Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban cam quý.

2.2. Khám phá văn bản

- a. **Mục tiêu:** Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Lá cờ thù sáu chữ vàng*.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Lá cờ thù sáu chữ vàng*.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Bối cảnh và cốt truyện		II. Khám phá văn bản: 1. Bối cảnh và cốt truyện a) Bối cảnh lịch sử: + Quang cảnh và không khí trang nghiêm tại bến Bình Than cho thấy nơi đây diễn ra <u>sự kiện có tính chất quan trọng</u> và bí mật, sự kiện này có liên quan mật thiết đến <u>an nguy của đất nước</u> . + Không gian được miêu tả <u>từ bao quát đến cụ thể</u> . Các chi tiết được miêu tả sinh động nhằm giúp người đọc có những hình dung chân thực nhất về không khí của thời đại và sự kiện. b) Diễn biến sự việc:
Câu 1: Em hãy cho biết câu chuyện được kể diễn ra trên bối cảnh sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta? Câu 2: Hãy tìm các chi tiết được dùng để miêu tả quang cảnh và không khí diễn ra hội nghị Bình Than? Em		

có nhận xét gì về khung cảnh này? Câu 3: Nêu các sự việc chính tạo nên cốt truyện cho văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”? Em có nhận xét gì cốt truyện của văn bản này?	+ Cốt truyện được xây dựng dựa trên một sự kiện lịch sử có thật dưới triều Trần- Hội nghị Bình Than + Các sự việc trong cốt truyện được <u>trình bày theo trình tự thời gian</u>. + Cốt truyện còn có nhiều chi tiết thú vị, sinh động và giàu ý nghĩa. Như chi tiết <u>Trần Quốc Toản bóp nát quả cam</u>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. Bước 3: Báo cáo kết quả: - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm). Bước 4: Đánh giá nhận xét: - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: Tìm hiểu nhân vật Trần Quốc Toản (Hoài Văn Hầu) Câu 1: Qua việc đọc văn bản và tìm hiểu chú thích về tác phẩm, em hãy cho biết <u>lại lịch và xuất thân</u> của Trần Quốc Toản? Trong văn bản, Trần Quốc Toản đứng trước <u>tình huống</u> như thế nào? Câu 2: Em hãy chỉ ra những chi tiết được sử dụng để khắc họa tâm trạng, suy nghĩ, hành động, lời nói của Trần Quốc Toản và có mốc thời gian sau: Khi quan sát hội nghị Bình Than từ trên bờ Khi quyết xông xuống thuyền vua Khi lên bờ Qua việc tìm hiểu về các chi tiết trên, em có nhận xét gì về <u>đặc điểm tính cách</u> của nhân vật Trần Quốc Toản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản. - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).	2. Cuộc yết kiến với vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản a. Nhân vật Trần Quốc Toản: - Trần Quốc Toản là hình ảnh chàng thiếu niên trẻ tuổi, sinh ra trong cảnh vận nước lâm nguy, đã sớm biết lo lắng cho giang sơn, xã tắc, thể hiện lòng yêu nước một cách nồng nhiệt, chân thành đầy mạnh mẽ và quả cảm. - Chính những tình cảm và hành động ấy đã góp phần tạo nên người anh hùng dũng cảm chiến đấu, giết giặc, lập công dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng.

Bước 4: Đánh giá nhận xét:

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm hiểu các nhân vật phụ

Câu 1: Chứng kiến hành động và nghe lời tâu bày của Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo **có thái độ và cách xử lí** như thế nào? Thái độ và cách xử lí đó cho thấy điều gì ở vị vua này?

Câu 2: Nhân vật **Chiêu Thành Vương** đã có những **lời nói** như thế nào trước hành động xông xuống thuyền ngựa của Hoài Văn?

Câu 3: Thông qua lời nói của **Chiêu Quốc Vương** em thấy nhân vật này là người như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo thảo luận:

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

Bước 4: Đánh giá nhận xét:

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhận xét chung về ngôn ngữ trong văn bản?
Văn bản đã sử dụng hệ thống **các từ Hán Việt** để chỉ tước vị, cách xưng hô, đồ vật của hoàng thất kết hợp với các **thành ngữ Hán Việt** chỉ điển tích, điển cố. Những ngôn ngữ mang đậm sắc thái cổ xưa này đã góp phần tạo nên bối cảnh trang trọng trong một giai đoạn lịch sử huy hoàng của nhà Trần.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.
- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

b) Các nhân vật khác

Nhân vật vua Trần Nhân Tông: Vua Nhân Tông là vị minh quân, yêu nước, cũng là người đức độ, bao dung. Vừa biết lo toan việc nước vừa thu xếp việc nhà, việc họ đề tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết đồng lòng để đánh giặc

Nhân vật Chiêu Thành Vương: Đó là hình ảnh của bậc trưởng thượng trong gia đình, yêu thương quan tâm dạy dỗ thế hệ sau.

Nhân vật Chiêu Quốc Vương: là kẻ lòng dạ hẹp hòi, ích kỷ, sợ hãi trước thế giặc mạnh, chỉ quan tâm bảo toàn lợi ích của bản thân mà không tính tới tồn vong của đất nước của nhân dân của xã tộc. Đó cũng là kẻ gian xảo, mượn việc công để báo thù riêng.

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật**

- Đan xen ý nghĩ của nhân vật với lời kể, khắc họa rõ nét tính cách nhân vật
- Ngôn ngữ mang màu sắc lịch sử

2. Nội dung

- Ca ngợi tấm lòng yêu nước của người thiếu niên trẻ tuổi Trần Quốc Tuấn
- Ca ngợi khí thế hào hùng của nhà Trần và cha ông ta thời kháng chiến chống quân Nguyên – Mông

Bước 4: Đánh giá, nhận định**Hoạt động 3: Luyện tập**

3.1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

3.2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy về nhân vật Trần Quốc Toản (hành động, lời nói, tính cách)

3.3. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy

3.4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện vẽ sơ đồ lên giấy A4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

Hoạt động 4: Vận dụng

4.1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* để viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản

4.2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn khoảng 5 -7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về nhân vật Trần Quốc Toản

4.3. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

4.4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết bài vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Hướng dẫn tự học:**

- Hệ thống kiến thức của thể loại truyện lịch sử.
- Đọc các văn bản cùng thể loại.
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt
- + Tìm hiểu khái niệm.

+ Các tư liệu về biệt ngữ xã hội.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆT NGỮ XÃ HỘI (tiết 4)

1. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi
- Phiếu bài tập
- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo, một số tư liệu về biệt ngữ ở một số tầng lớp, nhóm người trong xã hội.

3. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về biệt ngữ xã hội”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

2.1. Mục tiêu:

2.2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm của biệt ngữ xã hội

2.3. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

2.4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội 1. Nhận biết biệt ngữ xã hội • Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm. Ví dụ: Anh đây công tử không “vòm” Ngày mai “kén rệp” biết “mòm” vào đầu. (Nguyễn Hồng, Bỉ vỏ) Cuốn Bỉ vỏ (NXB Dân Trí 2011) chủ thích: vòm là nhà, kén rệp là hết gạo, mòm là ăn. Kén rệp và mòm có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ nghĩa. Ví dụ: Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu ngửi khói. Từ ngửi khói trong câu trên không có nghĩa là dùng mũi để nhận biết mùi khói, mà là tụt lại phía sau. • Do những đặc điểm khác biệt như vậy, trong văn bản, biệt ngữ thường được in nghiêng

	hoặc đặt trong dấu ngoặc kép và được chú thích về nghĩa. • Biệt ngữ xã hội hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, vì thế chúng thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Chỉ những người có mối liên hệ riêng với nhau về nghề nghiệp, lứa tuổi, sinh hoạt, sở thích,... và nắm được quy ước mới có thể dùng biệt ngữ để giao tiếp. 2. Sử dụng biệt ngữ xã hội • Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp. Cần tránh dùng biệt ngữ trong những hoàn cảnh giao tiếp bình thường. • Đối với nhà văn, việc sử dụng biệt ngữ để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 16 - 17

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Gv chuyển giao nhiệm vụ: ? Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó. a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.	III. Luyện tập. Bài 1 a) + Biệt ngữ trong câu trên là từ “gà” + Dấu hiệu nhận biết: từ được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ

(Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu)

b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

Bước 4: Đánh giá, nhận xét.

Gv chốt kt

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- **Gv chuyển giao nhiệm vụ:** *Cái việc lơ đãng rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc Lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.*

(Nguyễn Tuân, Một đám bắt đặc chí)

Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

không giống với nghĩa vốn có của từ ấy

+ Giải nghĩa từ “gà” trong câu văn không phải chỉ một loại gia cầm nuôi để lấy thịt hoặc trứng, mà có nghĩa chỉ những người có tố chất tốt, được lựa chọn để đào tạo, huấn luyện chuyên biệt.

b.

+ Biệt ngữ trong câu trên là từ “tủ”

+ **Dấu hiệu nhận biết:** từ “tủ”

được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ “tủ” không giống với nghĩa vốn có của từ đó (trong từ điển “tủ” là đồ dùng bằng gỗ, hình hộp đứng, có vách ngăn để cất, chứa đồ đạc).

+ Giải nghĩa từ “tủ” trong câu văn có nghĩa là dồn tâm sức học tập, rèn luyện một số kiến thức, kỹ năng cụ thể chứ không đầy đủ, toàn diện theo yêu cầu.

Từ “tủ” ở đây là biệt ngữ xã hội bởi theo từ điển, tủ là vật dụng để chứa đồ bên trong. Trong bối cảnh thi cử và ôn tập, tủ là để chỉ việc học sinh không chịu ôn tập kĩ càng tất cả kiến thức cần thiết mà chỉ ôn những phần mà mình nghĩ sẽ thi vào.

Bài 2:

Người kể chuyện phải giải thích cho cụm từ để “đánh một tiếng bạc lớn” vì đây là cũng từ chuyên dùng của giới giang hồ, trộm cắp. Người đọc thông thường sẽ không hiểu được hoặc hiểu không đúng nghĩa của cụm từ này.

Tác giả dùng cụm từ này với mục đích **khắc họa chân dung của nhân vật** Cai Xanh- một tay giang hồ táo tợn, dám thực hiện những vụ cướp lớn.

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Trong phóng sự Tôi kéo xe của Tam Lang (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), có đoạn hội thoại:

– *Mày đã “làm xe” lần nào chưa?*

– *Bẩm, chúng cháu chưa làm bao giờ cả.*

Trong ***Cạm bẫy người*** của Vũ Trọng Phụng – một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945 – có câu: *Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con chim mòng trắng trợn, ù trợn đi mà nhà đi săn kia đã phí gần hai mươi viên đạn.*

Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Báo và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

Bước 4: Nhận xét, đánh giá:

Bài 3

+ Các biệt ngữ xã hội đều được dùng trong một nhóm người nhất định.

+ Trong phóng sự “Tôi kéo xe” của Tam Lang, biệt ngữ “làm xe” được dùng trong nhóm những người lao động nghèo, làm nghề kéo xe.

+ “Làm xe”: làm nghề thuê xe kéo (nhận xe của người cai và phải trả lại xe cùng một khoản thuế vào cuối mỗi ngày).

Trong ***Cạm bẫy người*** của Vũ Trọng Phụng, các biệt ngữ “chim mòng”, “nhà đi săn”, “viên đạn” được dùng trong nhóm những kẻ hành nghề cờ bạc bịp.

+ “chim mòng”: Nạn nhân bị bọn lừa bịp đưa vào bẫy để lừa lấy hết tiền.

+ “nhà đi săn”: những kẻ lừa đảo, đặt bẫy để lừa gạt người nhẹ dạ tham lam.

+ “viên đạn”: tiền kẻ lừa đảo bỏ ra để khơi gợi lòng tham của nạn nhân.

-> Nhờ việc sử dụng các biệt ngữ xã hội, tác giả đã khắc họa sống động ngôn ngữ, đặc điểm của các nhân vật cùng với cuộc sống sinh hoạt của họ.

Khi đọc tác phẩm văn học, gặp các biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là giải nghĩa của những biệt ngữ này. Có thể tìm hiểu nghĩa của các biệt ngữ bằng những cách sau:

+ Tìm hiểu phần chú thích trong tác phẩm, có thể biệt ngữ đó đã được tác giả giải nghĩa.

+ Tìm hiểu thông qua hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm và bối cảnh xã hội

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói: a. – Cậu ấy là bạn con đây à? – Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ? b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu có biết vì sao không? – Tớ cũng hèm biết vì sao cậu ơi. Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ: * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân Bước 4: Nhận xét, đánh giá.	(không gian, thời gian) được tác giả xây dựng. Bài 4: a) biệt ngữ “lầy”: <i>chơi không đẹp, chơi xấu</i> => Trong ngữ cảnh là cuộc trò chuyện của hai bố con, có khoảng cách về tuổi tác. Do vậy, việc dùng biệt ngữ của giới trẻ khi nói chuyện với bố là chưa phù hợp vì có thể bố không hiểu nghĩa của biệt ngữ hoặc không thể hiện sự tôn trọng với bố. b. biệt ngữ “hèm” : không => Trong ngữ cảnh cuộc trò chuyện của hai người bạn cùng trang lứa, nội dung cuộc trò chuyện là sự việc thường ngày thì việc sử dụng biệt ngữ là phù hợp và được chấp nhận.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số biệt ngữ xã hội khác và giải thích ngữ nghĩa của từ vừa tìm

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số biệt ngữ xã hội, giải thích nghĩa của chúng.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn tự học:**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng biệt ngữ xã hội

+ Soạn bài: Đọc văn bản 2: Quan Trung đại phá quân Thanh.

(HS chuẩn bị: Đọc trước văn bản, Tìm hiểu các nội dung liên quan đến mục tìm hiểu chung, Tìm hiểu các nhân vật lịch sử, Diễn biến truyện, Nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa văn bản)

PHỤ LỤC.

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TUẦN 2

NGÀY SOẠN: 09/9/2023

BÀI 1: CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ

TIẾT 5, 6: ĐỌC VĂN BẢN “QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH”

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 8: ĐỌC VĂN BẢN “TA ĐI TỐI”

TIẾT 5, 6: ĐỌC VĂN BẢN “QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH”

1. Mục tiêu:

- Kết nối chủ điểm với chủ đề bài học.
- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản
- Biết ơn, tự hào truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

Lồng ghép QPAN: Hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Kế hoạch bài dạy, ti vi, sgk, sgk, tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Quang Trung đại phá quân Thanh*

b. Nội dung: GV chiếu video về Quang Trung, đặt câu hỏi phát vấn: “ Ngoài nhân vật xuất hiện trong video, em hãy kê tên một số nhân vật lịch sử khác mà em biết. Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS những hiểu biết về vua Quang Trung

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu câu đố trên màn hình

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình về nhân vật lịch sử em thích

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**I. Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Quang Trung đại phá quân Thanh*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Quang Trung đại phá quân Thanh*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Ngô Gia Văn Phái 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Hoàng Lê Nhất thống chí là cuốn tiểu thuyết lịch sử, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi, gồm 17 hồi. - Văn bản học nằm trong hồi thứ 14 về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh b. Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi c. Phương thức biểu đạt chính: tự sự d. Bố cục - Gồm 3 phần : + Phần 1: (Từ đầu ⇒ năm Mậu Thân)

⇒ Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và cầm quân dẹp loạn.

+ Phần 2: (Tiếp theo ⇒ vào thành)

⇒ Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.

+ Phần 3: (còn lại) → Hình ảnh thảm bại của bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước.

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

- a. **Mục tiêu:** Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa của việc Nguyễn Huệ lên ngôi vua và cuộc hành quân thần tốc.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Quang Trung đại phá quân Thanh*
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bối cảnh lịch sử</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>2. Phản ứng của Bắc Bình Vương</td><td>.....</td></tr> </tbody> </table>	Bối cảnh lịch sử		1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện		2. Phản ứng của Bắc Bình Vương		II. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh lịch sử - Cuối năm 1788, mượn cớ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta. - Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay. - Tướng sĩ xin Bắc Bình Vương lên ngôi để làm yên lòng người - Nguyễn Huệ cho đắp đàn trên núi té trời đất lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất quân.
Bối cảnh lịch sử							
1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện							
2. Phản ứng của Bắc Bình Vương							

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi:

+ *Những công việc Quang Trung đã tiến hành và thời điểm nhà vua hạ lệnh xuất quân*

+ *Tìm những chi tiết, câu văn cho thấy lời dụ của vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh*

+ *Tìm những chi tiết miêu tả thái độ, hành động của vua Quang Trung khi chỉ huy cuộc chiến thần tốc*

+ *Nhận xét về tài dụng binh của vua Quang Trung*
Câu hỏi tổng kết: Nhận xét về hình tượng vua Quang Trung trong văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

2. Hình tượng người anh hùng Quang Trung (Nguyễn Huệ)

⇒ Người bình tĩnh, hành động nhanh, kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn.

⇒ Người có trí tuệ sáng suốt sâu sắc và nhạy bén.

* Anh hùng Quang Trung trong chiến trận:

⇒ Hình ảnh người anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong lẫm liệt, bừng bừng khí tiết một hình ảnh đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử của dân tộc.

- GV liên hệ:

Chuyển giao nhiệm vụ: Hình ảnh của Quang Trung cùng quân Tây Sơn hùng hùng khí thế đánh giặc gợi cho chúng ta sự liên tưởng đến trận chiến Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu. GV cho HS quan sát hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch này.







Quan sát các bức tranh em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi
- Báo cáo, thảo luận: HS thảo luận
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: GV nhận xét, kết luận

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân
- + Em hãy tìm những chi tiết thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống
- + Theo em, sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

3. Nhân vật Lê Chiêu Thống

– Vua Lê Chiêu Thống và bề tôi trung thành chỉ vì lợi ích riêng của dòng họ mà mù quáng “công rắn cắn gà nhà”.

– Kết cục của ông là chịu chung số phận thảm hại của kẻ vong quốc.

- Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn

=> Bằng một giọng văn chậm rãi tác giả đã gợi lên sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống.

->Đó cũng là tâm trạng ngậm ngùi của người cầm bút trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

– Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện,

<u>Nhiệm vụ 4:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân + Khái quát đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn – Với ngôn ngữ kể, tả chân thực, tác phẩm đã khắc họa sinh động các nhân vật lịch sử, từ nhân vật chính nghĩa đến phản diện đều được hiện lên rõ nét – Sử dụng giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều Lê, với chiến thắng của nhân dân, dân tộc với bọn cướp nước. 2. Nội dung - “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc hồi mười bốn với tên “Đánh Ngọc Hồi, quán Thanh bị thua trận, bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài” đã gọi lên khung cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh* để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Quang trung đại phá quân Thanh để trả lời câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ nào?

A. Dòng họ Ngô Thì.

B. Dòng họ Nguyễn.

C. Dòng họ Lý.

D. Dòng họ Lê.

Câu 2: Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?

A. Kí.

B. Tiểu thuyết chương hồi.

C. Tùy bút.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Nội dung của “Quang Trung đại phá quân Thanh” là gì?

A. Thể hiện tấm lòng yêu nước của vua Quang Trung.

B. Tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.

C. Ghi chép lại những sự kiện lịch sử - xã hội có thực.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?

A. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán.

B. Trí tuệ sáng suốt, mẫn cán, điều binh khiển tướng tài tình.

C. Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 5; Trong những đoạn văn nói về cảnh bỏ chạy khốn cùng của vua Lê Chiêu Thống, tác giả vẫn gửi gắm cảm xúc trong đó, theo em, cảm xúc đó là gì?

- A. Sự bênh vực.
- B. Sự tiếc nuối.
- C. Sự căm phẫn.**
- D. Lòng thương cảm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			

*** Hướng dẫn tự học:**

- GV hướng dẫn HS:
- + Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể loại, nội dung, nghệ thuật của bài thơ
- + Soạn bài *Thực hành tiếng việt: Từ ngữ địa phương*
- + Suu tầm các tác phẩm có sử dụng từ ngữ địa phương.

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

1. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.
- Biết thu thập các từ địa phương trong sáng tác văn học
- Trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng của việc sử dụng từ địa phương
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.
- Các tư liệu có sử dụng từ ngữ địa phương.
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về từ ngữ địa phương”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm của từ địa phương

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	1. Nhận biết từ ngữ địa phương • Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định. Ví dụ:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	+ Từ địa phương Bắc Bộ: U (mẹ), giời (trời)... + Từ địa phương Trung Bộ: mô (nào, chỗ nào), tê (kia), răng (thế nào, sao), rứa (thế) , .. + Từ địa phương Nam Bộ: heo (lợn), thơm (dứa), ghe (thuyền), ... + Con về tiền tuyến xa xôi Nhớ bầm, yêu nước cả đôi mẹ hiền. (Tổ Hữu) *Các kiểu từ ngữ địa phương + Từ ngữ địa phương tương ứng nghĩa với từ ngữ toàn dân: Ví dụ: + Nam Bộ: tô- bát, ghe - thuyền, cây viết - cây bút, ... + Nghệ Tĩnh: bọ - cha, mô - đâu, tê -kia, tróc - đầu, khau - gầu, tru - trâu, ... - Từ địa phương chỉ những sự vật, hiện tượng chỉ có ở một hoặc một số địa phương (khi được sử dụng phổ biến sẽ gia nhập vốn từ toàn dân). Ví dụ: + Nam Bộ: sầu riêng, măng vịt, mù u + Trung Bộ: nhút, chèo - nước mắm + Bắc Bộ: thùng (đơn vị để đóng thóc, gạo), ... 2. Sử dụng từ ngữ địa phương Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậm thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật. - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp

	với người cùng địa phương, cùng tầng lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên. - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh d. Tổ chức hoạt động:	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau: a. Ai đi vô nơi đây Xin đừng chân xứ Nghệ (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ) b. Đến bờ ni anh bảo: - “Ruộng mình quên cày xáo Nên lúa chín không đều. Nhớ lấy để mùa sau Nhà cố làm cho tốt”. (Trần Hữu Thung, Thăm lúa) c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi! (Tố Hữu, Huế tháng Tám) d. – Nói như cậu thì... còn chi là Huế! (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến) e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rục lên theo màu lúa. (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió) Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ: * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 1: Báo cáo và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân Bước 4: Nhận xét, đánh giá Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	Bài 1 a) Từ địa phương: “vô” (vào)- phương ngữ Miền Trung (xứ Nghệ) Tác dụng: Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương(miền Trung, xứ Nghệ) b) Từ địa phương: “ni” (này), “xáo”(xới) phương ngữ Miền Trung Tác dụng: Thể hiện ngôn ngữ quen thuộc, bình dị của người Miền Trung, cũng góp phần bộc lộ tính cách của nhân vật trữ tình. c) Từ địa phương: “chừ” (giờ)- phương ngữ Miền Trung (xứ Huế) + Tác dụng: Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện niềm vui của những người con xứ Huế khi quê hương được giải phóng. d) Từ địa phương: “chi” (gì)- phương ngữ Miền Trung (xứ Huế) Tác dụng: Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện ngôn ngữ bình dị của người Huế e) Từ địa phương: “má” (mẹ), “tánh” (tính) - phương ngữ Nam Bộ Tác dụng: Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, cho nhân vật sự việc. Bài 2: a) Giải nghĩa “giồng ” có nghĩa là “trồng”

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:
a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.

(Trích Biên bản họp lớp)

b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhón** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả...

(Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)

c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”** đây!

(Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)

d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.

(Trích một bản tường trình)

Trả lời:

a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.

b. Nhón và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.c.

Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.

d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?

a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường

b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình

c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp

d. Nhắn tin cho một bạn thân

e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan- **Hs thực hiện nhiệm vụ:**

Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ ngữ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân.

b) **Giải nghĩa “giồng”** có nghĩa là “trồng”, “nhón” tương đương với “lớn”

Nhận xét về việc sử dụng: Các từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học, là lời nói thường ngày của mẹ và con, nên phù hợp và còn góp phần thể hiện tính chất cuộc trò chuyện cũng như mối quan hệ gần gũi, thân thiết của các nhân vật.

c) **Giải nghĩa “tía”** có nghĩa là “bố”:

“ăn ong”(đi lấy mật ong trong rừng)

Nhận xét về việc sử dụng: Các từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học có tác dụng tạo sắc thái địa phương (Nam Bộ) cho con người(người cha nuôi của bé An), sự việc (vào rừng lấy mật ong)

d) **Giải nghĩa “tui”** có nghĩa là “tôi”

Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ ngữ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân.

Bài 3

- Chỉ nên sử dụng từ ngữ địa phương trong phạm vi nhất định: những cuộc trò chuyện thân mật, gần gũi trong cuộc sống thường ngày của những người cùng địa phương (cùng hiểu và sử dụng từ ngữ địa phương) hoặc trong các tác phẩm văn học để tạo nên sắc thái địa phương cho nhân vật, sự việc. Do vậy, các trường hợp có thể sử dụng từ ngữ địa phương là:

b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình

d. Nhắn tin cho một bạn thân

- Các trường hợp cần tránh dùng từ ngữ địa phương là:

a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, lắng nghe.- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân Bước 4: Nhận xét, đánh giá	c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số từ ngữ địa phương em thường dùng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số từ ngữ địa phương và ghi vào “Sổ tay Tiếng Việt”

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn

	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Hướng dẫn tự học:**

- Hệ thống các kiến thức về từ ngữ địa phương
- Tìm các tư liệu cũng, các tác phẩm của Tố Hữu, tranh ảnh.
- Soạn bài thơ “Ta đi tới”

TIẾT 8: ĐỌC VĂN BẢN 3: TA ĐI TỚI

(Tố Hữu)

1. Mục tiêu:

- HS xác định được bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng,...)
- HS nhận biết và phân tích được nguồn cảm hứng thơ ca của tác giả
- Học sinh xác định được hình ảnh trung tâm của văn bản
- Học sinh phân tích được cách đặt nhan đề của văn bản
- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ta đi tới*
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhan đề của văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

- Có tinh thần yêu nước

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.
- Các tư liệu có liên quan đến nhà thơ Tố Hữu, tranh ảnh.
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Ta đi tới*

b. Nội dung: GV tổ chức “Talk show” với nội dung “ Chia sẻ cảm nhận của em về lịch sử hình thành và phát triển của đất nước ta cho đến ngày hôm nay”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS những cảm nhận của cá nhân em

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi cho buổi “Talk show”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung:

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ta đi tới*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “ *Ta đi tới*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Ta đi tới*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Tố Hữu (1920 – 2002) quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế - Là nhà cách mạng, đồng thời là nhà thơ 2. Tác phẩm a. Xuất xứ Bài thơ <i>Ta đi tới</i> (in trong tập <i>Việt Bắc</i>) được Tố Hữu sáng tác vào tháng 8 năm 1954 b. Thể loại: thơ tự do c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng,...)

- HS nhận biết và phân tích được nguồn cảm hứng thơ ca của tác giả

- Học sinh xác định được hình ảnh trung tâm của văn bản

- Học sinh phân tích được cách đặt nhan đề của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Ta đi tới*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Ta đi tới*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập	II. Khám phá văn bản: 1. Bối cảnh lịch sử và nguồn cảm hứng được gợi lên trong bài thơ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: + <i>Nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp “ba ngàn ngày không nghỉ”, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Theo em, đây chỉ là cảm xúc của cá nhân nhà thơ hay còn là cảm xúc chung của cộng đồng? Vì sao?</i> + <i>Xác định hình ảnh trung tâm của đoạn trích. Hình ảnh đó có mối liên hệ với những hình ảnh nào khác trong đoạn trích?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Không gian: rộng được tác giả nhắc nhiều qua các địa danh trên khắp mọi miền tổ quốc. Thời gian: ban ngày Thời điểm: tháng 8 năm 1954 cuộc cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. => Bài thơ Ta đi tới ca ngợi chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bài thơ chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao. 2. Hình ảnh trung tâm của bài thơ - Nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp “ba ngàn ngày không nghỉ”, nhà thơ đã bộc lộ tình cảm hết mình vì cách mạng và lòng yêu nước trong những năm chiến đấu gian khổ. => Đây chính là cảm xúc chung của cộng đồng bởi thời ấy, cách mạng chính là mục tiêu chung của dân tộc Việt Nam. Cảm xúc cá nhân của tác giả đã hòa vào cảm xúc chung của cả cộng đồng. - <i>Hình ảnh trung tâm của đoạn trích là nhân vật trữ tình "ta". Hình ảnh này có thể là Quân dân ta/ Nhân dân/ Dân tộc/ Những người dân nước Việt.</i> 3. Nhan đề của văn bản Nhan đề bài thơ “Ta đi tới” thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm. + Nhan đề thể hiện sự tự do, chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao. + Nhan đề vừa ngợi ca chiến thắng, niềm tự hào, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới.

	=> Đây là một nhan đề độc đáo, gây ấn tượng với người đọc. III/ TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như hoán dụ, nhân hóa “những bàn chân” nhằm nhấn mạnh sức mạnh, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của đất nước Việt Nam, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. - So sánh - Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc. 2. Nội dung Bài thơ Ta đi tới của Tố Hữu nói về ý chí kiên cường, bất khuất, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. Qua đó, thể hiện sự tự hào trước những chiến công và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Ta đi tới*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp cấu trúc câu được sử dụng trong bài thơ

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Ta đi tới, nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Ta đi tới, nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0?*

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn tự học:**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể thơ, nội dung, nghệ thuật của bài thơ

+ Soạn bài *tiếp theo*

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể loại thơ, truyện lịch sử.

+ Soạn bài: Viết bài văn chuẩn bị 1 chuyến đi.

* Đọc, phân tích bài mẫu, chuẩn bị dàn ý cho đề văn.

* Chuẩn bị bài viết cho đề.

TUẦN 3

NGÀY SOẠN: 16/9/2023, LỚP 81, 8/2

BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ (TIẾT 9, 10, 11, 12)

TIẾT 9,10,11: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI (THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA)

TIẾT 12: NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH. (CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ)

TIẾT 9, 10, 11: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI (THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA) (3 TIẾT) (TIẾT 9, 10, 11)

1. Mục tiêu:

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Hình ảnh về di tích lịch sử
- Ti vi
- Phiếu bài tập
- Sgk, sgv tài liệu tham khảo.

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy ghi lại thông tin ngắn gọn về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà em đã được tham gia vào phiếu dưới đây?

Di tích lịch sử văn hóa đó tên là..... Địa chỉ ở.....	Điều em ấn tượng nhất ở khu di tích lịch sử văn hóa đó	Cảm xúc của em sau mỗi chuyến đi là.....

Ví dụ:

Di tích lịch sử văn hóa đó tên là Hoàng Thành Huế Địa chỉ ở Kinh Thành Huế	Điều em ấn tượng nhất ở khu di tích lịch sử văn hóa đó là kiến trúc bề thế, uy nghi cùng không khí cổ xưa trầm mặc của khu vực Đại Nội.	Một chuyến đi đáng nhớ và nhiều ý nghĩa. Để lại nhiều dư âm và hoài niệm trong em.

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
a) Mục tiêu: học sinh xác định kiểu bài cần viết. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	1. Xác định kiểu bài cần viết

- Hình thức: Cá nhân - Kỹ thuật: Đặt câu hỏi Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định kiểu bài và đặc điểm của kiểu bài.							
<table border="1"> <tr> <td>Kiểu bài</td><td>Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc kiểu bài:.....</td></tr> <tr> <td>Đặc điểm</td><td>+ Đối tượng:..... + Mục đích:.....</td></tr> </table>	Kiểu bài	Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc kiểu bài:.....	Đặc điểm	+ Đối tượng:..... + Mục đích:.....	+ Kiểu bài: Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc thuộc kiểu bài văn tự sự có sự kết hợp các yếu tố thuyết minh, miêu tả và biểu cảm. + Đối tượng : một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa của em. + Mục đích: Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm qua chuyến đi, từ đó thu hút sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hóa của dân tộc.		
Kiểu bài	Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc kiểu bài:.....						
Đặc điểm	+ Đối tượng:..... + Mục đích:.....						
Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.							
a) Mục tiêu: học sinh xác định yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	2. Yêu cầu bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)						
- Hình thức: Cặp đôi - Kỹ thuật: Đặt câu hỏi Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử <table border="1"> <tr> <td>Yếu tố</td><td>Yêu cầu cụ thể</td></tr> <tr> <td>Về hình thức</td><td></td></tr> <tr> <td>Nội dung</td><td></td></tr> </table>	Yếu tố	Yêu cầu cụ thể	Về hình thức		Nội dung		- Hình thức: + Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài. Kể lại chuyến đi theo ngôi kể thứ nhất. + Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau. + Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.
Yếu tố	Yêu cầu cụ thể						
Về hình thức							
Nội dung							
Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Về nội dung: + Giới thiệu thông tin khái quát về chuyến tham quan: thời gian, địa điểm, lý do, mục đích. + Kể lại được diễn biến của chuyến tham quan: trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi.... + Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi						

	bật của di tích: phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,...
a) Mục tiêu: học sinh Phân tích bài viết tham khảo b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	3. Phân tích bài viết tham khảo
- Hình thức: Cá nhân - Kỹ thuật: Động não Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Phân tích nội dung bài viết tham khảo: Câu 1: Nêu nội dung của phần mở bài? Đoạn văn mở bài đã trình bày những nội dung cụ thể gì? Câu 2: Nêu phạm vi phần thân bài? Cho biết các sự việc được chính được kể trong phần thân bài, các sự việc này được kể theo trình tự nào? Tìm các câu văn, từ ngữ cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. Việc kết hợp các yếu tố đó có tác dụng gì? Câu 3: Trong phần kết bài, người viết đã trình bày như thế nào về ý nghĩa của chuyến đi? Từ bài viết trên, em rút ra được lưu ý gì khi viết bài văn kể lại một chuyến đi? Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
Câu 1: Vị trí của phần mở bài: đoạn văn đầu tiên Nội dung đoạn văn mở bài: + Giới thiệu thời gian, địa điểm tham quan: “Chủ nhật tuần này, lớp mình sẽ tham quan khu lưu niệm nhà tưởng niệm Nguyễn Du”. + Mục đích chuyến tham quan: giúp học sinh biết yêu mến và tự hào về một trong những địa chỉ văn hóa quan trọng- nơi gìn giữ những dấu tích và hiện vật liên quan tới nhà thơ vĩ đại. + Nêu cảm xúc của mình khi được đi tham quan: háo hức Câu 2: Vị trí của phần thân bài:	

Từ “Ba chiếc xe khách....ngôi mộ ộp đá vuông vắn, giản dị của nhà thơ vĩ đại”(Gồm 8 đoạn văn)

Các sự việc chính được kể trong phần thân bài:

+ Diễn biến trên đường đi và khi vừa đặt chân đến nơi (đoạn văn số 1,2)

+ Thăm nhà trưng bày hiện vật và nghe hướng dẫn viên giới thiệu về các hiện vật gắn liền với sự nghiệp sáng tạo văn chương của Nguyễn Du đoạn văn 3,4,5,6.

+ Tham quan khu vườn trong khu di tích, thấp hương lại nhà thơ Nguyễn Du, chụp ảnh lưu niệm (đoạn văn số 7)

⇒ Các sự việc được kể lại theo trình tự thời gian và không gian.

- **Những câu văn kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả:** +Bức tượng Nguyễn Du “tay cầm bút lông, nét mặt suy tư, được đặt trên một bệ cao.

+ Các vật trưng bày “ không hề có cái vẻ sang trọng, xa hoa mà đều khá giản dị, nhỏ gọn”.

+ Bức tranh treo tường “mang vẻ đẹp thâm trầm, cổ kính; những ngôi nhà gỗ sinh xắn, mái cong lợp ngói, bốn phía hành lang tợp bóng cây xanh thật mát mẻ, yên tĩnh”

+ **Khuôn viên khu vườn của khu di tích:** “giữa khu vườn mênh mông, theo những lối nhỏ như ô bàn cờ, lát gạch đỏ, hai bên là từng hàng nguyệt quế xén vuông tằm tắp”

+ **Khu mộ của đại thi hào:** “con đường dài nhựa quanh khoảng 3km... khoảng đất vuông bốn phía bao bởi tường thấp... một nhà bia nhỏ bốn mái, không tường...ngôi mộ ộp đá vuông vắn, giản dị của nhà thơ vĩ đại”

- **Những câu văn kết hợp giữa kể chuyện với biểu cảm:**

“Cảm thấy thật gần gũi... Tôi rất thích hai bức tranh treo hai phía của bức tường”; “ độc đáo hơn cả có lẽ là độc bản Truyện Kiều viết tay trên giấy khổ lớn.... Cuốn sách kỳ lạ đó..”.

=> Yếu tố miêu tả và biểu cảm hỗ trợ cho việc kể chuyện. Cụ thể, yếu tố miêu tả khiến không gian, sự vật trong bài văn trở nên sinh động, rõ nét và dễ hình dung hơn, yếu tố

biểu cảm giúp bài văn có chiều sâu cảm xúc, thể hiện rõ thái độ suy nghĩ của người viết với đối tượng.

Câu 3: Phần kết bài

Đoạn văn cuối cùng

Nêu cảm xúc, suy nghĩ về chuyến tham quan: “ai

cũng trầm lắng hơn”, “những cảnh vật được ngắm nhìn hôm nay cũng lại hiện ra rõ mồn một trong tâm trí tôi, như một cuốn phim quay chậm”	
Từ bài viết tham khảo, rút ra lưu ý về cách viết bài văn kể lại một chuyến đi. + Bố cục đảm bảo ba phần, mỗi phần thực hiện đúng nhiệm vụ của chúng. + Thuật lại các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian hoặc trình tự không gian. + Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. + Kết hợp với miêu tả và biểu cảm nhằm hỗ trợ cho việc kể chuyện.	
a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng bài tập b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực hiện các bước thực hành nói và nghe. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	4. Quy trình viết bài văn kể chuyện
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Bước chuẩn bị cần có những bước cụ thể gì? Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sát giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Bước 1: Trước khi viết Lựa chọn đề tài: + Liệt kê một số chuyến tham quan, dã ngoại mà em được đến các di tích lịch sử, văn hóa rồi lựa chọn một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc. + Chuyến đi được kể nên là: + Chuyến đi có nhiều điều thú vị độc đáo, mang lại cho em nhiều cảm xúc, hiểu biết và bài học và ấn tượng tốt đẹp. + Địa danh (di tích lịch sử văn hóa) đến tham quan có nhiều điểm thú vị, hấp dẫn (về cảnh quan, về lịch sử, về ý nghĩa giá trị ,...và em có hiểu biết nhất định về địa danh đó. hóa.... có những câu chuyện đáng nhớ mà em biết Lựa chọn sự việc được kể: + Sự việc đó phải liên quan đến nhân vật lịch sử được chọn. + Đó phải là câu chuyện có thật, nội dung thú vị hấp dẫn, giúp người đọc hiểu hơn về + Tìm ý Phiếu tìm ý - Thông tin chung: + Tên địa điểm + Thời gian + Mục đích - Người tổ chức + Diễn biến chuyến đi + Trên đường đi

	+ Các hoạt động tham quan - Đối tượng tham quan + Cảnh thiên nhiên + Kiến trúc + Hiện vật - Tình cảm + Cảm xúc + Hiểu biết + Ấn tượng + Lập dàn ý Mở bài: Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan địa điểm tham quan, người tổ chức, đối tượng tham gia, thời gian tổ chức và cảm xúc của em khi được tham gia chuyến đi. Thân bài: + Kể lại cụ thể diễn biến chuyến tham quan. + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc, con người, lịch sử....) Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến đi tham quan.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Khi viết bài cần lưu ý điều gì? Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Bước 2: Viết bài 1. Bám sát dàn ý đã lập được triển khai bài viết. 2. Sắp xếp các sự việc trong chuyến đi theo trình tự thời gian diễn ra cũng như từng không gian cụ thể của di tích. 3. Kết hợp giữa việc kể hoạt động với tả, thuyết minh về đặc điểm của di tích. Thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trước các sự việc, đặc điểm được trình bày. 4. Đảm bảo các chi tiết miêu tả, các thông tin cung cấp về di tích cần chính xác. 5. Lựa chọn những hoạt động tiêu biểu, những đặc điểm ấn tượng, nổi bật của di tích để trình bày trong bài văn. 6. Lời văn cần ngắn gọn, hàm súc. Không kể lể dài dòng, không tham gia giới thiệu, thuyết minh về kiến trúc, lịch sử. 7. Những suy nghĩ, cảm xúc thể hiện trong bài cần chân thành, gắn liền với đặc điểm của di tích, không viết chung chung, sáo rỗng.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Cần kiểm tra và chỉnh sửa như thế nào? Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:	Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa. Dựa vào bảng kiểm:

- Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

BẢNG KIỂM

Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
Đảm bảo kết cấu của một bài văn với ba phần mỗi đoạn văn được mở đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng.		
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.		
Nội dung bài viết đã đúng yêu cầu của bài: chuyển tham quan di tích lịch sử, văn hóa.		
Diễn biến của buổi tham quan đã được nêu đầy đủ theo trình tự thời gian hoặc không gian.		
Đã sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật đặc điểm ấn tượng của khu di tích.		
Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được nói tới.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
- b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời
- d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Lập dàn ý cho đề văn: Viết bài văn kể về một chuyến tham quan tới cụm di tích lịch sử mà em có dịp ghé thăm. Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Đề bài: Lập dàn ý cho đề văn: Viết bài văn kể về một chuyến tham quan tới cụm di tích lịch sử. Gợi ý một số sự việc chính: Mở bài: + Giới thiệu chung về chuyến tham quan: do nhà trường tổ chức cho học sinh toàn trường. + Mục đích: giáo dục truyền thống yêu nước, khát vọng hòa bình thống nhất non sông và sự hy sinh của các thế hệ cha ông. + Thời gian: chiến đi diễn ra đúng dịp kỷ niệm ngày thống nhất đất nước 30/4. + Cảm xúc khi được tham gia chuyến đi: háo hức, mong chờ Thân bài: - Kể về diễn biến của chuyến đi kết hợp với việc giới thiệu, miêu tả về những đặc điểm ấn tượng của khu di tích. + Trên đường đi:

+ Ấn tượng ban đầu khi đến khu di tích
- Kết bài:

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyến giao nhiệm vụ:** Làm thế nào để có một chuyến đi tham quan các di tích lịch sử hiệu quả, bổ ích và ý nghĩa?

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Trước chuyến đi:

+ Tìm hiểu thông tin về di tích lịch sử, văn hóa đó trên các phương tiện kết nối internet.

+ Đặt câu hỏi về các vấn đề có liên quan đến lịch sử của khu di tích.

+ Hãy ghi chú lại những câu hỏi này để có thể tìm lời giải đáp sau khi đến thăm khu di tích

Trong chuyến đi:

+ Quan sát không gian, khung cảnh thiên nhiên, kiến trúc và các hiện vật có trong khu di tích.

+ Đặt những câu hỏi em đã ghi chú với các cô chú hướng dẫn viên của khu di tích.

+ Có thể sử dụng điện thoại, giấy ghi chú để lưu lại những khoảnh khắc đẹp ở khu di tích

Sau chuyến đi:

+ Sắp xếp lại các tư liệu em đã ghi chú/ chụp lại sau buổi tham quan.

+ Viết bài thu hoạch hoặc báo cáo theo yêu cầu (nếu có) của thầy cô.

+ Chia sẻ với người thân, bạn bè về cảm xúc, ý nghĩa của em sau chuyến đi.

TỰ ĐÁNH GIÁ.

Nội dung yêu cầu	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)
Phiếu học tập số 1	HS thực hiện được yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được 1/2 yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được từ 2/2 yêu cầu Phiếu đưa ra
Phiếu học tập số 2	HS thực hiện được yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được 1/2 yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được từ 2/2 yêu cầu Phiếu đưa ra

Phiếu học tập số 3	HS thực hiện được yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được 1/2 yêu cầu Phiếu đưa ra	HS thực hiện được từ 2/2 yêu cầu Phiếu đưa ra

Hướng dẫn về nhà:

- + Hoàn thành bài tập
- + Chuẩn bị bài “ Nói và Nghe”: Chuẩn bị nội dung cho bài nói và nghe (Tìm, chọn lọc mẫu chuyện phù hợp với chủ đề)

TIẾT 12: NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY BÀI GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH (CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử.
- Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.
- Hình thành thói quen lắng nghe người khác chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một cuốn truyện lịch sử. Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng ý kiến khác biệt.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Tài liệu tham khảo
- Ti vi
- Phiếu bài tập
- Sgk, sgv tài liệu tham khảo.

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức hoạt động:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy nêu cảm nhận của bản thân về trang lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam, sau khi xem xong video

- GV chiếu video về một câu chuyện lịch sử Việt Nam:

<https://www.youtube.com/watch?v=vqvXYvF4Yes>

* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe
- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân
- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của bài nói. b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh thực	I. YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI

hiện phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:																					
* Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói <table border="1" data-bbox="148 432 892 719"> <tr><td>Đề tài</td><td></td></tr> <tr><td>Mục đích</td><td></td></tr> <tr><td>Người nghe</td><td></td></tr> <tr><td>Địa điểm</td><td></td></tr> <tr><td>Thời gian trình bày bài nói.</td><td></td></tr> </table> - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. * Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. <table border="1" data-bbox="148 1196 892 1800"> <tr><td>Đề tài</td><td>Trình bày được bài giới thiệu ngắn về r truyện lịch sử</td></tr> <tr><td>Mục đích</td><td>Cung cấp thông tin cơ bản cuốn truyện lịch sử, khơi g thú ở người nghe và khuyê họ tìm đọc tác phẩm.</td></tr> <tr><td>Người nghe</td><td>Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu.</td></tr> <tr><td>Địa điểm</td><td>Trong lớp học, trong gia đình, trong bu chuyện với bạn bè. ...</td></tr> <tr><td>Thời gian trình bày bài nói.</td><td>Trình bày bài nói trong khoảng năm đến phút.</td></tr> </table>	Đề tài		Mục đích		Người nghe		Địa điểm		Thời gian trình bày bài nói.		Đề tài	Trình bày được bài giới thiệu ngắn về r truyện lịch sử	Mục đích	Cung cấp thông tin cơ bản cuốn truyện lịch sử, khơi g thú ở người nghe và khuyê họ tìm đọc tác phẩm.	Người nghe	Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu.	Địa điểm	Trong lớp học, trong gia đình, trong bu chuyện với bạn bè. ...	Thời gian trình bày bài nói.	Trình bày bài nói trong khoảng năm đến phút.	
Đề tài																					
Mục đích																					
Người nghe																					
Địa điểm																					
Thời gian trình bày bài nói.																					
Đề tài	Trình bày được bài giới thiệu ngắn về r truyện lịch sử																				
Mục đích	Cung cấp thông tin cơ bản cuốn truyện lịch sử, khơi g thú ở người nghe và khuyê họ tìm đọc tác phẩm.																				
Người nghe	Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu.																				
Địa điểm	Trong lớp học, trong gia đình, trong bu chuyện với bạn bè. ...																				
Thời gian trình bày bài nói.	Trình bày bài nói trong khoảng năm đến phút.																				
a) Mục tiêu: học sinh nắm được chuẩn bị trước khi nói cần những gì? b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập. c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. d) Tổ chức thực hiện:	II. CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI																				

* Chuyển giao nhiệm vụ: Trước khi nói, em cần lưu ý điều gì? - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. * Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Để thực hiện tốt bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử, cần chuẩn bị nội dung theo một trong hai phương án sau đây: - <i>Phương án thứ nhất:</i> Trình bày bài nói trên cơ sở bài viết đã thực hiện. + Cần lưu ý chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói. + Ghi những từ ngữ, câu văn quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày (câu giới thiệu cuốn truyện; các từ ngữ thể hiện đúng thông tin về cuốn truyện; những câu văn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của em đối với những khía cạnh gây ấn tượng của cuốn truyện;...). - <i>Phương án thứ hai:</i> Chưa có bài viết giới thiệu về cuốn truyện. Trước hết, em cần tìm đọc một số cuốn truyện lịch sử, chọn một cuốn em cảm thấy có hứng thú để giới thiệu. Sau khi đọc kĩ cuốn truyện, em hãy lập dàn ý bài nói với các nội dung cơ bản sau đây: + Giới thiệu chung về cuốn truyện (tên truyện, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang,...). + Giới thiệu nội dung cuốn truyện (thời kì lịch sử được tái hiện trong cuốn truyện, tóm lược cốt truyện, nêu các sự kiện gắn với nhân vật chính và các nhân vật có liên quan,...). + Nhận xét ngắn gọn một số nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện (sự hấp dẫn của cách kể, cách khắc họa nhân vật, đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại,...). + Nêu một vài suy nghĩ của em về cuốn truyện.
	III. TẬP LUYỆN TRƯỚC KHI NÓI + Tập luyện một mình. + Tập luyện với người khác. Với bài trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử, hình thức tập luyện tốt nhất là theo nhóm. Các thành viên luân phiên nói, nghe và góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm.
	IV. TRÌNH BÀY BÀI NÓI
* Chuyển giao nhiệm vụ: Những lưu ý khi triển khai trình bày bài.	Với người nói: Quy trình triển khai bài nói:

+ Chú ý điều khiển giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, dáng điệu(nhất là ánh mắt, bàn tay) phù hợp với nội dung bài nói và tăng tính tương tác với người nghe. + Kết hợp sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video, các vật dụng thực tế có liên quan đến vấn đề; kết hợp giữa lý lẽ, bằng chứng khách quan về cuốn truyện lịch sử	Mở đầu: Triển khai: Kết thúc:
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ. * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. * Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Với người nghe: + Tập trung lắng nghe phần trình bày của bạn. + Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày, đánh dấu những nội dung quan trọng, những điểm chính yếu của bài nói. + Quan sát cách thức trình bày và thái độ của bạn. + Ghi lại những điều muốn trao đổi với bạn (góp ý, thảo luận thêm làm rõ vấn đề, phản đối quan điểm của bạn..)
	V. TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI Với người nói: Với người nghe:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí		Chưa tốt	Tốt	Xuất sắc
Mở đầu	Có lời chào ban đầu và giới thiệu			
	Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói			
	Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)			
Nội dung chính	Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?			
	Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?			
	Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?			

	<i>Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?</i>			
<i>Kết thúc</i>	<i>Khẳng định được vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Rút ra được bài học nhận thức, hành động</i>			
<i>Kỹ năng trình bày</i>	<i>Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói</i>			
	<i>Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói</i>			
	<i>Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe</i>			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập
- Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:
 - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
*Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử) - Hs thực hiện nhiệm vụ: * Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, lắng nghe. - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. * Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II, LUYỆN TẬP Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)
1. Mở đầu: - Em xin chào các thầy cô giáo và các bạn! - Em xin được trình bày bài giới thiệu ngắn về Tác phẩm “Sử Việt – 12 khúc tráng ca” 2. Triển khai: + Trình bày các nội dung chính; nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của 3. Kết thúc. - Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện - Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.
- b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.
- c) Sản phẩm học tập: Từ ngữ địa phương của ba miền.
- d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm về cuốn truyện lịch sử mà mình yêu thích.

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

*** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

*** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Hướng dẫn về nhà: Học kĩ bài, hoàn thiện bài tập

- **Chuẩn bị:** Chủ đề *Vẻ đẹp cổ điển*

+ Đọc phần tri thức.

+ Soạn nội dung của văn bản *Thu điếu*.

TUẦN 4

NGÀY SOẠN: 23/9/2023

TIẾT 13, 14, 15: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “THU ĐIẾU”

TIẾT 16: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 13, 14, 15: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “THU ĐIẾU”

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi gợi mở: Em đã học những thể thơ nào? Nêu tên và đặc điểm của thể thơ đó Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS. - Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn. NV2: Tìm hiểu giới thiệu bài học	

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung chủ đề <i>Vẻ đẹp cổ điển</i> và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân. b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học. c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học. d. Tổ chức thực hiện:	

I. Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung chủ đề *Vẻ đẹp cổ điển* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.
- b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trng 38 – SGK - GV đặt câu hỏi: Em hiểu như thế nào về việc đưa văn hóa, những vẻ đẹp cổ điển vào văn học? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia sẻ câu trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Câu trả lời của học sinh Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.	I. Giới thiệu bài học. - Thể loại: thơ Đường luật trong bài học. - Chủ đề: ngợi ca cảnh sắc quê hương xứ sở và thể hiện bản sắc tâm hồn Việt.

II. Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được khái niệm của thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt Đường luật, biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình và từ tượng thanh
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt đường luật Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về thể thơ. - GV đặt câu hỏi mở rộng: <i>Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa hai thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi: Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	II. Tri thức Ngữ văn 1. Thơ Đường luật <i>Thơ Đường luật</i> là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất. - Bài thơ Đường luật có quy định <i>nghiêm ngặt về hòa thanh</i> (phối hợp, điều hòa thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp. - <i>Ngôn ngữ thơ Đường luật</i> rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,... 2. Thất ngôn bát cú Đường luật - <i>Về bố cục</i>: bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề (triển khai ẩn ý chứa trong nhan đề), thực (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), luận (luận

giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), kết (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới).

- Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.

- **Về niêm và luật bằng trắc:** Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6; trong mỗi cặp câu (liên), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liên nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.

- **Về vần và nhịp:** Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.

- **Về đối:** Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 40) về biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ Văn*.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS ghi chép

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật bằng*

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vấn	Đối
1	B B T T T B B	Câu 1 và 8	B	
2	T T B B T T B		B	
3	T T B B B T T	Câu 2 và 3		Đối
4	B B T T T B B		B	
5	B B T T B B T	Câu 4 và 5		Đối
6	T T B B T T B		B	
7	T T B B B T T	Câu 6 và 7		
8	B B T T T B B		B	

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật trắc*

Câu	Luật bằng trắc	Niêm	Vấn	Đối
1	T T B B T T B	Câu 1 và 8	B	
2	B B T T T B B		B	
3	B B T T B B T	Câu 2 và 3		Đối
4	T T B B T T B		B	
5	T T B B B T T	Câu 4 và 5		Đối
6	B B T T T B B		B	
7	B B T T B B T	Câu 6 và 7		
8	T T B B T T B		B	

3. Tứ tuyệt Đường luật

Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ. Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.

4. Biện pháp tu từ đảo ngữ

Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,...), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).

5. Từ tượng hình và từ tượng thanh

hoạt động và thảo luận - Phân ghi chép của HS Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	Từ tượng hình là từ gợi tả đáng vẽ, trạng thái của sự vật, từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. Các từ tượng hình, từ tượng thanh có giá trị gợi hình ảnh, âm thanh và có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động.

III. ĐỌC VĂN BẢN “ THU ĐIỀU”

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Phân tích được bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện trong văn bản
- HS chỉ ra và phân tích được các từ ngữ miêu tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của các sự vật từ đó khái quát nét đẹp cổ điển của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

2. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Thu điều*

b. Nội dung: HS chỉ sẻ cảm nhận về một mùa yêu thích trong năm và giải thích được lý do yêu thích

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu tranh 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông
- GV đặt câu hỏi gợi mở: Trong 4 mùa, em thích mùa nào nhất? Vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Thu điếu*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Thu điếu*
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Nguyễn Khuyến (1835-1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Nguyễn Thắng. - Lớn lên và sống chủ yếu ở quê nội - làng Và, xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo. - Năm 1864, ông đỗ đầu kì thi Hương. Mấy kì sau thi tiếp lại trượt, đến năm 1871, ông đỗ đầu cả thi Hội và thi Đình → Do đỗ đầu cả ba kì thi nên Nguyễn Khuyến được gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ - Tuy đỗ đạt cao nhưng ông chỉ làm quan hơn mười năm, còn phần lớn cuộc đời là dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà. - Nguyễn Khuyến là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân,

	từng bày tỏ thái độ kiên quyết không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp. - Sáng tác của Nguyễn Khuyến gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn, hiện còn trên 800 bài gồm thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ, trong đó nổi tiếng là ba bài thơ: Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm 2. Tác phẩm a. Xuất xứ , hoàn cảnh sáng tác - <i>Thu điếu</i> hay còn gọi là <i>Mùa thu câu cá</i> nằm trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến gồm: Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh. - Được viết trong thời gian khi Nguyễn Khuyến về ở ẩn tại quê nhà. b. Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật c. Phương thức biểu đạt: miêu tả, biểu cảm d. Bố cục: + Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu. + Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu. + Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê.. + Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ.

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Phân tích được bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện trong văn bản
- HS chỉ ra và phân tích được các từ ngữ miêu tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của các sự vật từ đó khái quát nét đẹp cổ điển của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Thu điếu*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Thu điếu*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																																																																																																																
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	II. Khám phá văn bản: 1. Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật trong văn bản - Bố cục: gồm đủ 4 phần: đề - thực - luận - kết, mỗi phần 2 câu. - Niêm: có các cặp câu cùng thanh của chữ thứ 2: chiếc-biếc (T-T), vàng-mây (B-B), trúc-gối (T-T), thu-đâu (B-B). - Luật bằng trắc: Luật bằng (căn cứ vào chữ thứ 2 của câu 1 là thanh bằng) <table><tr><th>Thứ tự tiếng</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6</th><th>7</th></tr><tr><td rowspan="2">Câu 1</td><td>Ao</td><td>thu</td><td>lạnh</td><td>lẽo</td><td>nước</td><td>trong</td><td>veo</td></tr><tr><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 2</td><td>Một</td><td>chiếc</td><td>thuyền</td><td>câu</td><td>bé</td><td>tèo</td><td>teo</td></tr><tr><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td><td>B</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 3</td><td>Sóng</td><td>biếc</td><td>theo</td><td>làn</td><td>hơi</td><td>gợn</td><td>tí</td></tr><tr><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 4</td><td>Lá</td><td>vàng</td><td>trước</td><td>ngõ</td><td>khẽ</td><td>đưa</td><td>vào</td></tr><tr><td>T</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 5</td><td>Tầng</td><td>mây</td><td>lơ</td><td>lững</td><td>trời</td><td>xanh</td><td>ngát</td></tr><tr><td>B</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 6</td><td>Ngõ</td><td>trúc</td><td>quanh</td><td>co</td><td>khách</td><td>vắng</td><td>teo</td></tr><tr><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td><td>B</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 7</td><td>Tựa</td><td>gối</td><td>buông</td><td>cần</td><td>câu</td><td>chẳng</td><td>được</td></tr><tr><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 8</td><td>Cá</td><td>đâu</td><td>đớp</td><td>động</td><td>dưới</td><td>chân</td><td>bèo</td></tr><tr><td>T</td><td>B</td><td>T</td><td>T</td><td>T</td><td>B</td><td>B</td></tr></table> - Vận: eo - Nhịp: 2/ 2/3 hoặc 4/3	Thứ tự tiếng	1	2	3	4	5	6	7	Câu 1	Ao	thu	lạnh	lẽo	nước	trong	veo	B	B	T	T	T	B	B	Câu 2	Một	chiếc	thuyền	câu	bé	tèo	teo	T	T	B	B	T	T	B	Câu 3	Sóng	biếc	theo	làn	hơi	gợn	tí	T	T	B	B	B	T	T	Câu 4	Lá	vàng	trước	ngõ	khẽ	đưa	vào	T	B	T	T	T	B	B	Câu 5	Tầng	mây	lơ	lững	trời	xanh	ngát	B	B	B	T	B	B	T	Câu 6	Ngõ	trúc	quanh	co	khách	vắng	teo	T	T	B	B	T	T	B	Câu 7	Tựa	gối	buông	cần	câu	chẳng	được	T	T	B	B	B	T	T	Câu 8	Cá	đâu	đớp	động	dưới	chân	bèo	T	B	T	T	T	B	B
Thứ tự tiếng	1	2	3	4	5	6	7																																																																																																																										
Câu 1	Ao	thu	lạnh	lẽo	nước	trong	veo																																																																																																																										
	B	B	T	T	T	B	B																																																																																																																										
Câu 2	Một	chiếc	thuyền	câu	bé	tèo	teo																																																																																																																										
	T	T	B	B	T	T	B																																																																																																																										
Câu 3	Sóng	biếc	theo	làn	hơi	gợn	tí																																																																																																																										
	T	T	B	B	B	T	T																																																																																																																										
Câu 4	Lá	vàng	trước	ngõ	khẽ	đưa	vào																																																																																																																										
	T	B	T	T	T	B	B																																																																																																																										
Câu 5	Tầng	mây	lơ	lững	trời	xanh	ngát																																																																																																																										
	B	B	B	T	B	B	T																																																																																																																										
Câu 6	Ngõ	trúc	quanh	co	khách	vắng	teo																																																																																																																										
	T	T	B	B	T	T	B																																																																																																																										
Câu 7	Tựa	gối	buông	cần	câu	chẳng	được																																																																																																																										
	T	T	B	B	B	T	T																																																																																																																										
Câu 8	Cá	đâu	đớp	động	dưới	chân	bèo																																																																																																																										
	T	B	T	T	T	B	B																																																																																																																										

- Đối: nắng xuống - trời lên.

2. Bức tranh thiên nhiên mùa thu

Không gian trong bài thơ: tĩnh lặng, phẳng phất chút buồn (Vắng teo, trong veo, khẽ đưa vèo, hơi gợn tí, mây lơ lửng).

- Cảnh thu đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn: nước "trong veo", vắng người, ngô trúc quanh co khách vắng teo.

- Màu sắc trong sáng, tươi mát và vô cùng sinh động: sóng biếc, là vàng, mây lơ lửng, trời xanh ngắt,...

- Các chuyển động cũng rất nhẹ, rất khẽ, không đủ để tạo ra âm thanh.

- *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*: đây là tiếng động duy nhất nhưng nó không hề phá vỡ sự tĩnh lặng, mà ngược lại càng làm tăng sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật (thủ pháp lấy động tả tĩnh).

2. Nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ

Không khí mùa thu được gợi lên từ sự dịu nhẹ và thanh sơ của cảnh vật:

- Màu sắc: *nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt*

- Đường nét: *sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng*.

- Hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc: *ao thơ, thuyền câu, ngô trúc*.

* Đó là cảnh thu ở làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bài thơ không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn là cái hồn của cuộc sống ở nông thôn xưa, dân dã nhưng vẫn đầy sức sống. Cái hồn đó được gợi lên từ ao thu, từ cánh bèo, từ ngô trúc quanh co.

4. Cảm xúc của nhà thơ

- Tâm hồn yên tĩnh, vắng lặng

- Cái lạnh, cái buồn của không gian như thấm sâu vào tâm hồn nhà thơ

	- Cảnh thu đẹp, trong sáng và yên bình, mang vẻ đẹp của đồng quê dân dã, cho ta thấy tâm hồn gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước của tác giả. => <i>Tâm sự của nhà thơ chính là nỗi lòng non nước, nỗi lòng thời thế của nhà nho có lòng tự trọng và lòng yêu quê hương, đất nước như Nguyễn Khuyến.</i> III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Cách gieo vần đặc biệt: Vần “eo” (tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ. - Lấy động tả tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông. - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện sự cảm nhận và nghệ thuật gợi tả tinh tế của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng thời thế và tài thơ Nôm của tác giả.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Thu điếu*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ “Thu điếu”.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Thu điều, vẽ sơ đồ tư duy về bức tranh mùa thu được thể hiện qua văn bản

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để vẽ sơ đồ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ tư duy trên khổ giấy A4 về bức tranh mùa thu được thể hiện qua văn bản Thu điều

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện vẽ sơ đồ tư duy

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm

	Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 16: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu:

- HS xác định được từ tượng thanh và từ tượng hình
- HS nêu được tác dụng của từ tượng thanh và từ tượng hình
- HS phân tích được nét độc đáo khi liên kết các từ ngữ trong câu văn
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi
- Phiếu bài tập
- Sgk, sgv, tư liệu tham khảo.

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy đặt 1 câu miêu tả lại hình dáng của một người thân trong gia đình và 1 câu miêu tả lại âm thanh tiếng chim hót, tiếng gió,... trong đó có sử dụng ít nhất 1 tính từ
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và giơ tay phát biểu
- GV gọi HS chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phản trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	1. Từ tượng hình

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: gập ghềnh, khẳng khiu, lom khom Ví dụ: Trong làn nắng ửng, khói mơ tan Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng. (Hàn Mặc Tử, Mùa xuân chín) Từ <i>lấm tấm</i> gợi hình ảnh những đốm nắng rải qua vòm cây, in trên những mái nhà tranh, gợi khung cảnh bình yên của buổi bình minh mùa xuân nơi làng quê 2. Từ tượng thanh - Là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: khúc khích, róc rách, tích tắc,... Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội Những phố dài xao xác hơi may. (Nguyễn Đình Thi, Đất nước) Từ <i>xao xác</i> gợi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá và tiếng gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng của một Hà Nội cổ kính, êm đềm

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về từ tượng hình và từ tượng thanh

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 42

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 42

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về từ tượng hình và từ tượng thanh để viết đoạn văn ngắn với chủ đề yêu cầu sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và tượng thanh

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS viết bài

*** Đoạn văn mẫu**

Mùa xuân đã về trên quê hương tôi. Không khí mùa xuân thật ấm áp. Những hạt mưa xuân *lất phất*(từ tượng hình) bay. Chim đậu trên cành *hót líu lo* (từ tượng thanh) tạo thành một dàn đồng ca mùa xuân nghe mới thú vị làm sao!Người từ nhiều phương đổ về đông nghẹt, trông mặt ai cũng rạng rỡ trong bộ quần áo mới toanh, họ cười nói *ríu rít*(từ tượng thanh) , vui vẻ. Cành đào lúc bấy giờ mới nở rộ trông như những chiếc cúc áo của nàng tiên mùa xuân ban tặng cho cây. Khi ấy, trông mấy bông hoa đào mới thật là đẹp! Vườn cây sau nhà cũng rộn ràng tiếng hót của mấy chú chim. Bầu trời trong xanh,cao vun vút,tô điểm cho bầu trời là những cánh én chao lượn. Trời sáng hơn chút nữa,tôi có thể nhìn rõ được quang cảnh những con người đi lại *tấp nập*(từ tượng hình) nhờ màn sương đêm tan dần. Trên đầu những ngọn cỏ may sương đêm vẫn còn đọng lại lấp lánh, khi ánh mặt trời chiếu vào chúng càng trở nên lấp lánh hơn. Tôi yêu nhất mùa xuân quê tôi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
 - + Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh
 - + Tìm và cho ví dụ về từ tượng hình, tượng thanh.
 - + Soạn bài: Thiên trường vãn vọng
- (Tìm hiểu về chủ thời kì lịch sử, hoàn cảnh sáng tác, nội dung, giá trị nghệ thuật)

TUẦN 5

NGÀY SOẠN: 30/9/2023

TIẾT 17, 18: ĐỌC VĂN BẢN “THIÊN TRƯỜNG VẮN VỌNG” (TRẦN NHÂN TÔNG)

TIẾT 19: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 20: CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG

TIẾT 17, 18: ĐỌC VĂN BẢN “THIÊN TRƯỜNG VẮN VỌNG” (TRẦN NHÂN TÔNG)

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ
- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân
- Biết ơn, tự hào về các thế hệ trước, biết trân trọng, giữ gìn di sản văn hóa mà ông cha để lại

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Kế hoạch bài dạy
- Ti vi, sgk, sgk, tài liệu tham khảo
- Phiếu học tập

3. Tiến trình dạy học:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: GV chiếu video về địa danh Thiên Trường

link: https://youtu.be/E7Uoo9c_pb0

Đặt câu hỏi gợi mở vào bài học: Sau khi xem xong video em có nhận xét gì về địa danh phủ Thiên Trường

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về địa danh Thiên Trường:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Thiên Trường vãn vọng*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Thiên Trường vãn vọng*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Trần Nhân Tông (1258 – 1308) Là vị vua thứ ba của nhà Trần - Ông là vị hoàng đế anh minh đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên và khôi phục nền kinh tế, văn hóa Đại Việt.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Trần Nhân Tông còn là vị thiền sư sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời là một tác giả đóng góp quan trọng cho nền văn học dân tộc. - Thơ Trần Nhân Tông tràn đầy cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A, cảm xúc tinh tế, lãng mạn, sâu sắc mà vẫn gần gũi, thân thuộc, ngôn ngữ thơ hàm súc, hình ảnh vừa chân thực, bình dị vừa giàu ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác - Bài thơ Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra được sáng tác trong dịp Trần Nhân Tông về thăm quê cũ ở Thiên Trường (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay). b. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật c. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm d. Bố cục - Gồm 2 phần : Phần 1. Hai câu đầu. Cảnh sắc thiên nhiên ở phủ Thiên Trường. Phần 2. Hai câu sau. Sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên.

2. Khám phá văn bản:

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ
- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả
- một vị hoàng đế - thi nhân

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: <i>Chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được thể hiện trong văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn, trả lời câu hỏi: + Trong bài thơ, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày và gồm những chi tiết gì? (Về ánh sáng, âm thanh, màu sắc và cảnh vật)	2. Khám phá văn bản 2.1. Đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được thể hiện trong bài - Đặc điểm: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (4 câu, mỗi câu 7 chữ) Cách gieo vần: Các câu 1, 2, 4 hoặc 2, 4 hiệp vần với nhau ở chữ cuối. Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc. - Đặc điểm trong bài thơ: Cách gieo vần: Các câu 1, 2, 4 hiệp vần với nhau (yên, biên, điền) Ngôn ngữ: Chỉ bằng một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt tác giả đã diễn tả được cảnh sắc vùng quê trầm lặng nhưng không đìu hiu mà vẫn có sự sống của con người, đồng thời bộc lộ tình yêu quê hương sâu đậm. 2.2 Bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn + Thời gian: buổi chiều tà, sắp về tối. + Không gian: trước xóm sau thôn – khung cảnh làng quê Việt Nam. + Cảnh vật: “bán vô bán hữu” - phong cảnh mờ ảo, vừa như có lại vừa như không có, vừa thực, lại vừa không có thực gợi nên quang cảnh làng quê yên bình đang mờ trong sương khói, cảnh vừa có nét thực vừa có nét ảo.

<i>Câu hỏi tổng kết: Nhận xét về bức tranh thiên nhiên trong bài thơ dưới ngòi bút miêu tả của Trần Nhân Tông</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	→ Bức tranh thiên nhiên độc đáo, mơ hồ như tranh họa đồ - Sự hòa quyện, đan xen giữa con người và thiên nhiên: + Hình ảnh về một chú bé mục đồng – trẻ chăn trâu đã gọi lên trong tác giả những kỉ niệm về tuổi thơ của chính mình. + Đàn trâu trở về. +Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng. => Cảnh vật bình dị, gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt Nam. - Nỗi buồn xót xa và nỗi lòng thầm kín của tác giả: Âm thanh: sáo vắng – tiếng sao vắng vắng đâu đó nơi chốn làng quê. => Tiếng sáo ấy hay chính là tiếng lòng của tác giả, nó chứa đựng một nỗi buồn xót xa. 3. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Kết hợp điệp ngữ và tiểu đối sáng tạo - Nhịp thơ êm ái hài hòa - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt 2. Nội dung Cảnh tượng buổi chiều ở phủ Thiên Trường là cảnh tượng vùng quê trầm lặng mà không đìu hiu. Ở đây vẫn ánh lên sự sống của con người trong sự hòa hợp với cảnh vật thiên nhiên một cách nên thơ. Qua đó giúp chúng ta thấy rằng, tác giả tuy có địa vị tối cao nhưng tâm hồn vẫn gắn bó máu thịt với quê hương dân dã

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Thiên Trường vãn vọng*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ Thiên Trường vãn vọng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Thiên Trường vãn vọng để hoàn thành nhiệm vụ

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi: *Qua bài thơ “Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” em có suy nghĩ gì khi tác giả là một ông vua chứ không phải là một người dân quê? Từ đó, em có thể nhận xét gì thêm về thời nhà Trần trong lịch sử nước ta?*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 19: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.
- Trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong văn học.
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Kế hoạch bài dạy
- Ti vi, sgk, sgk, tài liệu

3. Tiến trình dạy học:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Đặt câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Theo em “đảo ngữ” nghĩa là gì?
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 45 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Đảo ngữ trong tiếng Việt là một hình thức tu từ có đặc điểm: thay đổi vị trí thông thường của một từ, cụm từ trong câu nhưng không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có, nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, màu sắc. - Biện pháp tu từ đảo ngữ có hai hình thức cơ bản: đảo các thành tố trong cụm từ và đảo các thành phần trong câu. Tác dụng chính của biện pháp tu từ này là nhấn mạnh nội dung biểu đạt ở từ ngữ được đảo lên trước. Ví dụ: Tìm nơi thăm thăm rừng sâu Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban. (Nguyễn Đức Mậu, Hành trình của bầy ong) Thông thường, trong tiếng Việt, tính từ thăm thăm được đặt sau cụm từ rừng sâu. Nhưng ở dòng thơ thứ nhất, tính từ thăm thăm đã được đảo vị trí lên trước nhằm nhấn mạnh không gian hoang vắng, nguyên sơ của rừng già. Tương tự, ở dòng thơ thứ hai, có sự thay đổi trật tự cú pháp của hai thành phần trong các vế câu: vị ngữ (bập bùng, trắng) được đảo lên trước chủ ngữ (hoa chuối, hoa ban). Việc đảo trật tự này có tác dụng làm nổi bật màu đỏ của những bông

	hoa chuối rừng như ngọn lửa giữa ngàn xanh và không gian tràn ngập sắc trắng của hoa ban.

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 45 - 46
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới: <i>Lom khom dưới núi, tiều vài chú, Lác đác bên sông, chợ mấy nhà. Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.</i> (Bà Huyện Thanh Quan, <i>Qua Đèo Ngang</i>) a. Chỉ ra các câu thơ sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong đoạn thơ. b. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong từng câu thơ.			II. Luyện tập Bài tập 1 <i>Lom khom dưới núi, tiều vài chú, (Vài chú tiều lom khom dưới núi)</i> Đảo cấu trúc câu (vị ngữ “<i>Lom khom dưới núi</i>” được đảo lên đứng trước chủ ngữ “<i>tiều vài chú</i>”) đảo cấu trúc cụm danh từ (cụm từ “<i>vài chú</i>” chỉ số lượng, đơn vị lại đứng sau danh từ chỉ sự vật “<i>tiều</i>”). => Từ đó nhấn mạnh tư thế, hình dáng nhỏ bé của con người giữa không gian mênh mông, hùng vĩ, hiểm trở của Đèo Ngang. Nó cũng thể hiện tâm trạng cô đơn, lòng thương cảm của nhà thơ khi chứng kiến cuộc sống vất vả của con người giữa núi rừng heo hút. <i>Lác đác bên sông, chợ mấy nhà. (Mấy nhà chợ lác đác bên sông)</i> Đảo cấu trúc câu (vị ngữ “<i>Lác đác bên sông</i>” được đảo lên đứng trước chủ ngữ “<i>chợ mấy nhà</i>”) đảo cấu trúc cụm danh từ (cụm từ “<i>mấy nhà</i>” chỉ số lượng, đơn vị lại đứng sau danh từ chỉ sự vật “<i>chợ</i>”). => Đảo ngữ nhằm nhấn mạnh số lượng ít ỏi, thưa thớt vắng vẻ của những ngôi nhà, gợi không khí vắng vẻ, hoang sơ của núi rừng. Đồng thời câu thơ cũng gợi lên sự cô đơn, lẻ loi giữa đèo núi hoang sơ của người Lữ khách xa nhà. <i>Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.</i> Đảo cấu trúc câu (vị ngữ “<i>Nhớ nước đau lòng</i>”, “<i>Thương nhà mỏi miệng</i>” được đảo lên đứng trước chủ ngữ “<i>con</i>”												
<table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Biện pháp tu từ đảo ngữ</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>			Ngữ liệu	Biện pháp tu từ đảo ngữ	Tác dụng										
Ngữ liệu	Biện pháp tu từ đảo ngữ	Tác dụng													
Gợi ý: ? Đọc ngữ liệu và xác định từ tượng hình, từ tượng thanh ? Xác định nghĩa từ tượng hình, từ tượng thanh em vừa tìm ? Nêu tác dụng gắn với ngữ cảnh cụ thể - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, nhận định - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.															

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Chỉ ra câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau:

a. Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

(Trần Tế Xương, *Thương vợ*)

b. Xóm làng xanh mát bóng cây,

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời.

(Trần Đăng Khoa, *Quê em*)

c. Chị Dậu về đến đầu nhà đã nghe tiếng khóc khăn khăn của hai đứa trẻ. Sắp ngửa, chị chạy vào cổng, quẳng cả rổ mẹt, mề nón xuống sân, rồi vội vàng chị vào trong nhà.

- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá, nhận định

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các đoạn thơ sau:

a. Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ bầy chim dáo dác bay.

(Nguyễn Đình Chiểu, *Chạy giặc*)

b. Con đê cát đỏ cỏ vàng

Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.

quốc quốc”, ”cái gia gia”) đảo cấu trúc cụm động từ (cụm từ “nhớ nước”, “thương nhà” là thành phần phụ sau chỉ nguyên nhân lại đứng trước các động từ chỉ trạng thái cảm xúc “đau lòng”, “mỏi miệng”

=> Cấu trúc đảo ngữ góp phần gợi âm thanh tiếng chim kêu thê thiết trong khung cảnh Đèo Ngang khi chiều xuống đồng thời thể hiện nỗi nhớ nhà, nhớ quê của người lữ khách, cả nỗi nhớ tiếc quá khứ vàng son của đất nước.

Bài tập 2

a) Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ, cụ thể:

+ vị ngữ “lặn lội” được đảo lên đầu câu, cấu trúc đúng phải là “thân cò lặn lội”.

+ Vị ngữ “eo sèo” được đảo lên đầu câu, cấu trúc đúng phải là “mặt nước eo sèo”

b) Cả hai câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, đảo các thành tố trong cụm từ, cụ thể:

Cụm danh từ có cấu trúc đảo ngữ “xanh mát bóng cây” và “trắng cánh buồm”. Các tính từ chỉ màu sắc (xanh, trắng) được đảo lên đứng trước danh từ trung tâm (bóng cây, cánh buồm)

c) Câu văn sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, đảo các thành tố trong cụm từ, cụ thể:

Cụm từ có cấu trúc đảo ngữ “Sắp ngửa, chị chạy vào”. Tính từ “Sắp ngửa” thường đứng sau động từ để bổ sung về tính chất, đặc điểm của hành động nay lại được đảo lên đứng trước động từ trung tâm (chạy)

Bài tập 3

a) Biện pháp đảo ngữ được sử dụng qua việc đảo thành tố trong cụm từ “lơ xơ chạy”, “dáo dác bay”

Tác dụng: nhấn mạnh tình cảm bơ vơ, tan tác, tâm trạng hoang mang, sợ hãi của nhân dân và cả vạn vật khi chiến tranh bất ngờ ập đến. Từ đó, nhà thơ cũng thể hiện nỗi buồn thương, xót xa,

(Hoàng Tố Nguyên, <i>Gò Me</i>) c. Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ Khắp dân làng tấp nập đón ghe về. (Tế Hanh, <i>Quê hương</i>) - Hs tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát lắng nghe - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo và thảo luận: - Hs trình bày sản phẩm cá nhân - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, nhận định - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	đau đớn cho tình cảnh của nhân dân, của đất nước. b)Biện pháp đảo ngữ được sử dụng qua câu trúc đảo thành tổ trong cụm danh từ “Leng keng nhạc ngựa “ Tác dụng: Nhấn mạnh âm thanh tiếng nhạc ngựa vui tươi, rộn rã gợi lên khung cảnh cuộc sống bình yên, thân thuộc nơi quê hương. Qua đó, nhà thơ thể hiện nỗi nhớ, niềm thương, sự gắn bó của những thanh âm bình dị của cuộc sống quê nhà. c) Biện pháp đảo ngữ được sử dụng qua việc đảo các thành tố trong cụm từ “ồn ào trên bến đỗ”, “tấp nập đón ghe về” Tác dụng: Nhấn mạnh không khí đông vui, nhịp sống sôi động nơi làng chài khi đón những đoàn thuyền đầy ắp cá và bình yên trở về sau chuyến ra khơi. Từ đó, nhà thơ cũng thể hiện niềm vui trước khung cảnh no ấm, sung túc của người dân quê hương.

TIẾT 20: CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu được giá trị của một sản phẩm văn hóa truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.
- HS biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.
- Yêu thương, sự gắn bó với cảnh sắc quê hương với cuộc đời.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Kế hoạch bài dạy
- Ti vi, sgk, sgk, tài liệu

3. Tiến trình dạy học:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Ca Huế trên sông Hương*
- Nội dung:** GV cho HS xem 1 đoạn video clip giới thiệu về ca Huế trên sông Hương
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và đáp án về tìm hiểu về ca Huế.
- Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: Em đã từng đến Huế chưa? Em đã tìm hiểu về di sản văn hóa ca Huế chưa? Hãy trình bày một số hiểu biết của em về thể loại này.
- GV cho HS xem một video ngắn về ca Huế

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS xem video và suy nghĩ về câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS đứng dậy trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV dẫn dắt vào bài: *Huế không chỉ được biết là vùng cố đô linh thiêng với những danh thắng đẹp, có giá trị lịch sử lâu đời mà còn có rất nhiều di sản văn hóa nổi tiếng. Trong đó có một thể loại được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đó chính là Ca Huế. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về hình thức trình bày cũng như ý nghĩa của làn điệu ca Huế qua văn bản Ca Huế trên sông Hương.*

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN

1. Tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về xuất xứ của đoạn trích *Ca Huế trên sông Hương*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể xuất xứ cũng như bố cục đoạn trích *Ca Huế trên sông Hương*.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương*
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về xuất xứ tác phẩm và bố cục đoạn trích Ca Huế trên sông Hương Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu học tập số 1 khám phá chung tác giả, tác phẩm. Thảo luận cặp theo bàn Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng vẽ sơ đồ, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	1. Tìm hiểu chung 1.1 Tác giả - Tác giả: Hà Ánh Minh - Là nhà báo nổi tiếng với nhiều tác phẩm kí xuất sắc. - Ca Huế trên sông Hương được đăng trên báo “Người Hà Nội” 1.2. Tác phẩm - Xuất xứ: trích “Báo Người Hà Nội” - Kiểu văn bản: Nhật dụng - Thể loại: Bút kí - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh kết hợp với miêu tả và biểu cảm - Từ khó: Ca Huế, tao nhã - Bố cục: 2 đoạn + Đoạn 1: từ đầu đến “lí hoài nam”: Giới thiệu sơ lược một số làn điệu dân ca Huế.

- GV nhận xét, chốt kiến thức

+ Đoạn 2: còn lại: Đêm nghe ca Huế trên sông Hương.

2. Khám phá chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

b. Nội dung: Sử dụng SGK chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Giới thiệu chung về ca Huế Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS đọc bài văn bản và hoàn thiện phiếu học tập số 2: Kể tên một số làn điệu ca Huế và dụng cụ âm nhạc cũng như đặc điểm nổi bật của những làn điệu ấy? ? Đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong việc giới thiệu chung về ca Huế. - GV cho HS đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs làm việc theo cặp đôi, đọc đoạn đầu văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức Nhiệm vụ 2: Một đêm ca Huế trên sông Hương Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS đọc bài văn bản và hoàn thiện phiếu học tập số 3 - GV cho HS đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Hs làm việc theo nhóm đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung	2. Khám phá chi tiết văn bản 2.1. Giới thiệu chung về ca Huế - Nghệ thuật liệt kê kết hợp với giải thích và bình luận. - Tác dụng: các làn điệu ca Huế, dụng cụ âm nhạc rất phong phú và đa dạng. + Thể hiện đời sống nội tâm của con người Huế. 2.2 Một đêm ca Huế trên sông Hương * Biểu diễn ca Huế - Ca công: Rất trẻ + Nam: áo dài the, quần thụng, khăn xếp + Nữ: áo dài, khăn đóng duyên dáng - Nhạc công: + Các ngón đàn trau chuốt: ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm day, chớp, búng, phi, rãi,... -> Nghệ thuật: miêu tả tỉ mỉ, cụ thể bằng phép liệt kê với một loạt tính từ, động từ. * Thưởng thức ca Huế - Nghe - ngắm trực tiếp trên thuyền

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức

Nhiệm vụ 3: Nguồn gốc ca Huế

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS đọc bài văn bản và hoàn thiện phiếu học tập số 4

- GV cho HS lên báo cáo kết quả
- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Hs làm việc theo nhóm đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trình bày những đặc sắc về ngôn ngữ hình ảnh của đoạn trích ca Huế trên sông Hương. Nội dung của đoạn trích

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức

- Tác giả như một lữ khách với hồn thơ lai láng, nồng hậu tình người.

- Tiếng đàn làm sao động tận đáy hồn người.
- gà gáy gọi cảnh thuyền vãn đầy ắp lời ca, tiếng hát.

- Không gian như lắng đọng, thời gian như ngừng trôi.

2.3. Nguồn gốc ca Huế

Ca Huế: nguồn gốc từ ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình.

3. Tổng kết

3.1. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ
- + Giàu hình ảnh, giàu biểu cảm thấm đẫm chất thơ
- + Miêu tả âm thanh cảnh vật con người sinh động.
- Hình ảnh
- + Hình ảnh chân thực, sống động thể hiện sự am hiểu cũng như tìm tòi chuyên sâu về thể loại cũng như cách thức trình diễn của ca Huế.

3.2. Nội dung

- Giới thiệu những làn điệu dân ca Huế và tả cảnh nghe ca Huế trong đêm trăng trên sông Hương. Qua đó ca ngợi vẻ đẹp tinh thần đậm chất của người dân xứ Huế.
- Khẳng định ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa, âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển.

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

b. Nội dung:

- GV phát Phiếu bài tập cho HS thực hiện nhanh tại lớp.
- GV hướng dẫn HS thực hiện phần Luyện tập theo văn bản đọc.

c. Sản phẩm:

- Phiếu bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sách giáo khoa

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức

Câu 1:

- + Các điệu hò xứ Huế dù ngắn hay dài đều là những thứ trọn vẹn nhất mà người dân muốn gửi gắm.
 - + Các điệu chèo cạn, bài thai, hò đưa linh buồn bã, hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp.... náo nức nồng hậu tình người.
 - + Hò lơ, hò ô, xay lúa hò nện gần gũi với dân ca Nghệ Tĩnh.
 - + Hò Huế thể hiện lòng khao khát nỗi mong chờ hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế....
- Ồ Có thể nói các điệu hò xứ Huế là một trong những thứ gia vị không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Nó gắn liền với đời sống lao động của con người.

Câu 2:

- + Thời gian, không gian: Ca Huế thường được biểu diễn vào ban đêm, trên một con thuyền rồng, giữa dòng sông Hương.
- + Thời gian không gian ấy góp phần giúp cho việc thưởng thức ca Huế trở nên sinh động, lãng mạn.

Câu 3:

- + Ca Huế được hình thành nuôi dưỡng từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình.
- + Nguồn gốc đó mang lại cho ca Huế vẻ đẹp đặc biệt: phong phú, đa dạng, vừa sôi nổi tươi vui lại trang trọng, uy nghi từ khúc điệu, thể điệu đến âm hưởng lời ca....

Câu 4:

Việc kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, nghị luận trong VB có tác dụng giúp người đọc hiểu nguồn gốc, đặc điểm, cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế, thể hiện được tình cảm thái độ của người viết và nhấn mạnh vị trí ý nghĩa của ca Huế.

Câu 5:

Tác giả thể hiện tình yêu niềm tự hào về một sản phẩm văn hóa độc đáo là thái độ nâng niu trân trọng và ý thức giữ gìn tôn vinh những di sản tinh thần quý giá của quê hương đất nước.

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

b. Nội dung:

- GV phát Phiếu bài tập cho HS thực hiện nhanh tại lớp.
- GV hướng dẫn HS thực hiện phần Luyện tập theo văn bản đọc.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em sẽ làm gì để giữ gìn “Ca Huế”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức

* Hướng dẫn tự học:

- Hoàn thiện các nội dung đã học.

- Đọc và chuẩn bị cho bài viết bài văn.

Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

+ Đọc, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm của thể thơ Đường, viết bài văn phân tích.

TUẦN 6

NGÀY SOẠN: 7/10/2023, LỚP 8/1, 8/2

BÀI 2: VỀ ĐÁP CỔ ĐIỂN

TIẾT 21, 22, 23: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ HOẶC TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT)

TIẾT 24: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

TIẾT 21, 22, 23: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ HOẶC TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Chúng ta đã học những bài thơ nào thuộc thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật ?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài

- a. Mục tiêu:** HS nắm được kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) là vận dụng các thao tác, kĩ năng đọc hiểu đã được hình thành, rèn luyện để viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật

Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật

- a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận + Một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật có những đặc điểm cơ bản nào?	* Yêu cầu: - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.

+ Theo em, bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật cần đáp ứng những yêu cầu gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,...)) - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận + Bài viết đã giới thiệu những gì về bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương trong đoạn mở đầu? + Đề tài và thể thơ được nêu lên ở đoạn văn nào? + Bài viết đã phân tích những nội dung nào trong bài thơ “Thương vợ?” (Hình tượng người vợ được khắc họa với những đặc điểm nào? Bài thơ thể hiện những cảm xúc, tâm trạng nào của tác giả?) + Bài viết đã chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật gì ở bài thơ “Thương vợ?” (thể thơ, đề tài, thi liệu, ngôn ngữ, bút pháp tả trữ tình hòa quyện cùng bút pháp trào phúng...)	Văn bản “Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương” 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu khái quát giá trị của tác phẩm. - Trần Tế Xương được xếp vào hàng những cây bút trào phúng xuất sắc nhất của nền văn học dân tộc. Ông cũng là một nhà thơ trữ tình giàu cảm hứng nhân đạo và lòng yêu nước. Tú Xương còn là tác giả có nhiều cách tân táo bạo đối với thể loại thơ Nôm Đường luật. - Thương vợ là một trong những bài thơ Nôm nổi tiếng nhất của ông. 2. Giới thiệu đề tài, thể thơ. - Đề tài: người vợ - Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật 3. Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Nội dung chính: Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương. 4. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ - Nhà thơ đã sử dụng một cách linh hoạt và điêu luyện các yếu tố đặc trưng của thể loại: sự hòa phối thanh điệu, kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc,... - Đồng thời, bài thơ mang đến những cách tân độc đáo ở nhiều bình diện: đề tài, thi liệu, ý tứ, đặc biệt là ngôn ngữ thơ. 5. Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ. - Bài thơ Thương vợ là tác phẩm tiêu biểu cho giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ Tú Xương. Tác giả đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn.

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: HS nắm vững được các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.	1. Trước khi viết a. Lựa chọn bài thơ - Liệt kê một số bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật em đã học hoặc đã đọc. - Lựa chọn bài thơ em hiểu và yêu thích để phân tích. b. Tìm ý

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt: <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 2 HS đọc Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý). - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin về Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. <u>Nhiệm vụ 3:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: <i>Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.	Em hãy đọc kĩ bài thơ đã chọn và dựa vào đặc điểm cơ bản của thể thơ để xác định các phương diện nội dung và nghệ thuật cần phân tích: - Tìm hiểu nhan đề và bố cục của bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính. - Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần. Có thể chia tách bài thơ theo chiều ngang (dựa vào mạch ý) hoặc theo chiều dọc (dựa vào hình tượng thơ) - Tìm những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ. + Về nội dung: Chú ý đặc điểm nổi bật của hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người những cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ, chủ đề bài thơ... + Về nghệ thuật: Cách sử dụng các yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.... Chú ý các từ gợi hình ảnh, âm thanh, biểu cảm và các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, đảo ngữ,...). - Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả về hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài c. Lập dàn ý Sử dụng kết quả của phần Tìm ý, sắp xếp tổ chức thành dàn ý. Khi lập dàn ý, cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài đề tập trung vào trọng tâm Dàn ý - Mở bài: Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...), nêu ý kiến chung về bài thơ - Thân bài + Ý 1. Phân tích đặc điểm nội dung Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người.)

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn. - GV yêu cầu HS đối vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.	Phân tích cảm xúc tâm trạng của nhà thơ Khái quát chủ đề của bài thơ + Ý 2. Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân) Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ) - Kết bài: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ 2. Viết bài - Khi viết bài, em cần bám sát dàn ý đã lập: sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá. - Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết. - Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ. 3. Chỉnh sửa bài viết Đọc lại bài viết đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa. Tập trung vào một số nội dung sau - Các thông tin về nhan đề bài thơ tên tác giả đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ. - Các ý chính thể hiện đặc điểm nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ - Những nhận xét đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

+ Soạn trước bài tiếp theo: Chuẩn bị bài nói Trình bày ý kiến về một vấn đề về đời sống xã hội.

TIẾT 24: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (MỘT SẢN PHẨM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Trình bày được ý kiến về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân *một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại*
- Năng lực thuyết trình trước đám đông
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học
- Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về một sản phẩm văn hóa truyền thống
- Link video

<https://www.youtube.com/watch?v=rWi4d5EOdbc>

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Sau khi xem xong video, em hãy nêu cảm nhận của bản thân về những sản phẩm văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi: + Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	1. Trước khi nói - Lựa chọn một sản phẩm văn hóa mà em yêu thích: có thể chọn một sản phẩm văn hóa riêng của vùng, miền nơi em sống (danh lam thắng cảnh, trang phục dân tộc, lễ hội, món ăn truyền thống,...) hoặc một sản phẩm văn hóa chung của đất nước (bánh chưng ngày Tết, múa rối nước, áo dài Việt Nam, phở,...).

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Đề nêu được ý kiến xác đáng, em cần tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm, giá trị của sản phẩm văn hóa truyền thống được lựa chọn trong cuộc sống hiện tại. - Em có thể tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như: <i>Em sẽ trình bày ý kiến về phương diện nào của sản phẩm văn hóa truyền thống? Ý kiến của em là gì? Vì sao em có ý kiến như vậy?</i> - Sắp xếp các ý thành một dàn ý với các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận. - Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày.

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.	2. Trình bày bài nói - Mở đầu: Giới thiệu tên sản phẩm văn hóa truyền thống và nêu khái quát ý kiến của em về sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại. - Triển khai: + Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống: nơi ra

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	đời của sản phẩm, vị trí của sản phẩm, ý nghĩa của sản phẩm,... + Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa truyền thống (của quê hương, đất nước). Tùy theo đề tài và thời gian, có thể chọn trình bày ý kiến về một vài khía cạnh: hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển,... sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại. Chú ý đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của em. + Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp. Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của sản phẩm văn hóa truyền thống đối với cuộc sống hiện tại.

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

- a. Mục tiêu:** Trao đổi để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kĩ năng nói và nghe
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trao đổi về bài nói
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về <i>các tiêu chí đánh giá bài nói và nghe</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	3. Trao đổi về bài nói Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau: Người nghe Trao đổi về bài nói với thái độ tôn trọng và tinh thần xây dựng: - Nêu câu hỏi về những điểm còn băn khoăn xung quanh các ý kiến được trình bày trong bài nói.

- GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Bày tỏ sự đồng tình hoặc phản biện ý kiến của người nói về sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại. - Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày bài nói. Người nói Lắng nghe ý kiến của người nghe; tiếp thu và phản hồi với thái độ lịch sự, tinh thần cầu thị: - Giải thích những vấn đề người nghe chưa hiểu rõ hoặc còn băn khoăn. - Trao đổi về những nhận xét, đánh giá em cho là chưa thỏa đáng. - Tự rút kinh nghiệm để hoàn thiện kỹ năng chuẩn bị và trình bày bài nói.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói
- b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để sửa bài nói cho các bạn khác
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV hướng dẫn học về tiếp tục luyện nói

+ Soạn và chuẩn bị cho chủ đề 3: Lối sông núi (giới thiệu bài, tri thức ngữ văn, đọc văn bản “Hịch tướng sĩ”)

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

<i>Tiêu chí</i>		<i>Chưa tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Xuất sắc</i>
<i>Mở đầu</i>	<i>Có lời chào ban đầu và giới thiệu</i>			
	<i>Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)</i>			
<i>Nội dung chính</i>	<i>Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống: nơi ra đời của sản phẩm, vị trí của sản phẩm, ý nghĩa của sản phẩm</i>			
	<i>Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa</i>			

	<i>truyền thống (của quê hương, đất nước)</i>			
	<i>Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của mình</i>			
	<i>Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?</i>			
<i>Kết thúc</i>	<i>Khẳng định được ý nghĩa của sản phẩm văn hóa đối với đời sống hiện tại</i>			
	<i>Rút ra được bài học nhận thức, hành động</i>			
<i>Kỹ năng trình bày</i>	<i>Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói</i>			
	<i>Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói</i>			
	<i>Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe</i>			

TUẦN 7:**NGÀY SOẠN: 15/10/2023****BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI****TIẾT 25, 26, 27: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “HỊCH TƯỚNG SĨ”****TIẾT 28: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****TIẾT 25, 26, 27: BÀI 3-LỜI SÔNG NÚI****GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “HỊCH TƯỚNG SĨ”
(TRẦN QUỐC TUẤN)****I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản,
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.

Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Để một văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ chúng ta cần quan tâm vào yếu tố nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung chủ đề *Lời sông núi* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trng 57 – SGK - GV đặt câu hỏi: Em hãy kể tên một số nhân vật kiệt xuất – những anh hùng lịch sử của dân tộc Việt Nam mà em biết? Em có suy nghĩ gì về những	I. Giới thiệu bài học. Trong suốt chiều dài lịch sử, biết bao thế hệ người Việt Nam đã hi sinh xương máu để xây đắp và gìn giữ đất nước mình. Gia tài vô cùng quý báu trong truyền thống của

đóng góp của họ cho đất nước? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia sẻ câu trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Câu trả lời của học sinh Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.	người Việt Nam là lòng yêu nước, là sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở. Lòng yêu nước thể hiện ở hành động đấu tranh dựng nước và giữ nước, ở các giá trị tinh thần được tạo nên, trong đó có những áng văn sống mãi với thời gian. Với bài học này, em sẽ đọc một số bài văn nghị luận đặc sắc được viết nên bởi những con người kiệt xuất – những nhân vật lịch sử có trọng trách đối với đất nước, kết tinh hào khí của cha ông trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Các văn bản trong bài ra đời vào những thời đại khác nhau, nhưng vẫn đồng điệu ở tình cảm yêu nước, và đều là mẫu mực của văn bản nghị luận. Kết nối với chủ đề bài học là một bài thơ nổi tiếng trong lịch sử văn học dân tộc ra đời cách đây hơn một nghìn năm, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ của cha ông ta.

II. Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- a. **Mục tiêu:** Cung cấp tri thức ngữ văn về luận đề, luận điểm trong văn bản, mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm và lí lẽ bằng chứng trong văn bản nghị luận.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về luận đề,	II. Tri thức Ngữ văn

luận điểm trong văn bản nghị luận Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi: Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Tìm hiểu tri thức Ngữ văn về mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	- Luận đề là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận. - Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận. 2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 58)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

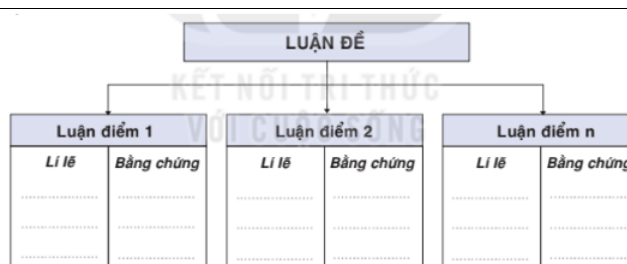
- HS ghi chép

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần ghi chép của HS

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.



3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt dựa vào cách thức tổ chức, triển khai nội dung. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát của đoạn văn.

- Đoạn văn diễn dịch: Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.

- Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.

- Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.

- Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

III. Đọc văn bản “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn)

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng

chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ*
- Năng lực nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Tự hào, biết ơn những người anh hùng dân tộc

Lồng ghép QPAN: Lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Hịch tướng sĩ*

b. Nội dung: HS thể hiện hiểu biết về lịch sử dân tộc

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân Mông – Nguyên ba lần đem quân xâm lược nước ta đều phải chịu thất bại?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Hịch tướng sĩ*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Hịch tướng sĩ*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Trần Quốc Tuấn (1231-1300) còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương - Cuộc đời: + Là danh tướng kiệt xuất của dân tộc + Năm 1285 và năm 1288. Ông chỉ huy quân đội đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Nguyên-Mông + Ông lập nhiều chiến công lớn: 3 lần đánh tan quân Nguyên Mông + Tác phẩm nổi bật: <i>Binh thư yếu lược</i>, <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> 2. Tác phẩm a, Hoàn cảnh sáng tác: - Bài hịch được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2 năm 1285. - Bài hịch được viết nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn “<i>Binh thư yếu lược</i>”

	b, Thẻ loại: Hịch – là thẻ văn được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh dùng để kêu gọi hoặc thuyết phục đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. 3. Bố cục: - Đoạn 1 (từ đầu đến “đến nay còn lưu tiếng tốt”): tác giả nêu ra các gương trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước đã được lưu truyền trong sử sách để khích lệ lòng người. - Đoạn 2 (từ “Huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”): từ việc phơi bày bộ mặt xấu xa của sứ giặc, tác giả bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc. - Đoạn 3 (từ “Các ngươi ở cùng ta” đến “không muốn vui vẻ phỏng có được không?”): từ khắc sâu mối gắn bó ân tình giữa chủ và tướng, tác giả phân tích rõ thiệt hơn, được mất, đúng sai để chấn chỉnh những sai lạc trong hàng ngũ tướng sĩ. - Đoạn 4 (từ “Nay ta chọn binh pháp” đến hết): nêu ra việc trước mắt phải làm và kết thúc bằng những lời khích lệ nghĩa khí tướng sĩ.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

b. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Hịch tướng sĩ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1: Khăn trải bàn</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	1. Mục đích của bài Hịch Trần Quốc Tuấn viết <i>Hịch tướng sĩ</i> nhằm mục đích: ❖ Khích lệ lòng yêu nước của các tướng sĩ. ❖ Động viên tướng sĩ tích cực học tập Binh thư yếu lược do ông soạn thảo Chúng ta có thể nhận thấy qua câu nói sau: <i>Nay ...không biết cảm.</i> => Câu nói ấy nêu lên được thực trạng mà những binh sĩ đang trải qua, kể cả quan trong triều. Tác giả sử dụng những lời lẽ rất gay gắt, mạnh mẽ để đánh trực tiếp vào lòng tự trọng của con người để họ thức tỉnh mà nhìn vào sự thực đang diễn ra trong thực tế. => Câu nói cũng là lời nhắc nhở danh thếp của vị chủ tướng với tướng sĩ của mình để họ nhận thức và khích lệ, động viên tinh thần của họ. 2. Nêu gương trung thần, nghĩa sĩ trong sử sách. - Các gương trung thần, nghĩa sĩ hi sinh vì chủ: <i>Kỷ Tín, Do Vu, Dục Nhượng, Cốt Đãi Ngột Lang, ...</i> - Địa vị khác nhau song đều trung thành, không sợ nguy hiểm, quên mình vì chủ vì nước. → Khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì chủ, vì vua, vì nước.
<u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: + <i>Hãy chỉ ra những điểm chung của các cặp nhân vật lịch sử được nêu ở phần đầu bài hịch. Tác giả đã nêu hành động của tám cặp nhân vật lịch sử này để minh chứng điều gì?</i> + <i>Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng?</i> + <i>Niềm tự hào về trang sử của dân tộc, quân và dân ta đã phát huy truyền thống ấy như thế nào qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ?</i> + <i>Hòa chung với tinh thần ấy, trong công cuộc kháng chiến chống giặc Pháp và đế quốc Mỹ, em hãy nêu một số tấm gương đã góp sức mình cho công cuộc chiến đấu của dân tộc.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	3. Tình hình đất nước và nỗi lòng của chủ tướng. a. Tình hình đất nước hiện tại: - Tội ác và sự ngang ngược của giặc: <i>đi lại nghênh ngang, uốn lưỡi cú diều sỉ mắng triều đình, thân dê chó bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, thu bạc vàng, ...</i> → Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ vạch trần bản chất tham lam, tàn bạo, hống hách của giặc - Cảnh báo hậu quả , thái độ của tác giả : <i>khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, tránh sao tai vạ về sau</i> → Khích lệ lòng căm thù giặc và khơi gợi nỗi nhục mất nước b. Nỗi lòng chủ tướng - <i>Tới bữa quên ăn</i> - <i>Nửa đêm vỗ gối</i> - <i>Ruột đau như cắt</i> - <i>Nước mắt đầm đìa</i> - Nghệ thuật: + Câu văn biền ngẫu, nhịp điệu dồn dập + Ngôn ngữ ước lệ, giàu hình ảnh + Nhiều động từ mạnh chỉ trạng thái, hành động: quên ăn, vỗ gối, xé thịt, lột da, nuốt gan, uống máu, ... → Cụm từ nỗi đau đớn, niềm uất hận, khơi gợi sự đồng cảm. Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng: - Bằng chứng:

<u>Nhiệm vụ 3:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cá nhân, trả lời câu hỏi: + <i>Chỉ ra những sai trái của các tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện thái độ gì?</i> + <i>Ông đã kêu gọi các tướng sĩ mình điều gì? Qua lời kêu gọi thể hiện thái độ của ông ra sao?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	+ Nếu có giấc Mông Cổ tràn sang, thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp ... tiếng hát không thể làm cho giấc điếc tai. + Lấy việc chọi gà làm niềm vui... hoặc mê tiếng hát. + Chẳng những thái ấp của ta không còn ... lúc bấy giờ đâu các người muốn vui vẻ phỏng có được không? - Lí lẽ: + Nhắc lại ân tình của Trần Quốc Tuấn và binh sĩ. + Phê phán hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước. + Khẳng định thái độ đúng đắn là phải cảnh giác, tích cực rèn luyện để sẵn sàng đánh giặc. 4. Phê phán biểu hiện sai trái và kêu gọi tướng sĩ. a. Phê phán biểu hiện sai trái của tướng sĩ: - Phê phán hành động hưởng lạc, ham thú vui tầm thường: <i>chọi gà, cờ bạc, săn bắn,...</i> - Thái độ phê phán dứt khoát → Phê phán nghiêm khắc thái độ vô trách nhiệm, vong ân bội nghĩa, lười sống hưởng lạc, chỉ lo vun vén hạnh phúc cá nhân. b. Kêu gọi tướng sĩ. - Phải biết lo xa, nêu cao cảnh giác, tăng cường luyện tập, học tập “<i>Binh thư yếu lược</i>.” - Giúp tướng sĩ nhận thức rõ đúng – sai - Vạch rõ ranh giới 2 con đường chính – tà, sống – chết. → Thái độ dứt khoát, cương quyết, khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. <u>Nhiệm vụ 4:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo cá nhân, trả lời câu hỏi: Nêu đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Áng văn chính luận xuất sắc - Lập luận chặt chẽ, sắc bén. - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu. - Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ. 2. Nội dung Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Hịch tướng sĩ để hoàn thành bài tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?

A. Vật hoá C. So sánh

B. Nhân hoá D. Ẩn dụ

Chọn đáp án: D

Câu 2: Nghĩa của từ “*nghenh ngang*” là gì ?

A. ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.

B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.

C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.

D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

Chọn đáp án: B

Câu 3: Từ nào có thể thay thế từ “*nghenh ngang*” trong câu “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghenh ngang ngoài đường ...” ?

A. Hiên ngang

B. Ngật ngưỡng

C. Thất thủ

D. Ngông nghênh

Chọn đáp án: D

Câu 4: Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thế nào ?

A. Không nêu phân đặt vấn đề riêng.

B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.

C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.

D. Cả A, B, C đều sai.

Chọn đáp án: A

Câu 5: Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

- A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.
- B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điem nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gươm tay không mà chịu thua giặc...
- C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên...
- D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

Chọn đáp án: A

Câu 6: Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền ?

- A. Nhẹ nhàng thân tình. C. Mạt sát thậm tệ.
- B. Nghiêm khắc, nặng nề. D. Bông đùa, hóm hỉnh.

Chọn đáp án: B

Câu 7: Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?

- A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.
- B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.
- C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Bình thư yếu lược”.
- D. Gồm cả A, B và C.

Chọn đáp án: D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá
- * HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:
- Nắm thể loại của chủ đề.
- Giá trị nội dung và nghệ thuật
- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt
- * Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo

	tham gia hoạt động	Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 28: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học
- b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời
- c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Khi viết một đoạn văn với chủ đề bất kỳ, em thường đặt

câu chủ đề ở đâu?”

- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và giơ tay phát biểu
- GV gọi HS chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).	<i>Đoạn văn diễn dịch</i> là đoạn văn mà câu đứng đầu khái quát toàn bộ nội dung, các câu tiếp theo triển khai cụ thể chi tiết từng ý theo câu chủ đề, làm rõ, bổ sung cho câu chủ đề. Các câu tiếp theo được triển khai bằng cách chứng minh, phân tích, giải thích, có thể đưa vào một số nhận xét, bộ lộ cảm xúc của cá nhân. <i>Đoạn văn quy nạp (Có câu chủ đề)</i> Đoạn quy nạp là đoạn văn được trình bày cụ thể chi tiết từ nhỏ đến lớn, từ các ý rất chi tiết đến ý khái quát hơn, từ ý luận cứ cụ thể đến luận điểm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	bao trùm. Do đó mà nằm ở cuối đoạn văn thường là các câu chủ đề khái quát. Ở vị trí này, câu chủ đề không nhằm mục đích định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn ở các ý tiếp theo mà là đóng vai trò khép lại toàn bộ nội dung của đoạn ấy. Các câu trên được trình bày bằng các phương pháp như giải thích, lập luận, cảm nhận và rút ra quan điểm cá nhân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về đoạn văn diễn dịch và quy nạp
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 64
- c. **Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Bài tập SGK trang 64 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày trước lớp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá	Câu 1 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn. Trả lời: a. Câu chủ đề: Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được! => Đoạn văn quy nạp. - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi

dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.

b. Câu chủ đề: Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.

=> Đoạn văn diễn dịch.

- Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục.

Câu 2 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.

Trả lời:

- Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)
- Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)
- Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy.

Câu 3 (trang 65 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):

Trả lời:

- Đoạn văn diễn dịch:

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nước chính là tình yêu quê hương đất tổ nơi mình sinh ra và lớn lên. Lòng yêu nước có thể là yêu lũy tre xanh bao quanh làng, yêu dòng sông chảy trước nhà, yêu chân ruộng thơm mùi

gốc rạ, yêu con cò đứng khoan thai trên đồng bên dáng mẹ còng lưng làm cỏ lúa... Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.

- Đoạn văn quy nạp:

Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng để dựng xây và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất hình chữ S. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi

	người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp
- + Soạn bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	mức độ biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TUẦN 8

NGÀY SOẠN: 22/10/2023

TIẾT 29+30: ĐỌC VĂN BẢN “TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA” (HỒ CHÍ MINH)

TIẾT 31+32: ÔN TẬP GIỮA KÌ I

TIẾT 29, 30: ĐỌC VĂN BẢN “TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA” (HỒ CHÍ MINH)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tinh thần yêu nước của nhân dân ta được thể hiện qua văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Biết ơn, tự hào về các thế hệ trước, yêu nước

Lồng ghép QPAN: Kể chuyện về những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo trong kháng chiến của dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về Hồ Chí Minh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: GV chiếu video về Lịch sử dân tộc Việt Nam

<https://youtu.be/xxxVXiZ0ZwI>

Đặt câu hỏi gợi mở vào bài học: *Sau khi xem xong video, em hãy cho biết trong cuộc sống hôm nay, con người có thể thể hiện tinh thần yêu nước bằng những cách nào?*

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung - Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam. - Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. - Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan. - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm

	1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc. - Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn nhà thơ lớn. - Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay). - Tên bài do người soạn sách đặt. b. Bố cục Gồm 3 phần: - Phần 1. Từ đầu đến “ tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước ”: Nhận định chung về lòng yêu nước - Phần 2. Tiếp theo đến “ một dân tộc anh hùng ”. Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. - Phần 3. Còn lại. Phát huy tinh thần yêu nước trong mọi công việc kháng chiến.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết

❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: <i>Đối tượng của văn bản viết là ai?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi: + <i>Tìm các luận điểm trong văn bản và chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm</i>	II. Khám phá văn bản: 1.Đối tượng văn bản cần thuyết phục Toàn thể nhân dân Việt Nam. 2. Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm - Bài viết có 4 luận điểm + Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta. + Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. + Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước: lòng nồng nàn yêu nước + Bồn phận của chúng ta... - Mối liên hệ giữa các luận điểm: Từng luận điểm đều có vị trí riêng nhưng lại liên kết chặt chẽ với nhau, hô ứng với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề “Tinh thần yêu nước là truyền thống quý báu của ta”. Trong đó luận điểm 1 là luận điểm chính, thâu tóm nội dung toàn bài: khẳng định lòng yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

Câu hỏi tổng kết: Nêu nội dung bao quát của văn bản.

Có biết bao tấm gương trong lịch sử đã sẵn sàng cống hiến, hy sinh cho đất nước. Em hãy kể một câu chuyện về một tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo trong kháng chiến của dân tộc ta.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Khái quát nhận định chung về lòng yêu nước.

Tác dụng của nhận định ấy là gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

3. Nhận định chung về lòng yêu nước của nhân dân ta

- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, nồng nàn, chân thành và luôn sục sôi

- Tinh thần yêu nước ấy kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nổi lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.

⇒ Gợi sức mạnh và khí thế mạnh mẽ của lòng yêu nước

- Trong lịch sử, có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...

- Lòng yêu nước ngày nay của nhân dân ta:

+ Từ cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng, trẻ thơ... ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc

<u>Nhiệm vụ 4:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Bác nêu ra nhiệm vụ của mỗi một người dân là gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. <u>Nhiệm vụ 5:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:	+ Những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đang tiêu diệt giặc + Những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội + Những phụ nữ khuyên chồng tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải + Những bà mẹ yêu thương bộ đội như con đẻ của mình + Nam nữ nông dân và công nhân hăng hái tăng gia sản xuất + Những đồng bào điền chủ quyên ruộng cho Chính phủ... ⇒ Tất cả những việc làm đó đều xuất phát từ lòng yêu nước 4. Nhiệm vụ của mọi người - Phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến ⇒ Cần phải thể hiện lòng yêu nước bằng những việc làm cụ thể

<i>Khái quát nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục. - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu. - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc. - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc. 2. Nội dung Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Và nó cần phải được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời cho câu hỏi: Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Bài văn đề cập đến lòng yêu nước của nhân dân ta trong lĩnh vực nào ?

- A. Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược
- B. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước.
- C. Trong việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt
- D. Cả A và B

Đáp án: **D**

Câu 2: Trọng tâm của việc chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong bài văn là ở thời kì nào ?

- A. Trong quá khứ
- B. Trong cuộc kháng chiến hiện tại
- C. Trong cuộc chiến đấu của nhân dân miền Bắc
- D. Trong cuộc chiến đấu dũng cảm của bộ đội ta trên khắp các chiến trường.

Đáp án: **B**

Câu 3: Những sắc thái nào của tinh thần yêu nước được tác giả đề cập đến trong bài văn của mình ?

- A. Tiềm tàng, kín đáo
- B. Biểu lộ rõ ràng, đầy đủ
- C. Khi thì tiềm tàng, kín đáo; lúc lại biểu lộ rõ ràng, đầy đủ.
- D. Luôn luôn mạnh mẽ, sôi sục.

Đáp án: **C**

Câu 4: Đối tượng nào không xuất hiện trong bài văn Tinh thần yêu nước của nhân dân ta?

- A. Công chức.
- B. Chiến sĩ, công nhân.

C. Nông dân, điền chủ.

D. Tư sản.

Đáp án: Câu D

Câu 9: Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản là:

A. Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu...

B. Sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh, phép liệt kê, so sánh chọn lọc và đặc sắc.

Bài văn là một mẫu mực về lập luận, bố cục và cách dẫn chứng của thể văn nghị luận.

D. Tất cả đều đúng.

Đáp án: Câu D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm kĩ nội dung bài

- Những đặc sắc về nghệ thuật.

- Hệ thống các thể loại, kiến thức tiếng việt, tập làm văn để ôn tập

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	1 - 3 điểm	4 – 5 điểm	6 điểm

(6 điểm)	Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			

TIẾT 31, 32: ÔN TẬP GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Tổng hợp kiến thức về các văn bản đã học. Cũng cố kiến thức về từ vựng, các biện pháp tu từ. Kiểm tra kiến thức về văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết và sáng tạo
- Có ý thức tự giác, tích cực ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn*** Trong giữa học kì I, em đã học những VB nào, nêu tên văn bản và tên tác giả ?

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá.

Dự kiến sản phẩm: Thẻ loại : Truyện lịch sử

GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loại văn bản và các kiến thức tiếng Việt, và kiểu bài văn đã được học trong HK I.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 2.1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học**

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở.

- HS điền thông tin vào các phiếu học tập: Nhóm 1,2,3 - Phiếu số 1,2,3 (Phụ lục 1); nhóm 4 phiếu số 4 (Phụ lục 2) để vừa ôn kiến thức về văn bản, vừa nắm vững đặc trưng của thể loại truyện lịch sử và có những lưu ý cơ bản về chủ đề của bài học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt kiến thức:

I, Văn bản đã học

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nội dung	Hình thức
1	Văn bản 1: <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>	Nguyễn Huy Tưở	Truyện lịch sử	- Đoạn trích ca ngợi tình yêu đất nước của con người thời Trần qua hình tượng nhân vật Hoài Văn.	- Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đậm chất lịch sử
	Văn bản 2: <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> (trích <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>)	Ngô gia Văn phái	Truyện lịch sử	Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, đồng thời thể hiện niềm tự hào của tác giả về người anh	Ngôn ngữ phù hợp với thời đại được miêu tả, in đậm dấu ấn lịch sử

				hùng áo vải Nguyễn Huệ.	
	Văn bản 3: <i>Ta đi tới</i>	Tố Hữu	Thơ tự do	- Bài thơ vừa ca ngợi những chiến thắng lẫy lừng của cuộc kháng chiến vừa thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc bằng một niềm tin yêu và tự hào.	-Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. - Sử dụng đa dạng biện pháp tu từ đặc sắc như liệt kê, điệp ngữ.
2	Thu điếu	Nguyễn Khuyến	Thơ thất ngôn bát cú Đường Luật	- Tái hiện lại khung cảnh thiên nhiên mùa thu của làng quê Đồng Bằng Bắc Bộ quen thuộc, gần gũi. - Cho thấy tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó, cảm nhận tinh tế của nhà thơ. - Tâm lòng nhiều ưu tư, trăn trở của một con người có tấm lòng vì dân, vì nước.	- Thể thơ thất ngôn bát cú cô đọng, hàm súc. - Cách gieo vần đặc sắc, độc đáo. - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh. - Hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc. - Điểm nhìn trong thơ được thay đổi linh hoạt.
	Thiên trường vãn vọng	Trần Nhân Tông	Thất ngôn tứ tuyệt	Bài thơ thể hiện hồn thơ thấm thiết với quê hương, đất nước của vị vua anh minh, tài đức Trần Nhân Tông	- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật - Nhịp thơ êm ái, hài hòa - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa

Hoạt động 2.2: Ôn tập kiến thức về tiếng việt.

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm , đặc điểm của các kiến thức tiếng việt có liên quan đến các VB được học: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ XH.Từ tượng thanh, từ tượng hình. Biện pháp tu từ đảo ngữ

b. Tổ chức thực hiện:

STT	Nội dung tiếng Việt	Khái niệm cần nắm vững	Ví dụ

1	Từ tượng hình	Từ tượng hình là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật	<i>bát ngát, chênh vênh, um tùm, lóm đóm, lấp lánh</i>
2	Từ tượng thanh	Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế.	<i>ào ào, chiêm chiếp, rì rầm, quang quác, rầm</i>
3	Biện pháp tu từ đảo ngữ	Thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu. -> Nhấn mạnh đặc điểm, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gọi ẩn tượng rõ hơn. - Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).	<i>ngọt lịm đường</i> <i>Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương</i>
4	Từ ngữ địa phương Biệt ngữ xã hội	Sử dụng ở một hay một số địa phương Sử dụng ở một tầng lớp XH nhất định	

Hoạt động 2.3: Ôn tập kiến thức TLV.

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm, đặc điểm của các kiểu bài: Văn bản nghị luận phân tích một bài thơ Đường luật

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trình bày các bước làm bài văn và trình bày dàn ý các kiểu bài văn đã học?

Dàn ý bài viết bố cục mấy phần?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và hệ thống kiến thức

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: : Kết luận, nhận định

+GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Dàn ý bài viết

* **Mở bài:** giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.

* **Thân bài:**

- Ý 1: Phân tích đặc điểm nội dung

+ Phân tích hình tượng thơ (thiên nhiên, con người)

+ Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ

+ Khái quát chủ đề của bài thơ

- Ý 2: Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật

+ Cách sử dụng thể thơ Thất ngôn bát cú hoặc Tứ tuyệt đường luật.

+ Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, ngụ tình

+ Nghệ thuật trong sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, BPTT)

* **Kết bài:** khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố lại dạng bài tập đọc hiểu và luyện tập tổng hợp

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS làm bài tập đọc hiểu số 1

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS lên làm bài

+ GV chữa bài và nhận xét.

Bước 4: : Kết luận, nhận định

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống các kiến thức trọng tâm.

- Ôn tập và chuẩn bị Kiểm tra giữa kì I

TUẦN 9:

NGÀY SOẠN: 29/10/2023

TIẾT 33: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 34: ĐỌC VĂN BẢN “NAM QUỐC SƠN HÀ”

TIẾT 35, 36: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI VỚI QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

TIẾT 37, 38: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

TIẾT 33: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực trình bày đoạn văn theo lối song song và phối hợp
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Đặt câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Theo em song song và phối hợp có nghĩa là gì? Chỉ ra sự khác nhau trong hai cụm từ này?”
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 68 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Đoạn văn song song (Không có câu chủ đề) Đoạn văn song song là đoạn văn triển khai nội dung song song giữa các câu, không nội dung nào khái quát, bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn đều nêu lên một khía cạnh riêng biệt, không câu nào khái quát câu nào, là một mắt xích quan trọng để làm rõ lên nội dung đoạn văn. Ví dụ: Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trong nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hoá xã hội (Trích Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em) Đoạn văn có ba câu mỗi câu nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em Mặc dù không có câu chủ đề nhưng tất cả các câu trong đoạn cung thể hiện một chủ đề trách nhiệm đối với trẻ em. Đoạn văn tổng hợp có sự kết hợp giữa đoạn văn diễn dịch và quy nạp. Câu mở đầu nêu khái quát về nội dung, câu kết đoạn có tính tổng hợp, liên hệ mở rộng. Các câu trong đoạn văn tập trung triển khai nội dung của đoạn văn.

	Ví dụ: Bị cười không phải mọi người đều phản ứng giống nhau. Có người tỏ thái độ mặc kệ bất cần, ai cười người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người bị tiếng cười của đám đông nhằm tới, do thiếu bản lĩnh, nên hoảng hốt lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao? (Minh Đăng, Tiếng cười không muốn nghe) Đoạn văn phối hợp có cấu trúc rất chặt theo kiểu tổng hợp – phân tích – tổng hợp. Câu đầu và câu cuối đoạn đều là câu chủ đề. Kiểu đoạn văn này rất phù hợp với việc khẳng định chắc chắn điều mà người viết cho là chân lí.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 68 - 69
- c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Bài tập SGK trang 68 - 69 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày trước lớp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận	Câu 1 a. Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song - Đoạn văn có hai câu, mỗi câu đảm nhiệm một nội dung khác nhau, nhưng đều nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ.

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá	b. Kiểu đoạn văn: đoạn văn phối hợp - Đoạn văn có câu mở đầu nêu chủ đề của đoạn: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Các câu tiếp theo nêu dẫn chứng cụ thể. Câu cuối đoạn khái quát lại điểm giống nhau đó: đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước. Câu 2 Trả lời: - Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song - Chủ đề: Cảnh ca Huế trong đêm trăng trên sông Hương. - Dựa vào nội dung của các câu văn để nhận biết điều đó. Ba câu văn miêu tả ba khía cạnh khác nhau của đêm ca Huế. Mặc dù không có câu chủ đề nhưng các câu trong đoạn đều thể hiện chung chủ đề.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tạo bảng so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn đã học

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Từ kiến thức thực hành Tiếng Việt đã học, em hãy tạo bảng so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn: diễn dịch – quy nạp – song hành – phối hợp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được đặc điểm và chức năng của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

+ Soạn bài *Nam quốc sơn hà*.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

Viết đoạn văn:

- Đoạn văn song song:

Đi bất cứ nơi đâu trên đất nước này, bạn cũng gặp hình ảnh của Người trong cuộc sống cũng như trong tâm hồn của mỗi người dân. Bác đã hiến trọn cuộc đời cho dân tộc. Mấy chục năm gian nan thử thách ở nước ngoài, Bác đã tìm cho dân tộc con đường đi cách mạng để rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Hình ảnh Bác đẹp trong lòng của mỗi người dân Việt không phải chỉ vì Bác đã đem đến cho chúng ta cơm áo tự do mà ngay từ trong cách sống, Bác đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Bác sống giản dị và giàu tình cảm. Tôi chưa thấy ở nơi đâu, một vị Chủ tịch nước lại giản dị như thế. Người ăn mặc bình dân, Người sống hòa mình. Người bận trăm công ngàn việc mà vẫn dành thì giờ chăm lo từ những cụ già đến các bé nhi đồng nhỏ tuổi. Người sống trọn mình cho dân tộc chẳng vương bận chút riêng tư.

- Đoạn văn phối hợp:

Truyền thống uống nước nhớ nguồn là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Mỗi người trong chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đó. Đây là truyền thống thể hiện sự kính trọng của thế hệ đi sau với thế hệ đi trước để tỏ lòng biết ơn của mình với những người có ơn với mình. Hằng năm, cứ mỗi dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ, đảng và nhà nước lại tổ chức các hoạt động thăm viếng mộ liệt sĩ, thăm hỏi gia đình liệt sĩ, tặng quà, tạo điều kiện cho gia đình phát triển. Hiện nay, mọi người trong xã hội đã chú ý hơn đến việc này, không chỉ các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động này mà những đơn vị, tổ chức cá nhân cũng tham gia rất tích cực. Mọi người chung tay nhau, quyên góp, sau đó tổ chức các hoạt động thăm hỏi từng gia đình một, trao quà tặng thưởng. Tuy những món quà đó chưa hẳn đã có nhiều giá trị về vật chất nhưng lại đầy ắp tinh thần của người trao. Đây là các việc làm rất ý nghĩa, cần được mọi người phát huy, giữ gìn để truyền thống uống

nước nhớ nguồn mãi là truyền thống quý báu của dân tộc ta, mãi được những dân tộc khác tôn trọng và học hỏi.

TIẾT 34: ĐỌC VĂN BẢN “SÔNG NÚI NƯỚC NAM”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- + Cảm nhận được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.
- + Bước đầu hiểu đặc điểm thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Đọc, tìm hiểu các thể thơ Đường luật.
- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Liên hệ QPAN: Khẳng định ý chí của dân tộc Việt Nam về độc lập chủ quyền trước các thế lực xâm lược

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

* Giáo viên

- KHBD, SGK, SGV, tài liệu tham khảo, các tài liệu: kiến thức cơ bản và bài tập nâng cao.

* Học sinh

- Chuẩn bị bài, tư liệu liên quan đến bài học, xem trước bài.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung: Xem Video và chia sẻ cảm xúc
- Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
- Tổ chức thực hiện:
 - HS quan sát video và chia sẻ cảm xúc của
 - HS chia sẻ
 - GV gợi dẫn vào bài:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. Tìm hiểu chung

Mục tiêu: Giúp HS

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Có kĩ năng đọc văn bản có phần phiên âm chữ Hán Nội dung: Dựa vào nội dung trong SGK và hiểu biết để có thông tin cơ bản Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Gv sử dụng một băng ghi âm có sẵn đọc bài thơ để HS nghe và đọc. - Đọc mục “<i>Sau khi đọc</i>” và trình bày những nét chính về tác giả bài thơ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời nhanh. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. - giới thiệu thêm về thể thơ - Số câu : 4 câu - Số chữ trong câu: 7 chữ / 1 câu - Cách hiệp vần: + Vần chân: Câu 1,2,4 (hoặc câu 2,4) hiệp vần với nhau ở chữ cuối. VD: C1 - cư ; C2 : thư ; C4: hư + Vần liền: cuối câu 1,2: cư – thư + Vần cách: chữ cuối câu 2,4: thư – hư. + Bài gieo vần trắc (tính từ tiếng thứ 2 trong câu thứ nhất)	1. Tác giả: Chưa rõ. 2. Tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích b. Tìm hiểu chung về văn bản - Hoàn cảnh sáng tác: Có nhiều ghi chép khác nhau về sự xuất hiện của bài thơ: + Theo Lĩnh Nam chích quái: Bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến quân Tống hoảng sợ giúp Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981 + Theo Đại Việt sử kí toàn thư: Khi Lí Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần sông là Trương Tướng quân. Sau đó quân Tống thảm hại. - Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt - Bố cục: 2 phần : - Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền dân tộc. - Hai câu cuối: Nêu ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền.

II. Khám phá văn bản: Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được lòng yêu nước của cha ông ta trong quá khứ. - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. Nội dung: - GV gợi dẫn để HS thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS. Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS đọc hai câu thơ đầu - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 10 phút thực hiện nhiệm vụ sau (có thể tổ chức cho HS thi với nhau, nhóm nào nhanh hơn) - Nhóm 1,2: Tìm hiểu câu 1 1. Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ đầu? 2. Em hiểu như thế nào về chữ “quốc, Đế, cư”, tại sao bản dịch ghi là “ngự”? 3. Từ đó câu thơ đã khẳng định điều gì? - Nhóm 3,4: Tìm hiểu câu 2 4. Em hiểu “thiên thư” là gì? Nhận xét về âm điệu đặc biệt của lời thơ này? Tác dụng? 5. Chân lí về chủ quyền đất nước Việt Nam đã được ghi ở sách trời điều đó có ý nghĩa gì? 6. Câu thơ thứ hai khẳng định rõ điều gì? 7. Nêu một số biểu hiện của bản thân, thế hệ trẻ hôm nay trong việc khẳng định ý chí của dân tộc, về độc lập chủ quyền trước các thế lực xâm lược? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Hai câu đầu: - Giọng thơ: Hùng hồn, rắn chắc, trang trọng và đầy tự hào * Câu 1: Nam quốc: nước Nam ->Vùng sông núi phía Nam là một nước chứ không phải một quận huyện của Trung Hoa-> Khẳng định ý thức độc lập chủ quyền của một dân tộc. - Đế: chữ quan trọng nhất -> Chứng tỏ nước Nam là có vua, có chủ, có quốc chủ. Đế còn có nghĩa đại diện cho nhân dân. Nam đế là vua đại diện cho nhân dân nước Nam. - Nam đế cư: Nơi ở của vua nước Nam, xử lí mọi công việc của nước Nam là vua nước Nam. Nơi thuộc chủ quyền của người Việt vì vua gắn với nước. => Ý thức độc lập, tự cường; bình đẳng, ngang hàng với các hoàng đế Trung Hoa. * Câu 2: - Âm điệu: Hùng hồn, rắn rỏi diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.

- HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2.	- Khẳng định ranh giới nước Nam đã được phân định rõ ràng hợp với đạo trời - đất, thuận với lòng người. Tạo hoá đã định sẵn nước Việt Nam của người Việt Nam. => Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ a): - GV cho HS đọc thầm hai câu sau, tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi Nhiệm vụ b): - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo cặp bàn để trả lời câu hỏi cho mục b): Câu 1: Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ cuối? Câu 2: Cách dùng từ “ nghịch lý” ở câu 3 có ý nghĩa gì? Câu hỏi nhưng có phải để hỏi k? Mục đích? Câu 3: Theo em câu cuối cảnh báo điều gì đối với quân xâm lược? Do đâu em khẳng định như vậy? Câu 4. Thái độ tư tưởng của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu cuối? Câu 5: Bài thơ là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta. Em hiểu thế nào là bản tuyên ngôn độc lập? - GV yêu cầu HS thực hiện vào trong Phiếu học tập, rồi trình bày.	2. Hai câu sau - Giọng điệu: Vừa thách thức vừa quả quyết * Câu 3: + Là câu hỏi, hướng về bọn giặc nông cuồng. + Là lời cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa, vô đạo lý của phong kiến phương Bắc. *Câu 4: Lời cảnh báo hậu quả thê thảm đối với bọn xâm lăng nếu như cố tình xâm phạm đến nước Nam và k/đ sức mạnh vô địch của quân và dân ta ⇒ Lời thề thiêng liêng, thể hiện rõ quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS lên trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý. - GV bổ sung.	
III. Tổng kết	
a) Mục đích: HS nhận biết được nội dung bao quát; lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB . b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ c) Sản phẩm: câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân: 1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ. 2) Khái quát giá trị nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Cảm xúc, thái độ mãnh liệt, sắt đá: - Bài thơ mang màu sắc chính luận sâu sắc. - ý thơ được thể hiện trực tiếp, mạch lạc, rõ ràng. - Giọng thơ hùng hồn, đanh thép, gọn sắc, cô đọng. 2. Nội dung Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức.	

Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
- b) Nội dung: trò chơi “Ai nhanh hơn”
- c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- HS tham gia trò chơi “ Ai nhanh hơn”

1. Bài “Sông núi nước Nam” được làm theo thể thơ:

- A. Thất ngôn bát cú.
- B. Thất ngôn tứ tuyệt
- C. Ngũ ngôn.
- D. Song thất lục bát.

2. Từ “sơn hà” dịch nghĩa là gì?

- A. núi sông
- B. sơn thủy
- C. giang sơn
- D. đất nước

3. Từ “đế” và từ “vương” khác nhau như thế nào?

- A. Không khác nhau
- B. Đế là vua cao nhất, cai quản các vương.
- C. Đế là vua phương Bắc, vương là vua phương Nam
- D. Vương là vua cao nhất, cai quản các đế.

4. Văn bản Sông núi nước Nam thường được gọi là gì ?

- A. Hồi kèn xung trận.
- B. Khúc ca khai hoàn.
- C. Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên.
- D. Áng thiên cổ hùng văn.

5. Nghệ thuật nổi bật của văn bản Sông núi nước Nam là gì ?

- A. Ngôn ngữ sáng rõ, cô đọng, hòa trộn ý tưởng và cảm xúc.
- B. Dùng nhiều phép tu từ, ngôn ngữ giàu cảm xúc.
- C. Dùng nhiều hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng.
- D. Dùng phép điệp ngữ và các yếu tố trùng điệp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV định hướng

Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.
- b) Nội dung: HS làm việc cá nhân
- c) Sản phẩm: Bài của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Em hãy kể thêm các bản tuyên ngôn độc lập mà em biết?

Điền các từ chỉ hành động yêu nước của em theo câu mẫu sau đây:

Em yêu nước nên em sẽ...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs làm bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Trình bày sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổ chức HS nhận xét

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hệ thống lại chủ đề của bài
- Xem lại giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người với quan hệ cộng đồng, đất nước)

TIẾT 35, 36: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI VỚI QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS chọn được vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước để bàn luận; trình bày rõ các khía cạnh của vấn đề và ý kiến cá nhân, thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước.
- HS viết được bài văn nghị luận có luận đề, từ luận đề triển khai thành các luận điểm, mỗi luận điểm thể hiện trong ít nhất một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng.
- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin
- Nhân ái: yêu quý mọi người, chan hòa trong mối quan hệ với mọi người, dân tộc, đất nước
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập, bảng kiểm...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV phát vấn:** Theo em, con người có những mối quan hệ nào trong đời sống?

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Con người không chỉ có mối quan hệ với những người có cùng chung huyết thống mà còn có mối quan hệ mật thiết với thiên nhiên, môi trường, xã hội, văn hóa, đất nước, quê hương, cộng đồng... Vậy làm thế nào để nêu ý kiến về mối quan hệ của con người với xã hội, cộng đồng, đất nước, chúng ta sẽ cùng đến với bài học ngày hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Yêu cầu đối với kiểu bài

a. Mục tiêu: Hiểu được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em hãy nêu những lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. <i>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</i> - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <i>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu đối với kiểu bài - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến. - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết. - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “*Hiểu biết về lịch sử*”
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức kĩ thuật “CẶP ĐÔI CHIA SẺ” - Yêu cầu: Hoàn thành Phiếu học tập 1 - Thời gian: 10 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	II. Phân tích bài viết tham khảo * Phần mở bài: Nêu vấn đề bàn luận: sự cần thiết của hiểu biết về lịch sử. * Phần thân bài: Triển khai các luận điểm - Kiến thức lịch sử cho ta biết được truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước vẻ vang của tổ tiên. - Hiểu biết về lịch sử đem lại cho ta bài học về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, đồng thời giúp ta rút ra từ quá khứ những kinh nghiệm quý báu để giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại. - Hiện nay, có một bộ phận HS không thích học môn Lịch sử và thiếu hiểu biết về truyền thống của dân tộc, điều này dẫn đến những hệ quả tiêu cực. * Phần kết bài Kết luận vấn đề: Nhắc lại sự cần thiết của việc hiểu biết về lịch sử đất nước, khơi gợi thái độ cần có ở mỗi người và nêu cách thức hành động.

2.3. Thực hành viết theo các bước

- a. Mục tiêu:** Giúp HS
- Biết viết bài theo các bước.
 - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước ở phiếu tìm ý - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn nghị luận về vấn đề đời sống. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài Có thể tham khảo các đề tài sau: - Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện. - Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em. - Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống. b. Tìm ý c. Lập dàn ý - Phần mở bài: Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó. - Phần thân bài: Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc. + Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng) + Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng) + Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng) - Phần kết bài: Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới. 2. Viết bài

	- Với mở bài: + Xác định vấn đề (viết thành đoạn văn) + Có thể giới thiệu trực tiếp/gián tiếp. + Đưa ra ý kiến 1 cách rõ ràng, chính xác. - Với thân bài + Tách các luận điểm thành 1 đoạn văn hoàn chỉnh. + Luôn thống nhất nội dung với vấn đề đã lựa chọn. + Chú ý phương tiện liên kết giữa các đoạn văn. - Với kết bài + Viết thành một đoạn + Nêu ý nghĩa vấn đề. + Xác định phương hướng hành động

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động: EM LÀ NHÀ BÁO TƯƠNG LAI

- Giả sử, em là một nhà báo, đang viết bài cho một tòa soạn của mình.

- Yêu cầu: viết Bài báo nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hướng dẫn hs về chuẩn bị nội dung phần viết đoạn Thân bài, kết bài, chỉnh sửa bài viết.

- Hệ thống kiến thức đã học về thể loại, kiến thức tiếng việt, văn tự sự để chuẩn bị cho tiết Kiểm tra giữa kì I

HỒ SƠ:

PHIẾU HỌC TẬP 1 Dựa vào hiểu biết về lịch sử, em hãy hoàn thành bảng sau: - Phần mở bài: Nêu vấn đề gì để bàn luận - Phần thân bài: - Phần kết bài khẳng định điều gì?

Họ và tên:	Lớp:
Phiếu tìm ý Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (Con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)	
Vấn đề được bàn luận	
Ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề	
Các khía cạnh cơ bản của vấn đề	Khía cạnh 1 (lí lẽ, bằng chứng)
	Khía cạnh 2 (lí lẽ, bằng chứng)
	Khía cạnh 3 (lí lẽ, bằng chứng)
Ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động	

TIẾT 37, 38: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ học kì I đến giữa kì I.
- + Văn bản: Hệ thống các kiến thức về thể loại Truyện lịch sử, thơ Đường, nghị luận
- + Tiếng việt: Biệt ngữ xã hội, từ địa phương, từ tượng hình, từ tượng thanh, đảo ngữ, đoạn văn diễn dịch, quy nạp.
- + Làm văn: Văn tự sự
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề, hướng dẫn chấm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TỆP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ Đường									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm		20		15	10		10		5	60
2	Viết	Viết bài văn tự sự									
Số câu			0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
Tỉ lệ % điểm				10		15		10		5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Thơ Đường ngoài SGK	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt chính. - Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình ảnh thơ, không gian nghệ thuật của bài thơ. Thông hiểu: - Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng ở câu thơ. - Hiểu được giá trị của các hình ảnh thơ. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. Vận dụng: - Trình bày được ấn tượng của bản thân về bài thơ, về cảnh, tình cảm của tác giả gợi cảm qua bài thơ - Thể hiện được điều bản thân ấn tượng về bài thơ qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống của tác giả. Vận dụng cao:	4 TN	3 TN, 1 TL	1 TL	1 TL

			- Nêu được các suy nghĩ, hành động cụ thể của bản thân. - Các suy nghĩ và hành động ý nghĩa, phù hợp.				
2	Viết	Viết một văn bản tự sự theo yêu cầu.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài kể về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) Vận dụng: Viết được một bài văn kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương có trình tự hợp lí, có yếu tố tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. trong quá trình viết có sử dụng thuyết minh các hoạt động, sự kiện. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				4TN 1*TL	3 TN 1TL 1*TL	1TL 1*TL	1 TL 1*TL
Tỉ lệ %				30	40	20	10
Tỉ lệ chung				70		30	

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề này gồm 02 trang

I. ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các yêu cầu bên dưới:

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

(Thu vịnh, trích Thơ văn Nguyễn Khuyến, NXB Văn học, 1971 (tái bản 1979))

Từ câu 1 đến câu 7: Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Bài thơ “Thu vịnh” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ thất ngôn
B. Thể thơ tứ tuyệt Đường luật
C. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật
D. Thể thơ ngũ ngôn

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

- A. Biểu cảm
B. Miêu tả
C. Nghị luận
D. Tự sự

Câu 3: Các tính từ nào được sử dụng trong bài thơ để miêu tả vẻ đẹp của trời thu?

- A. lơ phơ
B. hắt hiu
C. cao
D. xanh ngắt, biếc

Câu 4: Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Thu vịnh” là gì?

- A. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa lại trở về gần.
B. Điểm nhìn từ dưới thấp lên cao.
C. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa.
D. Điểm nhìn từ trên cao xuống thấp.

Câu 5: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong hai câu thơ sau.

“Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?”

- A. Nổi bật hình ảnh của giậu hoa còn sót lại từ năm ngoái, âm thanh của tiếng ngỗng trên không trung và bộc lộ sự bình thản của tác giả trước thời cuộc.
B. Làm nổi bật sự vắng vẻ, cô độc của hình ảnh giậu hoa và tiếng ngỗng trên không và nỗi buồn của tác giả.

C. Tạo âm điệu, làm nổi bật sự ít ỏi, đơn độc của giậu hoa và âm thanh của tiếng ngỗng trên không trung đồng thời chứa nỗi hoài niệm về quá khứ, sự u uất của lòng người trước cảnh vật.

D. Làm nổi bật hình ảnh giậu hoa, âm thanh của tiếng ngỗng nhằm bộc lộ sự hồ thẹn của tác giả trước thời thế loạn lạc.

Câu 6: Em có nhận xét như thế nào về bức tranh mùa thu trong bài thơ “*Thu vịnh*” của tác giả?

A. Bức tranh thiên nhiên ảm đạm, hiu hắt.

B. Bức tranh thiên nhiên thanh sơ, yên bình, tĩnh lặng và gợi buồn.

C. Bức tranh thiên nhiên hoang vu, vắng lặng.

D. Bức tranh thiên nhiên tươi sáng.

Câu 7: Nhận xét tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ.

A. Bi quan, chán chường

B. Thanh thản, tự tại

C. U buồn, tủi hổ

D. Nhớ nhung

Câu 8: Nêu nội dung của bài thơ trên.

Câu 9: Nêu điều để lại cho em ấn tượng nhất khi đọc bài thơ. Giải thích vì sao?

Câu 10: Với tư cách là thế hệ trẻ trong xã hội hôm nay, em thấy bản thân cần trang bị và làm gì để thể hiện tình cảm với non sông, đất nước?

II. LÀM VĂN: (4.0 điểm)

Hãy kể lại một chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương đã để lại cho em ấn tượng nhất.

.....Hết.....

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 8

(Hướng dẫn chấm này có 4 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.

- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.

- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần I: Nội dung ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM)

1. Trắc nghiệm khách quan (3.5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Phương án trả lời	A	D	D	C	C	B	C
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

2. Trắc nghiệm tự luận:

Câu 8: (1.0 điểm)

Học sinh có thể trả lời như sau:

- Bài thơ là một bức tranh thu đẹp, thanh sơ, yên tĩnh nhưng gợi buồn.
- Cho thấy một tâm sự u hoài, một tấm lòng xót xa trước cảnh mất nước.
- Bài thơ kín đáo bày tỏ một tình cảm yêu nước chân thành.

Hướng dẫn chấm:

- Học sinh nêu đầy đủ các ý như trên: 1.0 điểm
 - Học sinh nêu được từ 1/2 ý trên: 0.5 điểm
 - Học sinh nêu không đúng các ý trong đáp án hoặc không nêu: 0.0 điểm
- * Lưu ý: Tùy mức độ trả lời của học sinh mà giáo viên linh hoạt ghi điểm.

Câu 9: (1.0 điểm)

Học sinh nêu được điều học sinh ấn tượng nhất ở bài thơ và lí giải hợp lí, logic và thuyết phục. Có thể trình bày theo những gợi ý sau:

- Khung cảnh thiên nhiên trong trẻo, thanh tĩnh, ...
- Tấm lòng của một nhà nho thật thanh khiết, thanh cao.
- Tấm lòng yêu thiên nhiên.
- Một tâm hồn yêu quê hương sâu đậm
-

Hướng dẫn chấm:

- Học sinh nêu được ấn tượng, trình bày, lí giải mạch lạc, logic. (1.0 điểm)
 - Học sinh nêu được ấn tượng nhưng trình bày, lí giải chưa mạch lạc, logic. (0.75 điểm)
 - Học sinh nêu ấn tượng, lí giải còn sơ sài (0.5 điểm)
 - Học sinh nêu ấn tượng, lí giải còn lan man (0.25 điểm)
 - Học sinh có nêu ấn tượng nhưng không phù hợp, hoặc không nêu. (0.0 điểm)
- * Lưu ý: Tùy mức độ trả lời của học sinh mà giáo viên linh hoạt ghi điểm.

Câu 10 (0.5 điểm)

Học sinh có thể nêu những việc làm khác nhau song phải phù hợp với yêu cầu của đề, khả năng và chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

Sau đây là một số gợi ý:

- Xác định rõ mục tiêu và lí tưởng sống ý nghĩa, lành mạnh.
- Tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng ở nơi đang sinh sống và học tập.
- Sống có trách nhiệm trước bản thân, trước những người xung quanh.
- Không ngừng học tập và rèn luyện để bồi dưỡng tri thức để phấn đấu đạt các mục tiêu.
- Sống có ích, là tấm gương tốt, là công dân tốt.

- ...

Hướng dẫn chấm:

- Học sinh nêu được 03 việc làm phù hợp trở lên: 0.5 điểm.

- Học sinh nêu được 01- 02 việc làm phù hợp: 0.25 điểm.

- Học sinh không trả lời hoặc trả lời không liên quan: 0.0 điểm

Phần II: PHẦN VIẾT (4.0 ĐIỂM)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
1. Cấu trúc bài văn	0.5
2. Nội dung	2.0
3. Trình bày, diễn đạt	1.0
4. Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau.	- Mở bài + Giới thiệu được chuyến đi: Lí do, mục đích của chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương em. - Thân bài + Kể diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...) + Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,...) ở địa phương. - Kết bài Thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ về chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn.	
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần (thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn chưa hoàn chỉnh)	
2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.0 điểm)		

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0 điểm	- Chọn đúng ngôi kể. - Phải giới thiệu được nhân vật và câu chuyện về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. - Giới thiệu mục đích của chuyến đi. - Kể về diễn biến chuyến tham quan. - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích. - Kể kết quả sự việc và bài học rút ra qua câu chuyện. - Có sự sáng tạo trong kể chuyện.	- HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác và kỹ năng làm văn tự sự, bài làm biết tổ chức thành nhiều đoạn văn đảm bảo bố cục 3 phần và chia đoạn hợp lí. - Biết sắp xếp sự việc diễn ra theo trình tự thời gian: từ sự việc mở đầu, đến sự việc kết thúc bám vào cốt truyện. - Trong quá trình kể chuyện phải biết sử dụng ngôi kể hợp lí, đảm bảo trình tự kể thú vị, lôi cuốn để câu chuyện hấp dẫn hơn và sâu sắc hơn, nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích.
1.0- 1.5	- Chọn đúng ngôi kể, giới thiệu được nhân vật và câu chuyện về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. - Giới thiệu mục đích của chuyến đi. - Kể về diễn biến chuyến tham quan. - Chưa nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa. - Chưa rút ra bài học.	- Trong quá trình kể chuyện phải biết sử dụng ngôi kể hợp lí, đảm bảo trình tự kể thú vị, lôi cuốn để câu chuyện hấp dẫn hơn và sâu sắc hơn, nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích.
0.25- 0.5	- Bài có giới thiệu được nhân vật và câu chuyện về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. - Có kể sự việc xảy ra chưa đầy đủ, sắp xếp sự việc chưa theo trình tự hợp lí. - Chưa nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa - Chưa có kết cục. - Chưa rút ra bài học.	* Có thể sáng tạo: Sáng tạo trong cách dẫn truyện, lối kể chuyện mới mẻ, diễn đạt tự nhiên.
0.0	- Học sinh không làm bài. - Không xác định đúng kiểu bài tự sự.	

3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (1.0 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí
0.75 - 1.0	Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
0.25 - 0.5	Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

4. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.
0.25	Có thể hiện được sự nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương nhưng chưa đậm nét.
0.0	Chưa có sáng tạo.

Hết

TUẦN 10

NGÀY SOẠN: 5/11/2023

TIẾT 39: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI VỚI QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

TIẾT 40: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LÚA TUỔI (Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA HỌC SINH)

TIẾT 39: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI VỚI QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

I. MỤC TIÊU

- HS bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Chúng ta, thế hệ trẻ cần thể hiện được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước. Trách nhiệm ấy là những gì? Tiết học hôm nay chúng ta sẽ dựa trên bảng kiểm để góp ý cho bài viết của các bạn.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Đánh giá và chỉnh sửa bài viết

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu. + Lần lượt từng nhóm trình bày bài viết. + Các nhóm theo dõi và nhận xét bài làm của các nhóm dựa trên bảng kiểm				3. Đánh giá và chỉnh sửa bài viết Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa - Nếu thấy vấn đề đời sống liên quan đến con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước nêu chưa rõ ràng, cụ thể thì cần bổ sung - Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa
NỘI DUNG	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT	Đ	CD	
	Bài viết đã nêu và giải thích được vấn đề nghị luận chưa			
	Luận đề đã đầy đủ chưa			
	Các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng đã đủ thuyết phục			

	chưa? Cần bổ sung thêm không?		
	Bài viết đã khẳng định được quan điểm của người viết chưa?		
	Bài viết nêu được ý nghĩa của vấn đề cần nghị luận chưa? Có đề ra phương hướng hành động chưa?		
HÌNH THỨC	Bài viết đã đủ bố cục chưa?		
	Ngữ pháp, lỗi chính tả đã đúng chưa?		
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS đại diện nhóm trình bày bài viết cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

+ Chuẩn bị cho tiết Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý 40 thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

BẢNG KIỂM

NỘI DUNG	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT	Đ	CĐ
	Bài viết đã nêu và giải thích được vấn đề nghị luận chưa		
	Luận đề đã đầy đủ chưa		
	Các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng đã đủ thuyết phục chưa? Cần bổ sung thêm không?		
	Bài viết đã khẳng định được quan điểm của người viết chưa?		
	Bài viết nêu được ý nghĩa của vấn đề cần nghị luận chưa? Có đề ra phương hướng hành động chưa?		
HÌNH	Bài viết đã đủ bố cục chưa?		
THỨC	Ngữ pháp, lỗi chính tả đã đúng chưa?		

TIẾT 40: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA HỌC SINH)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nội dung thảo luận cần tập trung vào một vấn đề đã được lớp/ nhóm lựa chọn. Vấn đề thảo luận phải đúng trọng tâm: ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS.
- Việc thảo luận cần hướng tới các yêu cầu chính: để hiểu đúng, hiểu sâu về một vấn đề nào đó của đời sống; rèn luyện, nâng cao kĩ năng nói, kĩ năng tương tác; ý thức được trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, từ đó có phương hướng để hành động đúng.
- Các thành viên tham gia thảo luận cần nắm được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
- Giao tiếp và hợp tác: Kĩ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

- Kỉ luật, biết lắng nghe
- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Sách giáo khoa, Sách giáo viên
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, biên bản liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b.Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
GV cho HS xem video: Bài học về sự chịu trách nhiệm – Kỹ năng sống. Theo dõi video và cho biết, video đề cập đến vấn đề gì? Em có suy nghĩ gì về vấn đề đó? HS xem video và chia sẻ - <i>GV dẫn vào bài học: Các em thân mến! Sống có trách nhiệm chính là yếu tố quan trọng giúp con người tiến gần đến thành công hơn. Những người sống có trách nhiệm luôn được người khác tin tưởng, kính trọng. Trong tiết học ngày</i>	

<i>hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi học sinh – ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.</i>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi thảo luận

- a. **Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Theo em, để thực hiện tốt bài thảo luận, chúng ta cần chuẩn bị những gì ở bước Trước khi thảo luận? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Trước khi thảo luận 1. Thống nhất một vấn đề Có thể lựa chọn một trong số vấn đề sau: - Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước? - Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông? - Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc? 2. Hoạt động cá nhân Cá nhân tìm hiểu, tham khảo thêm những tài liệu có liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận. 3. Lựa chọn người điều hành - Giáo viên: Nắm bao quát và điều hành lớp - Người điều hành: Sắp xếp, giới thiệu tuần tự các ý kiến, định hướng vào trọng tâm đề tài, kiểm soát thời gian phát biểu ý kiến của từng người; tổ chức đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận

	- Thư kí: Ghi chép những nội dung, ý kiến trong cuộc thảo luận Biên bản cho thư kí Giáo viên:..... Người điều hành:..... Thư kí:..... Vấn đề: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh) Ý kiến của các thành viên: + Tên: Ý kiến:..... + Tên:.....Ý kiến:..... + Tên:.....Ý kiến:..... Ý kiến của người điều hành:..... Tổng kết của giáo viên:.....

2.2. Thảo luận

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi thảo luận

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Theo em, khi thảo luận, các thành viên trong lớp, trong ban điều hành sẽ làm nhiệm vụ gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Thảo luận - Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận. - Các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến (tập trung vào trọng tâm vấn đề, phân tích từng khía cạnh, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục), người phát biểu sau có thể nêu quan điểm cá nhân (đồng ý/phản đối) - Thư kí ghi chép các ý kiến - Người điều hành dựa vào đó tổng hợp, kết luận về vấn đề - Giáo viên nhận xét chung, cho điểm

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

2.3. Đánh giá

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về bài thảo luận của bạn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận - Vấn đề nêu lên để thảo luận có liên quan đến ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng hay không? - Nội dung thảo luận đã làm rõ những khía cạnh nào của vấn đề? Những khía cạnh nào cần tiếp tục suy nghĩ? - Các ý kiến thảo luận (cả về nội dung và cách trình bày) đã đáp ứng yêu cầu chưa? Sự tương tác giữa người nói và người nghe thể hiện như thế nào trong quá trình thảo luận? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Đánh giá Gợi ý: - Vấn đề nêu lên để thảo luận có liên quan đến ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng hay không? - Nội dung thảo luận đã làm rõ những khía cạnh nào của vấn đề? Những khía cạnh nào cần tiếp tục suy nghĩ? - Các ý kiến thảo luận (cả về nội dung và cách trình bày) đã đáp ứng yêu cầu chưa? Sự tương tác giữa người nói và người nghe thể hiện như thế nào trong quá trình thảo luận?

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức TALK SHOW “THIẾU NIÊN NÓI”

Chia lớp thành 4 nhóm, cử ban điều hành cuộc tọa đàm

Yêu cầu: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Kết thúc tọa đàm, cả lớp sẽ bình chọn

- Thành viên phản biện hay nhất.
- Thành viên nổi bật nhất.
- Thành viên có nhiều ý kiến nhất
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thành bài nói và nghe.
- Đọc và soạn tiết: Đọc mở rộng.

TUẦN 11

NGÀY SOẠN: 11/11/2023

TIẾT 41: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 42: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

TIẾT 43, 44: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “LỄ XÚNG DANH KHOA ĐÌNH DẬU” (TRẦN TẾ XƯƠNG)

TIẾT 41: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐỌC:

- Mở rộng nội dung chủ đề.
- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VB nghị luận
- Hiểu thêm về chủ điểm Lời núi sông..
- Củng cố tri thức và kĩ năng tạo tập VB nghị luận.
- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học trong bài 1. Câu chuyện của lịch sử, bài 2. Vẻ đẹp cổ điển, bài 3. Lời sông núi để tự đọc một số Vb truyện viết về đề tài lịch sử, một số bài thơ Đường luật (thất ngôn bát cú và tứ tuyệt) viết về vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người, một số VB nghị luận xã hội viết về những vấn đề liên quan đến đất nước và con người Việt Nam.
- Hs biết chia sẻ kết quả đọc mở rộng với các bạn, cụ thể là nêu được: 1) chủ đề, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ trong một truyện lịch sử; 2) chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) thể hiện qua bài thơ đã đọc; 3) luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu; sự khác biệt giữa lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong VB nghị luận
- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tìm hiểu nội dung bài
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, những kiến thức thực tiễn trả lời
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nêu vai trò của tiết đọc mở rộng? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện - GV tổ chức hoạt động - HS chia sẻ	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC MỞ RỘNG

a. Mục tiêu:

- Hs biết vận dụng kiến thức và kỹ năng được học trong bài 1. Câu chuyện của lịch sử, bài 2. Vẻ đẹp cổ điển, bài 3. Lời sông núi để tự đọc một số Vb truyện viết về đề tài lịch sử, một số bài thơ Đường luật (thất ngôn bát cú và tứ tuyệt) viết về vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người, một số VB nghị luận xã hội viết về những vấn đề liên quan đến đất nước và con người Việt Nam.

- Hs biết chia sẻ kết quả đọc mở rộng với các bạn, cụ thể là nêu được: 1) chủ đề, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ trong một truyện lịch sử; 2) chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) thể hiện qua bài thơ đã đọc; 3) luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu; sự khác biệt giữa lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong VB nghị luận

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Câu 1: Tìm đọc một số văn bản truyện viết về đề tài lịch sử, một số bài thơ Đường luật (bát cú và tứ tuyệt) viết về vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người trong quá khứ, một số văn bản viết về những vấn đề liên quan đến đất nước và con người Việt Nam. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin cơ bản mà em thu nhận được từ văn bản. Câu 2 : Trao đổi với các bạn về: - Chủ đề, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ trong một truyện lịch sử. - Chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) thể hiện qua bài thơ đã đọc. - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu; sự khác biệt giữa lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến đánh	I. Đọc mở rộng: Câu 1: - Một số truyện về đề tài lịch sử: + Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng: + Ông tổ nghề thêu: là câu chuyện ca ngợi tinh thần hiếu học, sự sáng tạo và công lao truyền dạy nghề cho dân của Trần Quốc Khái – vị quan thời Lê Chân Tông. + Phùng Hưng đánh hồ: - Một số bài thơ đường luật: + Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi: thể thơ thất ngôn bát cú + Nhàn – Nguyễn Bỉnh Khiêm: thể thơ thất ngôn bát cú + Thu ẩm – Nguyễn Khuyến: thể thơ thất ngôn bát cú - Một số văn bản viết về những vấn đề liên quan đến đất nước và con người Việt Nam.

giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận. Câu 3 : Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ Đường luật (bát cú, tứ tuyệt) em yêu thích. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs báo cáo Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	+ Tuyên ngôn độc lập – Hồ Chí Minh: + Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi: Câu 2 : 1. Truyện lịch sử: Kiều binh nổi loạn (trích Hoàng Lê nhất thống chí – Ngô Gia văn phái) - Chủ đề: Tái hiện cảnh kiều binh nổi loạn, giết Quận Huy Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cạn, lập Trịnh Tông lên ngôi chúa. - Bối cảnh: khoảng 30 năm, từ khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa (1768) đến lúc Gia Long lên ngôi vua (1802). - Cốt truyện: Trịnh Tông – Thế tử bị phế truất xuống làm con út do tạo phản bất thành. Lính kiều binh phần nhiều thuộc phe Trịnh Tông, Dụ Vũ - đầu bếp của Tông; Gia Thọ là gia thần, Bằng Vũ là gia binh. Chúng căm ghét quận Huy như kẻ thù của chúng. Tình thế bất lực, thảm hại và cái chết bi tráng của anh em Quận Huy với sự không đề phòng, thiếu mưu lược của những kẻ nắm quyền quốc gia trong phủ. - Nhân vật: Quận Huy Hoàng Đình Bảo, Trịnh Cán, Trịnh Tông. - Ngôn ngữ: tả thực của lối chép sử biên niên, không che dấu một nụ cười mỉa mai và xót xa trước tình cảnh đất nước bị rửa nát từ chính quyền trung ương. 2. Bài thơ “Bạn tới chơi nhà” – Nguyễn Khuyến - Chủ đề: Ngợi ca tình bạn chân thành thấm thiết, đậm đà, mộc mạc và tràn đầy niềm vui dân dã của tác giả. - Về niêm: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3 (thời – sâu), câu 4 và câu 5 (rộng – chứa), câu 6 và câu 7 (vừa – trò), câu 1 và câu 8 (bấy – đến) cùng thanh. - Về luật: Luật trắc - Về đối: câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6 - Bố cục:

	+ Phần 1 (6 câu đầu): Giới thiệu tình huống bạn đến chơi + Phần 2 (6 câu tiếp): Hoàn cảnh gia đình khi bạn đến chơi + Phần 3 (Câu cuối): Khẳng định tình bạn chân thành 3. Văn bản nghị luận xã hội: Tôi có một giấc mơ - Mác-tin Lu-thơ Kinh - Luận đề: Quyền bình đẳng của người da đen và kêu gọi sự đấu tranh giành quyền bình đẳng cho người da đen. - Luận điểm: + Cần lên tiếng về thảm trạng người da đen bị đối xử bất công. + Trong quá trình chiến đấu giành lại địa vị xứng đáng của mình, những người đấu tranh không được phép hành động sai lầm. + Chỉ khi người da đen được đối xử bình đẳng thì cuộc đấu tranh mới dừng lại. - Lí lẽ: + Một trăm năm trước, Lin-con đã kí bản Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ. + Nhưng một trăm năm sau người da đen vẫn chưa được tự do. + Không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo sa vào bạo loạn. + Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi trong cộng đồng người da đen không được đẩy đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng. + Giấc mơ bắt nguồn sâu thẳm từ trong giấc mơ của nước Mỹ (niềm tin rằng nước Mỹ luôn tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người, bất kể xuất thân, hoàn cảnh, địa vị xã hội,... - Dẫn chứng: + Người da đen vẫn bị thít chặt trong gông cùm của luật cách li và xiềng xích của óc kì thị, vẫn phải sống trong một hoang đảo nghèo đói giữa đại dương bao la của sự

	phồn thịnh vật chất và vẫn phải sống mòn trong những góc khuất của xã hội Mỹ, thấy mình chỉ là kẻ lưu vong ngay trên quê hương mình. + Có rất nhiều người da trắng đã nhận ra vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của người da đen, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của người da đen. + Không bao giờ hài lòng khi - Sự khác biệt giữa lí lẽ và bằng chứng liên quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận: Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng với mục đích chứng minh cho ý kiến kiến đánh giá chủ quan của người viết. Câu 3: Học sinh tự lựa chọn một số đoạn thơ, bài thơ Đường luật (bát cú, tứ tuyệt) mà mình yêu thích và học thuộc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

a) Mục tiêu: Thấy được sự phong phú của các thể loại đã học.

b) Nội dung: Hs nêu các văn bản được biết có cùng thể loại

c) Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HS đọc thuộc lòng 1 bài thơ hoặc tóm tắt truyện, nội dung của văn bản có cùng chủ đề.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày.

GV cùng HS nhận xét

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận, GV bổ sung.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (Khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một bài thơ có cùng thể loại

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ về 1 bài thơ có cùng thể loại

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS giới thiệu đoạn văn.

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV bổ sung.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội văn bản thuộc các chủ đề đã học.

- Học thuộc: Suu tầm thêm một số văn bản ngoài chương trình có cùng chủ đề, nắm rõ đặc điểm của chủ đề.

- Chuẩn bị bài: Trả bài kiểm tra giữa kì I.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TIẾT 42: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp HS :

- Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của mình về phương diện: nội dung kiến thức ở cả ba phân môn.

- Đánh giá lại các kĩ năng làm bài cơ bản về văn bản, TV, TLV, đặc biệt là TLV.

- Phẩm chất: trách nhiệm với bài viết của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục, bài kiểm tra giữa kì I, hướng dẫn chấm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động 1: Khởi động.

a. Mục tiêu: Giúp Hs nắm yêu cầu của tiết trả bài

b. Nội dung: Tiết trả bài.

c. Sản phẩm: Trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Gv nêu yêu cầu. Theo em tiết trả bài có vai trò như thế nào đối với môn Ngữ văn. B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân B3: HS trình bày cá nhân	

B4: GV nhận xét, dẫn dắt yêu cầu bài	

Hoạt động 2: Tổ chức trả bài

a- Mục tiêu: Giúp Hs nắm lại yêu cầu đề bài; lập dàn ý cho đề bài.

b- Nội dung: Bài kiểm tra giữa kì.

a- Sản phẩm: Bài viết của HS.

b- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>NV 1</i> <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV chiếu lại đề bài, yêu cầu HS đọc lại đề bài. - GV yêu cầu HS phân tích đề: chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức từng câu trong đề bài. <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chỉ ra yêu cầu về nội dung và hình thức của của từng câu trong đề. <i>Báo cáo, thảo luận:</i> HS trình bày cá nhân yêu cầu. <i>Nhận xét, kết luận:</i> Nhận xét, bổ sung, kết luận.	I- Tìm hiểu những yêu cầu của đề 1- Đề bài.
<i>NV 2</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chiếu từng bài của HS, nhận xét, trả bài cho Hs. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem bài B3: Báo cáo, thảo luận: HS nêu nhận xét. B4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, bổ sung phần trả lời của HS và kết luận và trả bài cho HS.	2- Chữa bài (theo HDC đề kiểm tra giữa kì I) II- Trả bài
<i>NV 3:</i> B1: GV cho HS tự nhận xét bài viết của mình (ưu, nhược điểm) từ việc đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu vừa nêu.	III- Nhận xét

B2: HS tự nhận xét B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nêu nhận xét của mình về bài viết của HS : NV 4: B1: GV thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi. - GV lưu ý giúp HS nắm kỹ những hạn chế của bài kiểm tra, phát huy ưu điểm của bài. + Ưu điểm: Chữ viết của 1 số bạn rõ ràng, đẹp, có ý tưởng cho bài làm. + Hạn chế: Rất nhiều bạn chưa nắm rõ cách làm văn, bài làm sơ sài, chưa biết tạo cho bài kể trở nên lôi cuốn, hấp dẫn người đọc; lỗi chính tả, ngữ pháp còn nhiều, .. B2: HS theo dõi B3: HS nêu những lỗi đã mắc ở bài làm. B4: GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. NV 5: B1: GV chọn một bài viết tốt cho HS đọc, bình để học tập. GV cho học sinh đọc bài viết tốt và bài viết yếu kém. B2: HS chuẩn bị nội dung bài đọc. B3: HS đọc B4: Nhận xét, tuyên dương.	1- Hs đọc và tự nhận xét 2- Gv nhận xét chung a- Ưu điểm: - Phần Đọc- hiểu. - Phần Tập làm văn: b- Tồn tại: - Phần TLV IV- Chữa lỗi điển hình - Chính tả. - Chấm câu. - Diễn đạt. V- Đọc, bình các bài viết tốt và bài viết yếu - Bài tốt: - Bài nhiều hạn chế:

Hoạt động 3: Vận dụng.

- a- Mục tiêu: Vận dụng nội dung trả bài
- b- Nội dung: Xây dựng đoạn văn tự sự
- c- Sản phẩm: Bài làm của HS
- d- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Áp dụng phần rút kinh nghiệm để chữa lỗi trong bài. Viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã sửa chữa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HĐ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Kiểm tra lại bài làm.

- Rút kinh nghiệm, học hỏi những các bài làm tốt.

- Chuẩn bị bài: giới thiệu bài học, tri thức ngữ văn, đọc văn bản “ Lễ xúng danh khoa Đình Dậu” (Trần Tế Xương)

+ Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, thể loại, bố cục của bài thơ.

TIẾT 43, 44: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “LỄ XÚNG DANH KHOA ĐÌNH DẬU” (TRẦN TẾ XƯƠNG)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng
- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
 - Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.
- c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Em hãy nêu một số đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

- b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

- c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trang 80 – SGK, nêu thể loại của chủ đề. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc phần giới thiệu bài học, nêu thể loại của bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh chú ý theo dõi phần giới thiệu bài học Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.	I. Giới thiệu bài học. - Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sống. - Thể loại: Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười trào phúng dưới hình thức ngôn ngữ thi ca.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Cung cấp tri thức ngữ văn về thơ trào phúng, tri thức tiếng việt về từ Hán Việt và sắc thái nghĩa của từ ngữ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thơ trào phúng Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về thơ trào phúng Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện ghi chép ý chính về thơ trào phúng Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Phân ghi chép của học sinh Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về từ Hán Việt và sắc thái nghĩa của từ ngữ - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 81) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS ghi chép Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - Phân ghi chép của HS Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	II. Tri thức Ngữ văn 1/ Thơ trào phúng 2. Từ Hán Việt 3. Sắc thái nghĩa của từ ngữ.

III. Đọc văn bản “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” (Trần Tế Xương)

1. MỤC TIÊU

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng

HS chỉ ra được cảm hứng chủ đạo của văn bản

- Nhận biết được tiếng cười trào phúng trong thơ qua văn bản
- Nắm thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Phê phán, lên án những thói hư tật xấu trong xã hội xưa

2. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*

b. Nội dung: HS thể hiện hiểu biết về lịch sử nước nhà

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

B.1. Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Lễ xướng danh khoa thi Đình Dậu*

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV hướng dẫn HS giọng đọc, cách ngắt nhịp thơ, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm (xuất xứ, thể loại, bố cục) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận. - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung. 1. Đọc: 2. Tác giả: - Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương. 3. Tác phẩm a. Xuất xứ - “Vịnh khoa thi Hương” còn có tên gọi khác “Lễ xướng danh khoa Đình Dậu”, được sáng tác năm 1897. b. Thể loại: Thơ thất ngôn bát cú đường Luật. c. Bố cục - Hai câu đề: Giới thiệu về kì thi. - Hai câu thực: Cảnh tượng khi đi thi. - Hai câu luận: Những ông to bà lớn đến trường thi. - Hai câu kết: Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi.

B.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- HS chỉ ra được cảm hứng chủ đạo của văn bản.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Lễ xướng danh khoa Đình Dậu*.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1: Khẩn trải bàn</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: <i>Nhân vật nào trong bài thơ để lại cho em ấn tượng nhiều nhất? Vì sao?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.	II/ Khám phá văn bản a. Hai câu đề. - Nói về sự kiện: theo lệ thường thời phong kiến cứ ba năm có một khoa thi Hương -> sự kiện tưởng như không có gì đặc biệt, chỉ có tính chất như một thông báo một thông tin bình thường. - Sử dụng từ “lẫn”: thể hiện sự ô hợp, hỗn tạp của kì thi này. Đây chính là điều bất thường của kì thi. → Hai câu đề với kiểu câu tự sự có tính chất kể lại kì thi với tất cả sự ô hợp, hỗn tạp, thiếu nghiêm túc trong buổi giao thời. b. Hai câu thực. - Hình ảnh: + Sĩ tử: lời thôi, vai đeo lọ → dáng vẻ luộm thuộm, nhếch nhác. + Quan trường: âm ọe, miệng thét loa → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ. - Nghệ thuật: + Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: âm ọe, lời thôi. + Đối: lời thôi sĩ tử >< âm ọe quan trường. + Đảo ngữ: Đảo trật tự cú pháp “lời thôi sĩ tử”, “âm ọe quan trường”. → Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, mặc dù đây là một kì thi Hương quan trọng của nhà nước. → Cảnh trường thi phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho. c. Hai câu luận - Hình ảnh: + Quan sứ: Viên quan người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị của tỉnh Nam Định được tiếp đón trọng thể. + Mụ đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà. → Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi. + Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mụ đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	→ Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến. d. Hai câu kết. - Tâm trạng thái độ của tác giả trước cảnh tượng trường thi: Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông. - Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình. III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật. - Nghệ thuật đối, đảo ngữ - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm 2. Nội dung Bài thơ ghi lại cảnh “nhập trường” vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

c. Sản phẩm học tập: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu để hoàn thành bài tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1 : Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu được viết bằng thể thơ gì?

A. Song thất lục bát

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn bát cú

D. Thất ngôn trường thiên

Câu 2: Câu đề bài thơ thông báo về sự kiện gì?

A. Theo lệ thường, kì thi Hương được tổ chức ba lần trong năm.

B. Theo lệ thường, kì thi Hương được tổ chức ba năm một lần.

C. Nhà nước tổ chức kì thi Hương hàng năm.

D. Tất cả đều sai.

Câu 3: Sự xuất hiện của những nhân vật nào làm cho trường thi trở nên lố bịch nhất?

A. Sĩ tử và quan trường

B. Quan sứ và bà đầm

C. Quan sứ và quan trường

D. Quan trường và bà đầm

Câu 4: Giá trị tư tưởng ở hai câu kết bài thơ là:

A. Tư tưởng yêu nước

B. Tư tưởng nhân đạo

C. Tư tưởng thân dân

D. Tất cả đều đúng

Câu 5: Vì sao kì thi Hương lại phải tổ chức thi ở Trường Nam?

A. Vì Trường Nam tổ chức thi tốt hơn

B. Vì Trường Hà không tổ chức thi

C. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, trường thi ở Hà Nội bị bãi bỏ, các sĩ tử phải thi ở trường Nam

D. Cả nước chỉ có duy trường thi duy nhất là trường Nam

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm kĩ đặc điểm của thể thơ.

- Cảm hứng chủ đạo của thơ trào phúng.

- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt.

+ Tìm hiểu nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

Giải nghĩa từ: sống soài, khúc khuỷu, lóc cóc; thành ngữ: *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh; Nhàn cư vi bất thiện*

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm.

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung	1 - 3 điểm	4 – 5 điểm	6 điểm

(6 điểm)	Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** PHIẾU HỌC TẬP**

PHIẾU HỌC TẬP	
- Hai câu đề cho biết điều gì về chế độ thi cử ở nước ta? 	
- Biện pháp tu từ nào trong câu “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/ Ậm ọe quan trường miệng thét loa? Tác dụng? 	
- Nhắc đến nhân tài nơi đất Bắc, tác giả muốn ám chỉ đối tượng nào? Em cảm nhận thái độ gì của tác giả qua lời nhắn nhủ đó? 	

TUẦN 12 NGÀY SOẠN: 19/11/2023 BÀI 4 TIẾT 45: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TIẾT 46+47: ĐỌC VĂN BẢN 2: “LAI TÂN” (HỒ CHÍ MINH) TIẾT 48: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 45: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt
- HS chỉ ra và nêu được nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi nối từ

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi nối từ
- GV đưa từ mở đầu, lần lượt HS sẽ tham gia chơi nối từ, HS nào không tìm được từ nối sẽ thua

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phản trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt

a. Mục tiêu: Giúp học sinh phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 84. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Nhận biết hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt * Ví dụ. a. Giới, với nghĩa là “cõi, nơi tiếp giáp” trong các từ như: giới hạn giới thuyết, giới tuyến, biên giới. địa giới, giáp giới, hạ giới, phân giới, ranh giới, thể giới, thượng giới, tiên giới. * Giới, với nghĩa “răn, kiêng” trong các từ như: giới nghiêm, cảnh giới, phạm giới, thụ giới - Giới với nghĩa ở giữa, làm trung gian trong các từ như: giới thiệu, môi giới - Giới với nghĩa "đồ kim khí", vũ khí trong các từ như cơ giới, cơ giới hóa binh giới, khí giới, quân giới. - Giới với nghĩa chỉ một loài cây: kinh giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 84

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Bài tập SGK trang 84 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày trước lớp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá	II. Luyện tập Câu hỏi 1. a. sĩ tử: là những học trò ngày xưa. quan trường: là trường thi quan sứ: quan người nước ngoài nhân tài: người có tài năng và đạo đức; có một sở trường nào đó, những người có tài năng, năng lực vượt trội ở lĩnh vực nào đó như kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội b. nhân1: con người nhân 2: tình người Những từ ghép Hán Việt có yếu tố "nhân": Nhân cách, nhân hậu, nhân loại, thi nhân, cử nhân, nhân viên, phu nhân, nhân dân,... Câu hỏi 2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và tìm từ có yếu tố Hán Việt tương ứng: <table><tr><th>Yếu tố Hán Việt</th><th>Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng</th></tr><tr><td>Gian (lừa dối, xảo trá)</td><td></td></tr><tr><td>Gian (giữa, khoảng giữa)</td><td></td></tr></table>	Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng	Gian (lừa dối, xảo trá)		Gian (giữa, khoảng giữa)	
Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng						
Gian (lừa dối, xảo trá)							
Gian (giữa, khoảng giữa)							

	<table> <tr> <td>Gian (khó khăn, vất vả)</td><td></td></tr> </table>	Gian (khó khăn, vất vả)							
Gian (khó khăn, vất vả)									
	<table> <tr> <td>Yếu tố Hán Việt</td><td>Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng</td></tr> <tr> <td>Gian (lừa dối, xảo trá)</td><td>gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm.</td></tr> <tr> <td>Gian (giữa, khoảng giữa)</td><td>nhất gian</td></tr> <tr> <td>Gian (khó khăn, vất vả)</td><td>gian hiểm, gian khổ</td></tr> </table>	Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng	Gian (lừa dối, xảo trá)	gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm.	Gian (giữa, khoảng giữa)	nhất gian	Gian (khó khăn, vất vả)	gian hiểm, gian khổ
Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng								
Gian (lừa dối, xảo trá)	gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm.								
Gian (giữa, khoảng giữa)	nhất gian								
Gian (khó khăn, vất vả)	gian hiểm, gian khổ								
	Câu hỏi 3. Xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa và giải nghĩa yếu tố Hán Việt đó: a. nam: kim chỉ nam, nam quyền, nam phong, phương nam, nam sinh, nam tính. b. thủy: thủy tổ, thủy triều, thủy lực, hồng thủy, khởi thủy, nguyên thủy. c. giai: giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn, bách niên giai lão. <u>a. Nhóm các từ chỉ nam1: kim chỉ nam, nam phong, phương nam (ý chỉ sự phương hướng).</u> Nhóm các từ chỉ nam2: nam quyền, nam sinh, nam tính (ý chỉ về con trai). Giải nghĩa: kim chỉ nam: kim có nam châm dùng để chỉ phương hướng. Khi nói về chủ trương, đường lối ... và nói một cách văn vẻ hơn, nó còn có ý "điều chỉ dẫn đường lối đúng". phương nam: chỉ một phương trong bốn phương, nằm ở phía tay phải của người đang ngoài mặt về phía Mặt Trời. nam quyền: khái niệm chỉ các phái võ ở miền Nam Trung Hoa và có nguồn gốc từ Nam Thiếu Lâm ở Toàn Châu và tỉnh Phúc Kiến là chủ yếu. nam sinh: chỉ học sinh nam. nam tính: chỉ giới tính nam. b. Nhóm các từ chỉ thủy 1: thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy (ý chỉ sự bắt đầu, đầu tiên). <u>Nhóm các từ chỉ thủy2: thủy triều, thủy lực, hồng thủy (ý chỉ nước).</u> Giải nghĩa: thủy tổ: là vị tổ đầu tiên, người khai sinh, người sáng lập ra một dòng họ, một cộng đồng tộc người, một dân tộc, một quốc gia thậm chí cả loài người. thủy triều: hiện tượng nước <u>biển</u>, nước <u>sông</u>... lên xuống trong một chu kỳ thời gian phụ thuộc biến chuyển <u>thiên văn</u>. thủy lực: môn khoa học lý giải về sự chuyển động cũng như vận chuyển lực của một chất lỏng tồn tại trong môi trường giới hạn nào đó.								

	hồng thủy: đại thảm họa khủng khiếp được nhắc đến trong truyền thuyết của nhiều tôn giáo và nhiều dân tộc trên thế giới. Nó được miêu tả là một trận lụt cực lớn và đối với Kinh Thánh là sự trừng phạt của Thiên Chúa do sự suy đồi đạo đức, thoái hóa biến chất của loài người. khởi thủy: là đầu tiên, trước hết bắt đầu cho một quá trình nào đó thường là lâu dài. nguyên thủy: thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của loài người, cho đến trước khi bước vào xã hội có giai cấp và có nhà nước. <u>c. Nhóm các từ chỉ giai1: giai cấp, giai đoạn, bách niên giai lão (ý nói về dài, nhiều)</u> <u>Nhóm các từ chỉ giai2: giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại.</u> Giải nghĩa: giai cấp: những tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định. Giai cấp không phải tồn tại trong tất cả các xã hội khác nhau của lịch sử và nó không thể tồn tại vĩnh viễn và tuyệt đối. giai điệu: một chuỗi nối tiếp của các nốt nhạc (các cấp độ hay tầng dao động sóng âm thanh) mà người nghe nhận thức như một thực thể duy nhất. giai phẩm: một phong trào văn hóa mang xu hướng chính trị của một số văn nghệ sĩ, trí thức sống ở miền Bắc dưới chính quyền Việt Nam. Câu hỏi 4. Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt một câu với mỗi thành ngữ: - vô tiền khoáng hậu - dĩ hòa vi quý - đồng sàng dị mộng - chúng khẩu đồng từ - độc nhất vô nhị <u>Điều</u> chưa từng <u>xảy ra</u> trong <u>quá khứ</u> và cũng rất khó xảy ra trong <u>tương lai</u>. - Ý nghĩa cả câu khuyên con người ta giao tiếp hòa thuận, hòa nhã khi tiếp xúc lẫn nhau. Việc hòa hợp, nhường nhịn lẫn nhau sẽ giúp cải thiện mối quan hệ giữa hai người. (Nghĩa đen) Cùng nằm một giường mà giấc mơ khác nhau. (Nghĩa bóng) Sống gần nhau, nhưng không cùng một chí hướng. Vợ chồng đồng sàng dị mộng. - chúng: đồng người; khẩu: miệng; đồng: cùng; từ: lời): Nhiều người cùng nói một ý giống nhau: Chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết (tng).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm một số từ Hán Việt, giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sưu tầm một số từ Hán Việt, giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện sưu tầm và giải nghĩa từ vừa tìm được

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV nhắc HS hệ thống lại cách nhận biết từ đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt.

+ Ôn tập, nắm được nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt

+ Soạn bài *Lai tân* (Chủ tịch Hồ Chí Minh)

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

Nhận biết và phân tích được giọng điệu trào phúng được thể hiện trong bài thơ.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lai tân*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong bài thơ

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về Hồ Chí Minh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Hãy kể tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Lai tân*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Lai tân*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận. - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung. - Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam. - Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. - Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan. - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc. - Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn nhà thơ lớn. - Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới. 2. Tác phẩm. a. Xuất xứ: Là bài thơ thứ 97, trích <i>Nhật kí trong tù</i> Hồ Chí Minh b. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác trong khoảng bốn tháng đầu của thời gian HCM bị giam giữ tại các nhà tù của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc ở Quảng Tây. c. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. d. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm e. Bố cục: 2 phần - Phần một (Ba câu đầu): Hiện thực xã hội Lai Tân. - Phần hai (Câu thơ cuối): Bình luận của tác giả.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Nhận biết và phân tích được giọng điệu trào phúng được thể hiện trong bài thơ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy cho biết mục đích những việc thường làm của ban trưởng nhà giam và cảnh trưởng. Căn cứ vào đâu em khẳng định như vậy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận. - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. Nhiệm vụ 2: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn, trả lời câu hỏi: + <i>Giọng điệu trào phúng của câu thơ thứ ba có gì khác biệt so với hai câu thơ đầu?</i> + <i>Theo em, nội dung câu kết có mâu thuẫn với nội dung các câu thơ trước không?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận. - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	II. Khám phá văn bản. 1/ Chân dung của những kẻ đứng đầu trong bộ máy quản lí nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Lai Tân. Ban trưởng chính là người giám ngục thì ngày này qua ngày khác chỉ biết đánh bạc. - Cảnh trưởng cố tình ăn tiền bòn vét, đút lót của phạm nhân. - Huyện trưởng: chong đèn làm việc công thực chất ở đây ám chỉ việc hút thuốc phiện. + Lần lượt từng tên, hiện ra rõ mồn một, tất cả đều là người thực hiện pháp luật, thực thi công lí, làm nhiệm vụ đem lại một cuộc sống công bằng. Nhưng không, họ lại làm những hành động không đúng với bản phận, trái với pháp luật, đều hoàn toàn vô trách nhiệm. -> Đó là những kẻ đại diện thực thi, bảo vệ công lí, pháp luật nhưng hành vi lại phi pháp. - Nhà tù là nơi cải hoá người xấu thành người tốt nhưng với những tên cai quản nhà tù như thế kia thì thực chất của loại nhà tù này là gì là điều dễ hiểu. Một kiểu nhà tù bằng cách như thế làm sao xã hội có thể thái bình thực sự được. 2. Giọng điệu trào phúng của bài thơ. Một trong những bút pháp để tạo ra tiếng cười trong nghệ thuật trào phúng là khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên. - Ở đây, mâu thuẫn được tạo dựng bởi kết cấu bài thơ. Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường theo lẽ thường. Lẽ ra với những gì trình bày trong ba câu trên, tác giả phải kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội, nhưng ngược lại, tác giả lại kết luận “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”, cái bất thường bỗng chốc trở thành cái bình thường.

	=> Đó là tiếng cười được tạo ra một cách chua cay. - Để tiếng cười trở nên mạnh mẽ, sâu sắc và độc đáo, tác giả đã đưa ra ba hình tượng (Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng) gắn liền với ba hiện tượng (đánh bạo, ăn hối lộ, hút thuốc phiện) và không dừng lại ở đó, Hồ Chí Minh còn nâng sự việc lên tầm phổ quát và phổ biến bằng các từ lặp lại như ngày ngày, đêm đêm, y nguyên như cũ... Những hiện tượng đó đủ để chúng ta kết luận xã hội Lai Tân đang rối loạn. - Nhưng bất ngờ thay, tác giả lại kết luận là đang thái bình. Hoá ra, rối loạn hay thái bình không còn phụ thuộc ở hiện thực khách quan theo logic tự nhiên nữa mà phụ thuộc vào cách nhìn hiện thực khách quan đó. Nếu người khác nhìn thì cho đó là loạn nhưng với bộ máy quan lại Lai Tân thì đó là thái bình. => Người đọc luôn cười nhưng lại là điệu cười chua chát vì sự thật đã bị bóp méo một cách trần trụi, lẽ thường cuộc sống đã bị chà đạp không thương tiếc. 3. Đối tượng phê phán trong bài thơ - Bài thơ được viết vào giai đoạn đất nước Trung Quốc bị phát xít Nhật xâm lược, nhân dân Trung Quốc phải rên xiết dưới sự thông trị của ngoại bang và sâu một trong bộ máy quan lại chính quyền Tưởng Giới Thạch. - Bộ mặt quan lại nhà tù Lai Tân được Hồ Chí Minh khắc hoạ đầy đủ, rõ nét với chỉ bốn câu thơ. Không những thế, bài thơ còn phê phán tình trạng thối nát phổ biến của bộ quan lại và xã hội Trung Quốc dưới thời cầm quyền của Quốc dân đảng. III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật. - Ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực. - Lối viết mỉa mai sâu cay. - Bút pháp trào phúng. 2. Nội dung. Bài thơ miêu tả thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lai tân*.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc.

c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ Lai Tân qua lời nhận xét: " Trời đất Lai Tân vẫn thái bình".

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Lai tân liên hệ trách nhiệm bản thân

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để liên hệ trách nhiệm bản thân.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Em hãy bày tỏ quan điểm cá nhân trước chế độ cai trị của nhà tù Trung Quốc được thể hiện trong văn bản.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thực hiện trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá.

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm thể thơ.

- Thái độ của tác giả trước chế độ Tưởng Giới Thạch.

- Chuẩn bị cho kiến thức tiếng việt “ Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ”.

TIÊU CHÍ	CĂN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 48: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

A. KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Đặt câu hỏi gợi mở: “Em đã từng gặp khó khăn khi lựa chọn từ ngữ phù hợp khi viết văn hoặc làm bài tập của GV cho chưa? Nếu có, em giải quyết nó như thế nào?”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV đặt câu hỏi phát vấn ““Em đã từng gặp khó khăn khi lựa chọn từ ngữ phù hợp khi viết văn hoặc làm bài tập của GV cho chưa? Nếu có, em giải quyết nó như thế nào?”
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.

- Phần trả lời của học sinh.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được kiến thức về sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 86 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ - Nhóm từ Hán Việt thường có sắc thái nghĩa cổ kính, trang trọng hoặc khái quát, trừu tượng, khác hẳn với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt. + Sắc thái cổ kính, ví dụ: Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp (Huy Cận-Tràng giang). Nếu thay tràng giang bằng sóng dài thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này. + Sắc thái trang trọng, ví dụ Hôm nay phu nhân Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng. Cách dùng từ phu nhân (thay vì dùng từ vợ) phù hợp với vị thế của người được nói đến + Sắc thái khái quát trừu tượng, ví dụ Các phụ huynh rất mong được biết kết quả học lớp, tên luyện của đơn phi mình. Từ phụ huynh không thể thay thế bằng từ cha anh

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 86 – 87.

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. Bài tập SGK trang 86 – 87. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.	II. Luyện tập Câu hỏi 1. a. ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lùn có sắc thái châm biếm.

- HS trình bày trước lớp. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận. - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá.	b. cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu ngầu mang sắc thái nghĩa chê bai. c. lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai. d. chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn chậm chạp mang sắc thái tiêu cực. Câu hỏi 2. a. Năm từ Hán Việt trong đoạn trích: loạn lạc, gian nan, giả hiệu, triều đình, thác mệnh. loạn lạc: tình trạng hỗn loạn, trật tự mất hết trong một nước gian nan: có nhiều khó khăn gian khổ phải vượt qua. giả hiệu: chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải, cốt để đánh lừa. độc lập giả hiệu triều đình: nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương, do vua trực tiếp đứng đầu, của nhà nước quân chủ. thác mệnh: ỷ lại b. Thời kì loạn lạc của đất nước khiến mọi thứ bị trì trệ. Công việc của tôi càng ngày gian nan. Cô gái giả hiệu mẹ của đứa trẻ nhằm đánh lừa mọi người đi đường để bắt cóc đứa bé ấy. Triều đình ta ngày càng thịnh vượng. Anh ta đã thác mệnh cho đồng đội. Câu hỏi 3. a. Không vì nếu thay đổi sẽ mất đi sắc thái nghĩa khái quát, trừu tượng. Từ vĩ đại thường mang một ý nghĩa, sự kiện liên quan đến tầm vóc lớn lao, trọng đại. Từ to lớn thường chỉ sự vật, con người mang tính hẹp hơn. b. Không vì nếu thay đổi như thế sẽ mất đi sắc thái trang trọng trong từng câu văn. Câu hỏi 4. a. phu nhân: vợ đế vương: vua thiên hạ: thế gian, trời đất. nội thị: người hầu, kẻ hạ, thái giám. b. Việc sử dụng các từ in đậm đã đem lại sắc thái trang trọng cho câu văn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn thể hiện tình yêu quê hương đất nước sử dụng sắc thái từ ngữ trang trọng, phù hợp.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Viết đoạn văn ngắn khoảng 12 câu thể hiện tình yêu quê hương đất nước sử dụng sắc thái từ ngữ trang trọng, phù hợp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá.

*** Hướng dẫn về nhà.**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được đặc điểm của sắc thái từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

+ Soạn bài Đọc VB 3: *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng*

TUẦN 13

NGÀY SOẠN: 23/11/2023

TIẾT 49: MỘT SỐ TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG

TIẾT 50, 51, 52: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (THƠ TRÀO PHÚNG)

TIẾT 49: MỘT SỐ TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS chỉ ra được đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng trong văn bản
- HS trình bày cách hiểu về giọng điệu trào phúng thông qua một số nhận định trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giọng điệu trào phúng trong văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Tự giác học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: HS chia sẻ những hiểu biết và những điều muốn tìm hiểu vào phiếu KWL

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi “Em đã được học và mong muốn biết thêm nội dung nào ở thể thơ trào phúng?” Hãy điền vào bảng KWL sau

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác phẩm Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Trần Thị Hoa Lê 2. Tác phẩm Tập chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 9/2022

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS chỉ ra được đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng trong văn bản

- HS trình bày cách hiểu về giọng điệu trào phúng thông qua một số nhận định trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận các câu hỏi: + Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì? Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhắm tới? + Văn bản đề cập đến những giọng điệu nào của tiếng cười trong thơ trào phúng? Hãy chỉ rõ dấu hiệu để nhận biết từng giọng điệu - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. * Tiếng cười trong văn chương xuất hiện muộn và không đều đặn trong các tác phẩm văn học viết thời trung đại. Đặc biệt ở thể loại truyện ngắn/truyện văn xuôi chữ Hán, phải đến cuối thế kỷ XIV sang thế kỷ XVI, tiếng cười hiếm hoi mới thực sự xuất hiện một cách dè dặt. Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống. Khác với thơ lãng mạn, thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rơm dòi, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Vạch mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay.	II. Khám phá văn bản: 1. Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng. - Đối tượng miêu tả, thể hiện trong văn học trào phúng là sự bất toàn của con người, cuộc sống. - Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể mà tiếng cười trào phúng thường nhắm tới: những thói xấu (tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt...), tham quan trong xã hội xưa, tình trạng đạo đức gia đình và xã hội xuống cấp nghiêm trọng, 2. Những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng. - Những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng: hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích. - Từng giọng điệu đều có những dấu hiệu nhận biết rõ ràng: + Hài hước: cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc. + Mỉa mai – châm biếm: cách tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,... + Đả kích: thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả, có thể là những ngôn từ mang tính “mắng chửi”, có phần suồng sã, thô mộc. 3. Nhận định. - "Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn". III. Tổng kết. 1. Giá trị nội dung Văn bản đề cập đến những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích... qua đó thể hiện nét đặc trưng trong nghệ thuật trào phúng trong văn học Việt Nam. 2. Giá trị nghệ thuật

	- Luận điểm ngắn gọn, tập trung, sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Luận cứ xác đáng, toàn diện, nhận xét sâu sắc. - Luận chứng phong phú, cụ thể, xác thực.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các giọng điệu của tiếng cười trào phúng mà văn bản đề cập

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các giọng điệu của tiếng cười trào phúng mà văn bản đề cập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng để trả lời câu hỏi

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vận dụng tri thức từ văn bản Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng, em hãy cho biết: Hai bài thơ Lễ xướng danh khoa Đình Dậu và Lai Tân sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV hệ thống lại các yếu tố cơ bản của thơ trào phúng.

+ Nắm được các nội dung chính của văn bản.

+ Soạn bài “Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học” (thơ trào phúng)

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

**TIẾT 50, 51, 52: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
(THƠ TRÀO PHÚNG)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu bài: bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Em đã học những tác phẩm nào thuộc thể thơ trào phúng? Kể tên và nêu tóm tắt nội dung của bài thơ đó*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài

a. Mục tiêu: HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận <i>+ Một bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) cần đảm bảo yêu cầu gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Yêu cầu: - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ. - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận. + Bài viết đã giới thiệu vấn đề nghị luận nào? + Người viết đã dùng lí lẽ và bằng chứng như thế nào để làm rõ luận điểm chính. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	II. Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống. 1. Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ. - Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn nổi tiếng với một hồn thơ phóng khoáng. - Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống ra đời từ sự bức xúc khi bà nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt: một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn mà vẫn được lập đền thom bà đã không ngại ngần cất tiếng cười giễu cợt. 2. Phân tích nhan đề và đề tài. - Chữ "đề" trong nhan đề bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp "tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. - Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn đâu có được ngợi ca mà là đả kích, khinh thường. 3. Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề. - Hai câu đầu tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thất cổ chết. “Trăm năm bia đá chẳng mòn – Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Bà ứng khẩu thành thơ: “Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”. - “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dể. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. - Nữ sĩ tả qua ngôi đền, tả thực bằng hai nét: mặt tiền là cái “bảng treo”; thế đứng của ngôi đền rất “cheo leo”, không chút uy nghi, vững vàng, lại heo hút! Những đền đài tráng lệ thường treo đại tự, hoành phi son son thiếp vàng, nhưng đền Sầm Nghi Đống chỉ có cái “bảng treo”, tầm thường quá! Một nét vẽ châm biếm thân tình – Hai tiếng “Thái thú” là một lời kết tội đanh thép đối với bọn quan lại tướng tá Thiên Triều, lũ con cháu của Tô Định, Mã Viện... ngày xưa.

	4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng. - Từ kìa hàm ý chỉ trở, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngấm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thềm lại gần. - Từ cheo leo vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng. = > Câu thơ cho thấy dù là một viên tướng được thờ phụng, dù là một ngôi đền được xây cao thì trong mắt của nữ thi sĩ thì đó là một thứ rẻ rúng, coi thường và sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền đã biến mất sạch sẽ trong mắt nữ thi sĩ. 5. Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ. - Đề đền Sầm Nghi Đống là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược, góp phần củng cố thêm lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam. - Bài thơ cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương – một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu “Bà Chúa Thơ Nôm”.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

- a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV nhận xét, chốt: <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.	III. Thực hành viết 1. Trước khi viết. a. Lựa chọn đề tài. Liệt kê các bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc (gợi ý: Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến), Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương) ...). Chọn trong số đó một bài thơ em cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích.

- GV mời 2 HS đọc **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý** trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).

- GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS đọc thông tin về **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý** trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

:

Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*

b. Tìm ý.

Để tìm ý cho bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, em cần thực hiện các bước sau:

- Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần.

- Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm.

- Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ...), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ...)

- Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích.

c. Lập dàn ý

Tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Riêng phần Thân bài có thể lập dàn ý theo một trong hai phương án: theo bố cục bài thơ hoặc theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

Dàn ý

- Mở bài: Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)...

- Thân bài: Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống ý tương ứng.

Phương án 1: Phân tích theo bố cục bài thơ:

+ Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

+ Ý 2: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng).

+ ...

Phương án 2: Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật:

+ Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán...)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.

- GV yêu cầu HS đối vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.

+ Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ... đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười)

+ ...

- Kết bài: Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

2. Viết bài.

- Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc.

- Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trago phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ.

- Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung.

3. Chỉnh sửa bài viết

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu phân tích một bài thơ trào phúng và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau:

- Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.

- Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.

- Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà.**

- GV hướng dẫn HS khái quát lại yêu cầu của bài văn phân tích 1 tác phẩm văn học.

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

+ Soạn trước bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bài viết tham khảo:

Vũ Trọng Phụng không chỉ được biết đến là “ông vua phóng sự đất Bắc” mà còn được biết đến là một nhà tiểu thuyết hiện thực đại tài. Dù thời gian sáng tác ít ỏi, nhưng ông đã để lại cho văn học Việt Nam hiện đại những tác phẩm xuất sắc: Giông tố, Số đỏ, Kỹ nghệ lấy tây, ... Các tác phẩm của ông thường đi sâu phân tích, khám phá những mâu thuẫn trong đời sống, phê phán lối sống giả dối của xã hội thượng lưu đương thời thông qua nghệ thuật trào phúng đặc sắc. Tất cả những đặc điểm đó đã được phản ánh trong đoạn trích: Hạnh phúc một tang gia trích từ tiểu thuyết Số đỏ.

Trước hết ta cần hiểu nghệ thuật trào phúng là gì? Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật tạo nên những mâu thuẫn, tạo nên những tiếng cười mang tính chất đả kích, châm biếm sâu cay những hiện tượng đáng cười trong xã hội, từ đó tạo nên tiếng cười mang dụng ý phê phán và lên án xã hội.

Trước hết nghệ thuật trào phúng được thể hiện ở mâu thuẫn trào phúng. Mâu thuẫn này đã được bộ lộ ngay từ nhan đề của tác phẩm. Hạnh phúc vốn là khái niệm chỉ

trạng thái tâm lí vui sướng, hân hoan khi đạt được điều gì đó. Còn tang gia vốn là một nỗi buồn, nỗi đau cho các thành viên trong gia đình cũng như người xung quanh. Còn trong trường hợp này, tang gia lại trở thành niềm vui, sự hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Cả gia đình cụ cố Hồng đều cho sự sống của cụ cố tổ là bất thường, bởi cụ đã sống quá lâu, số tài sản mà họ mong ngóng mãi không thể nhận được. Bởi vậy, việc Xuân Tóc Đỏ làm cho cụ cố tổ tức chết đã làm mãn nguyện tất cả những thành viên trong gia đình, từ đây tài sản kếch xù mà họ nhòm ngó bấy lâu nay sẽ được chia. Trong niềm vui chung được nhận gia sản, mỗi người họ lại có những niềm vui riêng, niềm vui của họ quả là muôn màu, muôn vẻ. Cụ cố Hồng hám danh, thích khoe mẽ, thì đây chính là cơ hội để cụ được mặc bộ đồ xô gai, lụ khụ chống gậy để cho người ta khen: “úi kìa, con gia nhớn đã già thế kia à”, để người ta thấy phúc phận mà người chết được hưởng. Vợ chồng Văn Minh và TYPN thì lại sung sướng khi có thể biến đám tang thành sàn diễn thời trang, lăng xê những mẫu quần áo mới nhất của họ. Còn ông Phán mọc sừng nhận ra giá trị lớn đôi sừng trên đầu, vì đôi sừng đó mà lão nhận thêm được vài nghìn trong số gia sản tiền đền bù danh dự. Cô Tuyết ngây thơ được trưng diện những bộ đồ hở hang, “ngây thơ” chứng tỏ mình còn trong trắng. Riêng với cậu Tú Tân, cậu sẽ được đem chiếc máy ảnh vào thực hành. Không chỉ vậy, những kẻ ngoài gia đình cũng tìm được hạnh phúc cho mình: Min Đơ Min Toa đang thất nghiệp bỗng có việc làm; bàn bè cụ cố có dịp khoe huân chương đầy ngực... Ngoài ra mâu thuẫn trào phúng còn phải kể đến Xuân Tóc Đỏ: hắn là người gây ra cái chết của cụ cố, vốn có tội lại thành có công, sự vắng mặt của Xuân khiến cho tất cả mọi người phải lo lắng: “Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn”. Như vậy một gia đình tự gán cho mình cái mác văn minh, một xã hội âu hóa nhưng đều là những kẻ bất hiểu, độc ác, đây là xã hội lố lăng, không có chút tình người.

Không chỉ vậy, để tô đậm chất trào phúng trong đoạn trích, Vũ Trọng Phụng đã lựa chọn những chi tiết đắt giá, đầy ẩn tượng. Đó là cảnh đám ma đông vui, ồn ã như một đám hội. Đám ma đó là sự kết hợp lố lăng, Tây – Tàu – Ta lẫn lộn, người đi rước chẳng chút buồn thương, họ không hề quan tâm đến người chết. Kẻ thì nói chuyện chồng con, hàng xóm, kẻ thì tận dụng cơ hội để chim chuột nhau,... “đám cứ đi” và tiếp tục câu chuyện của mình. Điệp từ “đám cứ đi” được lặp đi lặp lại nhiều lần cho thấy sự giả tạo, đi chậm lại không phải quyến luyến, tiếc thương mà là để cố khoe sự giàu có, hào nhoáng của gia đình, của đám tang.

Quay đến cận cảnh, Vũ Trọng Phụng hướng ngòi bút vào cậu Tú Tân đang hò hét, la ó mọi người đứng tư thế sao cho đẹp nhất để cậu chụp ảnh, người phải chống gậy, kẻ phải gục đầu, người phải lau nước mắt,...; bà Văn Minh sốt ruột,... cụ cố Hồng méo mồm, khóc ngất đi; còn ông Phán mọc sừng trong lúc đau đớn khóc oạt cả người vẫn tận dụng cơ hội để tạo ra một cuộc mua bán, trao đổi chóng vánh với Xuân Tóc Đỏ, tờ năm đồng được gấp làm tư, nhanh chóng đưa vào tay Xuân Tóc Đỏ cùng với đó là niềm hi vọng sẽ có cơ hội hợp tác ở những lần khác hiệu quả hơn nữa. Họ quả là những kẻ diễn viên đại tài.

Ngoài ra còn phải kể đến ngôn ngữ trào phúng, phóng đại bậc thầy. Vũ Trọng Phụng rất tinh tế khi sử dụng các từ ngữ gây cười, từ cách gọi tên sự vật: lợn quay đi lọng, lốc bốc xoảng, bú dích... đến cách đặt tên các nhân vật: TYPN, Min Đơ, Min Toa, ông Phán mọc sừng, sư cụ Tăng Phú... đều diễn đạt một cách ý nhị thái độ châm biếm của ông. Những hình ảnh so sánh ví von hài hước: Cảnh sát không được biên phạt buồn như nhà buôn vỡ nợ; Từ chối việc chạy chữa như những vị danh y biết tự trọng... diễn tả chính xác bản chất nhân vật và sự thối nát của xã hội. Hình ảnh đậm tính chất trào phúng: “Tuyết đi mời các quan khách rất nhanh nhẹn, trên mặt lại hơi có một vẻ buồn

lãng mạn rất đúng một nhà có đám” ... Giọng văn đậm chất châm biếm: Thật là một đám ma to tát; Cái chết kia làm cho nhiều người sung sướng lắm... Tất cả những yếu tố nghệ thuật đó đã tạo nên giá trị mỉa mai sâu cay, đặc sắc, tố cáo, vạch trần sự giả dối, đều cáng trong nhân cách của những kẻ giàu có trong xã hội đương thời.

Bằng bút pháp trào phúng đặc sắc, giọng điệu châm biếm, trào phúng sâu cay Vũ Trọng Phụng đã vô cùng thành công khi vạch trần bộ mặt xã hội giả dối, bất nhân. Tiếng cười bật lên vừa hóm hỉnh vừa sắc sảo, qua đó thể hiện thái độ coi thường, kinh bỉ cái xã hội ô nhiễm, đồi bại, tầng lớp thị dân lối sống bệch đương thời.

TUẦN 14

NGÀY SOẠN: 3/12/2023

TIẾT 53: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI- Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG

**TIẾT 54, 55, 56: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN
BÀI 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI HƯỚC**

TIẾT 53: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI- Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức:

- Với tư cách người nói: Biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống sao cho lan tỏa được tới người nghe, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Với tư cách người nghe: Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tôn trọng người nói; ghi nhận những suy nghĩ của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Về năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác .

- Biết trình bày ý kiến, cảm nhận của bản thân về một vấn đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.

3. Về phẩm chất:

- Biết ơn, yêu đời, yêu cuộc sống.

- Có lối sống tích cực

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.

- Bài giới thiệu một vấn đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.

- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.

- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video về “ một vấn đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống” và giao nhiệm vụ cho HS.

? Nội dung của đoạn video? Thông điệp mà đoạn video muốn truyền đạt đến chúng ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Trình bày ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống	
TRƯỚC KHI NÓI	
a) Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói b) Nội dung: - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? <i>Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?</i> - <i>Xác định phạm vi trình bày (Ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng,...).</i> ? <i>Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?</i> ? <i>Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống?</i> + <i>Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?</i>	1. Chuẩn bị nội dung nói - Xác định mục đích nói và người nghe: <i>Trình bày ý kiến của em về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống để tìm sự chia sẻ, đồng tình của người nghe.</i> - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

+ Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào? + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì? + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS tập nói trước nhóm/tổ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

TRÌNH BÀY BÀI NÓI	
a) Mục tiêu: - Luyện kỹ năng trình bày bài nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. b) Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HD viết & nhận xét HD nói của bạn. c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của đã chuẩn bị trước - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HD của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

+ Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể. + Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằng chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,...). + Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.	

SAU KHI NÓI	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c) Sản phẩm: Bài nói và nhận xét về HĐ nói của từng HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số' gợi ý sau: + Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không? + Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào? + Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

nghe,... của người nói có thuyết phục không? + Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập. *Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đã kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.*

Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

* Hướng dẫn tự học:

- HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài 5 “ Những câu chuyện hài hước”

TIẾT 54, 55, 56: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN BÀI 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI HƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

- Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

2. Về phẩm chất

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về tác giả Mô-li-e và văn bản “Trưởng giả học làm sang”.
- Các phiếu học tập (phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản 1: TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ (3’)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập.

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV chiếu hình ảnh cho HS chơi trò chơi Đuổi hình bắt chữ và nêu vấn đề: + Quan sát hình ảnh sau và cho biết hình ảnh này gợi em nghĩ đến câu thành ngữ nào? + Em hiểu câu thành ngữ này như thế nào?  typpic.com - HS nhìn hình, đoán câu thành ngữ và chia sẻ. - GV giới thiệu bài học: “Cái cười là một trong những vũ khí công phá mạnh mẽ nhất [...], có sức huỷ diệt và thiêu đốt như một tia sét. Những thần tượng sụp đổ vì cái cười, vòng hoa và son son thếp vàng trên thần tượng cũng rơi rụng”⁽¹⁾. Khi cười nhạo các thói tật xã hội, cái hài đã tạo điều kiện để khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Có rất nhiều cách thức, loại hình nghệ thuật để tạo nên tiếng cười trong cuộc sống, nếu như ở bài 4, chúng ta đã được biết đến	- HS đoán được câu thành ngữ “<i>một nụ cười bằng 10 thang thuốc bổ</i>” và chia sẻ về ý nghĩa của nụ cười.

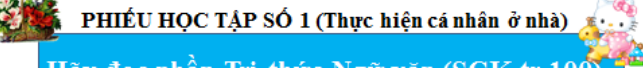
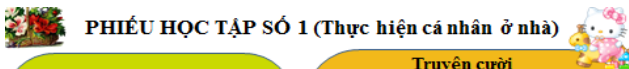
tiếng cười trào phúng trong thơ thì trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng khám phá một trong những cách thức tạo ra tiếng cười đầy thú vị đó là qua những câu chuyện hài - bài 5.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1 Hoạt động 2.1: Tìm hiểu *Giới thiệu bài học* và khám phá *Tri thức Ngữ văn*

a. Mục tiêu: Xác định được chủ đề bài học, thể loại văn bản. Khám phá Tri thức Ngữ văn về thể loại Hài kịch và Truyện cười.

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu Giới thiệu bài học - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài. - HS trả lời, nhận xét, bổ sung - GV nhận xét và kết luận. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn - GV gọi 2 HS lên trình bày phiếu học tập số 1 (đã giao về nhà)  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Thực hiện cá nhân ở nhà) Hãy đọc phần Tri thức Ngữ văn (SGK tr 100) và thực hiện các yêu cầu sau: Hài kịch - Khái niệm:..... - Các yếu tố cơ bản:..... - Các thủ pháp trào phúng thường sử dụng:..... Truyện cười - Khái niệm:..... - Các yếu tố cơ bản:..... - Các thủ pháp trào phúng thường sử dụng:..... - Các thể loại truyện cười:..  - HS trình bày phiếu học tập số 1, nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá và kết luận, nhấn mạnh những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại như xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại trong hài kịch; cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện cười; và cần nhận ra các thủ pháp trào phúng ở mỗi thể loại. - GV cho HS bổ sung phiếu (nếu cần) và dán vào vở.	A. Giới thiệu bài học và khám phá tri thức Ngữ văn. 1. Giới thiệu bài học – Chủ đề: Những câu chuyện hài – Thể loại đọc chính: Hài kịch (văn bản 1), Truyện cười (văn bản 2), Ca dao trào phúng (văn bản 3). 2. Tri thức Ngữ văn  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (Thực hiện cá nhân ở nhà) Hài kịch - Khái niệm: Hài kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu, cái lỗi bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực về cái tốt đẹp, tiến bộ. - Các yếu tố cơ bản: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại. - Các thủ pháp trào phúng thường sử dụng: tạo tình huống kịch tính, cái trang, dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại,... Truyện cười - Khái niệm: là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí. - Các yếu tố cơ bản: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. - Các thủ pháp trào phúng thường sử dụng: sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trở trêu, nghịch lý; bối cảnh thường bị cường điệu hóa, có yếu tố bất ngờ,... - Các thể loại truyện cười: truyện dân gian, truyện kể của văn học viết. 

2.2. Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản "*Trưởng giả học làm sang*"

2.2.1. Hoạt động 2.2.1. Mở đầu giới thiệu văn bản

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung học tập.

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV chiếu hình ảnh gợi ý và nêu vấn đề:  Xuân Hình  Xuân Bắc  Sắc-lô (Anh)  Mr Bean (Anh) + Hãy chia sẻ những cảm nhận của em về một diễn viên hài hoặc bộ phim, tiểu phẩm, chương trình hài mà em yêu thích? + HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung. + GV nhận xét và giới thiệu bài học: <i>Trong xã hội thường có những kẻ học đòi khiến cho bản thân trở nên lố bịch và trơ trẽn. Bất bình trước thói học đòi của một số kẻ thích làm sang theo lối thượng lưu nhưng lại thiếu hiểu biết đã gây cười cho thiên hạ, nhà viết kịch Mô- li-e đã thể hiện điều đó qua nhân vật ông Giuốc - đanh mà chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.</i>	

2.2.2. Hoạt động 2.2.2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố cơ bản của thể loại Hài kịch như xung đột, hành động kịch, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong hài kịch. Cụ thể là nhận biết, phân tích được xung đột (mâu thuẫn, tương phản) giữa ý muốn học đòi thành quý tộc (hám danh) và sự thiếu hiểu biết, ngớ ngẩn đến mức trở thành trò cười của một nhà buôn (người thuộc tầng lớp bình dân) là ông Giuốc-đanh. Từ đó, đánh giá về tính cách lố lăng, trượng giả học làm sang của nhân vật.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của văn bản: làm nổi bật sự kì cục, lố lăng của một trượng giả học đòi làm quý tộc.

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<i>Nhiệm vụ 1: đọc văn bản</i> - GV tổ chức cho HS đọc phân vai + 1 HS đọc lời dẫn, 1 HS vai ông Giuốc - đanh, 1 HS vai bác phó may, 1 HS vai thợ phụ, 1 HS vai Ni-côn. - Sau khi đọc GV lưu ý HS về một số từ khó phần chú thích và yêu cầu HS tóm tắt đoạn trích. - HS tóm tắt, nhận xét, bổ sung - GV nhận xét và kết luận. <i>Nhiệm vụ 2: tìm hiểu chung về văn bản</i> - GV gọi 2 HS trình bày phiếu học tập số 2 (đã giao về nhà), 1 HS trình bày về tác giả, 1 HS trình bày về văn bản. Họ và tên: Lớp: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (thực hiện ở nhà) TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ MÔ-LI-E  TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN TRƯỜNG GIẢ HỌC LÀM SANG Thể loại: Xuất xứ, bối cảnh: Phương thức biểu đạt chính: Các nhân vật, chỉ rõ nhân vật chính trong đoạn trích: Vị trí của đoạn trích: Bố cục của đoạn trích: - HS trình bày, nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, đánh giá và kết luận <i>Nhiệm vụ 3: tìm hiểu chi tiết về văn bản</i> <i>Hoạt động 1: Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh</i> Hoạt động 1.1 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với bác phó may khi nhận lễ phục. - GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lóp V Hối thứ hai và trả lời các câu hỏi sau: + Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may xoay quanh những chuyện gì? Hành động và thái độ mỗi người trong cuộc đối thoại này ra sao? + Trong cuộc đối thoại này, lời thoại của các nhân vật theo hình thức nào? + Theo em xung đột kịch trong cuộc đối thoại này là mâu thuẫn giữa cái gì và cái gì? - HS trả lời cá nhân, nhận xét, bổ sung	B. Khám phá văn bản I. Đọc - tìm hiểu chung PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ MÔ-LI-E - Mô-li-e (1622-1673) - Ông vừa là nhà soạn kịch nổi tiếng tài ba và vừa là diễn viên tham gia diễn kịch ở Pháp. - Ông là người sáng lập ra hài kịch cổ điển Pháp. - Những tác phẩm tiêu biểu: Trường học làm vợ (1663), lão hà tiên (1668),... TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN TRƯỜNG GIẢ HỌC LÀM SANG - Thể loại: Hài kịch - Xuất xứ, bối cảnh: Vở kịch "Trường giả học làm sang" viết năm 1664 có 5 hồi. - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự - Các nhân vật, chỉ rõ nhân vật chính trong đoạn trích: Ông Giuốc nhân vật chính, bác Phó may, thợ phụ, người hầu Ni-con. - Vị trí của đoạn trích: Lóp V Hồi thứ hai và Lóp I, II của Hồi thứ - Bố cục của đoạn trích: gồm 3 cảnh chính: ông Giuốc - đanh và bác phó may, ông Giuốc - đanh và thợ phụ, ông Giuốc - đanh và người hầu II. Đọc tìm hiểu chi tiết 1. Nhân vật ông Giuốc - đanh a. Ông Giuốc - đanh và bác Phó may khi nhận lễ phục - Hành động, thái độ: + Khi nhận các đồ vật đặt từ phó may: lúc đầu, ông Giuốc - đanh tỉnh táo nhận ra và than phiền về đôi tất lụa bị chật quá, đôi giày cũng chật gây đau chân nhưng bác phó may đã lảng sang khen bộ lễ phục để đánh lạc hướng ông Giuốc- đanh. + Khi nhận bộ lễ phục, ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược nhưng phó may đã rất khôn khéo vụng chèo khéo chống khẳng định với ông là quý tộc đều mặc như thế và còn đề nghị là sẽ

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6HS hoàn thiện phiếu học tập sau trong thời gian 5 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
(Thảo luận nhóm 6HS trong 5 phút thực hiện tại lớp)

1. Qua cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may, em thấy ông Giuốc-đanh và phó may là những người như thế nào? 	2. Cái đáng cười trong cuộc đối thoại này là ở chỗ nào? Tác giả đã sử dụng thủ pháp trào phúng gì để gây cười?

- HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
(GV nhấn mạnh: Phó may đã biến lỗi của mình thành chiến công, từ tư thế bị động (bị chê trách) sang thế chủ động tấn công lại bằng 2 đề nghị liên tiếp: *Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại, Xin ngài cứ việc bảo.* Hắn rất khôn khéo, ranh mãnh, vụng chèo khéo chống, lợi dụng thói học đòi làm sang, đưa ông Giuốc-đanh vào bẫy; ông Giuốc-đanh thì học đòi làm sang nhưng ngu dốt, bị lợi dụng, bị lừa.)

Hoạt động 1.2 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với tên thợ bạn khi mặc lễ phục.

- GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lóp V Hôi thứ hai và trả lời các câu hỏi sau:
- + Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và đám thợ bạn diễn ra xung quanh việc gì?
- + Địa vị của ông Giuốc-đanh được đám thợ bạn tâng bốc như thế nào? Mức độ tâng bốc? Lí do có sự tâng bốc đó?
- + Thái độ của ông Giuốc-đanh trước những lời tâng bốc của đám thợ bạn?

may lại hoa xuôi để lừa ông Giuốc - đanh khiến ông thuận ý và tin ngay.

+ Ông Giuốc - đanh còn phát hiện việc phó may ăn bớt vải, lợi dụng kiểm chác nhưng ngay lập tức phó may lại khen vải đẹp và lãng sang chuyện đề nghị thử bộ lễ phục để quên đi chuyện hăn ăn bớt vải.

- Lời thoại: lời đối thoại trực tiếp giữa hai nhân vật.

- Xung đột kịch: sự mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu: sự dốt nát của Giuốc - đanh và mưu mô lừa lọc của gã phó may.

- Thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch bất ngờ, thú vị : chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên ông Giuốc - đanh mất khôn, ngờ nghệch, bị lừa gạt ⇒ trở nên nực cười, tên phó may từ thế bị động đã chuyển sang thế chủ động.

b. Ông Giuốc - đanh và thợ bạn khi mặc lễ phục

- Hành động, thái độ:

+ Những tên thợ bạn xúm lại mặc lễ phục cho ông Giuốc - đanh; ông đi đi lại lại phô cái áo mới, đều bước theo điệu nhạc như chú hề.

+ Tên thợ bạn: gọi ông là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi “đức ông” để moi tiền (tâng cấp).

+ Thái độ của ông Giuốc-đanh: sung sướng, hãnh diện, vô cùng thích thú tưởng rằng cứ mặc lễ phục vào là

+ So sánh hình thức lời thoại của cảnh này so với cảnh trước có gì khác biệt?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 (Thảo luận nhóm 6HS trong 6 phút thực hiện)



1. Thái độ và hành động của ông Giuốc-đanh và đặc biệt là câu nói cuối cảnh của ông ta cho ta thấy ông Giuốc-đanh là người như thế nào?
2. Những lời nói của đám thợ bạn chứng tỏ họ là người như thế nào?
3. Cái đáng cười trong cuộc đối thoại này là ở chỗ nào? Tác giả đã sử dụng thủ pháp trào phúng gì để gây cười?

- HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhân xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

(GV nhấn mạnh: **Ông Giuốc-đanh** là người háo danh và ưa nịnh hót, thích học đòi làm sang, sẵn sàng làm sang bằng bất cứ giá nào để được sang trọng. **Đám thợ phụ** là người ranh mãnh, đã dùng mách khéo để nịnh hót mọi tiền của ông Giuốc-đanh. Ở cảnh này gây cười nhiều hơn cảnh trước, có sự tham gia đông nhân vật hơn, kết hợp dàn nhạc, điệu bộ cử chỉ đi lại khoe bộ lễ phục như tên hề của ông Giuốc-đanh.)

Hoạt động 1.3 Tìm hiểu về nhân vật ông Giuốc - đanh trong cuộc đối thoại với người hầu Ni-côn chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục.

- GV yêu cầu HS quan sát văn bản đoạn Lớp I, Lớp II Hồi thứ ba và trả lời các câu hỏi sau:

+ Trong Lớp I, Lớp II ông Giuốc - đanh đã có hành động và thái độ như thế nào?

+ Hành động cười của Ni-côn cho biết điều gì về bộ trang phục của ông Giuốc-đanh? Nếu em là Ni-côn, em có thấy bộ trang phục của ông Giuốc -đanh là đáng cười không? Vì sao?

nghiêm nhiên trở thành quý phái, thích thú và liên tục thưởng tiền cho đám thợ phụ.

- Lời thoại: lời kể chuyện của tác giả, lời thoại trực tiếp của nhân vật và lời độc thoại của ông Giuốc - đanh (*nói riêng*).

- Xung đột kịch: mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và bên trong, giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn và cái thói học đòi sang trọng ở nhân vật ông Giuốc-đanh, mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu: thói học đòi, háo danh sang trọng của lão Giuốc - đanh với những lời nịnh nọt thực dụng của tên thợ phụ.

- Thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch tính, nghệ thuật tăng cấp kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.

⇒ Nhân vật ông Giuốc- đanh mê muội, ngu dốt, ngờ nghệch, chỉ vì thói đòi học làm sang nên đã bị lợi dụng.

c. Ông Giuốc - đanh, Ni-côn và những tên hầu (chuẩn bị đi phố để chưng diện bộ lễ phục)

- Hành động:

+ Ông Giuốc- đanh sai 2 tên hầu đi bám gót để khoe với thiên hạ bộ lễ phục và sự sang trọng của mình, gọi người hầu Ni-côn lên để sai bảo -> thể hiện cung cách của nhà quý tộc.

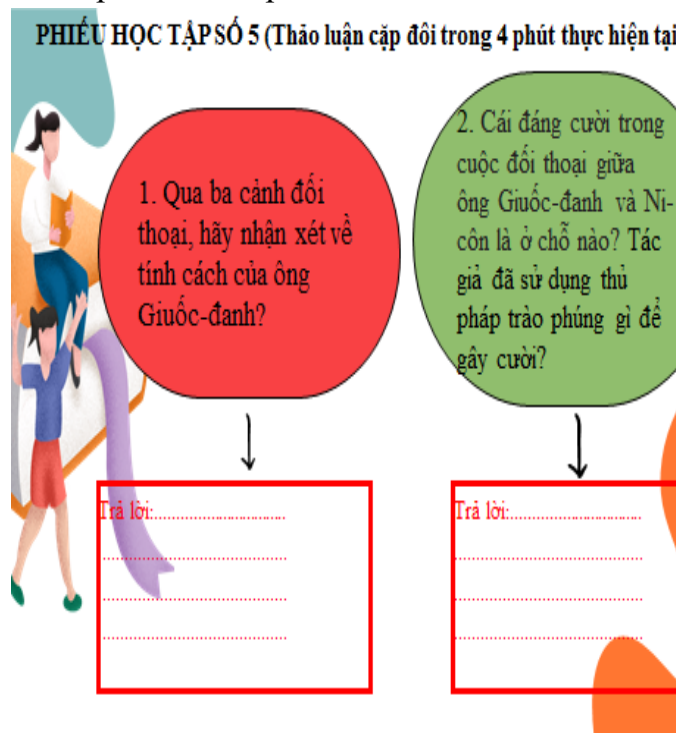
+ Người hầu Ni- côn: liên tục cười không nhin được khi nhìn thấy bộ

(Gợi ý: Hành động cười của nhân vật Ni-côn cho thấy trang phục của ông Giuốc-đanh rất lố lăng, bị thợ may lừa bịp một cách trắng trợn. Điều sơ đẳng nhất là lễ phục phải màu đen, hoa may xuôi, một người hầu còn nhận ra nhưng vì quá háo danh học làm sang, mà ông Giuốc-đanh bị lừa gạt, trở thành trò cười cho chính người hầu của mình)

+ Ngôn ngữ, lời thoại của các nhân vật trong cảnh này có gì đặc biệt?

- HS trả lời cá nhân, nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét và kết luận.
- GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 (Thảo luận cặp đôi trong 4 phút thực hiện tại)



1. Qua ba cảnh đối thoại, hãy nhận xét về tính cách của ông Giuốc-đanh?

Trả lời:.....

2. Cái đáng cười trong cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và Ni-côn là ở chỗ nào? Tác giả đã sử dụng thủ pháp trào phúng gì để gây cười?

Trả lời:.....

- HS thảo luận nhóm, đại diện cặp đôi trình bày, nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Hoạt động 2. *Tìm hiểu về ý nghĩa của văn bản*
GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6HS hoàn thiện phiếu học tập sau:

dạng của ông Giuốc-đanh trong bộ lễ phục may hoa ngược.

+ Thái độ của ông Giuốc-đanh: tỏ ra oai phong với những tên hầu, khó chịu, tức giận, bực mình với thái độ giấu cợt, cười của Ni-côn.

- Lời thoại: lời đối thoại trực tiếp giữa hai nhân vật, mang tính chất khẩu ngữ, ngôn ngữ thông dụng, bình dân, hô ngữ, câu hỏi, câu trả lời, thoại bỏ lửng,...

- Xung đột kịch: sự mâu thuẫn giữa điệu bộ gây cười, sự dốt nát của ông Giuốc-đanh với thái độ thật thà, không dấu được cảm xúc của người hầu Ni-côn.

- Thủ pháp trào phúng: dùng tiếng cười, lời thoại chân thật của người hầu kết hợp dùng điệu bộ gây cười, mỉa mai, châm biếm.

* Nhận xét về tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh: chỉ vì quá ham muốn học làm sang nên ông Giuốc-đanh mất khôn, ngờ nghệch, bị lừa gạt trở nên mê muội, ngu dốt, lố bịch, bị lợi dụng, trở nên nực cười.

2. Ý nghĩa của văn bản

– Tạo tiếng cười sảng khoái cho mọi người, góp phần tẩy rửa, đả phá cái xấu.

- Phê phán thói học đòi làm sang của những người giàu có nhưng ít hiểu biết, ham danh vọng hão huyền, trở thành kẻ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6
(Thảo luận nhóm 6HS trong 5 phút thực hiện tại lớp)



Qua văn bản,
em hãy cho
biết tác giả
muốn phê
phán điều gì?



Trong cuộc
sống hiện
nay còn có
những người
như Giuốc -
đanh không?



Bài học em
rút ra từ văn
bản là gì?

- HS thảo luận nhóm, đại diện 2 nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Nhiệm vụ 4: Tổng kết

- GV cho HS tự vẽ sơ đồ tư duy tổng kết nội dung, nghệ thuật của văn bản theo ý tưởng của cá nhân.
- HS vẽ sơ đồ tư duy.
- GV chụp một vài bài vẽ của HS chiếu lên để cả lớp cùng quan sát và nhận xét.
- GV nhận xét và chiếu sơ đồ tham khảo.

lố bịch, gây cười vẫn thường thấy trong xã hội.

- Thông điệp đến mọi người: hãy tránh những việc làm lố bịch, kệch cỡm; hướng đến cách ứng xử phù hợp, sự thống nhất giữa cái bên trong và bên ngoài.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung

- Phê phán tính cách lố lăng, thói trường giả học đòi cao sang của tầng lớp trường giả.

2. Nghệ thuật

- Khắc hoạ tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động.
- Dùng lên lớp kịch ngắn với mâu thuẫn kịch được thể hiện sinh động, hấp dẫn, gây cười.
- Thủ pháp trào phúng đặc sắc.



3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để phân tích, lí giải được thói học làm sang của nhân vật ông Giuốc-đanh.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lớn trong 5 phút trả lời câu hỏi sau: + Có ý kiến cho rằng ông Giuốc -đanh lại là nhân vật hài kịch bất hủ? Em có đồng ý không, vì sao? - HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời, các nhóm cùng nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.	IV. Luyện tập Tác giả Mô-li-e đã xây dựng lên một nhân vật hài kịch bất hủ: Tính cách gây cười: + Ngu dốt không biết gì về lễ phục nhưng lại thích học đòi làm sang. + Ngớ ngẩn vì bị lợi dụng mà vẫn không làm gì để đòi lại. + Thích danh hão.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS tổng hợp những kiến thức trong văn bản để liên hệ, vận dụng được thói học làm sang trong cuộc sống hằng ngày.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV nêu vấn đề và tổ chức cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi: + Trong thực tế cuộc sống hiện nay, em đã từng gặp những kiểu ăn mặc học đòi chưa? Nêu biểu hiện? + Nếu thấy người thân của mình học đòi làm sang, háo danh thì em sẽ làm gì? - HS chia sẻ quan điểm, nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, đánh giá, định hướng, liên hệ về hiện tượng 1 số HS ăn mặc đua đòi, lố lỉnh theo các thần tượng không đúng đắn.	HS chia sẻ tự do

V. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

GV sẽ hướng dẫn cho HS viết tại lớp hoặc gợi ý để HS hoàn thành ở nhà

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên.

GV hướng dẫn HS bằng hệ thống câu hỏi sau

- Chi tiết phó may may áo ngược hoa xuất hiện trong cảnh nào của kịch? Đây là chi tiết như thế nào?

- Thái độ, hành động, lí lẽ của phó may khi bị ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược? Phó may đã xoay chuyển tình thế ra sao?

- Qua chi tiết này, ta thấy phó may, ông Giuốc -đanh là người như thế nào, góp phần như thế nào vào việc tạo ra tiếng cười?

Gợi ý dàn ý:

* **Mở đoạn:** giới thiệu về chi tiết, tái hiện khái quát về chi tiết.

* **Thân đoạn:**

- Phân tích thái độ, hành động, lí lẽ của phó may khi bị ông Giuốc-đanh phát hiện may hoa ngược, xoay chuyển tình thế từ bị động sang chủ động, từ mắc tội sang lập công.

- Ý nghĩa của chi tiết: gây cười và khắc họa tính cách nhân vật ông Giuốc -đanh: ngu dốt, hám học làm sang nên bị lừa gạt, lợi dụng trở nên nực cười; phó may ranh mãnh, vụng chèo khéo chống.

* **Kết đoạn:** đánh giá khái quát về chi tiết đặc sắc.

* **Hướng dẫn tự học:**

- HS về nhà tìm đọc trọn vẹn tác phẩm

- Đọc mở rộng các văn bản hài kịch khác.
- Chuẩn bị trước Thực hành tiếng Việt (Câu hỏi tu từ)

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 15

NGÀY SOẠN: 10/12/2023

TIẾT 57: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN TRONG CÂU)

TIẾT 58, 59: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN”

TIẾT 60: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG”

TIẾT 57: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

(NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN TRONG CÂU)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt
- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- Xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu văn, đoạn văn.
- Nhận biết tác dụng của việc sử dụng nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong VB văn học.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, sử dụng nghĩa hàm ẩn đúng ngữ cảnh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS Xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi Ai thông minh hơn.

HS chú ý vào từ in đậm và trả lời các câu hỏi.

GV kết nối với nội dung của phần thực hành Tiếng Việt

Gv chiếu câu “ Ngày mai tôi đi Hà Nội” và hỏi hs:

Câu trên gợi cho em những nghĩa nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Cả lớp là những người chơi

- Tổ chức trò chơi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt đáp án và công bố người giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung Tiếng Việt.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm của nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn trong tác phẩm văn học

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ông tìm mật” để rút ra đặc điểm và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của Gv

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp làm 3 đội chơi, mỗi đội chơi sẽ trả lời một câu hỏi trong hành trình tìm mật - Tổ chức trò chơi.	- Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn). - Nghĩa hàm ẩn giúp chuyển tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa,...; làm cho giao tiếp ngôn
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát hình ảnh và lựa chọn bông hoa để trả lời câu hỏi	

B3: Báo cáo, thảo luận GV chỉ định đội trả lời câu hỏi. Các đội trả lời câu hỏi của trò chơi. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng. - Chốt nội dung Tiếng Việt.	từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn.

HD3: Luyện tập

. **a. Mục tiêu:** HS nắm được nghĩa và vận dụng vào thực hành các bài tập.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ong tìm mật” để rút ra đặc điểm và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Gv chia bài tập thành 3 trạm Trạm 1: Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện ở bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu “ <i>Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo</i> ” là gì? Theo em, qua câu ca dao “ <i>Cười em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muối ba nong quýt đầy..</i> ”, anh học trò thực sự muốn nói điều gì? Trạm 2: Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau: a. <i>Chập chập rồi lại Cheng Cheng</i> <i>Con gà sống lớn để riêng cho thầy.</i> b. Ông Giuốc-đanh: - <i>Thế này là thế nào?</i> <i>Bác may hoa ngược mắt rồi.</i> Phó may: - <i>Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu.</i>	Bài tập 1: a. Bài ca dao số 2: Mèo là kẻ thù của chuột; Cha của mèo chết chuột lại lo làm đám giỗ. việc kẻ bị ức hiếp làm giỗ cha kẻ thù là một cách nói phi lí, vì làm giỗ là việc trong nội bộ gia đình. -> Vậy có thể hiểu đây là lời nguyên rủa, tiếng chửi, sự vạch mặt của dân gian đối với những kẻ đạo đức giả. * Ở bài ca dao số 3, câu “ <i>Cười em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muối ba nong quýt đầy..</i> ” là lời đáp của anh. học trò nghèo trước việc thách cưới của bên nhà gái. Về lễ vật, ngoài thứ khó nhưng vẫn có thể kiếm được như mật ong, quýt thì mỡ muối là thứ không thể có được. Vì vậy, đây có thể coi là sự vô vọng, là sự đầu hàng của anh học trò. Bài tập 2: Nghĩa hàm ẩn của câu a. Nghĩa hàm ẩn của câu này là ông thầy cúng tham ăn. b. Câu này của anh thợ may ám chỉ việc ông Giuốc-đanh muốn làm quý tộc. Đồng thời, người nói cũng có ý giễu cợt một cách kín đáo: ông không thể thành quý tộc được khi một quy cách thông thường về lễ phục quý tộc như vậy mà

Ông Giuốc-đanh: - <i>Lại còn phải bảo cái đó</i> à? Phó may: - <i>Vâng, phai bảo chứ. Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.</i> Trạm 3: Xác định nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ dưới đây: a. <i>Có tật giặt mình.</i> b. <i>Đời người có một gang tay</i> <i>Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.</i> c. <i>Cười người chó vợ cười lâu</i> <i>Cười người hôm trước, hôm sau người cười.</i> d. <i>Lời nói gói vàng.</i> e. <i>Lười sắc hơn guom.</i> B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập. - Mỗi nhóm lần lượt thực hiện nhiệm vụ của từng trạm. Xong trạm 1 thì thực hiện trạm 2 Xong trạm 2 thì thực hiện nhiệm vụ của trạm 3. Nhóm nào xong sớm và đúng sẽ được cộng điểm. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc nhóm ở phần bài tập theo kỹ thuật Trạm. GV theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm	cũng không biết. Bài tập 3: a. Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ là những người có khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi lầm khi nghe người khác nhắc đến những khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) cũng chột dạ, sợ hãi nghĩ là họ nói mình. b. Câu tục ngữ so sánh chiều dài của đời người với chiều dài của gang tay. Những người ngủ dậy muộn hoặc ngủ nhiều vào ban ngày, không dành thời gian cho công việc và các hoạt động sống khác thì coi như chỉ sống nửa cuộc đời (nửa gang). Câu tục ngữ chê trách những người lười biếng, lãng phí thời gian. c. Trong cuộc sống, không phải lúc nào mọi thứ cũng thuận lợi, tốt đẹp. Có khi, con người phải mang những khiếm khuyết, hoặc có lúc gặp bất trắc, thất bại, xui xẻo. Đừng cười nhạo người khác khi họ rơi vào những hoàn cảnh như vậy, vì rất có thể chính mình trong tương lai cũng sẽ lâm vào tình cảnh tương tự. d. Lời nói của con người rất quý giá, cần trau chuốt để lời nói của mình có tác dụng tốt đối với người khác (lời khuyên tốt, lời động viên kịp thời, lời chia sẻ chân tình, lời răn dạy quý báu,...). e. So sánh <i>lười sắc hơn guom</i> có tác dụng khẳng định sức mạnh của lời nói: lời nói có thể làm thương tổn còn hơn guom giáo. Những lời độc địa có thể làm hại người khác. Đôi khi, trong những tình huống nhất định (ví dụ như đấu tranh xã hội), lời nói có tác dụng hơn vũ khí thông thường.

HS chữa bài tập, nhóm khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS. - Chốt đáp án của bài tập lên bảng/ màn hình	

HD 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài học mà HS rút ra khi sử dụng nghĩa hàm ẩn

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đặt câu có sử dụng nghĩa hàm ẩn và chỉ ra nghĩa hàm ẩn trong câu vừa đặt.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, đặt câu rồi đăng lên Padlet.)

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống các nội dung đã học.

- Tìm, sưu tầm và tóm lược nội dung của một số truyện cười.

- Chuẩn bị tiết: Đọc văn bản “Chùm truyện cười dân gian”

TIẾT 58, 59: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN”

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được đối tượng của tiếng cười trong truyện.

- Hiểu được nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và những nét đặc sắc của nghệ thuật gây cười trong các truyện cười được học.

- Rút ra được bài học cho bản thân qua các truyện cười.

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,...

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.
- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.
- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi
- Ti vi
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Hãy nêu tên những truyện cười mà em biết. Chọn kể một truyện cười em cho là thú vị.*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- Yêu cầu khoảng 4 HS trả lời.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét.
- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Truyện cười là những truyện gây cười hàm chứa một ý nghĩa nào đó. Có loại hài hước, có loại châm biếm sâu cay. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu chùm truyện cười dân gian Việt Nam để thấy được nghệ thuật trào lộng dân gian, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
a. Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả và văn bản.	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tìm hiểu về truyện cười: + <i>Nêu cách hiểu của em về truyện cười?</i> + <i>Hiểu biết của em về đặc điểm của truyện cười?</i>	- Truyện cười là những truyện dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những sự việc, hành vi trái tự nhiên của con người, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí và phê phán xã hội.

+ Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Đặc điểm: + Truyện cười thường khai thác những mâu thuẫn trái tự nhiên những hành động kịch côm, rôm đời hay dốt nát trong cuộc sống. + Truyện thường ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ. + Truyện cười mang ý nghĩa giải trí và giáo dục. + Ngoài tiếng cười, nó tập trung phê phán những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, vì thế mới có ý kiến cho rằng, truyện cười không chỉ là sản phẩm của óc khôi hài mà còn là một thứ vũ khí đấu tranh đắc dụng của nhân dân ta. - Khi đọc hiểu văn bản truyện cười cần lưu ý về đối tượng, nguyên nhân, ý nghĩa của tiếng cười và nghệ thuật gây cười của truyện.

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, phân tích được đặc điểm, đối tượng, nguyên nhân và nghệ thuật gây cười của truyện. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Tìm hiểu văn bản <i>Lợn cưới áo mới</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: + Anh thứ nhất có gì để khoe? Theo em, một cái áo mới may có đáng để khoe thiên hạ không? + Anh thứ hai có gì để khoe? Có đáng khoe thiên hạ một con lợn làm cỗ cưới không? + Hai anh kia đã đem những cái rất bình thường để khoe mình có của. Điều đó có đáng cười không? Vì sao? + Qua sự việc này, nhân dân muốn cười giễu tính xấu gì của người đời? + Tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gây cười ở chỗ nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	1. Lợn cưới áo mới * Những của được đem khoe + Một cái áo mới may + Một con lợn để cưới → Những cái rất bình thường → Đáng cười, lỗ bịch. Chê giễu tính khoe khoang, nhất là khoe của. * Cách khoe của - Anh lợn cưới: + Đang tìm lợn xổng + Hỏi to, nhấn mạnh từ “cưới”. → Lẽ ra phải hỏi “anh có thấy con lợn đen (hoặc trắng, lang) của tôi chạy qua đây không?” + Mục đích: Khoe lợn, khoe của. - Anh áo mới: + Đứng hóng ở cửa để đợi người ta khen. + Kiên trì đứng đợi từ sáng đến chiều. + Giơ vạt áo, bảo: “Từ lúc tôi...”. → Điều bộ lỗ bịch, tức cười; thừa hẳn một vế. → Chê giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

NV2: Tìm hiểu văn bản Treo biển**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Nội dung tấm biển có mấy yếu tố? Vai trò của từng yếu tố?

+ Theo em, biển ghi như vậy hợp lý chưa? vì sao?

+ Có mấy người góp ý? Góp ý như thế nào? Theo em các ý kiến trên chỗ nào hợp lý, chỗ nào không? Vì sao?

+ Sự tiếp thu của nhà hàng khi nghe những lời góp ý? Em có nhận xét gì về những lời góp ý đó?

+ Ý nghĩa cái cười trong truyện?

+ Từ truyện này em có thể rút ra bài học gì?

+ Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ làm như thế nào?

+ Qua câu truyện, em rút ra bài học gì về cách dùng từ? (Lập từ để nhấn mạnh hành động, có tác dụng gây cười).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

NV3: Tìm hiểu văn bản Nói dóc gặp nhau**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Lời nói của hai nhân vật trong truyện có điều gì đặc biệt?

+ Chi tiết nào trong truyện tạo ra sự bất ngờ cho chuyện?

+ Nhân vật nào mới là nhân vật nói dóc?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

2. Treo biển**a. Treo biển quảng cáo**

- Ở đây có bán cá tươi

- Biển có 4 yếu tố, thông báo 4 nội dung:

+ ở đây: thông báo địa điểm cửa hàng.

+ có bán: thông báo hoạt động.

+ cá: thông báo mặt hàng bán.

+ tươi: thông báo chất lượng hàng.

→ Biển ghi hợp lý, các thông tin đầy đủ, chính xác, không cần thêm bớt chữ nào.

b. Những góp ý về cái biển

- Có 4 người góp ý về cái biển

+ Lần 1: người qua đường: thừa chữ tươi.

+ Lần 2: khách góp ý: bỏ “ở đây”.

+ Lần 3: khách góp ý: bỏ “có bán”.

+ Lần 4: người láng giềng: bỏ “cá”.

→ Các ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và ngụy biện.

→ Tình huống cực đoan, vô lý và cách giải quyết một chiều.

→ Gây cười ở sự thống nhất giữa các ý kiến với nhau là cùng chê bai sự dài dòng của tấm biển, gây cười ở chỗ sự chiều khách, lắng nghe và nhất nhất làm theo mọi lời khuyên, không cần suy nghĩ của nhà hàng.

c. Sự tiếp thu của nhà hàng

- Mỗi lần nghe góp ý nhà hàng làm theo ngay không cần suy nghĩ.

- Cái biển được cất đi.

→ Cái ngược đời phi lý, trái tự nhiên làm tiếng cười bật ra.

3. Nói dóc gặp nhau

- Người thứ nhất miêu tả chiếc ghe: dài không lấy gì đo cho xiết. Một người tuổi hai mươi đứng ở đầu mũi bắt đầu đi ra đằng lái; đi đến giữa cột buồm thì đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.

→ Lời nói của anh đầu tiên thể hiện tính cách nói khoác lác, ba hoa.

- Người thứ hai miêu tả cái cây:

+ Cao ghê gớm. Có một con chim đậu trên cành cây ấy, đánh rơi một hạt đa. Hạt đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa. Cây đa lớn lên, sinh hoa, kết quả, hạt đa ở cây đa đó lại rơi vãi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	ra, đâm chồi nảy lộc thành nhiều cây đa con. Đa con lớn lên, sinh hoa kết quả, lại nảy ra đàn cây đa cháu, cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bảy đời tất cả. + Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh? □ Chi tiết gây cười. → Lời nói của anh thứ hai tuy khoác lác nhưng ngụ ý nhằm chê bai, phê phán thói nói dóc của anh thứ nhất.

III. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung, nghệ thuật của chùm văn bản. b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản: + <i>Nội dung chính của văn bản.</i> + <i>Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	1. Nội dung Những mẩu truyện cười nhằm phê phán các kiểu người trong xã hội, dùng tiếng cười để chế giễu những thói hư tật xấu của con người. 2. Nghệ thuật Truyện bố cục ngắn gọn, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ngay trong lời nói, hành động của nhân vật.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về chùm truyện cười dân gian Việt Nam.

b. Nội dung: GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: *Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật em ấn tượng nhất trong chùm truyện cười dân gian Việt Nam?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: *Qua mỗi truyện cười trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.
- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.
- * **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**
- Hệ thống các nội dung đã học.
- Tìm, sưu tầm và tóm lược nội dung của một số truyện cười.
- Chuẩn bị tiết: Đọc văn bản “Chùm ca dao trào phúng”

TIẾT 60: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức :

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Hình thành, phát triển cho học sinh năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

b. Năng lực đặc thù: Những bài ca dao trào phúng kết nối với chủ đề bài học sẽ cho em hiểu rõ hơn ý nghĩa phong phú và biểu hiện đa dạng của tiếng cười trong văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của thơ trào phúng

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của thơ trào phúng

3. Phẩm chất: Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: Ti vi, Kế hoạch bài dạy, sgk, tranh ảnh, đồ dùng, phiếu học tập
- Học sinh: soạn bài, đọc bài trước khi lên lớp ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung: GV hỏi, hs trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv cho học HS xem video những bài ca dao hài hước trào phúng . GV hỏi Sau khi xem xong video em có cảm nhận gì về những bài ca dao trên ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	- Thể loại : Thơ 6/ 8 - PTBD: Biểu cảm - Bố cục : 3 phần P1 : Bài ca dao số 1 : Buổi lễ của ông thầy cúng - P2 : Bài ca dao số 2 : Cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột - P3 : Bài ca dao số 3 : Việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo

HOẠT ĐỘNG 2 : Khám phá văn bản

- **Mục tiêu :** Giúp HS nắm được nội dung và nghệ thuật của các bài ca dao số 1, 2,3

- **Nội dung:** Hs sử dụng sgk và kết hợp làm việc nhóm + cá nhân chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân HS, nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
NV 1 : Bài ca dao số 1 : Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi . (5 ‘) Nhóm 1 : Bài ca dao dựng ngữ cảnh có âm thanh gì ? trong dịp nào gia đình chuẩn bị xôi gà mời thầy cúng . Qua đó em hình dung buổi lễ đó ra sao ? Nhóm 2 : Bài ca dao số 1 nói về hoạt động nào của con người? Em căn cứ vào đâu để nhận biết điều đó? Nhóm 3 : Bài ca dao số 1 phê phán đối tượng nào? Tại sao đối tượng đó lại bị phê phán? Nhóm 4 : Qua đó em có nhận xét gì về bài ca dao trên ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi Dự kiến trả lời : Nhóm 1: Bài ca dao dựng với ngữ cảnh của buổi lễ có âm thanh của chiêng , mõ , và các đồ lễ cúng như gà xôi và người thầy cúng . có thể hình dung một ông thầy cúng đang gõ chiêng , gõ mõ cúng thì ngoảnh mặt ra dặn gia chủ để dành đồ lễ cho mình	II, Khám phá văn bản 1, Bài ca dao số 1 : Bài ca dao trên là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán dờm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như trong bài ca dao.

Nhóm 2 : Bài ca dao số 1 nói về hoạt động của những người thầy bói ròm, hành nghề mê tín.

- Căn cứ vào: mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và hư ảo qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập ", " cheng cheng ".

Nhóm 3 : Bài ca dao nói về người thầy bói . Vì người này khi lễ ko nhất tâm vào việc lễ mà chỉ để ý đến đồ ăn là xôi và gà . Mà gà là gà phải “ Con gà sống lớn ”, xôi “phải đơm cho đầy ” đĩa , lễ vật phải nhiều mới vừa lòng thầy cúng , và thầy mà “không ưa ” thì xem ra buổi lễ không linh ứng . Qua đó ta thấy thầy là người tham lam lừa bịp

- **Nhóm 4 :** Bài ca dao số 1 là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán, hành nghề mê tín dõm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người khác và chuộc lợi về bản thân của người được gọi là thầy bói. Qua đó, ta thấy rõ được sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ vậy, đây còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ một số người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên. Những đối tượng ấy đáng bị phê phán, lên án vì đây là một nghề lợi dụng vào tâm linh, tín ngưỡng để lừa tiền của một số đối tượng nhẹ dạ, cả tin.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận nhận định

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

NV 2 : Bài ca dao số 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chiếu bài ca dao số 2 lên và yêu cầu hs đọc bài ca dao và suy nghĩ trả lời câu hỏi

? Trong bài ca dao nhắc đến 2 con vật đó là con vật nào ?

? Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản , đối nghịch dựa trên yếu tố nào ?

? Bài ca dao thể hiện tính cách gì của mèo và mối quan hệ như thế nào giữa mèo và chuột ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc và suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi

Dự kiến trả lời câu hỏi :

2. Bài ca dao số 2:

- Sự tương phản, đối nghịch dựa trên hai sự vật: mèo - chuột.

- Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh

- 2 con vật được nhắc đến trong bài ca dao số 2 đó là mèo và chuột - Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố: mèo và chuột. - Mỗi quan hệ giữa mèo với chuột: Mèo là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung với chuột, có tập tính bắt chuột để ăn thịt. Quan hệ giữa chúng là mối quan hệ loại trừ. Bước 3: Báo cáo , thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV3: Bài ca dao số 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv đặt câu hỏi ? Trong bài ca dao số 3 đó là cuộc trò chuyện của ai ? cuộc trò chuyện nói về nội dung gì ? ? Bài ca dao số 3, anh học trò đem bán những thứ gì để có tiền dẫn cưới? Hãy nhận xét về đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo. Có thể có những điều này trong thực tế không? ? Bài ca dao số 3 lên án hủ tục gì? Cách lên án có tạo ra sự căng thẳng không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS đọc và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo , thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>? Nêu những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	thường nguy trạng tình vì bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa. 3. Bài ca dao số 3 - Lên án hủ tục thách cưới trong xã hội xưa. Nhiều người không lấy được vợ , nhiều đôi lứa không thành vợ thành chồng do bị ngăn cản bởi hủ tục này. - Mục đích phê phán hủ tục nhưng không gây căng thẳng mà lại đem đến tiếng cười cho người thưởng thức do sử dụng - Thủ pháp phóng đại nói quá. Phóng đại cả khả năng mức độ, số lượng. Tiếng cười còn toát lên sự liệt kê tương như không đủ số lễ vật. - Dấu ba chấm kết thúc bài ca dao để ngộ khả năng diễn tiếp các lễ vật khác. III, Tổng kết 1, Nội dung :

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Bài học trong cuộc sống lên án thói mê tín dị đoan, sự đối nghịch giả tạo, thủ tục thách cưới được thể hiện trong bài ca dao kết hợp với giọng điệu ngôn ngữ tạo nên tiếng cười trong ca dao 2, Nghệ thuật : - Sử dụng biện pháp phóng đại nói quá phóng đại khả năng, mức độ, số lượng liệt kê, đối lập tương phản, giọng điệu ngôn từ hài hước

IV. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1 : Bài ca dao số 1 lên án thủ tục gì ?

- A. Thách cưới
- B. Mê tín dị đoan

Câu 2 : Biện pháp chủ yếu trong ca dao số 3 là gì ?

- A. Ẩn dụ và kịch tính
- B. Gắn với hiện thực
- C. Phóng đại nói quá
- D. Tưởng tượng kì ảo

Câu 3 : Điền vào chỗ trống những câu ca dao sau :

1. Chồng người bẻ Sở sông Ngô
Chồng em, rang ngô
 2. Làm trai cho đáng nên trai
Vót đũa cho dài ,..... com con
 3. Ăn no rồi lại
Nghe giục trống chèo , ... đi xem .
 4. Lỗ mũi mười tám
Chồng yêu chồng bảo
- Đêm nằm thì gáy o o

Chồng yêu chồng bảo vui nhà

Đáp án : Câu 1 : B

Câu 2 : C

Câu 3 :

1. ngôi bếp , cháy quần
2. ăn vụng
3. nằm khèo , bẻ bụng
4. gánh lông, râu rồng trời cho , gáy cho .

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

V. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Nêu ngắn gọn cảm nhận về lời thách cưới của cô gái : “ Nhà em thách cưới một nhà khoai lang ”

GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hệ thống các nội dung đã học.
- Tìm, sưu tầm và nêu được ý nghĩa của các bài ca dao trào phúng
- Chuẩn bị tiết: Thực hành tiếng việt

* RÚT KINH NGHIỆM:

TUẦN 16

NGÀY SOẠN: 17/12/2023

TIẾT 61: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 62, 63, 64: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

TIẾT 61: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt
- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- Xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu văn, đoạn văn.

- Nhận biết tác dụng của việc sử dụng nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong VB văn học.

- Chăm chỉ, trách nhiệm, sử dụng nghĩa hàm ẩn đúng ngữ cảnh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Kế hoạch bài dạy

- Ti vi, bảng phụ, phiếu bài tập.

- Tài liệu tham khảo, sgk, sgv.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HD 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS Xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi Ai thông minh hơn.

HS chú ý vào từ in đậm và trả lời các câu hỏi.

GV kết nối với nội dung của phần thực hành Tiếng Việt

Gv chiếu câu “ Ngày mai tôi đi Hà Nội” và hỏi hs:

Câu trên gợi cho em những nghĩa nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Cả lớp là những người chơi

- Tổ chức trò chơi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt đáp án và công bố người giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung Tiếng Việt.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm của nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn trong tác phẩm văn học

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ong tìm mật” để rút ra đặc điểm và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của Gv

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp làm 3 đội chơi, mỗi đội chơi sẽ trả lời một câu hỏi trong hành trình tìm mật - Tổ chức trò chơi.	- Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn). - Nghĩa hàm ẩn giúp chuyển tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa,...; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn.
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát hình ảnh và lựa chọn bông hoa để trả lời câu hỏi	
B3: Báo cáo, thảo luận GV chỉ định đội trả lời câu hỏi. Các đội trả lời câu hỏi của trò chơi.	
B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng. - Chốt nội dung Tiếng Việt.	

2. Luyện tập

a. Mục tiêu: HS hiểu nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn và cách sử dụng nghĩa hàm ẩn trong tác phẩm văn học hoàn thành các bài tập.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học chia lớp thành các nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nội dung rút ra của Gv

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Gv chia bài tập thành 3 trạm Trạm 1: Đặt trong ngữ cảnh cuộc đối thoại được thể hiện ở bài ca dao số 2, nghĩa hàm ẩn của câu “<i>Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo</i>” là gì? Theo em, qua câu ca dao “<i>Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muối ba nong quýt đầy..</i>”, anh học trò thực sự muốn nói điều gì? Trạm 2: Cho biết nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm trong các trường hợp sau: c. <i>Chập chập rồi lại Cheng Cheng</i> <i>Con gà sống lớn để riêng cho thầy.</i> d. Ông Giuốc-đanh: - <i>Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mắt rồi.</i> Phó may: - <i>Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu.</i> Ông Giuốc-đanh: - <i>Lại còn phải bảo cái đó à?</i> Phó may: - <i>Vâng, phai bảo chứ. Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.</i> Trạm 3: Xác định nghĩa hàm ẩn của các	Bài tập 1: b. Bài ca dao số 2: Mèo là kẻ thù của chuột; Cha của mèo chết chuột lại lo làm đám giỗ. việc kẻ bị ức hiếp làm giỗ cha kẻ thù là một cách nói phi lí, vì làm giỗ là việc trong nội bộ gia đình. -> Vậy có thể hiểu đây là lời nguyên rủa, tiếng chửi, sự vạch mặt của dân gian đối với những kẻ đạo đức giả. * Ở bài ca dao số 3, câu “<i>Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muối ba nong quýt đầy...</i>” là lời đáp của anh. học trò nghèo trước việc thách cưới của bên nhà gái. Về lễ vật, ngoài thứ khó nhưng vẫn có thể kiếm được như mật ong, quýt thì mỡ muối là thứ không thể có được. Vì vậy, đây có thể coi là sự vô vọng, là sự đầu hàng của anh học trò. Bài tập 2: Nghĩa hàm ẩn của câu a. Nghĩa hàm ẩn của câu này là ông thầy cúng tham ăn. b. Câu này của anh thợ may ám chỉ việc ông Giuốc-đanh muốn làm quý tộc. Đồng thời, người nói cũng có ý giễu cợt một cách kín đáo: ông không thể thành quý tộc được khi một quy cách thông thường về lễ phục quý tộc như vậy mà cũng không biết. Bài tập 3: a. Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ là những người có

câu tục ngữ dưới đây: f. Có tật giat mình. g. Đòi người có một gang tay <i>Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.</i> h. Cười người chớ vội cười lâu <i>Cười người hôm trước, hôm sau người cười.</i> i. Lời nói gói vàng. j. Lười sắc hơn gươm. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập. - Mỗi nhóm lần lượt thực hiện nhiệm vụ của từng trạm. Xong trạm 1 thì thực hiện trạm 2 Xong trạm 2 thì thực hiện nhiệm vụ của trạm 3. Nhóm nào xong sớm và đúng sẽ được cộng điểm. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc nhóm ở phần bài tập theo kĩ thuật Trạm. GV theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm HS chữa bài tập, nhóm khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV)	khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi làm khi nghe người khác nhắc đến những khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) cũng chột dạ, sợ hãi nghĩ là họ nói mình. b. Câu tục ngữ so sánh chiều dài của đòi người với chiều dài của gang tay. Những người ngủ dậy muộn hoặc ngủ nhiều vào ban ngày, không dành thời gian cho công việc và các hoạt động sống khác thì coi như chỉ sống nửa cuộc đời (nửa gang). Câu tục ngữ chê trách những người lười biếng, lãng phí thời gian. c. Trong cuộc sống, không phải lúc nào mọi thứ cũng thuận lợi, tốt đẹp. Có khi, con người phải mang những khiếm khuyết, hoặc có lúc gặp bất trắc, thất bại, xui xẻo. Đừng cười nhạo người khác khi họ rơi vào những hoàn cảnh như vậy, vì rất có thể chính mình trong tương lai cũng sẽ lâm vào tình cảnh tương tự. d. Lời nói của con người rất quý giá, cần trau chuốt để lời nói của mình có tác dụng tốt đối với người khác (lời khuyên tốt, lời động viên kịp thời, lời chia sẻ chân tình, lời răn dạy quý báu,...). e. So sánh <i>lười sắc hơn gươm</i> có tác dụng khẳng định sức mạnh của lời nói: lời nói có thể làm thương tổn còn hơn gươm giáo. Những lời độc địa có thể làm hại người khác. Đôi khi, trong những tình huống nhất định (ví dụ như đấu tranh xã hội), lời nói có tác dụng hơn vũ khí thông thường.

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS. - Chốt đáp án của bài tập lên bảng/ màn hình	

4. HĐ 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài học mà HS rút ra khi sử dụng nghĩa hàm ẩn

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đặt câu có sử dụng nghĩa hàm ẩn và chỉ ra nghĩa hàm ẩn trong câu vừa đặt.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

* Hướng dẫn tự học:

- Hệ thống bài học.

- Soạn bài tiết Ôn tập.

TIẾT 62, 63, 64: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ, văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản nghị luận, truyện cười, hài kịch.

2. Về năng lực

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em đã học những nội dung nào trong học kì 1 ?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, thực hành ôn tập.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát thể loại, giống và khác nhau giữa bát cú và tứ tuyệt, các kiến thức về tiếng việt, kiểu bài văn tự sự, nghị luận xã hội
- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về thể loại, các kiến thức tiếng việt, kiểu văn bản đã học

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, thực hành ôn tập.

Câu 2:

Lời giải chi tiết:

Thể loại	Những điểm giống nhau	Những điểm khác nhau
Hài kịch	Điều miêu tả, tái hiện cái hài hước, cái đáng cười	Thuộc loại hình kịch (kịch bản văn học chỉ là một thành tố của nghệ thuật kịch), tổ chức ngôn ngữ theo hình thức đối thoại
Truyện cười		Thuộc thể loại truyện, có cốt truyện, có nhân vật, tình huống
Thơ trào phúng		Thuộc thể loại thơ (Thơ Đường luật) có đặc trưng của ngôn ngữ thi ca (cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh...) và tuân thủ các quy định của luật thơ

Câu 3 (trang 124, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Nêu những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật.

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức đã được học để trả lời.

Lời giải chi tiết:

- Giống nhau:

- + Cả hai thể thơ đều có nguồn gốc từ Trung Quốc, được du nhập vào Việt Nam
- + Cả hai thể thơ đều được gọi là thơ Đường luật, có quy tắc chặt chẽ
- Khác nhau:
- + Bài thơ thất ngôn bát cú có 8 câu; bài thơ tứ tuyệt có 4 câu
- + Bài thơ thất ngôn bát cú có bố cục phổ biến: đề (câu 1 và 2), thực (câu 3 và 4), luận (câu 5 và 6), kết (câu 7 và 8). Bố cục bài thơ tứ tuyệt: khởi (câu 1), thừa (câu 2), chuyển (câu 3), hợp (câu 4)
- + Bài thơ thất ngôn bát cú có cặp câu thực và cặp câu luận đối nhau. Quy định này không đặt ra với bài thơ tứ tuyệt

Câu 4 (trang 124, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Lập bảng vào vở theo mẫu sau để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt đã được học trong học kì 1:

STT	Nội dung tiếng Việt	Khái niệm cần nắm vững	Dạng bài tập thực hành

Phương pháp giải:

Xem lại kiến thức đã được học để hệ thống lại.

Lời giải chi tiết:

STT	Nội dung tiếng Việt	Khái niệm cần nắm vững	Dạng bài tập thực hành
1	Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương	Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương	- Nhận biết biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương - Sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương
2	Từ tượng hình và từ tượng thanh Biện pháp tu từ đảo ngữ	Từ tượng hình và từ tượng thanh Biện pháp tu từ đảo ngữ	- Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp tu từ đảo ngữ - Nêu tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp tu từ đảo ngữ
3	Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp	Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp	Nhận biết: - Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp - Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp Nêu tác dụng của: - Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp - Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

			Tạo lập: - Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp - Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp
4	Yếu tố Hán Việt thông dụng Sắc thái nghĩa của từ ngữ	Sắc thái nghĩa của từ ngữ Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	- Giải nghĩa và sử dụng yếu tố/từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt - Phân biệt sắc thái nghĩa và sử dụng từ ngữ phù hợp theo sắc thái
5	Câu hỏi tu từ Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	Câu hỏi tu từ Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn	Nhận biết: - Câu hỏi tu từ - Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn Nêu tác dụng của việc sử dụng: - Câu hỏi tu từ - Nghĩa hàm ẩn Giải thích nghĩa một số câu tục ngữ thông dụng

Câu 5 (trang 124, SGK Ngữ văn 8, tập 1)

Nêu các kiểu bài viết, yêu cầu của từng kiểu bài và đề tài đã thực hành trong học kì 1 theo bảng gợi ý sau:

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài	Đề tài đã thực hành viết

Phương pháp giải:

Xem lại kiến thức đã được học để hệ thống lại.

Lời giải chi tiết:

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài	Đề tài đã thực hành viết
1	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá. Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những	Thuật lại một chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hóa để lại cho em ấn tượng sâu sắc, khó quên.

		điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...). Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,...). Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi. Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết.	
2	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu khái quát giá trị của tác phẩm. Giới thiệu đề tài, thể thơ. Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ. Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	Viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.
3	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống	Giới thiệu vấn đề cần bàn luận Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử Tiếp tục dùng lí lẽ để mở rộng ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử. Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ thực tế: có những bạn trẻ không quan tâm đến lịch sử dân tộc, hậu quả của tình trạng đó. Nêu ý nghĩa và vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)
4	Viết bài văn phân tích một tác phẩm	Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ. Phân tích nhan đề và đề tài.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

	phẩm văn học	Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng. Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.	
5	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống	Nêu vấn đề nghị luận Làm rõ vấn đề nghị luận Trình bày ý kiến phê phán. Đối thoại với ý kiến khác. Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.	iết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)

C. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Thực hành và vận dụng kiến thức để hoàn thiện bài tập

b) Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :

- *Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ? Quan lớn ngạc nhiên :*
- *Nhà người biết để làm gì ?*

Người thợ may đáp :

- *Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :

- *Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.*

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Câu 1 (0.5 điểm). Truyện “*Hai kiểu áo*” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2 (0.5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3 (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4 (0.5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.
B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.
C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại.
D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

Câu 5 (0.5 điểm): Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “*hách dịch*”?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.
B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.
C. Thể hiện thái độ ra oai, hách sách người khác do cậy mình có quyền thế.
D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

Câu 6 (0.5 điểm): Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu “... *Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vật đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vật đằng sau phải may ngắn lại.*” là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luôn cúi, nên vật trước chùng lại
B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vật trước sẽ hót lên.
C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.
D. Cả A và B

Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.
B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.
C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.
D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

Câu 8 (0.5 điểm): Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.
B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.
C. Hay nịnh nọt cấp trên.
D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 9 (1 điểm): Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Câu 10 (1 điểm): Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một vấn đề văn hóa trong đời sống hiện đại.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm)

* Hướng dẫn tự học:

- Hệ thống các kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho Kiểm tra cuối HKI

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

Tuần 17

Ngày soạn: 24/12/2023

Tiết 65+66: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

**** Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình

+ Thích ứng với cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân

**** Năng lực đặc thù***

- Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

- Nêu và làm rõ được vấn đề cần nghị luận.

- Trình bày được ý kiến phê phán của người viết

- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng để chứng tỏ sự phê phán là có cơ sở.

2. **Phẩm chất:** Nhân ái:

- Không đồng tình, cổ xúy cho thói xấu của con người
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Video giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

PHT SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

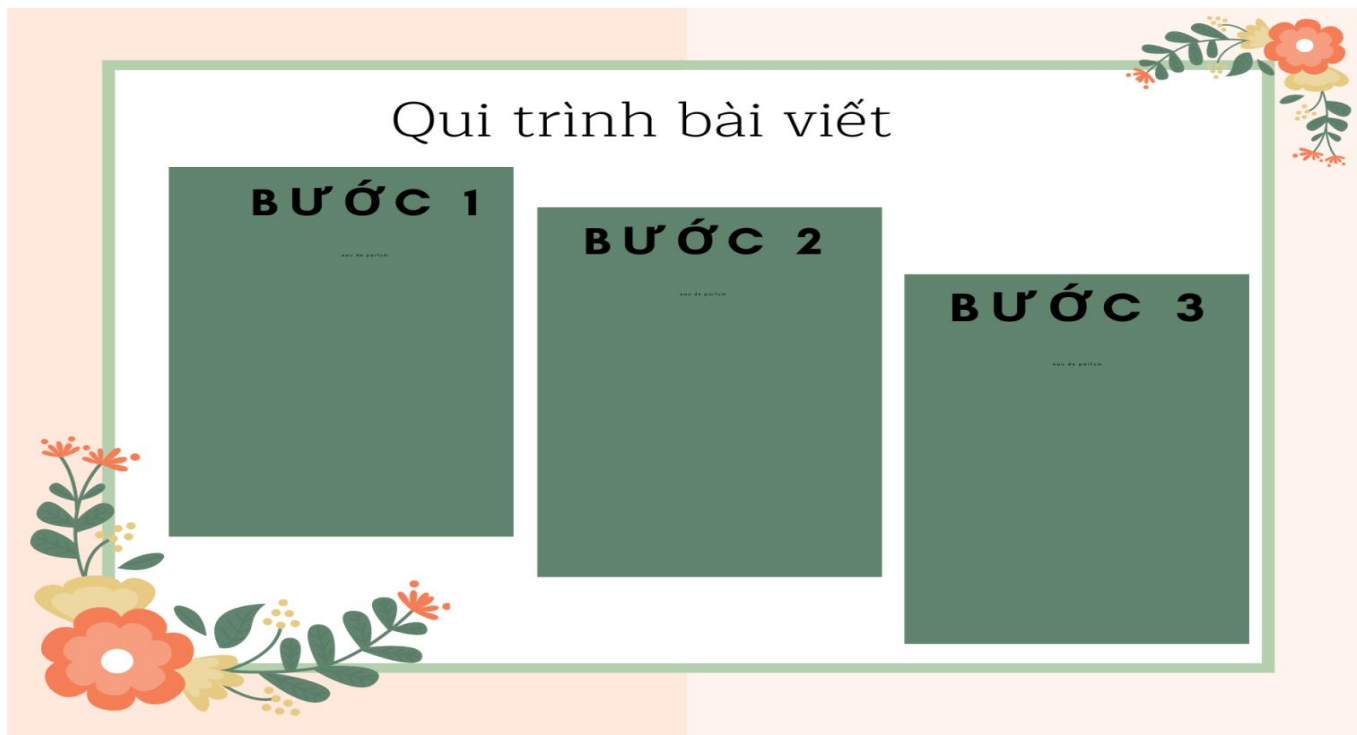
Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Đọc Bài viết Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay (SGK/ 114, 115) và hoàn thành các thông tin sau

Gợi ý: Tham khảo các chỉ dẫn bên lề phải của sách.

Vấn đề được đưa ra để nghị luận là gì?	
Vấn đề đó được người viết hiểu như thế nào? Theo người viết vì sao vấn đề đó đáng phê phán?	
Để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục, người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào?	
Để tránh nhìn nhận vấn đề một chiều, chủ quan, áp đặt, người viết đã làm gì?	
Người viết kết thúc vấn đề như thế nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu qui trình bài viết



III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a) Mục tiêu: - Biết được kiểu bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. - Nhận biết được vấn đề cần thể hiện ý kiến phê phán. b) Nội dung: - GV hỏi, HS trả lời. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS chơi trò chơi Nông trại vui vẻ GV YC HS đọc phần thông tin trong SGK/114: Với những thói xấu của con người thì chúng ta cần thể hiện thái độ của mình như thế nào? GV Giới thiệu kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Tham gia trò chơi - Suy nghĩ cá nhân - HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân. GV: - Dự kiến KK HS gặp: - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định	A. Khởi động - Phê phán

- GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục <i>Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại</i>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI	
a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Biết cách thể hiện suy nghĩ của bản thân b) Nội dung: - GV yc HS làm việc cá nhân - Cho HS chia sẻ yêu cầu của kiểu bài NL c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yc HS nêu những yêu cầu cần đạt của kiểu bài NL về 1 vấn đề trong đời? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Làm việc cá nhân 2’. - HS dựa vào SGK trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS chia sẻ. HS: - Trình bày yêu cầu cần đạt. - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	B. Hình Thành kiến thức I. Yêu cầu đối với bài văn NL về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (SGK/114)

II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO	
a) Mục tiêu: - Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay”. - Biết được tác dụng của ngôi thứ nhất - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). Hiểu được cách đưa lý lẽ, dẫn chứng của người viết b) Nội dung: - HS đọc bài viết/ SGK trang 114, 115 - Thảo luận để hoàn thành PHT GV đưa ra. c) Sản phẩm: sản phẩm nhóm của HS. d) Tổ chức thực hiện	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài viết. GV hỏi gợi ý và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định ngôi kể trong bài văn. 2. Xác định Phần MB, TB, KB GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm Hoàn thành PHT số 1 (ở trên) trong thời gian 5 phút B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 1' - Làm việc nhóm 4' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	II. Phân tích bài viết tham khảo MB Nêu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay TB - Làm rõ vấn đề nghị luận: học đòi là thế nào? Học đòi khác học hỏi như thế nào? - Trình bày ý kiến phê phán: <i>Tuy không phải là điều gì quá tai hại, nhưng học đòi cũng mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của thanh thiếu niên</i> - Nêu rõ lí lẽ, bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở: + Lý lẽ: ++ Học đòi “<i>chạy theo bầy ngoài của người khác cho dù là đẹp đối với họ thì cũng không phù hợp với mình, nó không làm tăng giá trị của mình lên trong mắt bạn bè</i>” ++ Học đòi, bắt chước người khác để cho bằng bạn bằng bè khiến “<i>chúng ta sai lầm trong cách xác lập giá trị con người</i>”, không định hình được “<i>điều làm cho một con người được coi trọng là khả năng, trí tuệ, tâm hồn, nhân cách chứ không phải cái bầy ngoài màu mè, phô trương</i>” + Bằng chứng: ++ Trong thực tế ++ Trong sách báo ++ Trải nghiệm của bản thân - Đối thoại với ý kiến không đồng tình (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết: “<i>Có thể bạn cho rằng bắt chước người khác không phải là điều xấu. Bắt chước, làm theo người khác vốn là bản tính tự nhiên của con người. Từ khi là đứa trẻ cho đến khi trưởng thành, con người luôn có xu hướng bắt chước người khác. Học hỏi người khác cũng là một cách bắt chước. Tuy nhiên, khi bắt chước mà không suy nghĩ đến việc bản thân có phù hợp không, việc bắt chước có gây trò cười cho mọi người không, có gây hậu quả gì không, ... thì sự bắt chước đó trở thành học đòi</i>” KB Khẳng định lại ý kiến phê phán và rút ra bài học

III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý. - Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng. - Sử dụng ngôi thứ nhất. b) Nội dung:

- GV sử dụng PHT để HS xác định các bước làm bài văn NL.
- GV sử dụng video để HS xác định đề tài thực hành viết
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- **Hoạt động cặp đôi** Hoàn thành PHT xác định các bước làm bài văn NL (Chỉ ghi nội dung chính)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài trong SGK và hoàn thiện phiếu HT.

HS:

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.
- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.
- Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.
- Sửa lại bài sau khi viết.

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS:

- Đọc sản phẩm của mình.
- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục thực hành, luyện tập.

III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

b) Tìm ý

PHIẾU TÌM Ý	
Họ và tên:	Lớp:
Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).	
Vấn đề được nêu ra là gì?	
Cách hiểu của em về vấn đề. Nêu các quan điểm về vấn đề (từ từ điển, những người xung quanh, người nổi tiếng, danh ngôn,...) mà mình thấy đồng tình.	
Vì sao thói xấu đó đáng phê phán? - Lí lẽ - Bằng chứng	
Dự kiến ý kiến khác và hướng đối thoại của em.	

c) Lập dàn ý

	Dàn ý - <i>Mở bài:</i> Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại). - <i>Thân bài:</i> + Làm rõ vấn đề nghị luận. + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở. + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó. - <i>Kết bài:</i> Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. 2. Viết bài - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng lý lẽ sáng rõ, chặt chẽ - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực, nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có) - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực

C. LUYỆN TẬP	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Áp dụng Các bước làm bài NL vào chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn. - Hoàn thiện bài viết ở nhà. b) Nội dung: - GV chiếu video về tình trạng vứt rác thải bừa bãi. - HS xem, nhận diện đề tài, tìm ý, lập dàn ý. c) Sản phẩm: Dàn ý của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV: - GV chiếu video giới thiệu đề tài. - Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài trong SGK và hoàn thiện dàn ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK - Tìm ý - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần). - HS lập dàn ý, viết bài B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bản thân và của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	C. Luyện tập

D. VẬN DỤNG	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Ôn tập lại KT. - Hoàn thiện bài viết ở nhà. b) Nội dung: - GV tổ chức cho HS trò chơi Chim cánh cụt về tổ. - HS tham gia trò chơi c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV: - Hướng dẫn HS tham gia trò chơi. HS: - Đọc câu hỏi, suy nghĩ B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần). - Trả lời B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bổ sung cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của tiết học.	C. Luyện tập

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm cách trình bày suy nghĩ về một hiện tượng xấu trong cuộc sống
- Đọc và chuẩn bị cho bài chỉnh sửa bài viết
- Chuẩn bị: Kiểm tra cuối HKI

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
TUẦN 18

NGÀY SOẠN: 31/12/2023

TIẾT 67+68: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì I đến tuần 15.
(CHÚ Ý THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG LUẬT VÀ THƠ TRÀO PHÚNG; KIẾN THỨC TV VỀ TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH, ĐẢO NGỮ; LÀM VĂN: PHÂN TÍCH THƠ)
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TỆP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

UBND HUYỆN NÚI THÀNH **KIỂM TRA CUỐI KÌ 1- NĂM HỌC 2023-2024**
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8**

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm 02 trang)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang, Cháo bẹ() rau măng vẫn
sẵn sàng. Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng, Cuộc đời
cách mạng thật là sang.*

Tháng 2 năm 1941

(Thơ Hồ Chủ Tịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

(bẹ: ngô, bắp)

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Tứ tuyệt Đường luật. B. Lục bát.
C. Song thất lục bát. D. Thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 2: Luật Bằng/Trắc trong bài thơ Đường luật được căn cứ vào chữ thứ hai của câu thơ thứ mấy?

- A. Câu thứ nhất B. Câu thứ hai C. Câu thứ ba D. Câu thứ tư

Câu 3: Cho biết từ nào trong các từ sau đây là từ tượng hình?

- A. bờ suối B. bàn đá C. chông chênh D. sáng tối

Câu 4: Xác định từ địa phương trong các từ sau đây?

- A. sáng B. bẹ C. tối D. bàn

Câu 5: Giọng điệu chung của bài thơ là:

- A. tha thiết B. vui đùa C. nghiêm trang D. trầm lắng

Câu 6: Nhận định nào đúng nhất về nội dung chính của bài thơ?

- A. Tả cảnh đẹp thiên nhiên ở núi rừng Pác Bó. B. Cuộc sống khó khăn, vất vả của Bác ở Pác Bó.
C. Cuộc sống đầy đủ, sung túc của Bác ở Pác Bó.
D. Tinh thần lạc quan của Bác dù cuộc sống đầy khó khăn.

Câu 7: Hình tượng trung tâm của bức tranh Pác Bó trong bài thơ là:

- A. bàn đá chông chênh.
B. cảnh thiên nhiên.
C. người chiến sĩ Cách mạng.
D. cháo bẹ, rau măng.

Câu 8: Tinh thần của nhân vật trữ tình được thể hiện qua câu thơ cuối “*Cuộc đời cách mạng thật là sang*” là gì?

Câu 9: Qua bài thơ, em cảm nhận được những gì về nhân vật trữ tình?

Câu 10: Hãy cho biết bài học mà em rút ra được từ nội dung bài thơ?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” (Hồ Chí Minh)

..... Hết

Họ và tên học sinh.....; số báo danh.....

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức. - Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Phần I: ĐỌC HIỂU:(6.0 điểm)

1.Trắc nghiệm khách quan: Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
Phương án trả lời	A	A	C	B	B	D	C

2.Trắc nghiệm tự luận:

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
8	Tinh thần lạc quan của Bác dù cuộc sống đầy gian khổ, thiếu thốn	1.0
9	Bác là người sống giản dị; yêu thiên nhiên, luôn lạc quan trong mọi hoàn cảnh... <i>*GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.</i>	1.0
10	Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu đất nước,sống giản dị, biết tự lập, ... <i>*GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.</i>	0.5

Phần II: VIẾT (4.0 điểm)

A. Bảng điểm chung toàn bài:

Tiêu chí	Điểm
Cấu trúc bài văn	0.5
Nội dung	2.5
Trình bày, diễn đạt	0.5
Sáng tạo	0.5

B. Bảng chấm điểm cụ thể cho từng tiêu chí:

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Biết cách viết bài văn đủ 3 ý: Mở bài, thân bài và kết bài. Phần Thân bài biết tổ chức gồm nhiều đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.	- Mở bài: Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Thân bài:

0.25	Bài văn thiếu kết đoạn	+Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ.
0.0	Chưa biết hình thức trình bày bài văn	+ Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. - Kết bài: khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0-2.5	- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ: +Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pác Bó. +Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hào hợp với thiên nhiên của Bác. - - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: +Thể thơ, +Ngôn ngữ,giọng điệu,.. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.	<i>Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được những nội dung sau:</i> - Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ: +Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pác Bó. +Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hào hợp với thiên nhiên của Bác.
1.0 - 1.75	- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ: +Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pác Bó. +Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hào hợp với thiên nhiên của Bác. - - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: +Thể thơ, +Ngôn ngữ,giọng điệu,.. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ. * HS làm được những yêu cầu trên nhưng phân tích chưa sâu lắm.	- Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: +Thể thơ, +Ngôn ngữ,giọng điệu,.. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

0.25-0.75	- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ: +Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pắc Bó. +Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hào hợp với thiên nhiên của Bác. - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ:	
	+Thể thơ, +Ngôn ngữ,giọng điệu,... - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ. <i>* HS có thực hiện được một số yêu cầu trên, phân tích còn sơ sài.</i>	
0.0	Bài viết lạc đề hoặc không làm bài.	
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài viết đúng hình thức bài văn, trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa...	
0.25 -0.0	- Mặc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ...	
4. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Có sáng tạo trong cách diễn đạt.	
0.25	- Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét.	
0.0	- Chưa có sự sáng tạo.	

TUẦN 18B

NGÀY SOẠN: 7/1/2023

TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

TIẾT 70: TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

- + Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình
- + Thích ứng với cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

- + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân

* Năng lực đặc thù

- Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.
- Nêu và làm rõ được vấn đề cần nghị luận.
- Trình bày được ý kiến phê phán của người viết
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng để chứng tỏ sự phê phán là có cơ sở.

2. Phẩm chất: Nhân ái:

- Không đồng tình, cổ xúy cho thói xấu của con người
- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Video giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

PHT SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

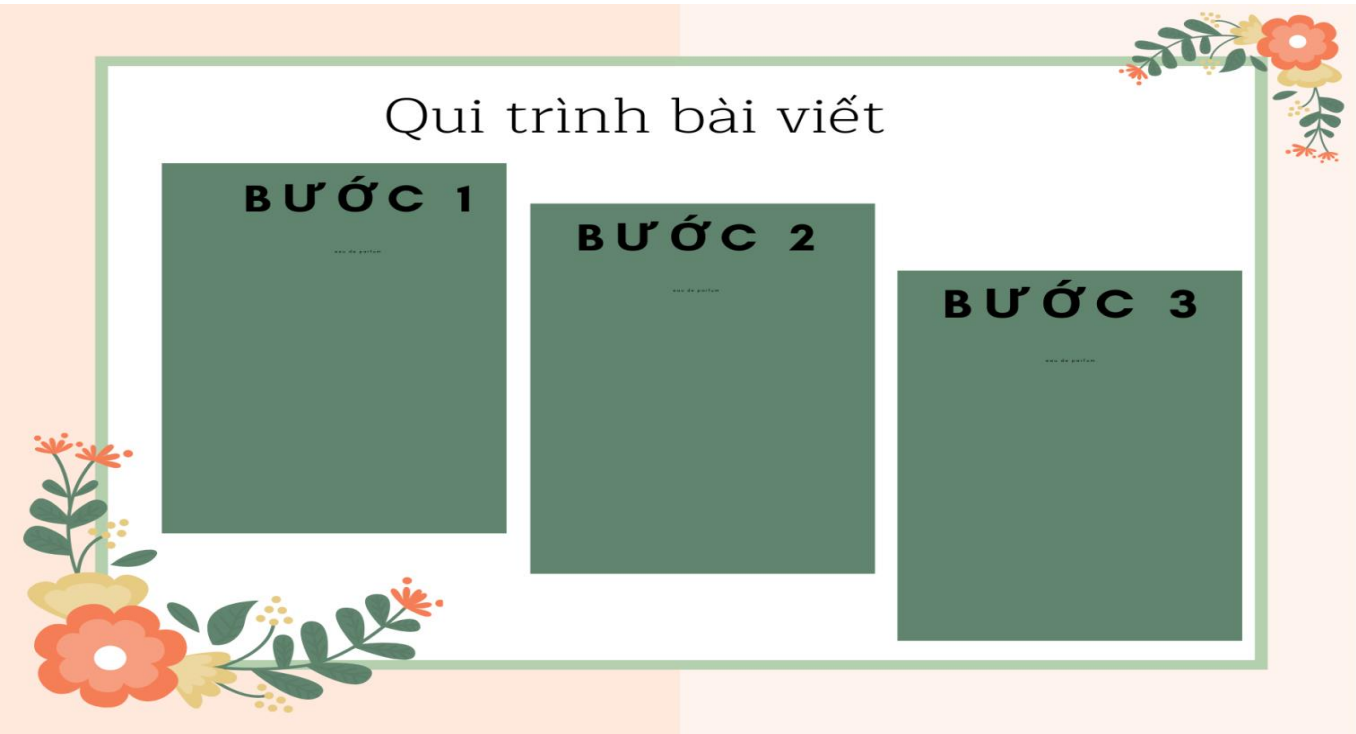
Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Đọc Bài viết Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay (SGK/ 114, 115) và hoàn thành các thông tin sau

Gợi ý: Tham khảo các chỉ dẫn bên lề phải của sách.

Vấn đề được đưa ra để nghị luận là gì?	
Vấn đề đó được người viết hiểu như thế nào? Theo người viết vì sao vấn đề đó đáng phê phán?	
Để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục, người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu qui trình bài viết



III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a) Mục tiêu: - Biết được kiểu bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. - Nhận biết được vấn đề cần thể hiện ý kiến phê phán. b) Nội dung: - GV hỏi, HS trả lời. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS chơi trò chơi Nông trại vui vẻ GV YC HS đọc phần thông tin trong SGK/114: Với những thói xấu của con người thì chúng ta cần thể hiện thái độ của mình như thế nào? GV Giới thiệu kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Tham gia trò chơi - Suy nghĩ cá nhân - HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân. GV: - Dự kiến KK HS gặp: - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục <i>Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn</i> nghị luận trình bày ý kiến về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại	A. Khởi động - Phê phán

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Biết cách thể hiện suy nghĩ của bản thân b) Nội dung: - GV yc HS làm việc cá nhân - Cho HS chia sẻ yêu cầu của kiểu bài NL c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yc HS nêu những yêu cầu cần đạt của kiểu bài NL về 1 vấn đề trong đs? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Làm việc cá nhân 2’. - HS dựa vào SGK trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS chia sẻ. HS: - Trình bày yêu cầu cần đạt. - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV)	B. Hình Thành kiến thức I. Yêu cầu đối với bài văn NL về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (SGK/114)

- Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	

II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a) Mục tiêu: - Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay”. - Biết được tác dụng của ngôi thứ nhất - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). Hiểu được cách đưa lý lẽ, dẫn chứng của người viết b) Nội dung: - HS đọc bài viết/ SGK trang 114, 115 - Thảo luận để hoàn thành PHT GV đưa ra. c) Sản phẩm: sản phẩm nhóm của HS. d) Tổ chức thực hiện	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài viết. GV hỏi gợi ý và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định ngôi kể trong bài văn. 2. Xác định Phần MB, TB, KB GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm Hoàn thành PHT số 1 (ở trên) trong thời gian 5 phút B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 1’ - Làm việc nhóm 4’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm	II. Phân tích bài viết tham khảo MB Nêu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng học đòi trong giới trẻ hiện nay TB - Làm rõ vấn đề nghị luận: học đòi là thế nào? Học đòi khác học hỏi như thế nào? - Trình bày ý kiến phê phán: <i>Tuy không phải là điều gì quá tai hại, nhưng học đòi cũng mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của thanh thiếu niên</i> - Nêu rõ lí lẽ, bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở: + Lý lẽ: ++ Học đòi “<i>chạy theo bầy ngoài của người khác cho dù là đẹp đối với họ thì cũng không phù hợp với mình, nó không làm tăng giá trị của mình lên trong mắt bạn bè</i>” ++ Học đòi, bắt chước người khác để cho bằng bạn bằng bè khiến “<i>chúng ta sai lầm trong cách xác lập giá trị con người</i>”, không định hình được “<i>điều làm cho một con người được coi trọng là khả năng, trí tuệ, tâm hồn, nhân cách chứ không phải cái bề ngoài màu mè, phô trương</i>” + Bằng chứng: ++ Trong thực tế ++ Trong sách báo ++ Trải nghiệm của bản thân - Đối thoại với ý kiến không đồng tình (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết: “<i>Có thể bạn cho rằng bắt chước người khác không phải là điều xấu. Bắt chước, làm theo người khác vốn là bản tính tự nhiên của con người. Từ khi là đứa trẻ cho đến khi trưởng thành, con người luôn có xu hướng bắt chước người khác. Học hỏi người khác cũng là một cách bắt chước.</i>”

- Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	<i>Tuy nhiên, khi bắt chước mà không suy nghĩ đến việc bản thân có phù hợp không, việc bắt chước có gây trò cười cho mọi người không, có gây hậu quả gì không, ... thì sự bắt chước đó trở thành học đòi”</i> KB Khẳng định lại ý kiến phê phán và rút ra bài học

III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.
- Sử dụng ngôi thứ nhất.

b) Nội dung:

- GV sử dụng PHT để HS xác định các bước làm bài văn NL.
- GV sử dụng video để HS xác định đề tài thực hành viết
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- **Hoạt động cặp đôi** Hoàn thành PHT xác định các bước làm bài văn NL (Chỉ ghi nội dung chính)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài trong SGK và hoàn thiện phiếu HT.

HS:

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.
- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.
- Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.
- Sửa lại bài sau khi viết.

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS:

- Đọc sản phẩm của mình.
- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục thực hành, luyện tập.

III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

b) Tìm ý

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên: Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).

Vấn đề được nêu ra là gì?	
Cách hiểu của em về vấn đề. Nêu các quan điểm về vấn đề (từ từ điển, những người xung quanh, người nổi tiếng, danh ngôn,...) mà mình thấy đồng tình.	
Vì sao thói xấu đó đáng phê phán? – Lí lẽ – Bằng chứng	
Dự kiến ý kiến khác và hướng đối thoại của em.	

c) Lập dàn ý

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hoạt động nhóm đánh giá bài viết của các nhóm B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn các nhóm đánh giá bài viết của nhóm bạn theo bảng kiểm - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo phần đánh giá của nhóm cho các nhóm bạn. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ, tinh thần làm việc của các nhóm. Nhấn mạnh những thiếu sót của các nhóm như còn nhầm lẫn giữa tả và kể, tập trung sự việc mà chưa làm nổi bật cảnh cần tả.	Dàn ý - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại). - Thân bài: + Làm rõ vấn đề nghị luận. + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở. + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó. - Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. 2. Viết bài - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng lý lẽ sáng rõ, chặt chẽ - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực, nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có) - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực 3. Đánh giá và sửa bài

C. LUYỆN TẬP a) Mục tiêu: Giúp HS - Áp dụng Các bước làm bài NL vào chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn. - Hoàn thiện bài viết ở nhà. b) Nội dung: - GV chiếu video về tình trạng vứt rác thải bừa bãi. - HS xem, nhận diện đề tài, tìm ý, lập dàn ý. c) Sản phẩm: Dàn ý của HS.

d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV: - GV chiếu video giới thiệu đề tài. - Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài trong SGK và hoàn thiện dàn ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK - Tìm ý - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần). - HS lập dàn ý, viết bài B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bản thân và của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	C. Luyện tập

D. VẬN DỤNG	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Ôn tập lại KT. - Hoàn thiện bài viết ở nhà. b) Nội dung: - GV tổ chức cho HS trò chơi Chim cánh cụt về tổ. - HS tham gia trò chơi c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV: - Hướng dẫn HS tham gia trò chơi. HS: - Đọc câu hỏi, suy nghĩ B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần). - Trả lời B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bổ sung cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của tiết học.	C. Luyện tập

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm cách trình bày suy nghĩ về một hiện tượng xấu trong cuộc sống

- Đọc và chuẩn bị cho bài Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (MỘT THÓI XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Rèn cho học sinh kĩ năng nói đúng, nói hay kiểu bài trình bày ý kiến. HS biết lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng phù hợp; biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ và nét mặt.
- Rèn kĩ năng quan sát, lắng nghe, nhận xét trao đổi, đánh giá bài nói của bạn trên các phương diện: nội dung, giọng nói, phong thái,...
- Rèn năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự học...

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo, video HS
- Phiếu đánh giá tiêu chí hoạt động nói của học sinh, phiếu học tập.
- Ti vi

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Dàn ý bài nói một thói xấu trong xã hội hiện đại.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Học sinh kết nối kiến thức từ cuộc sống vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Các em ạ! Từ xa xưa, cha ông ta luôn đề cao vai trò của lời ăn tiếng nói trong đời sống hàng ngày. Em có thể chia sẻ một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về chủ đề trên mà em biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân tiếp nhận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả: HS đọc câu tục ngữ, ca dao về cách nói năng mình biết Bước 4: Đánh giá nhận xét GV nhận xét câu trả lời HS và dẫn chuyển vào bài học : Nói và nghe :...(GV chiếu + Ghi bảng)	- Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. - Lời nói, gói vàng - Học ăn, học nói, học gói, học mở

HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- Học sinh hệ thống lại cách thức, các yêu cầu cần thiết của giờ luyện kĩ năng nói và

nghe.

b. Tổ chức thực hiện: tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giới thiệu nội dung, mục đích trò chơi, cách chơi

Mục đích: Để giúp HS nhớ lại, khắc sâu thêm những đơn vị kiến thức đã học về kĩ năng nói và nghe ở bài 1,2, vận dụng vào tiết Nói và nghe bài 3

- Trò chơi có tên gọi “Vòng quay văn học”

- Cách chơi: (GV chiếu + HS đọc)

Có 6 câu hỏi trắc nghiệm về các kĩ năng nói và nghe. HS lựa chọn một câu hỏi bất kỳ, đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn **một đáp án đúng nhất**.

Nếu trả lời đúng, em sẽ được tham gia vào vòng quay văn học. Trên vòng quay có các phần thưởng và câu hỏi.

Nếu vòng quay dừng tại ô phần thưởng nào thì em sẽ nhận được phần thưởng ở ô đó.

Nếu vòng quay dừng tại ô câu hỏi, em được quyền lựa chọn câu hỏi trả lời tiếp hoặc nhường quyền trả lời cho bạn trong lớp.

Nếu em trả lời sai, quyền trả lời thuộc về bạn khác.

Câu hỏi:

Câu 1: Khi trình bày bài nói và nghe, chúng ta thực hiện theo trình tự nào sau đây?

- A. Trước khi nói; sau khi nói; cảm ơn.
- B. Chào hỏi; trình bày bài nói; cảm ơn.
- C. Trước khi nói; trình bày bài nói; sau khi nói.
- D. Chào hỏi; trình bày bài nói; sau khi nói.

Câu 2: Trước khi nói, em cần chuẩn bị:

- A. nội dung nói.
- B. tập luyện.
- C. nội dung nói, tập luyện.
- D. không cần chuẩn bị.

Câu 3: Khi trình bày bài nói, người nói cần lưu ý những gì?

A. Chào hỏi; giới thiệu vấn đề, kể theo trình tự hợp lí, cảm nghĩ bài học; lời cảm ơn; giọng nói truyền cảm; phong thái tự tin.

B. Vấn đề hợp lý; phong thái tự tin; giọng nói rõ ràng, truyền cảm; sử dụng cử chỉ, điệu bộ.

C. Cảm nghĩ của bản thân; lời cảm ơn; phong thái tự tin; lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu.

D. Chào hỏi, giới thiệu vấn đề, lí lẽ dẫn chứng hợp lí; cảm ơn.

Câu 4: Khi bạn trình bày bài nói, với tư cách người nghe, em có nhiệm vụ

- A. nhận xét, đánh giá đầy đủ bài nói của bạn.
- B. chú ý quan sát, lắng nghe bài nói.
- C. đánh giá chi tiết tỉ mỉ về bài nói.
- D. quan sát, đánh giá bài nói.

Câu 5: Sau khi nghe bạn nói, người nghe

- A. nhận xét chi tiết đầy đủ về nội dung bài nói
- B. trao đổi với người nói về nội dung, cách nói.
- C. nhận xét, trao đổi với người nói về nội dung, cách trình bày.
- D. trao đổi về cách trình bày, phong thái, cử chỉ của bạn

Câu 6: Sau khi nghe bạn nhận xét về bài nói, người nói cần:

- A. tiếp thu ý kiến của người nghe để tham khảo.

- B. tiếp thu ý kiến của người nghe một cách tuyệt đối.
- C. đối thoại thẳng thắn với người nghe
- D. tiếp thu ý kiến, trao đổi với người nghe.

Bước 2: GV cho HS lựa chọn câu hỏi

Bước 3: HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi- quay vòng quay văn học để nhận phần thưởng

Dự kiến câu trả lời:

Câu 1: C

Câu 4: B

Câu 2: C

Câu 5: C

Câu 3: A

Câu 6: D

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức bằng sơ đồ tư duy (GV chiếu sơ đồ tư duy khái quát các bước thực hành nói và nghe)

1. Trước khi nói:

- **Chuẩn bị nội dung nói**
- **Tập luyện:** Trước gương, bạn bè, người thân.

2. Trình bày bài nói:

- **Người nói:** Nói: đúng đủ nội dung. Giọng nói truyền cảm + điệu bộ, nét mặt,..
- **Người nghe:** Lắng nghe, quan sát, đánh giá.

3. Sau khi nói

- **Người nghe:** Nhận xét; đánh giá nội dung, cách trình bày.
- **Người nói:** tiếp thu, rút kinh nghiệm; trao đổi (nếu cần).

Hoạt động 3: Luyện tập: Thực hành nói và nghe đề: Kể về 1 trải nghiệm của em

a. Mục tiêu:

- HS – GV kiểm tra đánh giá sự chuẩn bị ở nhà của học sinh
- Thực hành luyện nói và nghe trong nhóm, trước lớp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Trước khi nói <u>Nhiệm vụ 1:</u> Xác định yêu cầu của đề bài (HĐ cá nhân) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1 GV: Ở tiết thực hành viết, các em đã viết bài. <i>? Em đã viết bài đề cập đến thói xấu nào của con người trong xã hội hiện đại?</i> <i>? Với đề bài: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (cụ thể là: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) trước khi nói, em cần chuẩn bị những gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân: Bước 3: Báo cáo kết quả HS - Giới thiệu trải nghiệm đáng nhớ đã viết - Nêu các hoạt động đã làm: xác định rõ mục đích, nội dung nói, lập dàn ý cho bài nói Bước 4: GV đánh giá nhận xét <u>Nhiệm vụ 2:</u> Kiểm tra sự chuẩn bị bài nói của bạn-tập nói trong nhóm (HĐ cặp đôi)	1. Trước khi nói * Chuẩn bị nội dung nói: - Xác định: + Thể loại: nghị luận + Nội dung: Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại - Dàn ý bài nói: + lời chào + giới thiệu vấn đề + Trình bày lí lẽ và dẫn chứng + Bài học rút ra + Lời cảm ơn * Tập luyện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trong thời gian 3 phút, các em làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập sau vào phiếu học tập. GV: Chiếu yêu cầu <i>Nhiệm vụ 1: Kiểm tra chéo phần chuẩn bị nội dung bài nói.</i> <i>Nhiệm vụ 2: Luyện nói cho bạn nghe 1 đoạn, nhận xét, bổ sung (nếu cần).</i> Bước 2: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả: nhận xét về sự chuẩn bị bài nói của bạn cùng cặp - Luyện nói của bạn. ? Để bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội hấp dẫn, thuyết phục người nghe, khi trình bày các em cần chú ý những gì? Dự kiến: chọn vấn đề đúng, nổi cộm, hấp dẫn; lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, hợp lí; giọng nói truyền cảm; phong thái tự tin. Bước 4: Đánh giá nhận xét GV đánh giá, nhận xét sự chuẩn bị cho bài nói của HS GV: Để dễ dàng hơn cho việc đánh giá hoạt động nói của bạn, trong tiết học nói và nghe ở bài 1, các em đã xây dựng phiếu đánh giá tiêu chí như sau: (GV chiếu + phát phiếu đánh giá cho HS). Yêu cầu HS : khi các bạn trình bày bài nói, các em hãy quan sát, lắng nghe, dựa vào các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, cho điểm nói của bạn. Cuối giờ cô sẽ thu phiếu đánh giá tiêu chí của các em	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được vấn đề đích đáng để trình bày.	Chưa nêu được vấn đề theo yêu cầu.	Có nêu được vấn đề nhưng chưa trọng tâm.	Vấn đề tiêu biểu, nổi cộm.
2. Bài nói làm sáng tỏ được nhiều khía cạnh của vấn đề, đảm bảo mạch lạc, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng.	Nội dung sơ sài, các lí lẽ và dẫn chứng còn ít, không tiêu biểu.	Có đủ các lí lẽ và dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu, sắc bén.	Sáng tỏ nhiều khía cạnh, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói lắp, ngập ngừng..	Nói to, nhưng chưa lưu loát.	Nói to, truyền cảm, lưu loát.

4. Phong thái tự tin, sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt...)	- Thiếu tự tin. - Chưa dám nhìn vào người nghe - Nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	- Tự tin. - Nhìn vào người nghe. - Biểu cảm đôi khi chưa phù hợp với nội dung câu chuyện.	- Rất tự tin. - Ánh mắt giao lưu, nhìn vào người nghe. - Biểu cảm phù hợp với diễn biến câu chuyện.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lý.	Không có chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.
TỔNG ĐIỂM:/ 10 ĐIỂM			

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
2. Trình bày bài nói Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ: Bước 2, 3: Thực hiện nhiệm vụ: Nói và nghe 3- 4 HS trình bày bài nói trước lớp. Các HS khác lắng nghe quan sát nhận xét vào phiếu đánh giá HS 1: Trình bày bài nói HS 2: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS1 HS 3: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS1 HS 1: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích làm rõ hơn.../ HS 4: Trình bày bài nói HS 5: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS4 HS 6: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS4 HS 4: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích.../ Bước 4: GV nhận xét, đánh giá - Ý thức thái độ tham gia hoạt động nói và nghe của HS - Nội dung các bài nói của HS: đã đúng chủ đề, đã chọn một thói xấu của con người, đã rút ra bài học, đã đảm bảo các ý cần có? - Ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ nói như thế nào? - Góp ý để bài nói hấp dẫn hơn, sâu sắc hơn, em cần phát huy... cải thiện....? Tuyên dương khen ngợi: HS nói tốt, HS nghe đánh giá bài nói của bạn khách quan, sát tiêu chí đánh giá.	2. Trình bày bài nói - Người nói: Đảm bảo nội dung nói, giọng nói, phong thái,... - Người nghe: quan sát, lắng nghe,... 3. Sau khi nói: nhận xét, trao đổi

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Rút ra được một số bài học cho bản thân, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ:	

? Qua việc lắng nghe các trải nghiệm của bạn, em rút ra cho mình bài học gì bổ ích? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nhớ lại các bài nói của bạn, suy nghĩ ghi lại bài học bổ ích cho bản thân Bước 3. Báo cáo kết quả HS trình bày các bài học rút ra từ câu chuyện của bạn Bước 4. Đánh giá: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HS GV chốt nội dung bài học: HĐ nói và nghe là HĐ thường ngày rất quan trọng của con người. Tuy nhiên để nói và nghe tốt không phải là điều dễ dàng có được. Về nhà các em tiếp tục luyện nói và nghe trước người thân, bạn bè để nâng cao kỹ năng nói của mình hơn nữa. - GV có thể cho HS tham khảo đoạn video của 1 HS Ninh Bình giới thiệu về chùa Bái Đính để HS tham khảo, học tập kỹ năng thuyết trình. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài học sau.	- Bài học về cách ứng xử - Bài học về cách nói năng

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Luyện nói lại vấn đề đã học.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng

VI. Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG

THỰC HÀNH ĐỌC: GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa tri thức về thể loại, đặc trưng của hài kịch và truyện cười

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học

b. Năng lực riêng:

- Nhận biết và phân tích một số yếu tố của truyện cười và hài kịch.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tránh những việc làm, kịch cợt, lỗ lã; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy, sgk, sgv
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi: Hãy kể tên các văn bản em đã học trong bài 5: Những câu chuyện hài và cho biết thể loại đọc chính của bài 5	Thể loại hài kịch: Trưởng giả học làm sang Thể loại truyện cười: Chùm truyện cười dân gian Việt Nam
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở	+ Lợn cưới áo mới + Treo biển + Nói dóc gặp nhau
Bước 3: Báo cáo kết, thảo luận - Hs trả lời câu hỏi	- Văn bản kết nối chủ đề: Chùm ca dao trào phúng
Bước 4: Kết luận, nhận định	

- Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài	

HOẠT ĐỘNG : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: CÙNG CỐ- MỞ RỘNG

- a. Mục tiêu:** Cùng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 1,2 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết, thảo luận - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	I. CÙNG CỐ- MỞ RỘNG Bài tập 1: Nêu các thủ pháp trào phúng của thể loại hài kịch, truyện cười qua các văn bản đã học trong bài. Châm biếm - mỉa mai, đả kích, hài hước. Bài tập 2: Từ các văn bản đã học đó, em nhận thấy tiếng cười có sức mạnh như thế nào đối với đời sống con người? Tiếng cười trong các văn bản đó mua vui cho người đọc đồng thời phê phán những thói hư, tật xấu của con người.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 2 để thực hành đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện cười
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi theo PHT.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp - GV yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả đọc theo PHT sau <table><tr><th>GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI</th></tr><tr><td>1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười</td></tr><tr><td>2. Vấn đề bị đem ra phê phán</td></tr><tr><td>3. Thủ pháp trào phúng trong truyện</td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt kiến thức và lưu ý cách đọc truyện cười.	GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI	1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười	2. Vấn đề bị đem ra phê phán	3. Thủ pháp trào phúng trong truyện	II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “ GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI” 1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười - Đối tượng của tiếng cười: thói quen trì hoãn trong cuộc sống. - Dung lượng không dài, nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ. - Truyện mang ý nghĩa giải trí và giáo dục: phê phán những người có thói quen trì hoãn, viện lí do để không cố gắng đạt được mục tiêu của bản thân đã đề ra. 2. Vấn đề bị đem ra phê phán Vấn đề: phê phán những người viện lí do để trì hoãn công việc, ước mơ của mình mà không chịu cố gắng. 3. Thủ pháp trào phúng trong truyện Thủ pháp châm biếm: phê phán, châm biếm thói hư tật xấu của con người trong xã hội.
GIÁ KHÔNG CÓ RUỒI					
1. Những đặc điểm của thể loại truyện cười					
2. Vấn đề bị đem ra phê phán					
3. Thủ pháp trào phúng trong truyện					

HOẠT ĐỘNG : LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 4 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 4: "Cười là một hình thức chế ngự cái xấu." (Phương Lựu - Trần Đình Sử - Lê Ngọc

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Hs báo cáo kết quả Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	Trà, Lí luận văn học, tập 1, NXB Giáo dục, 1986, tr. 241). Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên. Đoạn văn tham khảo: <i>Cái hài trong truyện cười dân gian được biểu hiện qua tiếng cười ở nhiều góc độ: cái cười đả kích, châm biếm, giễu cợt, cái cười vui, trên cơ sở phản ánh các hiện tượng xã hội đa dạng của đời sống con người, nhưng điểm nổi bật là tiếng cười có tính triết lý xã hội sâu sắc. Truyện cười dân gian là sản phẩm nghệ thuật của nhân dân lao động, ở đó, nhân dân đã dùng tiếng cười như một vũ khí của chính nghĩa, của đạo đức để lên án cái xấu, cái phi nghĩa, vô đạo đức. Cái cười tố cáo, quan lại, vua chúa tham lam, dâm ô, trụy lạc, buôn thần, bán thánh là tiếng cười trí tuệ, vượt xa cái cười giải trí. Nó phơi bày ung nhọt của xã hội, sự mục rỗng của xã hội. Tuy chưa đủ sức công phá trước thành trì của chế độ phong kiến nhưng tiếng cười này có ý nghĩa kéo nhanh hơn sự xuống dốc của chế độ phong kiến lỗi thời, góp phần mở đường cho sự tiến bộ của xã hội tốt đẹp hơn. Ý nghĩa thẩm mỹ của cái hài trong truyện truyền thống là vạch trần cái xấu núp bóng cái đẹp để khẳng định cái đẹp, lấy cái đẹp làm tiêu chuẩn để nhận dạng cái xấu.</i>

HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM					
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh làm về nhà hoàn thành bài tập 3 theo PHT sau: <table><tr><td>Tên tác phẩm:</td></tr><tr><td>Tác giả:</td></tr><tr><td>Thói xấu được nói đến:</td></tr><tr><td>Thủ pháp trào phúng trong truyện:</td></tr><tr><td>Chi tiết em thấy thú vị nhất:</td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Hs báo cáo kết quả vào tiết học sau. Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài làm của học sinh vào tiết học sau.	Tên tác phẩm:	Tác giả:	Thói xấu được nói đến:	Thủ pháp trào phúng trong truyện:	Chi tiết em thấy thú vị nhất:	(Bài làm cá nhân của học sinh)
Tên tác phẩm:						
Tác giả:						
Thói xấu được nói đến:						
Thủ pháp trào phúng trong truyện:						
Chi tiết em thấy thú vị nhất:						

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nêu vai trò của tiết đọc.
- Chuẩn bị cho tiết trả bài kiểm tra cuối HKI

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp .
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.
- Năng lực văn học: Luyện tập kĩ năng dùng từ, đặt câu và kĩ năng xây dựng văn bản.

- Giáo dục HS ý thức phê bình và tự phê bình, có ý thức vươn lên cố gắng trong các bài làm lần sau.

II. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU

- KHBD, bài kiểm tra đã chấm, tìm những lỗi của HS và chọn bài khá tốt

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. MỞ ĐẦU:

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát

a. Mục tiêu: *Giới thiệu bài học, tạo tâm thế hứng thú cho HS*

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát và đọc một số bài kiểm tra, nhận xét về phần đọc hiểu, phần làm văn, cách diễn đạt, lỗi các loại...
- HS vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút, tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS quan sát 1 đoạn văn trong bài viết của HS

HS nhận xét đoạn văn(cách diễn đạt, các lỗi) ?

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả của cá nhân; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối bài học : Để giúp các em tự nhận ra những ưu điểm cũng như những nhược điểm trong bài KT của mình và của các bạn, các em tự khắc phục được những cái chưa tốt để hoàn thiện hơn trong những tiết KT sau

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận thấy được ưu nhược điểm trong bài kiểm tra

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
- Chuyển giao nhiệm vụ - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài kiểm tra đã làm ? Xác định yêu cầu của đề, định hướng làm bài phần đọc hiểu VB ? Xác định yêu cầu của đề ? Thể loại ? Nội dung trong phần làm văn? HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả GV đánh giá , cung cấp đáp án GV nhận xét ưu, nhược điểm, đọc đáp án Gv: nêu đáp án cho hs theo dõi - Phần đọc –hiểu: GV đọc đáp án - Phần làm văn đáp án (bảng phụ) ? Theo dõi dàn bài, em thấy trong bài làm của mình hôm trước đã đầy đủ ý chưa ? Gv: Nhận xét ưu – nhược điểm trong bài làm của hs <i>* Ưu điểm:</i> HS có ý thức học tập, vận dụng đọc –hiểu tốt, nhận thực được bài học từ VB, HS nắm được phương pháp làm bài văn phân tích tác phẩm thơ Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy... <i>* Hạn chế:</i> - Nhiều bài chưa xác định được giọng điệu của bài thơ. - Nhiều bài chưa làm được bài phân tích tác phẩm. - Bên cạnh đó vẫn còn một số bạn chưa đọc kỹ đề, còn hiểu sai đề, kiến thức chưa vững, không có sự đầu tư nên điểm thấp. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... HS theo dõi, lắng nghe <i>* Những bài viết có nội dung tốt:</i>	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Sửa lỗi trong bài kiểm tra, tham khảo học tập

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
Gv chuyển giao nhiệm vụ : Phát bài cho hs theo dõi, đối chiếu đáp án, phát hiện lỗi sai - Hướng dẫn cách sửa lỗi .Giải đáp những thắc mắc của học sinh chung quanh bài làm đã chấm điểm(nếu có) -Yêu cầu học sinh đổi bài cho nhau để nhận xét, tham khảo Gv: lấy điểm vào sổ HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả , GV đánh giá Năng lực hình thành : Giải quyết vấn đề, hợp tác, thương thức cảm thụ, tự học, sáng tạo, giao tiếp	III. Trả bài, chữa lỗi

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Tham khảo học tập từ bài viết của bạn

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
GV chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS nghe đọc bài tham khảo từ phía HS GV giao nhiệm vụ: Viết lại phần tự luận cho bài kiểm tra - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo kết quả - GV đánh giá - HS về nhà tự thực hiện Năng lực hình thành: thưởng thức –cảm thụ, sáng tạo	IV. Đọc bài tham khảo

** Kết quả cụ thể:*

Lớp \ Điểm	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	>TB
81						
82						

E. HƯỚNG DẪN HỌC

- Về nhà xem lại thể loại thơ tứ tuyệt Đường luật, phân tích văn bản thơ tứ tuyệt Đường luật.

- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học

Bài mới:

+ Chuẩn bị nội dung phần giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn, Thánh Gióng.

+ Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 19 NGÀY SOẠN: 14/1/2024 TIẾT 73,73,75: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “MẮT SÓI” TIẾT 76: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRỢ TỪ)

TIẾT 73,73,75: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “MẮT SÓI” (Đa-ni-en Ben-nắc)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức

- Một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.
- Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng hiệu quả.
- Bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dân ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.- Giới thiệu ngắn về một cuốn sách, một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2. Về năng lực

- Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng hiệu quả.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dân ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Biết trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- + SGK, KHBD.
- + Phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập
- + Máy tính, máy chiếu (nếu có)....
- + Tranh ảnh, video liên quan đến bài học

2. Học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong sgk
- Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a/ **Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi

gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b/ Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

c/ Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d/ Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV 1: - Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: Nêu tên một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim có nội dung nói về sự đồng cảm, gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên (loài vật, cây cỏ, vũ trụ,...). Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận về tác phẩm văn học hoặc bộ phim đó. - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ để nêu tên tác phẩm văn học hoặc bộ phim và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận. - Báo cáo, thảo luận: HS trả lời - GV nhận xét, dẫn dắt bài học.	

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề của bài học.

b. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh <i>quan sát SGK và cho biết:</i> + <i>Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó em hiểu gì về chủ đề?</i> + <i>Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ	A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN I. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học: bức chân dung cuộc sống đa màu, đẹp đẽ và hấp dẫn. - Ngữ liệu: + Mắt sói (Đa-ni-en Pen-nắc)
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	

- GV quan sát, lắng nghe. - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long). + Bếp lửa (Bằng Việt) - Thể loại VB đọc chính: Truyện

Hoạt động 2: Tri thức Ngữ văn

a.Mục tiêu: Nhận biết và chỉ ra được đặc điểm cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>hoàn thành bảng kiểm theo mẫu.</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>CÁC YẾU TỐ</th><th>ĐẶC ĐIỂM CHÍNH</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.Cốt truyện đơn tuyến</td><td></td></tr> <tr> <td>2. Cốt truyện đa tuyến</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	CÁC YẾU TỐ	ĐẶC ĐIỂM CHÍNH	1.Cốt truyện đơn tuyến		2. Cốt truyện đa tuyến		II. Tri thức Ngữ văn 1. Cốt truyện đơn tuyến - Chỉ có một mạch sự kiện - Sự kiện đơn giản 2. Cốt truyện đa tuyến - Tồn tại ít nhất hai mạch sự kiện. - Hệ thống sự kiện phức tạp, chồng chéo gắn với số phận các nhân vật chính
CÁC YẾU TỐ	ĐẶC ĐIỂM CHÍNH						
1.Cốt truyện đơn tuyến							
2. Cốt truyện đa tuyến							

B. ĐỌC VĂN BẢN: MẮT SÓI (Đa-ni-en Pen-nắc)

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- HS nhận biết và phân tích được cốt truyện đa tuyến trong VB *Mắt sói*.

- HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

2. Tiến trình hoạt động

2.1. Khởi động:

a. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- b. Nội dung: Chia sẻ của HS
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho HS xem trailer phim Cậu bé rừng xanh; em có cảm nhận gì về mối quan hệ của cậu bé và các con vật qua đoạn trailer; nêu chủ đề của bài học và thể loại. - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân - Báo cáo: HS trả lời - GV nhận xét, dẫn dắt giới thiệu vào bài.	B. ĐỌC VĂN BẢN“ MẮT SÓI“ (ĐA-NI-EN PEN-NẮC)

2.2. Hình thành kiến thức:

2.2.1. Tìm hiểu chung

Mục tiêu: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm

Nội dung: GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung

HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm

NV1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV kiểm tra việc hs chuẩn bị đọc và tóm tắt trtrước khi đến lớp.Gv hướng dẫn hs : khi đọc truyện đa tuyến cần tóm tắt được các tuyến sự kiện; tìm hiểu nhân vật, chi tiết tiêu biểu; tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện; tìm chủ đề của truyện;...
- GV hướng dẫn cách đọc và sử dụng chiến lược theo dõi
- GV hỏi một số câu chủ khó ở chân trang

B2: Thực hiện nhiệm vụ -

Gv gọi hs đọc một vài đoạn.

- HS theo dõi, đọc tiếp và nhận xét

B3: Báo cáo, thảo luận

- Chia sẻ, góp ý về cách đọc

B4: Kết luận, nhận định

Gv chia sẻ cách đọc với hs.

Đánh giá, khuyến khích hs

NV2:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Đọc

2. Tác giả

– Đa-ni-en Pen-nắc sinh năm 1944, là nhà văn lớn người Pháp.

GV yêu cầu HS trình bày dự án về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu cụ thể của giáo viên:

1. **Giới thiệu về tác giả:** quốc tịch, đặc trưng sáng tác, tác phẩm nổi tiếng
1. Khái quát về văn bản:

Thể loại	
Nhân vật	
Cốt truyện	
Tóm tắt cốt truyện	
Phương thức biểu đạt	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS chuẩn bị câu trả lời và chia sẻ dự án của mình

3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày dự án, hs khác nhận xét và bổ sung

B4: Kết luận, nhận định

HS: nhận xét, bổ sung

GV: Nhận xét thái độ làm việc và câu trả lời của hs

– Ông thành công với nhiều thể loại: tiểu luận, tự truyện, tiểu thuyết, truyện tranh, kịch bản phim,...

3. Tác phẩm

- **Mắt sói** là tác phẩm nổi tiếng của Đan-nien Pen-nắc .

- **Thể loại:** tiểu thuyết.

- **Phương thức biểu đạt chính:** tự sự - **Tìm hiểu cốt truyện, tóm tắt VB a. Sơ đồ cốt truyện**

- Chương 1: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: cuộc gặp gỡ kì lạ giữa cậu bé tên là Phi Châu và Sói Lam.

- Chương 2: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam; thời gian: quá khứ; không gian: Bắc Cực; nội dung câu chuyện: những cuộc trốn chạy các toán đi săn của gia đình nhà sói.

- Chương 3: Mạch truyện về nhân vật Phi Châu; thời gian: quá khứ; không gian: châu Phi; nội dung câu chuyện: hành trình của cậu bé Phi Châu.

- Chương 4: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: Sói Lam và Phi Châu làm bạn.

→ Tác phẩm có kiểu cốt truyện truyện lồng truyện.

b. Tóm tắt VB trong SGK

- Chương 2: Phi Châu nhìn sâu vào mắt Sói Lam và câu chuyện hiện lên trong mắt

	sói là hồi ức về gia đình nhà sói, việc Sói Lam cứu em gái Ánh Vàng. - Chương 3: Sói Lam nhìn sâu vào mắt Phi Châu với sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc. Câu chuyện hiện lên trong mắt người là tình bạn giữa Phi Châu với lạc đà Hàng Xén và Báo.
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
1. Nhân vật Sói Lam	
Mục tiêu: Học sinh nhận biết và phân tích hình ảnh của Sói Lam với câu chuyện thật xúc động về sự dũng cảm, yêu thương đồng loại Nội dung: GV yêu cầu hs chia sẻ cặp đôi, thuyết trình HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp thành các cặp đôi cặp ba theo bàn để thực hiện các câu hỏi trong phiếu học tập sau trong vòng 10 phút: 1. Đánh dấu văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt sói, nhân vật Sói Lam theo gợi dẫn.	a. Hình ảnh mắt sói - Chi tiết: con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con ngươi màu đen, con mắt không chớp bao giờ, con ngươi màu đen, con ngươi có sự sống,... - So sánh, liên tưởng: như ngọn đèn trong đêm, như tuần trăng úa trên bầu trời trông trải,... → Cảm nhận được trong mắt sói chất chứa nỗi buồn thăm sâu, sự u uất, cô đơn. b. Câu chuyện Sói Lam cứu Ánh Vàng - Các chi tiết trong VB: <i>Sói Lam tung người bay trên làn không khí mỏng rát, dùng răng cắn đứt sợi dây, hét: “Chạy đi, Ánh Vàng...”</i>; <i>Sói Lam ngã xuống, ngã xuống, cứ xoay tròn và rơi mãi trong màn đêm đầy tia lửa,...</i> → Qua những hành động đó, có thể thấy Sói Lam vô cùng dũng cảm, nhanh nhẹn, thông minh, mạnh mẽ, quyết đoán, sẵn sàng hi sinh vì em.

Một con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con ngươi màu đen. Một con mắt không chớp bao giờ. Hệt như cậu bé đang nhìn một ngọn đèn trong đêm; cậu chẳng thấy gì ngoài con mắt này: cây cối, vườn thú, khu chuồng, mọi thứ đã biến mất. Chỉ còn lại một điều duy nhất: mắt sói. Con mắt càng lúc như càng to hơn, tròn hơn, như một tuần trăng úa trên bầu trời trông trải, và chính giữa, một con ngươi như càng đen hơn, và trong quầng vàng nâu quanh con ngươi, người ta thấy xuất hiện những	a. Đánh dấu vào các từ ngữ miêu tả mắt sói. b. Trong cái nhìn của cậu bé, mắt sói được so sánh với những hình ảnh nào? c. Phi Châu cảm nhận thấy điều gì trong mắt sói?

điểm màu khác nhau, chỗ này màu lam (xanh như nước đóng băng dưới bầu trời), chỗ kia là một tia ánh vàng, lấp lánh như trang kim . Nhưng điểm quan trọng nhất chính là con người. Con người màu đen! – Mi đã muốn nhìn ta thì nhìn đi! Dường như con người muốn nói. Nó lóe lên một tia sáng khủng khiếp. Hết một ngọn lửa. “Đúng rồi, cậu bé nghĩ: ngọn hắc hỏa!” Và cậu trả lời: – Được rồi, Hắc Hỏa, ta nhìn đây. Ta không sợ đâu.	 d. Điều gì khiến Phi Châu có thể cảm nhận về mắt sói như vậy? 	
2. Đọc phần (2) chương 2 và hình dung cảnh Sói Lam cứu Ánh Vàng. Dùng ngôn ngữ để miêu tả sự việc này theo hình dung của em. Qua hành động Sói Lam cứu Ánh Vàng, em hãy nhận xét về tính cách nhân vật Sói Lam. Thực hiện nhiệm vụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: lắng nghe yêu cầu và thực hiện yêu cầu của GV B3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm sau khi được các nhóm bổ sung hoàn thiện. - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của các nhóm HS. - Chốt kiến thức		
2. Nhân vật Phi Châu.		

Mục tiêu: HS chỉ ra và phân tích được vẻ đẹp của nhân vật Phi Châu và nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm cặp đôi và trình bày một phút để hoàn thành nhiệm vụ giáo viên giao cho

HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Chia lớp thành các cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập: **1. Đánh dấu văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt người theo gợi dẫn.**

Và đến lượt con mắt của cậu bé chuyển động. Như một ánh sáng vụt tắt. Hoặc cảm giác như một đường hầm bị sập dưới lòng đất. Phải rồi, một đường hầm giống như một cái hang cáo mà Sói Lam từng chui vào. Càng vào sâu thì càng mờ mịt. Chẳng mấy chốc thì tối om, không còn giọt nắng nào. Ngay tới đầu ngón chân mình Sói Lam cũng không nhìn thấy. Không biết nó chìm trong con mắt của cậu bé như thế ba lâu rồi nhỉ? Thật khó nói. Nhiều phút trôi qua tưởng chừng như hàng năm trời. Mãi tới lúc, một giọng nói nhỏ cất lên từ sâu trong bóng đêm:

“Đây rồi, Sói Lam ơi, đây là nơi có kỉ niệm đầu tiên của ta đó!”

a. Đánh dấu vào các từ ngữ miêu tả mắt người.

b. Sói Lam cảm nhận thấy điều gì trong mắt Phi Châu?

.....

.....

c. Điều gì khiến Sói Lam có thể cảm nhận về mắt Phi Châu như vậy?

.....

.....

d. Câu cuối của đoạn trích cho thấy câu chuyện của Sói Lam dường như được kể theo vị trí của nhân vật nào?

.....

a. Hình ảnh mắt người

- HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận. Các chi tiết miêu tả mắt người: con mắt như một ánh sáng vụt tắt, như một đường hầm bị sập dưới lòng đất, mờ mịt, tối om, không còn giọt nắng nào,...

⑦ Mắt người ám ảnh nỗi buồn đau, mát mát, sự cô đơn, tuyệt vọng.

⑦ Những chi tiết này cho thấy mỗi đồng cảm sâu sắc, sự thấu hiểu của sói với nỗi buồn đau của cậu bé Phi Châu.

b. Câu chuyện của Phi Châu và những người bạn.

– Với lạc đà Hàng Xén: Phi Châu “mất hàng giờ” để tìm lạc đà Hàng Xén

– Với sư tử: Đàn cừu và dê không có kẻ thù. Nếu thi thoảng có sư tử hay báo ăn thịt một con dê cái thì chỉ vì nó đói

– Với Báo: Chi tiết Phi Châu kết bạn với Báo bằng tâm hồn tinh tế, sự thấu cảm sâu sắc.

→ Phi Châu là một cậu bé có tâm hồn trong sáng, sâu sắc, tinh tế, có tấm lòng nhân hậu, trân trọng tình bạn, yêu thương loài vật, tôn trọng thiên nhiên.

2. Tìm hiểu về nhân vật Phi Châu theo gợi dẫn.

2.1. Hành động, thái độ của Phi Châu với lạc đà Hàng Xén:

.....
.....

2.2. Suy nghĩ của Phi Châu về sư tử:

.....

2.3. Điền từ ngữ phù hợp để hoàn thành các lời nói sau của nhân vật Phi Châu với Báo.

- Báo này, đừng có bì như rắn thối, tôi

.....

- Thấy chưa, Phi Châu nói, tôi cần

.....

- Anh là

.....

- Báo này, anh cần

.....

2.4. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phi Châu:

.....

.....

2.5. Phát biểu bằng lời: Qua câu chuyện của Sói Lam và cậu bé Phi Châu, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: đọc ngữ liệu trong SGK suy nghĩ cá nhân, hoạt động cặp đôi để trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận HS:

trình bày sản phẩm.

- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Từ phân tích trên gv yêu cầu hs trình bày 1 phút cho câu hỏi:

+ Xác định ngôi kể trong từng chương; vị trí người kể dựa vào để quan sát, kể lại các sự kiện.

+ Nhận xét về vai trò của hình ảnh mắt sói, mắt người trong việc tổ chức các sự kiện của cốt truyện.

Gv yêu cầu hs trình bày- hs nghe và nhận xét Gv kết luận: Câu chuyện trong VB được kể theo ngôi thứ ba nhưng có sự thay đổi điểm nhìn: + Ở chương 2, câu chuyện được kể từ điểm nhìn của nhân vật Sói Lam. + Ở chương 3, câu chuyện lại được kể từ điểm nhìn của nhân vật Phi Châu. Hình ảnh mắt sói, mắt người giúp kết nối và chuyển mạch truyện.	

III. TỔNG KẾT

Mục tiêu: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản **Nội**

dung:

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và nhóm bàn để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản
- HS HĐ cá nhân và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: – Nêu một vài nét nghệ thuật đặc sắc của truyện <i>Mắt sói</i>? – Nêu ý nghĩa của truyện <i>Mắt sói</i> HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm	1. Nghệ thuật + Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo. + Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc. 2. Nội dung- Ý nghĩa: + Ca ngợi vẻ đẹp của sự đồng cảm, thấu hiểu giữa muôn loài trên thế giới. + Ca ngợi tình anh em, tình bạn giữa con người và loài vật + Đau đớn, xót xa trước sự tham lam, vô cảm, trước hành động tàn phá thế giới tự nhiên của con người.

2.3. HĐ3: Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kỹ năng đã học.

2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.
3. Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ gợi ý sau: - Nêu cách đọc một tác phẩm truyện có cốt truyện đa tuyến. - Trả lời câu hỏi trắc nghiệm (cốt truyện đa tuyến, nhân vật, sự kiện, chi tiết... theo yêu cầu cần đạt của bài học). - Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản,... - Thực hiện bài tập viết kết nối với đọc trong SGK. - HS trả lời câu hỏi. - HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn	

2.4. Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.
2. Nội dung: HS vẽ tranh theo cảm nhận và hình dung của mình.
3. Sản phẩm: Câu trả lời, tranh vẽ của HS.
4. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Nêu cảm nhận của em về một bức tranh minh họa mà em thích trong VB; vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong VB <i>Mắt sói</i> mà em ấn tượng (thực hiện ở nhà). - HS nêu cảm nhận về một bức tranh minh họa trong VB, tranh vẽ của HS - Báo cáo: HS nêu cảm nhận, giới thiệu bức tranh. - Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm nội dung bài.
- Hoàn thành các bài tập chưa hoàn chỉnh.
- Đọc và chuẩn bị bài Thực hành tiếng việt
- + Khái niệm trợ từ. Tìm một số trợ từ thường gặp.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 76: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRỢ TỪ)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của trợ từ
- Tác dụng của trợ từ và sử dụng chúng trong hoạt động giao tiếp

2. Năng lực

- Nhận biết được trợ từ trong câu.
- Lý giải và phân tích được tác dụng của trợ từ.
- Vận dụng sử dụng trợ từ trong các hoạt động giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà; **2. Chuẩn bị của HS:**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra yêu cầu: So sánh 2 câu nói sau:

(1) Tôi qua, tôi ăn những ba bát cơm.

(2) Tôi qua, tôi ăn ba bát cơm.

- Hs trả lời cá nhân, nhận xét, lý giải.

Hai câu đều thông báo “tôi” ăn ba bát cơm. Nhưng câu (2) có thêm từ “những” đã nhấn mạnh việc ăn ba bát cơm là nhiều so với bình thường.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *những từ mà thêm vào trước số từ ấy đều có một tác dụng nhất định và người ta gọi là số từ. Để tìm hiểu kĩ đặc điểm cũng như tác dụng của những trợ từ chúng ta chuyển sang bài mới.*

II. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS:

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng của trợ từ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS căn cứ vào phần tìm hiểu ở nhà trong hộp màu vàng phía phải trang 14/ sgk, đọc 2 ví dụ trả lời câu hỏi: a, Ngay lần đầu gặp gỡ, tôi và thằng Lai-ca đã sung sướng nhìn nhau như thể nhìn vào gương. (Nguyễn Nhật Ánh, Tôi là Bê-tô) b, Chỉ sau đêm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. (Nguyễn Quang Thiều, Bầy chim chìa vôi) Những từ in đậm có tác dụng gì? Từ đó hãy nêu tác dụng của trợ từ? Tìm một số trợ từ và đặt câu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu và hoàn thiện GV: - Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần). - HS trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.	I/ Nhận biết trợ từ - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ nó đi kèm. Ví dụ: cả, ngay, chính... + Biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ nó đi kèm. Ví dụ: những, chỉ, có... - Đặt câu: + <i>Chính</i> thầy hiệu trưởng tặng tôi cuốn sách này. + Tôi ăn <i>có</i> hai bát cơm
- Chốt kiến thức, gv chú ý hs phân biệt không để lẫn trợ từ với các từ loại khác như động từ, danh từ...	

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. Trả lời nhanh bài tập 1(Kĩ thuật tia chớp) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK, Trả lời nhanh. - GV gọi hs xung phong Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. Thảo luận nhóm theo bàn trả lời trong vòng 7 phút. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận trả lời - GV hỗ trợ hs	II. LUYỆN TẬP Bài tập 1 SGK/14. a. Trợ từ <i>chính</i> có tác dụng nhấn mạnh đích xác điểm quan trọng nhất, tập trung sự chú ý của Phi Châu khi nhìn vào mắt sói là con người chứ không phải cái gì khác. b. Trợ từ <i>chỉ</i> có tác dụng nhấn mạnh phạm vi được hạn định, biểu thị thái độ đánh giá của Sói Lam về cách thức cứu Ánh Vàng: đó là cách duy nhất để cứu Ánh Vàng thoát khỏi toán thợ săn mà không còn cách nào khác nữa. c. Trợ từ <i>ngay</i> có tác dụng nhấn mạnh ý sự vật ở rất gần là “đầu ngón chân” của mình mà Sói Lam cũng không nhìn thấy khi nó cảm nhận sự tối tăm như một đường hầm bị sập dưới lòng đất trong con mắt của cậu bé Phi châu. Bài tập 2 SGK/14. a. <i>những điều mới mẻ</i>: <i>những</i> là phó từ chỉ lượng; <i>những tám quyển truyện</i>: <i>những</i> là trợ từ có ý nhấn mạnh, đánh giá việc “nó” mua tám quyển truyện là nhiều, vượt quá mức bình thường. b. <i>đoán ngay chuyện gì đã xảy ra</i>: <i>ngay</i> là phó từ chỉ sự không chậm trễ của hành động <i>đoán</i>, <i>ngay cạnh trường</i>: <i>ngay</i> là trợ từ biểu thị ý nhấn mạnh khoảng cách rất gần giữa vị trí của sự vật được nói đến (<i>nhà tôi</i>) so với địa điểm

Bước 2: Thực hiện

nhiệm vụ - HS đọc bài

tập, thảo luận trả lời -

GV hỗ trợ hs:

+ Hình thức: đoạn văn từ 5-7 câu, có trợ từ

+ Nội dung: bày tỏ cảm xúc trước một nhân vật...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm báo cáo sau khi đã hoàn thành.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Đáp án dự kiến:

(1) Phi Châu đã chặn cừu cho Vua Dê được tròn hai năm và đó là một điều khá bất ngờ và ngạc nhiên vì không ngờ lại được lâu như vậy. (2) Cậu bé là một người chặn cừu tốt. (3) Cậu bé chặn cừu bằng hết tấm lòng của mình, hiểu rõ về đàn cừu, hiểu **cả** những nguy hiểm rình rập đàn cừu nào là sư tử hay báo rình ăn thịt, cậu đã tính toán được cả vừa đưa ra những ý tưởng cho Vua Dê. (4) Phi Châu là cậu bé ngoan ngoãn, tốt bụng, yêu động vật, hiểu được chúng, Phi Châu đã có màn trò chuyện với Báo hết sức đặc biệt, Báo rất háo hức nên đã lắng nghe cậu bé. (5) Cậu bé đã hết lòng khen ngợi Báo là một tay săn tuyệt vời. (6) Báo và Phi Châu đã trò chuyện như hai người bạn ngồi nói rõ chuyện chặn cừu, Phi Châu đã đưa ra lời đề nghị với Báo để trở thành những người bạn thân thiết, cùng nhau chặn cừu và hai nhân vật đã thành những người bạn thân thiết, không thể tách rời nhau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Tìm thêm những đoạn trích trong truyện ngắn hay thơ có trợ từ và nêu tác dụng.

- Chuẩn bị đọc và trả lời câu hỏi văn bản đọc số 2 “Lặng lẽ Sa Pa”.

- Chuẩn bị sơ đồ tư duy giới thiệu về tác giả, văn bản, trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau đọc văn bản.

Tác giả	Tác phẩm
- Quê quán - Đặc điểm thơ văn. - Sáng tác tiêu biểu	- Hoàn cảnh sáng tác - PTBD - Đề tài - Bố cục, tóm tắt và nêu nhận xét kiểu cốt truyện. - Nhân vật và nhân vật chính

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 20

NGÀY SOẠN: 20/1/2024

TIẾT 77+78: ĐỌC VĂN BẢN “LẶNG LẼ SA PA” (NGUYỄN THÀNH LONG)

TIẾT 79: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 80: “BẾP LỬA” (BẢNG VIỆT)

TIẾT 77+78: ĐỌC VĂN BẢN “LẶNG LẼ SA PA” (NGUYỄN THÀNH LONG)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện, chủ yếu là nhân vật anh thanh niên trong công việc thăm lặn, trong cách sống và những suy nghĩ, tình cảm, trong quan hệ với mọi người.
- Học sinh phát hiện được và hiểu đúng chủ đề của truyện, từ đó hiểu được niềm hạnh phúc của con người trong lao động.
- Học sinh hiểu đc nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động hấp dẫn trong truyện.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực cảm thụ và phân tích các yếu tố của tác phẩm truyện: miêu tả nhân vật, những bức tranh thiên nhiên, năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm với công việc yêu công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Phiếu học tập
- PHT số 1 (Văn bản)

<i>Thể loại</i>	<i>HC sáng tác</i>	<i>Đề tài</i>	<i>Bố cục</i>
<i>ND:</i>			

PHT số 2 (Anh thanh niên)

<i>Độ tuổi ngoại hình</i>		<i>Nhận xét</i>
<i>Hoàn cảnh sống</i>		

<i>Công việc</i>	
<i>Lời nói</i>	
<i>Hành động</i>	
<i>Suy nghĩ</i>	
<i>Quan hệ với mọi ng</i>	
<i><u>Đánh giá chung</u></i>	

PHT số 3 (Ông họa sĩ)

<i>Cảm xúc suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật?</i>	<i>Tình cảm và thái độ của ông với anh thanh niên?</i>	<i>Vai trò của ông họa sĩ trong VB</i>

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu : Tạo tâm thế *cho* HS trước khi vào bài mới
- Nội dung: HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi, HS trả lời, dẫn vào bài:

- Em có suy nghĩ gì về những người đang sống ở nơi xa xôi, hẻo lánh và làm công việc vất vả âm thầm?

(hs tự bộc lộ)

- Hs trả lời những câu hỏi sau

- Đỉnh núi cao nhất Việt Nam?(Phanxipang).

Câu hỏi và hình ảnh trên khiến em liên tưởng đến địa danh nổi tiếng nào trên đất nước ta?(Sa Pa)

- GV dẫn vào bài học:

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CHUNG
a. Mục tiêu : Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả, hoàn cảnh ra đời của văn bản, tóm tắt văn bản, nhân vật chính... b. Nội dung: HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao c. Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Gv: Đọc nhanh phần đóng khung trang 22 sau đó tóm tắt về tg bằng sơ đồ tư duy B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình	1. Tác giả. - Nguyễn Thành Long (1925-1991) - Quê: Quảng Nam. - Chuyên viết truyện ngắn, bút kí. - Phong cách văn xuôi, nhẹ nhàng, tình cảm, giàu chất thơ
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - HD hs tìm hiểu một số từ khó: Khí tượng, vật lý địa cầu, máy nhật quang kí - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ hoàn thành vào PHT(1) ?Nêu thể loại, hoàn cảnh sáng tác, đề tài, nhân vật nội dung chính? ? Bố cục của VB	2. Tác phẩm Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Tìm hiểu chung về văn bản *Thể loại: truyện ngắn * Hoàn cảnh sáng tác: - “Lặng lẽ Sa Pa” được sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế của tác

Phiếu học tập số 1			
Thể loại	HC sáng tác	Đề tài	Bố cục
ND:			
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày vào PHT B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.			
già ở Lào Cai. Đây là một truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. - In trong tập “Giữa trong xanh” (1972). * Đề tài: Truyện ca ngợi những con người lao động âm thầm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. * Bố cục: 3 đoạn: - Đoạn 1: Từ đầu...đến... “Kìa, anh ta kia”: Anh thanh niên qua lời giới thiệu của bác lái xe. - Đoạn 2: Tiếp...đến... “không có vật gì như thế”: Cuộc gặp gỡ, trò chuyện giữa anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư. - Đoạn 3: Còn lại: Cuộc chia tay cảm động. * Nội dung: Đoạn trích kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ già và bác lái xe, cô gái với người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn. (SaPa) (cốt truyện đơn tuyến)			

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

1. Nhân vật anh thanh niên

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, lời nói hành động, suy nghĩ, hoàn cảnh sống, công việc, mối quan hệ với các nhân vật khác . Nhận xét về tính cách nv anh thanh niên

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần)

Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS

Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện			Sản phẩm		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) NV1: Nhân vật anh thanh niên xuất hiện trong hoàn cảnh nào ? Nhận xét về cách miêu tả của tác giả đối với nhân vật này? Có dụng ý ntn? Trả lời cá nhân NV2: Chia lớp ra làm 3 nhóm Phát PHT số 2 & giao nhiệm vụ:					
Độ tuổi ngoại hình		Nhận xét	Hoàn cảnh sống	một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa	Yêu, say mê, gắn bó với công việc
Hoàn cảnh sống					
Công việc					
Lời nói					
Hành động					
Suy nghĩ					
			Công việc	đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất..dự báo thời tiết	Có tinh thần trách nhiệm

	Lời nói	vâng mời bác và cô lên chơi..., tôi cắt thêm mấy cành nữa, rồi cô muốn lấy bao	Lạc quan, yêu cuộc sống

Quan hệ với mọi người			nhiều tùy ý...giọng vui vẻ...	
<u>Đánh giá chung</u> NV3: Trong cuộc gặp gỡ của anh thanh niên với ông họa sĩ, cô kĩ sư, ta còn thấy anh có những nét đẹp phẩm ch đáng quý? Nhận xét? Đánh giá chung và suy nghĩ của em về nhân vật B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2	Hành động	(nhận sách) mừng quýnh, trồng hoa, nuôi gà, chạy vụt đi.. hái hoa, trao hoa cho cô gái, Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.	hiếu khách, cởi mở	
	Suy nghĩ	“thèm gặp người”, ta với công việc là đôi sao gọi một mình được	khiêm tốn, thành thực,	
	Quan hệ với mọi người	nồng nhiệt chân thành với bác lái xe, tặng hoa cho cô kĩ sư, tặng cho mọi người một làn trứng. + Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động	ân cần , chu đáo, quý trọng tình cảm	

		phải “quay mặt đi”	
		=> Anh thanh niên là đại diện chung cho những người lao động nhiệt huyết, thầm lặng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, cống hiến hết mình cho Tổ Quốc!	

2. Nhân vật ông họa sĩ	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật Thấy được vai trò của nv này trong tp b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c. Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi:	

? Tìm những chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật?

?Tình cảm và thái độ của ông khi tiếp xúc và trò chuyện với anh thanh niên?

? Nhận xét về vai trò của nv này trong tác phẩm?
PHT số 3

<i>Cảm xúc suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật?</i>	<i>Tình cảm và thái độ của ông với anh thanh niên?</i>	<i>Vai trò của ông họa sĩ trong VB</i>

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.

HS:

- Đọc SGK và tìm chi tiết - Suy nghĩ cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV: Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).

HS :

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

cho câu trả lời của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của

HS và chốt kiến thức

GV gt ngoài nhân vật ông họa sĩ còn có một số nhân vật khác như cô gái bác lái xe tất cả đều làm nền cho nhân vật anh thanh niên

<i>Cảm xúc suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật?</i>	<i>Tình cảm và thái độ của ông với anh thanh niên?</i>	<i>Vai trò của ông họa sĩ trong VB</i>
Suy tư sâu sắc về nghề nghiệp, cuộc sống, về sức mạnh và sự bất lực của nghệ thuật	Xúc động, bồi rối khi gặp anh thanh niên.	- Điểm nhìn trần thuật, thể hiện những suy nghĩ,, tình cảm của tác giả. -> đặc biệt quan trọng sau nhân vật chủ chốt.

3. Thiên nhiên Sa Pa

Mục tiêu: - HS nắm được những nét đẹp về bức tranh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng qua văn bản - Nêu được cảm nhận của bản thân về thiên nhiên tươi đẹp và thơ mộng nơi đây b) Nội dung: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm, vẽ sơ đồ tư duy 1) Vẽ đẹp khung cảnh thiên nhiên Sa Pa hiện lên qua những chi tiết nào? 2) Nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả của tác giả? Tác dụng? 3) Em hình dung và cảm nhận như thế nào về cảnh Sa Pa qua trang văn của Nguyễn Thành Long . B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành SĐTD B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	* Vẻ đẹp Sapa - Những rừng đào, đàn Bò lang cõ đeo chuông ở các đồng cỏ. - Cây trồng "rung rít trong nắng". - Những cây tử kinh màu hoa cà. - Mây bị nắng xua cuộn tròn từng cục... - Nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. => Vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh → Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ, độc đáo, tươi sáng, thơ mộng, đầy sức sống. SaPa như mời gọi, cuốn hút, hấp dẫn du khách.

B4: Kết luận, nhận định (GV) =- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	
III. TỔNG KẾT	
a) Mục tiêu: - HS nắm được đặc điểm nghệ thuật chính của văn bản cũng như ý nghĩa, nội dung của văn bản. b) Nội dung: - GV đặt câu hỏi. - Hs trả lời câu hỏi của GV. Sản phẩm : Nội dung trả lời của HS Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hs làm việc cặp đôi ? "Lặng lẽ Sa Pa" như một bài thơ giàu chất trữ tình? Vậy chất trữ tình đó được tạo ra bởi những yếu tố nào? ?Phát biểu chủ đề, nội dung của truyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. Làm việc cặp đôi 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thiện câu trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Gọi 2 cặp lên báo cáo kết quả thảo luận , HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Tạo tình huống truyện tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn. - Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên đặc sắc; miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn. - Chân dung nhân vật được xây dựng qua những cảm nhận trực tiếp của nhân vật khác => khắc họa qua nhiều điểm nhìn và miêu tả tinh tế. - Kết hợp giữa kể với tả và nghị luận. - Tạo tính chất trữ tình trong tác phẩm truyện. 2. Nội dung:

GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các cặp. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng cặp. Chuyển dẫn sang đề mục sau.	Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc họa thành công hình ảnh những con người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó, truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

**** Viết kết nối với đọc**

a) Mục tiêu: Giúp HS

- HS viết được đoạn văn (7-9 câu) tưởng tượng em là nhân vật ông họa sĩ ghi lại cảm nghĩ của mình sau cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Viết đoạn văn (7-9 câu) tưởng tượng em là nhân vật ông họa sĩ ghi lại cảm nghĩ của mình sau cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

C HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu câu hỏi lên bảng

1. Ai là nhân vật trung tâm của truyện?

A. Ông họa sĩ

B. Cô kĩ sư

C. Anh thanh niên

D. Bác lái xe

2. Truyện được kể chủ yếu theo điểm nhìn và ý nghĩ của nhân vật nào?

A. Ông họa sĩ

B. Cô kĩ sư

C. Anh thanh niên

D. Bác lái xe

3. Các nhân vật phụ đã góp phần:

A. Tô đậm thêm chân dung nhân vật chính

B. Tô đậm thêm chân dung nhân vật chính và thể hiện chủ đề tác phẩm.

C. Đẩy các tình huống truyện trở nên gay cấn, hấp dẫn hơn.

D. Chỉ B,C đúng.

4. Chất trữ tình trong truyện toát lên chủ yếu từ:

A. Phong cảnh thiên nhiên đẹp và thơ mộng.

B. Nội dung của truyện.

C. Vẻ đẹp của những con người trong truyện.

D. Cả A,B,C đều đúng.

Bước 2: HS trả lời cá nhân theo sự chỉ định

Bước 3: HS đánh giá

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá

Đáp án: 1 –C, 2-A, 3- B, 4-D

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG 2 phút (giao nhiệm vụ về nhà)

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức bài học; vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên? Em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân?

c. Sản phẩm dự kiến: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho Hs về nhà làm

Bước 2: HS tìm hiểu ở nhà

Bước 3: Nộp sản phẩm cho GV

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá (tiết sau)

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc và hoàn chỉnh các phiếu bài tập
- Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên.
- Đọc và chuẩn bị bài Thực hành tiếng việt.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
TIẾT 79: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm của thán từ, hiểu được chức năng của thán từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói nghe.
- Vận dụng viết đoạn văn có sử dụng thán từ.
- Ôn tập, củng cố kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. **Nội dung:** HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. **Sản phẩm :** Nội dung trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	
Khởi động: GV yêu cầu HS lắng nghe bài hát: “ Ôi cuộc sống mến thương” và chỉ ra các từ thể hiện cảm xúc. Bước 2: HS lắng nghe và phát hiện Bước 3: HS trả lời, nhận xét. Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới	

HOẠT ĐỘNG 2, 3: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC VÀ LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:**
- + Hình thành kiến thức mới: Khái niệm, đặc điểm, chức năng của thán từ.
 - + Thực hành nhận biết thán từ bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc và thán từ gọi đáp
 - + Thực hành phân biệt các loại thán từ
 - + Vận dụng kiến thức về các biện pháp tu từ để làm các bài tập.
- b. **Nội dung:** HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. **Sản phẩm :** Nội dung trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

GV hướng dẫn HS hình thành kiến thức mới và luyện tập thông qua Gameshow: “Học mà chơi, chơi mà học”. - GV chia lớp làm 4 đội, tham gia Gameshow gồm ba vòng: Vòng I: Chinh phục kiến thức Vòng II: Vượt qua thử thách Vòng III: Thử tài cùng chuyên gia * Vòng I: Chinh phục kiến thức: a. Mục tiêu: + Hình thành kiến thức mới về khái niệm, đặc điểm, chức năng của thán từ. + Thực hành nhận biết các loại của thán từ. b. Tổ chức thực hiện: Luật chơi: + Bộ câu hỏi: 6 câu hỏi. + Thời gian thảo luận và trả lời: 10 giây/ câu. + Hình thức trả lời: Giơ bảng đáp án khi có hiệu lệnh. + Điểm tích lũy: <u>Đúng:</u> 10 điểm/ câu <u>Sai:</u> 0 điểm/ câu - Dạng câu hỏi cụ thể: Câu 1: Xác định từ ngữ thể hiện cảm xúc trong câu sau: - “Ôi! Bông hoa này nở đẹp quá.” - “Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?” (Nhớ rừng- Thế Lữ) Câu 2: Xác định từ ngữ dùng để gọi đáp trong câu sau: “Lan ơi! Con lên mời ông bà xuống ăn cơm nhé. Dạ, vâng ạ! Câu 3: Nêu định nghĩa về thán từ.	I. Hình thành kiến thức Khái niệm: Thán từ là những từ dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết) hoặc dùng để gọi đáp. Phân loại - Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết) + Thán từ gọi- đáp 3. Chức năng, vị trí - Chức năng: Thán từ dùng để thể hiện bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc một cách ngắn gọn, súc tích - Vị trí: Thán từ được tách riêng thành 1 câu đặc biệt để bổ nghĩa cho câu phía sau nó. Thán từ là một bộ phận trong câu và có thể đứng ở vị trí đầu hay giữa câu. II. Luyện tập Câu 1: Trả lời: Các thán từ là: Vâng Ôi Câu 2: Trả lời: a. Thán từ <i>ôi</i> thể hiện sự xúc động mạnh mẽ trước một điều bất ngờ; cho thấy sự xúc động lớn lao, thái độ ngạc nhiên của người

Câu 4. Phân loại thán từ.

Câu 5. Nhận xét chức năng, vị trí của thán từ? Câu 6.

Hãy đặt 2 câu có sử dụng thán từ và nêu tác dụng của nó?

Cách phân biệt giữ trợ từ và thán từ * Vòng II:

Vượt qua thử thách:

Mục tiêu:

+ Thực hành nhận biết, phân biệt các loại thán từ

Tổ chức thực hiện: Luật chơi:

+ **Bộ câu hỏi:** 3 câu hỏi tình huống

+ **Thời gian thảo luận và trả lời:** 30 giây.

+ **Hình thức trả lời:** Các đội thi sẽ giành quyền trả lời.

+ **Điểm tích lũy: *Đúng*:** 40 điểm/ câu.

***Sai*:** quyền trả lời sẽ thuộc về các

đội thi còn lại.

- Câu hỏi cụ thể:

Câu 1: Tìm thán từ trong các câu sau:

Vâng, mời bác và cô lên chơi.

(Nguyễn Thành Long- *Lặng lẽ Sa Pa*)

Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

(Nguyễn Thành Long- *Lặng lẽ Sa Pa*)

Đây rồi, Sói Lam ơi, đây là nơi có kỉ niệm đầu tiên của ta đó!

(Đa-ni-en Pen- nắc, *Mắt sói*)

Câu 2: Chỉ ra thán từ trong các câu dưới đây và cho biết mỗi thán từ bộc lộ cảm xúc gì?

a. Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn

nghệ sĩ khi ông tìm được một ý tưởng sáng tác có giá trị trong chuyến đi của mình.

b. Thán từ ***trời ơi*** thể hiện cảm xúc tiếc nuối của anh thanh niên khi anh sắp phải chia tay ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe.

c. Thán từ ***ơ*** thể hiện sự ngạc nhiên, bối rối của anh thanh niên khi thấy ông họa sĩ vẽ mình.

d. Thán từ ***chao ôi*** thể hiện sự xúc động mạnh mẽ của ông họa sĩ khi ông nhận thấy rằng gặp được anh thanh niên là cơ hội hiếm có trong sáng tác nhưng hoàn thành được sáng tác đó còn là một chặng đường dài.

ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài. (Nguyễn Thành Long- <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>) b. – Trời ơi! Chỉ còn có năm phút! Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. (Nguyễn Thành Long- <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>) Ô, bác vẽ cháu đấy ư? (Nguyễn Thành Long- <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>) d. Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hân hỷ cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài. (Nguyễn Thành Long- <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>) Khi nghe, nói, đọc, viết: - Cần sử dụng thán từ bộc lộ cảm xúc, tình cảm phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (ngữ cảnh), thể hiện ý đồ của nhà văn. Câu 3. Nhìn hình ảnh và đặt 3 câu, mỗi câu có sử dụng một trong các thán từ sau: ơ, than ôi, trời ơi. * Vòng III: Thử tài cùng chuyên gia a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về các biện pháp tu từ, hãy chỉ ra biện pháp tu từ trong các câu sau và nêu tác dụng	Câu 3: Trả lời, gợi ý: - Than ôi! Nạn đói ở Châu Phi đã đe dọa đến tính mạng của rất nhiều người dân trong đó có cả trẻ em. - O! Những giọt bong bóng thổi bay lên đẹp chưa kìa các bạn ơi! - Trời ơi! Cảnh đẹp thiên nhiên thật hùng vĩ và tráng lệ. Câu 4: HS vận dụng kiến thức về các biện pháp tu từ đã học để chỉ ra biện pháp tu từ và tác dụng. a. Biện pháp tu từ ẩn dụ trong hình ảnh “<i>những cây thổng chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc</i>”. Những cành thông tròn, nhọn, vươn lên thẳng tắp, óng ánh dưới ánh nắng, rung tit trong gió được hình dung như những ngón tay thon thả bằng bạc đang chuyển động xoay tròn. Biện pháp tu từ nhân hoá trong hình ảnh <i>cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà</i>

b. Tổ chức thực hiện: Luật chơi: + Chuyên gia sẽ đặt câu hỏi cho 4 đội thi: tìm ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. + Thời gian suy nghĩ và trả lời: 1 phút + Hình thức trả lời: Các đội thi sẽ rung chuông và giành quyền trả lời. + Điểm tích lũy: Tìm đúng tên biện pháp tu từ: 20 điểm Nêu được đúng tác dụng: 20 điểm <u>Nếu trả lời sai</u>, quyền trả lời sẽ thuộc về các đội thi còn lại. GV tổng kết lại kiến thức bài học. Lưu ý học sinh vận dụng khi nghe, nói, đọc, viết.	<i>lên trên màu xanh của rừng. Việc sử dụng các biện pháp tu từ trong đoạn văn làm cho hình ảnh thiên nhiên Sa Pa trở nên sinh động, đẹp đẽ, tinh tế và đầy chất thơ.</i> b. Biện pháp tu từ nhân hoá trong hình ảnh <i>nắng đã mạ bạc cả con đèo</i>. Biện pháp tu từ so sánh trong hình ảnh <i>đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn</i>. Việc sử dụng các biện pháp tu từ đã giúp nhà văn miêu tả thành công thiên nhiên đặc trưng ở vùng núi Sa Pa với nắng, đèo, rừng cây. Thiên nhiên hiện lên rộng lớn, mênh mông, hùng vĩ, tráng lệ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm :** Nội dung trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất một thán từ -</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Gv quan sát, gọi mở HS thực hiện nhiệm vụ;	<i>Gợi ý</i> Ồi! Mùa thu về thật rồi đấy ư? Nhìn những chiếc lá bên thềm rơi xào xạc, tôi mới chợt nhận ra mùa thu đang thò thè về. Nếu là ngày này năm ngoái thì ve vẫn còn kêu râm ran và cơn mưa rào mùa hạ vẫn còn tuôn ào ào. Mới sáng, mấy chú chuồn chuồn ve vẫy giữa ao khiến lũ cá rô cứ nhảy lên tom tốp. Còn ông mặt trời thì mới bắt

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	đầu vén màn mây, lò đờ, chậm rãi thả những tia nắng nhạt xuống trần gian. Thu về có khác thật! Chao ôi! Mùa thu về để lại cho tôi nhiều băng khuâng, xao xuyến.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thành đoạn văn có sử dụng thán từ.
- Soạn tiết 80: Văn bản “Bếp lửa” (PHT đã giao về nhà) * RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

TIẾT 80: “BẾP LỬA” (BẢNG VIỆT)

BÀI 6 CHÂN DUNG CUỘC SỐNG

Văn bản 3: BẾP LỬA

(Bảng Việt)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Đọc – hiểu một bài thơ hiện đại.
- Nhận diện, phân tích được các yếu tố tự sự, miêu tả, bình luận và biểu cảm trong bài thơ. - Liên hệ để thấy được nỗi nhớ về người bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa Tổ Quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê hương, đất nước.

2. Về năng lực

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân.
- Viết được đoạn văn cảm thụ hình ảnh thơ hay.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm học tập để cống hiến cho đất nước trong công cuộc đổi mới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: SGK, SGV, KHBD, bảng phụ. - Học sinh: vở ghi, vở chuẩn bị bài, vở bài tập, sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi vào bài mới.
- HS huy động kiến thức có liên quan đến bài hát “Bà tôi”
- Sản phẩm: câu trả lời cá nhân.
- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- * Khởi động vào bài mới: - Gv cho HS chia sẻ suy nghĩ của mình về người bà.
- Hoặc có thể Gv cho hs nghe bài hát: “Bà tôi” (Phương Thảo).
- ? Bài hát gợi em nhớ tới kỉ niệm với ai? (HS: người bà của mình).

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HĐ cá nhân 1’; **B3: Báo cáo, thảo luận:** + HS báo cáo.
- + HS khác nhận xét bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định:**

- GV dẫn vào bài:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
a. <i>Mục tiêu: nắm được những kiến thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, bố cục, thể thơ, phương thức biểu đạt; hiểu được ý nghĩa của hình tượng bếp lửa, những kỉ ức tuổi thơ bên bà và niềm thương nhớ của cháu nơi chân trời xa xôi.</i> b. <i>Nội dung: Thông tin chung về VB</i> c. <i>Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập cá nhân.</i> d. <i>Tổ chức thực hiện.</i>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Bằng Việt? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ cá nhân: 1’ B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh đọc và tìm hiểu chú thích có trong bài thơ trước ở nhà. Gv chuyển giao nhiệm vụ tại lớp. 1/ Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào? 2/ Bài thơ được trích từ đâu? 3/ Thuộc thể thơ nào? 4/ Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào? 5/ Dựa vào mạch tâm trạng nhân vật trữ tình, hãy xác định bố cục bài thơ? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ cá nhân: 3’	1. Tác giả - Bằng Việt là bút danh của Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941 tại Huế nhưng quê gốc ở huyện Thạch Thất, Hà Nội. - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 1960 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì KCC Mĩ . - Thơ Bằng Việt cảm xúc tinh tế, giọng điệu tâm tình trầm lắng, giàu suy tư, triết luận. 2. Tác phẩm Đọc và tìm hiểu chú thích Tìm hiểu chung về văn bản * Hoàn cảnh sáng tác: Viết năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài (Trường Đại học Tổng hợp Ki-ép thuộc Liên Xô cũ). * Xuất xứ: Bài thơ được đưa vào tập "Hương cây- bếp lửa"(1968). Đây là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. * Thể thơ: Thơ tám chữ. * Phương thức biểu đạt:

	Tự sự kết hợp với miêu tả và bình luận.
B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định:	* Bố cục: 4 phần : P1- Ba dòng thơ đầu: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà. P2- Bốn khổ thơ tiếp: Hồi tưởng kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa. P3 - Khổ thơ thứ 6: Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà. P4: Còn lại: Người cháu đã trưởng thành đi xa nhưng không nguôi nhớ về bà.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	
Mục tiêu: Giúp HS nắm được -- Nội dung	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu và phân tích bài thơ. Hoạt động 1: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1/ Cháu nhớ bà, trong kí ức của người cháu có hình ảnh nào xuất hiện đầu tiên? 2/ Hình ảnh “một bếp lửa” lặp lại có tác dụng gì trong câu thơ? 3/ Hình ảnh bếp lửa trong kí ức của cháu được miêu tả qua từ ngữ nào? 4/ Cách nói "biết mấy nắng mưa"hay ở chỗ nào? (Cách nói ẩn dụ → gợi ra cuộc đời vất vả lo toan của bà) 5/ Em cảm nhận như thế nào về nội dung 3 câu thơ đầu? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ cá nhân: 3’ B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: Hoạt động 2: Những kỉ niệm tuổi thơ bên bà. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Học sinh hoạt động nhóm, làm việc nhóm. -Kí ức tuổi thơ bên bà được thể hiện qua các hình ảnh thơ nào?	1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà - Hình ảnh đầu tiên xuất hiện trong kí ức "bếp lửa". “Một bếp lửa chờn vờn sương sớm Một bếp lửa ấp iu nồng đượm” → Điệp ngữ “một bếp lửa” diễn đạt 1 kỉ niệm rất riêng tư không mờ phai trong kí ức về hơi ấm gia đình. - Cùng xuất hiện với h/ả "bếp lửa" là tình cảm "Cháu thương bà...nắng mưa". ⇒ H/ả bếp lửa trong kí ức đã đưa cháu trở về với nỗi nhớ thương bà, gọi về kỉ niệm những năm tháng tuổi thơ bên bà. 2. Những kỉ niệm tuổi thơ bên bà * Kỉ niệm khi Bằng Việt mới lên 4 tuổi. - Hiện thực: nạn đói năm 1945:

	Những sự vật, sự việc, chi tiết, hình ảnh	Tác dụng và ý nghĩa của những chi tiết, hình ảnh	
Nhóm 1,2 Năm lên 4 tuổi			<i>Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi.</i> -> Nhắc lại nạn đói chỉ là cái cớ để tác giả nhớ về một tuổi thơ cay cực, thiếu thốn trăm bề. - Ấn tượng đậm nét đọng rất sâu trong tâm thức là mùi khói: + 4 tuổi đã quen mùi khói + Khói hun nhèm mắt cháu. <i>bà và</i>

Nhóm 3,4 Tám năm sống bên bà			
B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ nhóm 5' B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho học sinh làm việc nhóm. 1/ Cảnh giặc đốt làng được tái hiện ntn trong tâm trí cháu? Hình ảnh gợi cảm giác ntn? 2/ Hình ảnh bà hiện lên ntn trong cảnh tượng ấy? 3/ Việc dẫn những lời dặn trực tiếp của bà với cháu nhằm mục đích gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ nhóm: 5' B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: Hoạt động 3: Những suy ngẫm về cuộc đời hình ảnh bếp lửa. B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Sau khi suy ngẫm về bếp lửa:			+ <i>Đến giờ sống mũi còn cay.</i> -> Nhắc lại kỉ niệm khi lên 4 tuổi nhà thơ khẳng định: Tuổi thơ mình đâu có thiếu thốn về vật chất nhưng không bao giờ thiếu thốn tình cảm nhất là tình cảm của bà. * Kỉ niệm về khoảng thời gian 8 năm nhóm bếp cùng bà. - Âm thanh: tiếng tu hú. + Gợi nhớ những câu chuyện bà kể về những ngày ở Huế. + Gợi những cử chỉ, việc làm tận tụy đầy tình thương, che chở của bà với cháu thay cha mẹ công tác xa: " Bà dạy cháu làm, bà bảo cháu nghe, bà chăm cháu học". - Tiếng tu hú đoạn cuối thể hiện nỗi nhớ nhà nhớ quê, nỗi xót xa cho cuộc đời lận đận trong hiu quạnh của bà. * Kỉ niệm về những năm giặc đốt làng. Cảnh giặc đốt làng: <i>Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi</i> -> Làng xóm tiêu điều xơ xác, chỉ còn là đồng tro tàn lụi, tang tóc thương đau. Hình ảnh bà: <i>Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh</i> <i>Bố ở chiến khu bố còn việc bố</i> <i>Mày có viết thư</i> <i>chớ kể này kể nọ</i> <i>Cứ bảo nhà vẫn được bình yên.</i> -> Lời dặn trực tiếp của bà không chỉ giúp ta hình dung rõ ràng giọng nói, tình cảm và suy nghĩ của bà mà còn sáng lên phẩm chất của người bà, người mẹ VN yêu nước, chịu đựng khó khăn âm thầm, hi sinh lặng lẽ để làm trong nhiệm vụ của người hậu phương. Đó là con người kiên trì nhóm lửa và giữ lửa. 3. Những suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.

1/ Ở đoạn cuối người cháu đã suy ngẫm về cuộc đời bà ntn? Tìm chi tiết? 2/ Đoạn thơ dùng phương thức biểu đạt nào? Nghệ thuật gì được sử dụng khi suy ngẫm về bà? Nhận xét về phạm vi tình cảm thể hiện qua mỗi động từ "nhóm"? 3/ Vì sao tác giả đi tới khẳng định: <i>"Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!"</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HD cá nhân: 1' B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: (2)- GVDG: Điệp từ <i>nhóm</i>: Nghĩa đen: là gắn bó với hành động nhóm bếp, nhóm lửa. Nghĩa bóng: Khi thì <i>"nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm"</i> để sưởi ấm cho bà cháu qua cái lạnh buốt thấu xương Khi thì <i>"nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui"</i> bà mở lòng với làng xóm, láng giềng. Cuối cùng là nhóm dậy, khơi dậy những tâm tình tuổi nhỏ. (3)- GVDG: Tác giả nhận ra một điều sâu xa: Bếp lửa được bà nhen lên không phải chỉ bằng nhiên liệu mà còn được nhen nhóm từ ngọn lửa lòng bà- ngọn lửa của sức sống, niềm yêu thương, niềm tin yêu truyền vào trong cháu). Hoạt động 4: Khở thơ cuối Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS đọc 4 câu thơ cuối. 1/ Người cháu tự thấy mình được sống trong điều kiện ra sao? 2/ Qua đó, em cảm nhận được gì về tấm lòng của tác giả ? Tác giả nhắn nhủ người đọc những gì? - Cho HS liên hệ và tìm những câu thơ, bài thơ về tình yêu quê hương... 3/ Cháu đã suy nghĩ về c/đ bà bằng những t/c ntn? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HD cá nhân: 3'	Cuộc đời: Tàn tảo, chịu thương chịu khó lặng lẽ hi sinh: <i>"Lận đận đời bà...nồng đượm"</i> - Hoạt động nhóm bếp của bà: Nhóm niềm yêu thương, niềm vui, sự san sẻ, khơi dậy tâm tình tuổi thơ: <i>"Nhóm niềm yêu thương, sẻ chung vui, nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"</i>. => Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. Ngọn lửa mang ý nghĩa biểu tượng 4. Nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa. - Cháu vẫn thấy thiếu hơi ấm từ bếp lửa của bà-> thiếu tình bà. => Cháu yêu bà, yêu dân tộc- cháu trân trọng và nâng niu tình cảm của bà hiểu được những gian nan vất vả, khó nhọc mà bà đã trải qua. => Yêu bà, cháu yêu quê hương, đất nước -> H/ả bà trở thành

B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định: HD5. HDHS tổng kết: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1/ Nêu lại đặc sắc nghệ thuật? 2/ Qua bài thơ T/g muốn thể hiện chiều sâu tư tưởng gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HD cá nhân: 3' B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo. + HS khác nhận xét bổ sung. B4: Kết luận, nhận định:	biểu tượng của quê hương đất nước trong nỗi nhớ của cháu. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: Sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. - Kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận trong thơ trữ tình. - Giọng điệu và thể thơ 8 chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. - Các phép tu từ: điệp ngữ, h/a bếp lửa, ngọn lửa lặp đi lặp lại -> nhấn mạnh h/a chủ đạo xuyên suốt bài thơ. 2. Ý nghĩa văn bản: Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về bức chân người bà luôn tần tảo, nhẫn nại, giàu yêu thương; chân dung người cháu đã trưởng thành luôn nhớ về bà, yêu thương và biết ơn bà. Tình cảm bà cháu ấm nồng, sâu sắc.

Hoạt động 3: Luyện tập.

- a. Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm và cảm nhận hình ảnh thơ.
- b. Nội dung: Bài tập "Có người nói rằng" hình ảnh bà trong bài thơ là hình ảnh người nhóm lửa, người giữ lửa" em suy nghĩ gì về nhận xét đó? c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập cá nhân.
- d. Tổ chức thực hiện.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Đọc diễn cảm bài thơ?

? Cảm nhận của em sau khi học xong bài thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HD cá nhân: 3'

B3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng cảm thụ.
- b. Nội dung: Bài **Bếp lửa**.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập cá nhân.
- d. Tổ chức thực hiện.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Em hãy viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ:

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

.....
Ôi kì lạ và thiêng liêng – Bếp lửa!

B2: Thực hiện nhiệm vụ: + HĐ cá nhân: 3'

B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Học thuộc lòng bài thơ + phân tích bài thơ.

- Nêu cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ?

- Đọc thêm: *Bếp lửa, tình người* (Vũ Dương Quỹ).

Tiếng chim tu hú (Anh Thơ, lời bình của Trịnh Thanh Sơn)

- Chuẩn bị: “Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)”.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 21 NGÀY SOẠN: 28/1/2024

TIẾT 81+82+83: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

TIẾT 84: NÓI VÀ NGHE GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH(TRUYỆN)

TIẾT 81+82+83: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Bước đầu viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học truyện, nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được một số nét nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, sống tình cảm, có trách nhiệm với mọi người; hiểu, biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thiên nhiên, con người và cảm xúc thẩm mỹ.

- Tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy; ti vi

- Phiếu bài tập để HS trả lời câu hỏi phù hợp;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PP trò chơi: Đoán tên nhân vật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức trò chơi cho HS đoán tên các nhân vật đã học. **Luật chơi:**

Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên bảng bốc thăm 01 lá phiếu có ghi tên 1 tác phẩm văn học đã học (truyện)

Đại diện sẽ đưa ra 2 đến 3 câu hỏi gợi ý liên quan đến tác phẩm, các thành viên còn lại của nhóm đoán tên tác phẩm. Nếu nhóm nào không hoàn thành sẽ bị nhóm khác dành lượt trả lời.

Lần lượt các nhóm thực hiện và cho điểm, mỗi tác phẩm được 2 điểm. Nhóm nào nhiều điểm nhất sẽ dành phần thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc nhóm, thực hiện trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi một số đại diện trình bày.

- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, chuyển bài mới: GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

I. HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN)

1. Yêu cầu, đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS biết yêu cầu, viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học theo đúng các bước;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành tìm hiểu yêu cầu, đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc, tìm hiểu yêu cầu viết bài văn phân tích tác phẩm truyện. - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và thực hiện PHT số 1 (phụ lục) với các yêu cầu cơ bản + Bài viết này có bố cục mấy phần? Nội dung từng phần? + Chỉ ra đặc điểm nổi bật về nội dung trong tác phẩm. + Nhận xét đặc điểm nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành hoạt động nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ - HS cử đại diện báo cáo nhiệm vụ - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Phân tích bài viết tham khảo Hãy "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" để cảm nhận... - Giới thiệu chung về tác phẩm: nhan đề, tác giả, cảm nhận chung của người viết. - Nêu ngắn gọn nội dung của tác phẩm: kể về những niềm vui, nỗi buồn, những khám phá của "tôi" với cuộc sống xung quanh... Nêu được chủ đề chính của tập truyện, đặc biệt là với truyện ngắn "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ": Sự gắn kết giữa con người với thiên nhiên; tình cảm ấm áp giữa con người với con người,... Nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm: <i>sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị sâu sắc; lối kể chuyện theo ngôi thứ nhất, lời kể tâm tình thủ thỉ,....</i> Khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm, gửi gắm nhiều bài học dành cho mọi người.

Hoạt động 2: khái quát dàn ý chung: Sau khi phân tích bài viết tham khảo, giáo viên hướng dẫn học sinh khái quát dàn ý chung cho dạng bài viết phân tích tác phẩm truyện. (HS bám theo gợi ý chung về cách viết trong sgk và bài viết tham khảo, làm việc cá nhân theo câu hỏi gợi dẫn của giáo viên)	2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học * Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và tác giả; nêu khái quát ấn tượng của bản thân về tác phẩm * Thân bài: Phân tích đặc điểm của tác phẩm: Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài, cụ thể: + Khái quát nội dung chính của tác phẩm. + Đánh giá, phân tích một số nét tiêu biểu của tác phẩm để làm nổi bật chủ đề (qua sự việc, nhân vật, một số chi tiết đặc sắc,...) -> lập luận chặt chẽ, theo trình tự hợp lí + Nhận xét, đánh giá về những nét nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm (ngôi kể, lời kể, cốt truyện, các chi tiết đặc sắc, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...) * Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

II. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:
- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT số 2: Cảm nhận về truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam.

Đặc điểm cơ bản	Chi tiết trong tác phẩm
Thông tin chung về tác giả, tác phẩm	
Nội dung chính của tác phẩm	

Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..)	
Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...)	
Ý nghĩa chung của tác phẩm với người đọc.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Hướng dẫn HS thực hành viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị GV hướng dẫn HS viết Thảo luận cặp đôi trong bàn: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài: + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì? + Em có thể vận dụng các thao tác lập luận nào trong bài viết? + Đề bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu? - Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức thực hiện nhiệm vụ + HS dự kiến sản phẩm Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.	Đề bài: Cảm nhận về truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam. 1. Bước 1: Chuẩn bị a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: - Dạng bài: nghị luận phân tích một tác phẩm truyện. - Về nội dung: Phân tích được các nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm - Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng trong văn bản truyện. b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tác phẩm. 2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý Cảm nhận về truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa của Thạch Lam. <table border="1" data-bbox="710 1769 1516 1912"> <tr> <th>Đặc điểm cơ bản</th><th>Chi tiết trong tác phẩm</th></tr> <tr> <td></td><td></td></tr> </table>	Đặc điểm cơ bản	Chi tiết trong tác phẩm		
Đặc điểm cơ bản	Chi tiết trong tác phẩm				

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý: + HS điền vào Phiếu tìm ý theo mẫu. + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB	Thông tin chung về tác giả, tác phẩm	Giới thiệu chung về tác giả Thạch Lam và truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa -> cảm nhận của bản thân về tác phẩm.
	Nội dung chính của tác phẩm	Tác phẩm kể câu chuyện đậm chất trữ tình về chị em Lan, Sơn và những đứa trẻ xóm chợ nghèo trong một buổi sáng đầu của mùa đông khi những cơn gió lạnh đầu mùa ập đến từ đó gửi gắm thông điệp về tình yêu thương giữa con người với con người.
	Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các	Chủ đề: Truyện ngắn là câu chuyện gửi gắm ý nghĩa sâu sắc về tình yêu thương và sự sẻ chia, đồng cảm; về tình người,.. + Cốt truyện: Gió lạnh đầu mùa, chị em Sơn, Lan mặc áo ấm đi chơi với lũ trẻ trong xóm; hai chị em thương cô bé Hiên nhà nghèo không có áo mặc nên lấy áo của em Duyên (đã mất) cho Hiên mượn;

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau. + GV quan sát, động viên. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.	nhân vật, chi tiết nổi bật,..)	việc làm này bị em họ mách với mẹ khiến 2 chị em sợ hãi; về nhà thì 2 chị em thấy mẹ và mẹ Hiên đang ngồi nói chuyện; mẹ Hiên gửi lại chiếc áo và mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn tiền mua áo cho con,... -> cốt truyện nhẹ nhàng, đậm chất trữ tình -> gửi gắm sâu sắc chủ đề của tác phẩm: tình người thể hiện trong sự sẻ chia giữa những đứa trẻ; qua hành động của hai người mẹ; qua sự không phân biệt giàu nghèo,.... -> gió ạnh nhưng tình người không lạnh.

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...)	- Ngôi kể thứ 3; - Nhân vật được miêu tả chủ yếu qua diễn biến tâm lí, đặc biệt là tâm hồn nhạy cảm của nhân vật Sơn trước sự biến chuyển của thời tiết và tình người,.. - Đặc chất trữ tình (cảnh vật, chi tiết truyện,..). - Ngôn ngữ giàu chất thơ.
Ý nghĩa chung của tác phẩm với người đọc.	Khẳng định lại giá trị của tác phẩm:

b. Lập dàn ý

- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:

* Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm.

	* Thân bài: Phân tích đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm (như ở phần lập ý): * Kết bài: Khẳng định lại giá trị của tác phẩm:												
Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	3. Bước 3: Viết Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Cần nhìn nhận, phân tích tác phẩm từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận.												
Thao tác 4: Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện - Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau. *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện: <table><tr><th colspan="2">Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>MB</td><td>Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>TB</td><td>Nội dung chính của tác phẩm</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt	MB	Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm.			TB	Nội dung chính của tác phẩm		
Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt										
MB	Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về tác phẩm.												
TB	Nội dung chính của tác phẩm												

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:	Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..)		

- HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài. - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.		Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...)		
		Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
	KB	Khẳng định lại giá trị của tác phẩm:		
	Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt		

***PHỤ LỤC:
PHT SỐ 1:**

Bố cục	Đặc điểm cơ bản	Chi tiết trong tác phẩm
MB	Thông tin chung về tác giả, tác phẩm	
TB	Nội dung chính của tác phẩm	
	Những thông tin về chủ đề. (qua cốt truyện, qua các nhân vật, chi tiết nổi bật,..)	
	Những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. (cốt truyện, ngôi kể, lời kể, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...)	
KB	Ý nghĩa chung của tác phẩm với người đọc.	

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Nắm rõ yêu cầu, cách viết một bài văn phân tích tác phẩm truyện.

- Hoàn thành bài viết.
- Chuẩn bị cho bài: Nói và nghe: giới thiệu về 1 cuốn sách(truyện)
- + Chuẩn bị 4 cuốn sách (truyện)
- + Lập dàn ý cho bài nói
- + Tập luyện nói

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 84: NÓI VÀ NGHE GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH(TRUYỆN)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- HS trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. Bài giới thiệu cần cung cấp những thông tin quan trọng nhất về cuốn sách; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. Từ đó khẳng định và lan toả giá trị của cuốn sách, giúp người nghe hiểu và có thể tìm đọc nó.
- HS nghe và tóm tắt được nội dung bài giới thiệu về một cuốn sách, trao đổi với người nói về bài thuyết trình.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.
- Năng lực tự học, tự hoàn thiện: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bằng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.
- Chăm chỉ, tự học: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết. Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Hãy kể tên một vài cuốn sách, cuốn truyện mà em đã được học, được đọc?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- **GV dẫn vào bài học:** Trong cuộc sống, giới thiệu cho người khác về một cuốn sách là một việc cần thiết, thú vị nhưng cũng có không ít thách thức. Bài giới thiệu cần cung cấp những thông tin quan trọng nhất về cuốn sách, khẳng định và làm lan toả giá trị của cuốn sách giúp người nghe hiểu và có thể tìm đọc nó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Trước khi nói

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS lựa chọn cuốn sách và chuẩn bị nội dung nói - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. TRƯỚC KHI NÓI 1. Lựa chọn cuốn sách - Lựa chọn cuốn sách để giới thiệu: Em hãy chọn một cuốn sách mà em yêu thích và cho rằng có thể nhiều người chưa biết.		
- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Chuẩn bị nội dung - Chuẩn bị nội dung trình bày bằng việc ghi ngắn gọn một số thông tin quan trọng như: + Lí do em muốn giới thiệu cuốn sách với người nghe. + Đề tài, nội dung chính của cuốn sách, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, chủ đề, một vài nét nổi bật về nghệ thuật,... + Nhận xét, đánh giá của em về cuốn sách. + Chuẩn bị sách, tranh ảnh (nếu có) để minh họa cho bài giới thiệu. 3. Luyện tập		
		Tập luyện một mình	Tập luyện theo nhóm

	- B1: nhìn vào dàn ý để nói - B2: không cần nhìn dàn ý để nói - Chú ý: kiểm soát thời gian trình bày bài nói theo quy định hoặc dự kiến	Cần luân phiên vai trò người nói và người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói và cách biểu đạt bằng nét mặt và các ngôn ngữ hình thể. - Cần tập nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi

2.2. Trình bày bài nói

a. **Mục tiêu:** Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh nói theo dàn bài đã chuẩn bị. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI - Trình bày các nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị. + Mở đầu: Nêu tên cuốn sách và lí do em giới thiệu cuốn sách với người nghe. + Triển khai: Trình bày những thông tin quan trọng về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...). + Kết luận: Nêu cảm nghĩ, đánh giá của em về cuốn sách, khích lệ người nghe tìm đọc.

2.3. Sau khi nói

a. **Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. SAU KHI NÓI - Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: + Sự ảnh hưởng của cuốn sách với bạn đọc. + Những thông tin về cuốn sách (tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản,...). + Đề tài hay chủ đề của cuốn sách. + Một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của cuốn sách. + Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày. + Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (sách; hình ảnh tác giả, nhân vật,...) trong khi trình bày (nếu có).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

b. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu: “*Em hãy giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích*”

Bài nói tham khảo/

Có ai mà chưa từng một lần trải qua vị đắng của cuộc sống, lâm vào những tình huống, hoàn cảnh tuyệt vọng, bế tắc và không biết chọn lối đi nào. Cho đến khi em tìm thấy **cuốn sách ”Hạt giống tâm hồn”**. Cuốn sách đã làm không ít người thức tỉnh về bài học cuộc sống, đem lại sự đồng cảm cho nhiều người.

“Hạt giống tâm hồn” một cuốn sách nổi tiếng về các câu chuyện nghệ thuật sống và giá trị đạo đức được công ty First News Trí Việt góp nhặt, sưu tầm. Bộ sách là nguồn cảm hứng và sự thúc đẩy con người vươn lên trong mọi nghịch cảnh, chiến thắng chính mình và sống xứng đáng với phẩm chất của mình. Cuốn “Hạt giống tâm hồn” có một câu nói của Oprah Winfrey rằng: “Cuộc sống luôn chứa đựng những nỗi đau mà ta không thể nào đoán trước được. Thế nhưng hãy tin rằng mọi chuyện buồn điều lướt qua chúng ta rất nhanh như một đoạn phim ngắn”. Cuốn sách đem lại nhiều cảm xúc cho người đọc, mỗi người sẽ có những cảm nhận riêng về cuốn sách. Riêng em, sự kiên cường ý chí vươn lên chống lại chông gai của từng nhân vật trong cuốn sách là cảm nhận tôi từ họ.

“Hạt giống tâm hồn” là cuốn sách viết lên những bài học quý giá dành tặng những người đang phải đối đầu với những thử thách mà cuộc sống đem lại, là người bạn tâm sự sát cánh bên ta khi nỗi buồn ập đến, cũng là cuốn sách lấy đi những giọt nước mắt đầy cảm xúc trong trái tim người đọc. Em dường như đã hiểu thêm về cuộc sống này. Có những người bất hạnh và đau khổ hơn ta, nhưng vì họ tin và họ đang thấy những điều kì diệu và tiếp tục cố gắng. Cuốn sách như một trang mở đầu trong em, biến em từ con số không và biết đứng lên dần mỗi khi vấp ngã. Hầu hết những lý do đó không có câu trả lời và không có cách giải quyết. Nhưng đến giờ, em đã tìm thấy câu trả lời trong “Hạt giống tâm hồn” chỉ bằng hai chữ nỗ lực.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, nếu chúng ta mang một sức mạnh ý chí, gạt đi những giọt nước mắt đau khổ để đứng dậy, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn đó thì ta sẽ nhận ra: Đằng sau những giọt nước mắt đó vẫn còn một niềm vui và hạnh phúc và trái lại nếu dễ dàng vứt kiếm buông xuôi thì ta chỉ nhận được thất bại song song với những nỗi buồn ám mãi không buông.

“Hạt giống tâm hồn” cuốn sách mang lại niềm tin cho mọi người và đem lại phần nào thành công cho ta, giúp ta thấy được giá trị của cuộc sống. Cảm ơn “Hạt giống tâm hồn” cuốn sách giúp em nhận thức đúng về giá trị bản thân và làm nguồn động lực.

Phiếu đánh giá theo tiêu chí			
Nhóm.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (dưới 5đ)	Đạt (5-7đ)	Tốt (8-10đ)
1. Thể hiện ý kiến của người giới thiệu về 1 cuốn sách. (2đ)	- Chưa nêu tên cuốn sách và lí do em giới thiệu cuốn sách với người nghe	- Nêu tên cuốn sách và lí do em giới thiệu cuốn sách với người nghe	- Nêu tên cuốn sách và lí do em giới thiệu cuốn sách với người nghe rõ ràng.
2. GT được một số thông tin về cuốn sách đề tài, nghệ thuật. (5đ)	- Chưa giới thiệu được những thông tin về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...).	- Giới thiệu được những thông tin về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...).	- Giới thiệu được những thông tin về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...) một cách trôi chảy.

3. Nói rõ ràng truyền cảm.(2đ)	- Nói nhỏ khó nghe, nói lặp đi lặp lại, ngập ngừng đứt quãng.	- Nói rõ nhưng đôi chỗ còn lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	- Nói rõ lưu loát, truyền cảm không ngập ngừng.
4. Sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ hành động phù hợp(1đ)	- Điều bộ thiếu tự tin chưa có sự tương tác như ánh mắt cử chỉ với người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung trình bày.	- Điều bộ tự tin có sự tương tác như ánh mắt cử chỉ với người nghe, nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung trình bày.	- Điều bộ tự tin có sự tương tác như ánh mắt cử chỉ với người nghe, nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung trình bày.
điểm/10 điểm			Tổng

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* chia 4 nhóm, tập nói trong thời gian 10 phút và cử 1 đại diện nhóm nên thực hiện bài nói.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng nói

- Đọc thêm các cuốn sách giá trị, có sức lan tỏa.

- Chuẩn bị bài 7: Tin yêu và khát vọng.

+ Đọc và tìm hiểu nội dung Giới thiệu bài học, tri thức ngữ văn, đọc văn bản 1: “ Đồng chí”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 21+

NGÀY SOẠN: 14/2/2024

TIẾT 85+86: BÀI 7

TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN; ĐỌC VĂN BẢN “ ĐỒNG CHÍ” (CHÍNH HỮU)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết, phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

2. Về năng lực:

- Biết làm một bài thơ tự do; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do.
- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất:

- Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao.

Lồng ghép QPAN:

Nêu những khó khăn, vất vả và sáng tạo của bộ đội, công an và thanh niên xung phong trong chiến tranh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, KHBD.
- Chuẩn bị phương tiện:
 - + Phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập
 - + Máy tính, máy chiếu (nếu có)....
 - + Tranh ảnh, video liên quan đến bài học

2. Học sinh

- Đọc trước bài học trong SGK.
- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong sgk
- Suru tầm tư liệu liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a/ **Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b/ **Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

c/ **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d/ **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV 1: GV cho HS quan sát các bức tranh về các tấm gương yêu nước, vượt khó trong chiến tranh và thời bình. HS nhận xét về những con người ấy. - Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ - Báo cáo, thảo luận: HS trả lời - GV nhận xét, dẫn dắt bài học.	

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. **Mục tiêu:** Nắm được chủ đề, thể loại của bài học.

b. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh <i>quan sát SGK và cho biết:</i> + <i>Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó em hiểu gì về chủ đề?</i> + <i>Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, lắng nghe. - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN I. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học: Niềm tin yêu và khát vọng vươn tới những điều tốt đẹp. - Thể loại VB đọc chính: Thơ tự do

Hoạt động 2: Tri thức Ngữ văn

a.Mục tiêu: Nhận biết và chỉ ra được đặc điểm thơ tự do, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>hoàn thành bảng kiểm theo mẫu.</i> <table border="1" data-bbox="199 1641 825 1740"><tr><th>CÁC YẾU TỐ</th><th>ĐẶC ĐIỂM CHÍNH</th></tr><tr><td>Thơ tự do</td><td></td></tr></table> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	CÁC YẾU TỐ	ĐẶC ĐIỂM CHÍNH	Thơ tự do		II. Tri thức Ngữ văn 1. Thơ tự do: 2. Mạch cảm xúc: 3. Cảm hứng chủ đạo.
CÁC YẾU TỐ	ĐẶC ĐIỂM CHÍNH				
Thơ tự do					

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

B. ĐỌC VĂN BẢN “ĐỒNG CHÍ” (CHÍNH HỮU)

1. MỤC TIÊU

1.1 Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao.

1.2. Năng lực

- Nhận biết được các đặc điểm về số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong một khổ, đặc điểm vần, nhịp của thể thơ tự do.
- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện ở bố cục, hình ảnh, từ ngữ, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo...
- Cảm nhận được những tình cảm của người lính như tình yêu quê hương, đất nước; tình đồng chí, đồng đội...

1.3. Phẩm chất

Bồi dưỡng tình cảm yêu mến, sự trân trọng, tự hào về các thế hệ cha anh đã cống hiến tuổi xuân cho độc lập dân tộc.

2. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc trả lời các câu hỏi trong phiếu.
b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản. HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi cặp đôi và ghi câu trả lời vào phiếu.
c. Sản phẩm: - HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là sự giúp đỡ, tương trợ trong cuộc sống... - Học sinh nêu cảm nhận về

d. Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu chia sẻ cảm nhận, hiểu biết của mình về anh bộ đội thời kì kháng chiến chống Pháp.		
Em đã biết những gì về anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp?	Em muốn biết thêm điều gì về anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp?	Em đã biết thêm điều gì về anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp sau khi học xong bài thơ?
<i>(Ghi vào trước khi học)</i>	<i>(Ghi vào trước khi học)</i>	<i>(Ghi vào sau khi học)</i>
.....		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu học tập		
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS chia sẻ cảm nhận - HS khác nhận xét, bổ sung		
Bước 4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần) - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản...		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG
1. Đọc văn bản
Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc văn bản thơ. Nội dung: GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu; 2 – 3 HS đọc bài thơ. Sản phẩm: HS đọc diễn cảm bài thơ; biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc (chiến lược theo dõi, dự đoán, hình dung, đối chiếu). Tổ chức thực hiện:
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nêu cách đọc, giáo viên giới thiệu cách đọc, đọc mẫu - HS sử dụng chiến thuật <i>theo dõi</i> , đánh dấu các từ ngữ, hình ảnh, BPTT có thể trả lời các câu hỏi trong thẻ đọc. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của GV. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS khác nhận xét về cách đọc của bạn dựa vào bảng kiểm:

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM THƠ		
Tiêu chí	Có	Kh
Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ.		
Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được.		
Tốc độ đọc phù hợp.		
Sử dụng kĩ năng đọc diễn cảm (ngữ điệu, ngắt nhịp, tốc độ, nhấn giọng...) để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình.		
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá cách đọc - HS nghe bài hát <i>Tình đồng chí</i> (Nhạc: Minh Quốc, thơ: Chính Hữu) hoặc HS hát trên nền nhạc tại: https://www.youtube.com/watch?v=UeL1nhxlCfY		
2. Tác giả		
Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà thơ Chính Hữu Nội dung: GV: sử dụng phiếu học tập, yêu cầu học sinh dựa vào thông tin trong SHS để hoàn thành nội dung. HS: Hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên.		
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV Chiếu các nội dung cần hoàn thành lên ti vi và yêu cầu học sinh trình bày	- Chính Hữu (1926 – 2007), tên thật là Trần Đình Đắc, quê ở Hà Tĩnh. - Ông tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ - Đề tài: người lính và chiến tranh - Đặc điểm thơ: người lính hiện lên giản dị với tình yêu quê hương, đất nước, đồng đội sâu nặng.	
Nhân thân		
Cuộc đời		
Đề tài		
Đặc điểm thơ		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động độc lập, dựa vào thông tin phần tác giả SHS trang 39 để hoàn thành yêu cầu.		
Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Một HS trình bày thông tin về nhà thơ Chính Hữu - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần).		
Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét phần chuẩn bị của HS (nếu có), sản phẩm trình bày, bổ sung của HS khác (nếu có). - Chiếu nội dung lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.		
3. Tác phẩm		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV Chiếu các nội dung cần hoàn thành lên ti vi và yêu cầu học sinh trình bày	- Hoàn cảnh sáng tác: được sáng tác năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.	
Hoàn cảnh sáng tác		
Bố cục		

Mạch cảm xúc		- Bố cục:	
Đề tài		+ Bảy câu thơ đầu: cơ sở hình thành tình đồng chí	
Chủ đề		+ Mười ba câu tiếp: biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.	
Nhân vật trữ tình		- Đề tài: người lính – chiến tranh	
Đối tượng trữ tình		- Chủ đề: cảm xúc của nhà thơ trước tình đồng chí đồng đội của những người lính.	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm đôi để hoàn thành yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện trình bày nội dung thảo luận. - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét phân chuẩn bị của HS (nếu có), sản phẩm trình bày, bổ sung của HS khác (nếu có). - Chiếu nội dung lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.		- Nhân vật trữ tình: người lính	
		- Đối tượng trữ tình: những người đồng chí, đồng đội.	
		II. TÌM HIỂU VĂN BẢN	
		1. Đặc điểm thể thơ bài thơ <i>Đồng chí</i>	
- Mục tiêu: nhận biết được số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, vần, nhịp, mạch cảm xúc... trong bài thơ <i>Đồng chí</i> .			
- Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp hướng dẫn học sinh tìm hiểu các yêu cầu hoặc sử dụng phiếu học tập. HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên để hoàn thành các nội dung.			
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Số tiếng trong dòng Số dòng trong khổ Vần – Nhịp Mạch cảm xúc Gọi tên thể thơ: Nhận xét chung về hình thức của thể thơ:		- Số tiếng trong một dòng: không bằng nhau - Số dòng trong mỗi khổ: không đều nhau, phù hợp với nội dung cảm xúc. - Bài thơ gieo vần chân, vần liền (<i>đá - lạ, nhau - đầu, kỉ - chí...</i>), vần chân - vần lưng (<i>vai - vãi</i>)... - Nhịp thơ: Ngắt pháp linh hoạt, có dòng nhịp 3/4, 2/2, 2/4, 4/3... - Mạch cảm xúc: từ những suy nghĩ về cơ sở hình thành tình đồng chí, nhà thơ thể hiện niềm xúc động trước những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí. => Hình thức THƠ TỰ DO: phóng khoáng, linh hoạt, không bị bó buộc bởi luật thơ... giúp nhà thơ thể nhiều sắc thái cảm xúc.	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành Phiếu học tập số 1.			
Bước 3. Báo cáo, thảo luận			

- Đại diện nhóm trình bày nội dung thảo luận. - Các nhóm còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét sản phẩm trình bày. - Chuyển nội dung lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.																			
2. Cơ sở hình thành tình đồng chí (bảy câu đầu)																			
Mục tiêu: nhận biết được các từ ngữ, hình ảnh, BPTT, từ đó lí giải được cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội của người lính.																			
Nội dung:																			
- GV sử dụng phiếu học tập in sẵn các yêu cầu, các câu vấn đáp. - HS hoạt động nhóm, hoạt động độc lập để hoàn thành các yêu cầu của giáo viên.																			
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS gạch chân các từ khoá (từ ngữ, hình ảnh...), biện pháp tu từ... trong đoạn thơ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi tìm ra các từ ngữ, hình ảnh, BPTT quan trọng trong đoạn thơ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Một HS báo cáo trước lớp - Một số HS khác bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, định hướng	<i>Quê hương anh nước mặn đồng chua</i> <i>Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.</i> <i>Anh với tôi đôi người xa lạ</i> <i>Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,</i> <i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu,</i> <i>Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.</i> <i>Đồng chí!</i>																		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn, hoàn thành phiếu học tập: <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Trả lời</th><th>Điểm chung của người lính</th></tr><tr><td>Các cụm từ <i>nước mặn đồng chua</i>, <i>đất cày lên sỏi đá</i> gợi lên hình ảnh người nông dân nghèo đến từ vùng đồng bằng, trung du miền núi đất đai nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô cằn sỏi đá...</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Hình ảnh “<i>súng</i>” và “<i>đầu</i>” tượng trưng cho điều gì?</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Chỉ ra BPTT và tác dụng của BPTT trong câu “<i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu</i>”.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Các từ ngữ “<i>đêm rét</i>”, “<i>chung chăn</i>” ẩn dụ cho điều gì? Chỉ ra tác dụng của ẩn dụ.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Khái quát quá trình hình thành tình cảm của người lính.</td><td></td><td></td></tr></table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên. - GV có thể có những gợi ý ở mỗi yêu cầu cho HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV mời một số nhóm báo cáo sản phẩm.	Yêu cầu	Trả lời	Điểm chung của người lính	Các cụm từ <i>nước mặn đồng chua</i> , <i>đất cày lên sỏi đá</i> gợi lên hình ảnh người nông dân nghèo đến từ vùng đồng bằng, trung du miền núi đất đai nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô cằn sỏi đá...			- Hình ảnh “ <i>súng</i> ” và “ <i>đầu</i> ” tượng trưng cho điều gì?			- Chỉ ra BPTT và tác dụng của BPTT trong câu “ <i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu</i> ”.			- Các từ ngữ “ <i>đêm rét</i> ”, “ <i>chung chăn</i> ” ẩn dụ cho điều gì? Chỉ ra tác dụng của ẩn dụ.			- Khái quát quá trình hình thành tình cảm của người lính.			- Các cụm từ <i>nước mặn đồng chua</i>, <i>đất cày lên sỏi đá</i> gợi lên hình ảnh người nông dân nghèo đến từ vùng đồng bằng, trung du miền núi đất đai nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô cằn sỏi đá... - <i>Súng</i> tượng trưng cho chiến đấu, <i>đầu</i> tượng trưng cho lí tưởng. Họ sát cánh bên nhau để đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. - <i>đêm rét</i> và <i>chung chăn</i> vừa hiện thực, vừa là ẩn dụ cho đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi để hoàn thành nhiệm vụ. => Cơ sở hình thành tình đồng chí: đều là người nông dân nghèo, cùng chung lí tưởng, chia sẻ cùng nhau. - Quá trình hình thành tình đồng chí: xa lạ -> quen nhau -> tri kỉ -> đồng chí.
Yêu cầu	Trả lời	Điểm chung của người lính																	
Các cụm từ <i>nước mặn đồng chua</i> , <i>đất cày lên sỏi đá</i> gợi lên hình ảnh người nông dân nghèo đến từ vùng đồng bằng, trung du miền núi đất đai nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô cằn sỏi đá...																			
- Hình ảnh “ <i>súng</i> ” và “ <i>đầu</i> ” tượng trưng cho điều gì?																			
- Chỉ ra BPTT và tác dụng của BPTT trong câu “ <i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu</i> ”.																			
- Các từ ngữ “ <i>đêm rét</i> ”, “ <i>chung chăn</i> ” ẩn dụ cho điều gì? Chỉ ra tác dụng của ẩn dụ.																			
- Khái quát quá trình hình thành tình cảm của người lính.																			

Cuộc sống, chiến đấu của người lính	Bệnh tật (sốt rét rừng)	Cơn ớn lạnh	CẢM NHẬN - Đói mắt nhiều khó khan, gian khổ; - Đồng cam cộng khổ, sẻ chia, tình thân lạc quan.
	Thời tiết	sốt run người	
	Vật chất	trán ướt mồ hôi	
	Vượt qua khó khăn	buốt giá	
		áo rách vai	
		quần có mảnh vá	
		chân không giày	
		miệng cười	
		tay nắm lấy bàn tay	

người, trán ướt mồ hôi), thiếu thốn vật chất (áo rách vai, quần vá, chân không giày), thời tiết (buốt giá)

- Người lính vẫn cùng nhau vượt qua khó khăn, thiếu thốn (miệng cười, tay nắm lấy bàn tay)

=> Đồng cam cộng khổ, sẻ chia

=> Miêu tả chân thực (tả thực)

- Phiếu học tập số 2 SGK trang 35

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên: Lớp:

Nhiệm vụ: Đọc thầm 13 dòng thơ cuối, trả lời các câu hỏi và thực hiện yêu cầu dưới đây.

Câu hỏi, yêu cầu	Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu
a. Tìm và phân tích các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ đặc sắc trong các dòng thơ từ <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cây đến Thương nhau tay nắm lấy bàn tay được tác giả sử dụng để thể hiện tình đồng chí.</i>	
b. Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh <i>đầu súng trăng treo</i> ?	
c. Cảm xúc của nhà thơ thể hiện trong đoạn thơ từ <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cây đến hết là gì?</i>	

? Nhận xét cách miêu tả hình ảnh người lính.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

- GV theo dõi các nhóm để hỗ trợ thêm.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS đại diện nhóm trình bày nội dung

- Với trò chơi ghép hình, có thể cho HS lên trình bày trên bảng (sử dụng nam châm gắn lên bảng)

- HS khác bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV kết luận

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS:

- Khái quát hoàn cảnh người lính trong ba câu cuối.

- Trong cuộc kháng chiến đầy khó khăn. Em hãy nêu một số khó khăn mà người lính, bộ đội, công an và thanh niên xung phong gặp phải trong chiến tranh mà em được biết.

- Cách người lính vượt qua hoàn cảnh. Em hãy cho biết các chiến sĩ, bộ đội, thanh niên xung phong của ta đã đối mặt và tìm cách vượt qua một cách sáng tạo những khó khăn, trở ngại ấy ra sao?

- Chỉ ra hình ảnh biểu tượng trong câu cuối. Những hình ảnh đó biểu tượng cho điều gì?

- Từ đó chỉ ra đặc điểm thơ ca kháng chiến.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo

- Người lính phải đối mặt với cảnh rừng đêm hoang vắng, sương muối lạnh, nhiệm vụ nguy hiểm.

- Luôn kề vai sát cánh bên nhau, tâm hồn luôn bay bổng, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.

- Súng và trăng biểu tượng vẻ đẹp tâm hồn người lính: vừa là chiến sĩ vừa là thi sĩ, vừa thực tế nhưng cũng rất đời mộng mơ.

=> Hình ảnh lãng mạn, mộng mơ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động độc lập hoặc trao đổi cặp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trả lời từng câu hỏi của giáo viên. - Có thể có nhiều HS trả lời cho một câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định GV kết luận	=> Cho dù trong hoàn cảnh nào thì người lính vẫn kề vai sát cánh để hoàn thành nhiệm vụ.
III. TỔNG KẾT	
Mục tiêu: HS khái quát được cảm hứng chủ đạo và những nét chính về nghệ thuật của bài thơ.	
Nội dung: - GV: Sử dụng các câu hỏi, các gợi ý (hoặc câu hỏi trắc nghiệm) - HS: độc lập hoặc trao đổi nhóm đôi trả lời các câu giáo viên đưa ra.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì? (Ca ngợi điều gì?) - Khát quát những nét chính về nghệ thuật của bài thơ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động độc lập hoặc trao đổi cặp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trả lời từng câu hỏi của giáo viên. - Có thể có nhiều HS trả lời cho một câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV kết luận	- Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca tình đồng chí, đồng đội, tinh thần yêu nước, dũng cảm vượt lên mọi thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của những người lính là cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Nghệ thuật: + Sử dụng hình ảnh hiện thực kết hợp lãng mạn. + Các biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ được sử dụng hiệu quả. + Ngôn ngữ linh hoạt, bình dị

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (Hướng dẫn về nhà)

Mục tiêu: Thể hiện hiểu biết về người lính thời kì kháng chiến chống Pháp; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua viết đoạn văn.							
Nội dung: HS viết đoạn văn khoảng 7 – 10 câu.							
Sản phẩm: Viết được đoạn văn							
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu 1: HS hoàn thành phiếu học tập trong phần Mở đầu - Yêu cầu 2: Viết đoạn văn 7 – 10 câu trình bày cảm nghĩ của em về tình đồng chí được thể hiện trong bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện sau giờ học. Bước 3: Báo cáo kết quả - Ở tiết học tiếp theo, có thể yêu cầu một số HS đọc đoạn văn. - HS nộp bài tập báo cáo kết quả.	HS viết được đoạn văn: - Hình thức: khoảng 7 – 10 câu - Nội dung: <table border="1" data-bbox="866 1727 1520 2036"> <tr> <td>Câu mở đoạn (1 - 2 câu)</td><td>Giới thiệu tác giả, tác phẩm và yêu cầu</td></tr> <tr> <td>Thân đoạn (7 - 8 câu)</td><td>Trình bày được cảm nghĩ về tình đồng chí đồng đội.</td></tr> <tr> <td>Kết đoạn (1 câu)</td><td>Khái quát lại cảm nghĩ</td></tr> </table>	Câu mở đoạn (1 - 2 câu)	Giới thiệu tác giả, tác phẩm và yêu cầu	Thân đoạn (7 - 8 câu)	Trình bày được cảm nghĩ về tình đồng chí đồng đội.	Kết đoạn (1 câu)	Khái quát lại cảm nghĩ
Câu mở đoạn (1 - 2 câu)	Giới thiệu tác giả, tác phẩm và yêu cầu						
Thân đoạn (7 - 8 câu)	Trình bày được cảm nghĩ về tình đồng chí đồng đội.						
Kết đoạn (1 câu)	Khái quát lại cảm nghĩ						

Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chấm điểm, có thể lấy điểm kiểm tra thường xuyên.	
HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG	
Mục tiêu: kết nối với văn bản khác. Nội dung: HS nhận biết được hình thức thơ tự do và chủ đề bài học. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu và nội dung đọc hiểu Tổ chức thực hiện	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS hoàn thành nội dung đọc hiểu sau: [...] Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt Như mẹ cha ta, như vợ như chồng Ôi Tổ quốc, nếu cần, ta chết Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông... (Chế Lan Viên, Sao chiến thắng)	
Số tiếng trong mỗi dòng: Vần: Nhịp: Thể thơ: Đề tài: Tình cảm của tác giả: Biện pháp tu từ nào được sử dụng và tác dụng?	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS các hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả - Báo cáo các sản phẩm - Một số HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá, chấm điểm, có thể lấy điểm kiểm tra thường xuyên.	

Yêu cầu	Trả lời	Điểm chung của người lính
Các cụm từ <i>nước mặn</i> , <i>đồng chua</i> , <i>đất cày lên sỏi đá</i> gợi cho em nghĩ đến ai? Hoàn cảnh sống như thế nào? Họ đến từ đâu?		
- Hình ảnh “ <i>súng</i> ” và “ <i>đầu</i> ” tượng trưng cho điều gì? - Chỉ ra BPTT và tác dụng của BPTT trong câu “ <i>Súng bên súng, đầu sát bên đầu</i> ”.		
- Các từ ngữ “ <i>đêm rét</i> ”, “ <i>chung chăn</i> ” ẩn dụ cho điều gì? Chỉ ra tác dụng của ẩn dụ.		
- Khái quát quá trình hình thành tình cảm của người lính.		

Số tiếng trong mỗi dòng:

Vần:

Nhịp:

Thể thơ:
Đề tài:
Tình cảm của tác giả:
Biện pháp tu từ nào được sử dụng và tác dụng?.....

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Học thuộc bài thơ
- Nắm đặc điểm của thể thơ tự do, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.
- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt, đọc văn bản “Lá đỏ”(Nguyễn Đình Thi)

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 90: ĐỌC VĂN BẢN “NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI”

I. MỤC TIÊU:

- HS nhận biết được các đặc điểm về ngôi kể; không gian, thời gian nghệ thuật; những sự việc chính trong cốt truyện; nhân vật chính... của văn bản truyện ngắn.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần dũng cảm, niềm yêu đời, lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của đất nước; tình đồng chí của những nữ thanh niên xung phong trong truyện.
- Nhận biết đặc trưng thể loại truyện ngắn hiện đại Việt Nam.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Bồi dưỡng lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh đã góp phần làm nên cuộc sống hoà bình hôm nay.
- Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao.

Lòng ghép QPAN: Những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Máy tính, ti vi, KHBD
- Phiếu học tập, tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a) **Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức về chủ đề, tạo hứng thú học tập cho HS
- b) **Nội dung:** HS xem video và trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Mời các em xem, lắng nghe bài hát *Cô gái mở đường* của nhạc sĩ Xuân Giao và trả lời câu hỏi:

(?) Những chi tiết, hình ảnh nói lên vẻ đẹp, công việc của các cô thanh niên xung phong? Em hãy cho biết thêm một vài tấm gương gan dạ, dũng cảm, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến mà em biết.

(?) Những chi tiết, hình ảnh để lại ấn tượng sâu sắc nhất và nêu cảm nghĩ về những chi tiết, hình ảnh đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV phát video
- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt, giáo dục về những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến, dẫn dắt vào bài: *Trường Sơn - một thời hoa lửa*, từ lâu đã trở thành một đề tài không vơi cạn trong thơ văn Việt Nam. Nhắc đến tuyến đường huyền thoại nối liền Bắc - Nam, ta không thể bỏ qua sự góp mặt của một “binh chủng” đặc biệt: thanh niên xung phong. Trong những năm khói bom rục trời ấy, lực lượng thanh niên xung phong (chủ yếu là nữ) có vai trò hết sức quan trọng tham gia mở đường, phá bom, san lấp hố bom, bảo đảm con đường huyết mạch luôn được thông suốt cho những đoàn quân, đoàn xe ra trận. Đặc biệt, hình ảnh các cô xuất hiện như những ngôi sao lấp lánh không rục rờ mà sáng trong, tưởng như xa mà lại gần trong các trang văn, thơ: “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi), “Khoảng trời-hố bom” (Lâm Thị Mĩ Dạ), “Gửi em, cô thanh niên xung phong” (Phạm Tiến Duật)... Và 3 cô gái trẻ- 3 vì sao xa xôi trên đỉnh Trường Sơn trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi*- LMK cũng vậy. Để tìm hiểu về cuộc sống chiến đấu cũng như tình yêu và khát vọng của họ ta cùng khám phá bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
Mục tiêu: Giúp HS hiểu những hiểu biết cơ bản về tác giả	
Nội dung: HS thực hiện phiếu học tập và thực hiện những yêu cầu của giáo viên	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) HS dựa vào SGK, internet tìm hiểu thông tin về tác giả Lê Minh Khuê. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện phiếu học tập số 1	1. Tác giả - Lê Minh Khuê sinh năm 1949, từng tham gia lực lượng Thanh niên xung phong - Sở trường của bà là viết về truyện ngắn và truyện vừa. - Đề tài trước 1975 là cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau 1975 tác phẩm của nhà văn bám sát những biến chuyển của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. - Phong cách: Ngôi bút miêu tả tâm lý phụ nữ tinh tế, đặc sắc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ  1 Tiểu sử: 2 Cuộc đời 3 Sự nghiệp sáng tác 4 Phong cách nghệ thuật 5 Tác phẩm tiêu biểu	- Tác phẩm tiêu biểu: Cao điểm mùa hạ (1978), Một chiều xa thành phố (1986)...
Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS trình bày. HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, chuyển tiếp	
2. Tác phẩm	
Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản và trình bày những thông tin chính về văn bản	
Nội dung: HS thực hiện phiếu học tập và thực hiện những yêu cầu của giáo viên	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a) Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc: Giọng tâm tình, phân biệt lời kể, lời đối thoại ngắn gọn giữa các nhân vật. - Yêu cầu HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự của văn bản - Chú ý những từ khó: Cao điểm, cao xạ... Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: đọc mẫu HS - HS đọc - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc - HS sắp xếp các sự kiện - Giải thích từ khó - Tóm tắt VB Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc và phân tóm tắt của HS - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần tiếp theo	a) Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - Tóm tắt: + Ba cô thanh niên xung phong làm nhiệm vụ phá bom trên cao điểm ác liệt. họ đang làm việc riêng theo ý thích trong chiếc hang và trò chuyện về ước mơ sau chiến tranh. + Máy bay ném bom, ba cô gái ra đường phá bom, bom nổ, Nho bị thương. Phương Định và Thao chăm sóc vết thương cho Nho. + Một cơn mưa đá đột ngột trút xuống cao điểm khiến ba cô gái thích thú. Ngắm mưa, Phương Định nhớ về thành phố tuổi thơ. + Một đêm yên tĩnh, Phương Định và Nho ngắm nhìn đoàn quân ra trận, tình yêu đồng đội trào dâng. b) Tìm hiểu chung về văn bản - Thể loại: Truyện ngắn

b) Tìm hiểu chung về văn bản**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS dựa vào SGK tìm hiểu thông tin về tác phẩm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện phiếu học tập số 2

Phiếu học tập số 2		
Thê loại:		
Ngôi kể:		
Tác dụng của ngôi kể:		
Hoàn cảnh sáng tác:	Ý nghĩa nhan đề:	Chủ đề văn bản:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: Yêu cầu HS trình bày.

HS:

- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.
- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).
- Chốt sản phẩm và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất – Phương Định
- Tác dụng của ngôi kể: miêu tả chân thực, cụ thể hiện thực khốc liệt và thế giới nội tâm của nhân vật.
- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt.
- Ý nghĩa nhan đề: Vừa là hình ảnh thực vừa là hình ảnh biểu tượng về 3 nữ thanh niên xung phong.
- Chủ đề văn bản: Ca ngợi những cô gái thanh niên trên tuyến đường Trường Sơn.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**1. Không gian, thời gian****Mục tiêu: Giúp HS**

Hiểu được về không gian, thời gian diễn ra sự kiện

Nội dung:

GV sử dụng kỹ thuật vấn đáp để hướng dẫn HS tìm hiểu về nội dung văn bản

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện**Sản phẩm****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV đọc câu hỏi

(?) Câu chuyện diễn ra trong không gian, thời gian nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe câu hỏi, đọc SGK, tìm chi tiết

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Gọi HS trả lời câu hỏi
- HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

- Không gian: một cao điểm thường xuyên bị máy bay địch bắn phá bằng đủ các loại bom trên tuyến đường Trường Sơn. Đường bị đánh, thân cây bị tước khô cháy...
- Thời gian: Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ đang trong thời điểm cam go, ác liệt nhất.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét câu trả lời học tập và nhận xét của HS.
- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
- b) Nội dung: Học sinh tham gia chọn đáp án đúng,
- c) Sản phẩm: tìm được đáp án đúng nhất.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV thiết kế trò chơi “Ai nhanh nhất”
- HS tham gia trò chơi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Tổng hợp xem HS/nhóm HS nào tìm được nhiều từ khoá liên quan đến chủ đề nhất

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả trò chơi

HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: HS kết nối được với các văn bản có cùng chủ đề
- b) Nội dung: HS hiểu được về chủ đề tình yêu và khát vọng của cả bài học
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

(?) Hình ảnh “ Em gái tiên phương” trong bài thơ Lá đỏ và những nữ thanh niên xung phong trong truyện Những ngôi sao xa xôi gợi cho em suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm chiến tranh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời cá nhân

HS nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

Đọc lại những dòng thơ, trang văn viết về những người nữ thanh niên xung phong năm xưa, ta xúc động, tự hào và cảm phục biết bao. Đó phải chăng là thông điệp mà Nguyễn Đình Thi, Lê Minh Khuê... gửi lại cho đời từ hình ảnh của những cô thanh niên xung phong chỉ biết: Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình. Có thể nói hình ảnh người nữ thanh niên xung phong năm xưa đã góp phần dệt nên những trang sử hào hùng cho dân tộc Việt Nam hôm nay sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Họ đã cống hiến cả tuổi xuân cho trận chiến để đến khi trở về, tóc không còn xanh nữa. Sự hi sinh thầm lặng của các cô đáng được ghi công và kính nể. Thế hệ trẻ ngày nay có thể không còn khao khát cống hiến và sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng như thế hệ thanh niên thời chống Pháp, chống Mỹ những chắc hẳn ai trong chúng ta cũng luôn chất chứa tình yêu, lòng tự hào hãnh diện về Tổ quốc. Và khi cần, ngọn lửa ấy lại rực cháy để xứng đáng với những gì họ đã được hưởng.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc kĩ bài học
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị bài mới: Những ngôi sao xa xôi (Minh Khuê) (tt)

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TUẦN 23

NGÀY SOẠN: 25/02/2024

TIẾT 91: ĐỌC VĂN BẢN “NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” (LÊ MINH KHUÊ) (TT)

TIẾT 92: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 93: TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ TỰ DO

TIẾT 94: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO

TIẾT 91: ĐỌC VĂN BẢN “NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” (LÊ MINH KHUÊ) (TT)

I. MỤC TIÊU:

- HS nhận biết được các đặc điểm về ngôi kể; không gian, thời gian nghệ thuật; những sự việc chính trong cốt truyện; nhân vật chính... của văn bản truyện ngắn.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần dũng cảm, niềm yêu đời, lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của đất nước; tinh đồng chí của những nữ thanh niên xung phong trong truyện.
- Nhận biết đặc trưng thể loại truyện ngắn hiện đại Việt Nam.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Bồi dưỡng lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh đã góp phần làm nên cuộc sống hoà bình hôm nay.
- Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao.

Lòng ghép QPAN: Những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Máy tính, ti vi, KHBD
- Phiếu học tập, tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức về chủ đề, tạo hứng thú học tập cho HS

b) **Nội dung:** HS xem video và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Mời các em xem, lắng nghe bài hát *Cô gái mở đường* của nhạc sĩ Xuân Giao và trả lời câu hỏi:

(?) *Những chi tiết, hình ảnh nói lên vẻ đẹp, công việc của các cô thanh niên xung phong? Em hãy cho biết thêm một vài tấm gương gan dạ, dũng cảm, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến mà em biết.*

(?) *Những chi tiết, hình ảnh để lại ấn tượng sâu sắc nhất và nêu cảm nghĩ về những chi tiết, hình ảnh đó?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV phát video
- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt. giáo dục về những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến, dẫn dắt vào bài: *Trường Sơn - một thời hoa lửa, từ lâu đã trở thành một đề tài không vơi cạn trong thơ văn Việt Nam. Nhắc đến tuyến đường huyền thoại nối liền Bắc - Nam, ta không thể bỏ qua sự góp mặt của một “binh chủng” đặc biệt: thanh niên xung phong. Trong những năm khói bom rục trời ấy, lực lượng thanh niên xung phong (chủ yếu là nữ) có vai trò hết sức quan trọng tham gia mở đường, phá bom, san lấp hố bom, bảo đảm con đường huyết mạch luôn được thông suốt cho những đoàn quân, đoàn xe ra trận. Đặc biệt, hình ảnh các cô xuất hiện như những ngôi sao lấp lánh không rục rờ mà sáng trong, tưởng như xa mà lại gần trong các trang văn, thơ: “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi), “Khoảng trời-hố bom” (Lâm Thị Mỹ Dạ), “Gửi em, cô thanh niên xung phong” (Phạm Tiến Duật) ... Và 3 cô gái trẻ- 3 vì sao xa xôi trên đỉnh Trường Sơn trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi- LMK cũng vậy. Để tìm hiểu về cuộc sống chiến đấu cũng như tình yêu và khát vọng của họ ta cùng khám phá bài học hôm nay.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
Mục tiêu: Giúp HS hiểu những hiểu biết cơ bản về tác giả	
Nội dung: HS thực hiện phiếu học tập và thực hiện những yêu cầu của giáo viên	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) HS dựa vào SGK, internet tìm hiểu thông tin về tác giả Lê Minh Khuê. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện phiếu học tập số 1	1. Tác giả - Lê Minh Khuê sinh năm 1949, từng tham gia lực lượng Thanh niên xung phong - Sở trường của bà là viết về truyện ngắn và truyện vừa. - Đề tài trước 1975 là cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau 1975 tác phẩm của nhà văn bám sát những biến chuyển của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. - Phong cách: Ngôi bút miêu tả tâm lý phụ nữ tinh tế, đặc sắc. - Tác phẩm tiêu biểu: Cao điểm mùa hạ (1978), Một chiều xa thành phố (1986)...
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ 	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS trình bày. HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.	

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, chuyển tiếp	
2. Tác phẩm	
Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản và trình bày những thông tin chính về văn bản Nội dung: HS thực hiện phiếu học tập và thực hiện những yêu cầu của giáo viên	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a) Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc: Giọng tâm tình, phân biệt lời kể, lời đối thoại ngắn gọn giữa các nhân vật. - Yêu cầu HS sắp xếp các sự kiện theo trình tự của văn bản - Chú ý những từ khó: Cao điểm, cao xạ... Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: đọc mẫu HS - HS đọc - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc - HS sắp xếp các sự kiện - Giải thích từ khó - Tóm tắt VB Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần tiếp theo b) Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS dựa vào SGK tìm hiểu thông tin về tác phẩm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện phiếu học tập số 2 Phiếu học tập số 2 Thể loại: Ngôi kể: Tác dụng của ngôi kể: Hoàn cảnh sáng tác: Ý nghĩa nhan đề: Chủ đề văn bản: 	a) Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - Tóm tắt: + Ba cô thanh niên xung phong làm nhiệm vụ phá bom trên cao điểm ác liệt. họ đang làm việc riêng theo ý thích trong chiếc hang và trò chuyện về ước mơ sau chiến tranh. + Máy bay ném bom, ba cô gái ra đường phá bom, bom nổ, Nho bị thương. Phương Định và Thao chăm sóc vết thương cho Nho. + Một cơn mưa đá đột ngột trút xuống cao điểm khiến ba cô gái thích thú. Ngắm mưa, Phương Định nhớ về thành phố tuổi thơ. + Một đêm yên tĩnh, Phương Định và Nho ngắm nhìn đoàn quân ra trận, tình yêu đồng đội trào dâng. b) Tìm hiểu chung về văn bản - Thể loại: Truyện ngắn - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất – Phương Định - Tác dụng của ngôi kể: miêu tả chân thực, cụ thể hiện thực khốc liệt và thế giới nội tâm của nhân vật. - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. - Ý nghĩa nhan đề: Vừa là hình ảnh thực vừa là hình ảnh biểu tượng về 3 nữ thanh niên xung phong. - Chủ đề văn bản: Ca ngợi những cô gái thanh niên trên tuyến đường Trường Sơn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS trình bày. HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm. - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	
1. Không gian, thời gian	
Mục tiêu: Giúp HS Hiểu được về không gian, thời gian diễn ra sự kiện Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp để hướng dẫn HS tìm hiểu về nội dung văn bản HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV đọc câu hỏi (?) Câu chuyện diễn ra trong không gian, thời gian nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe câu hỏi, đọc SGK, tìm chi tiết Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gọi HS trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét câu trả lời học tập và nhận xét của HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	- Không gian: một cao điểm thường xuyên bị máy bay địch bắn phá bằng đủ các loại bom trên tuyến đường Trường Sơn. Đường bị đánh, thần cây bị tước khô cháy... - Thời gian: Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ đang trong thời điểm cam go, ác liệt nhất.
2. Vẻ đẹp của các cô gái thanh niên xung phong	
Mục tiêu: Giúp HS - Xác định được nhân vật chính - Hiểu được vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong Nội dung:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Nhân vật chính trong truyện là ai? (?) Em hãy tìm những phẩm chất chung của các cô gái thanh niên xung phong ? (?) Công việc của họ là gì? Với công việc như thế đòi hỏi tinh thần làm việc như thế nào ? (?) Sống trong hoàn cảnh chiến đấu hết sức nguy hiểm như vậy thì cuộc sống của họ ntn?	- Nhân vật chính: chị Thao, Nho, Phương Định – Những cô gái thanh niên xung phong - Vẻ đẹp chung: + Dũng cảm, kiên cường, trách nhiệm với công việc + Giàu ước mơ, tâm hồn lãng mạn, bay bổng, nhạy cảm + Yêu đồng chí, đồng đội + Yêu quê hương, đất nước - Nét đẹp riêng:

(?) Tình đồng đội của họ như thế nào?

(?) Theo em tại sao những cô gái ấy có thể dũng cảm, kiên cường như thế?

(?) Chỉ ra những nét tính cách riêng ở họ.

(?) Qua cách kể trên, em hiểu gì về thế hệ thanh niên trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ? Kể thêm một vài tấm gương gan dạ, anh dũng trong chiến đấu của các thanh niên thời chống Mỹ bây giờ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Trả lời câu hỏi và thực hiện phiếu học tập số 3

Phiếu học tập số 3

Nét đẹp của các cô gái thanh niên xung phong			
Nét đẹp chung			
Nét đẹp riêng	Chị Thao	Nho	Phương Định
Nhận xét chung			

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm

- HS nhận xét nhóm bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, bình giảng.

Hình ảnh 3 cô gái thanh niên xung phong đã được tác giả Lê Minh Khuê đặc tả là 3 cô gái trẻ dễ vui, mơ mộng nhưng cũng trầm tư sâu lắng. Ở nơi chiến trường khói lửa nhưng họ vẫn luôn bình tĩnh, chủ động, lạc quan và nghĩ về tương lai. Họ làm mà như đang chơi mà chơi với những quả bom thì đâu phải là chuyện đùa. Bom có thể nổ bất cứ lúc nào và họ cũng có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Nếu bom nổ, không chỉ không giữ được tính mạng mà có khi thân xác cũng không được toàn vẹn. Thế nhưng vì Tổ quốc, họ dám chấp nhận hy sinh. Mặc dù công việc gỡ bom khiến cho thần kinh luôn phải căng thẳng nhưng các cô gái vẫn bình tĩnh và xử lý một cách đầy ung dung như thể họ có tài điều khiển bom vậy. Nhờ họ mà biết bao chuyến xe qua trong an toàn, những con người xa lạ nhìn thấy nhau mà vẫy tay chào như là thân quen từ lâu lắm. Các cô có một tâm hồn thật đẹp. Trước cái chung của đất nước, họ đã dẹp cái riêng sang một bên. Tuy không sống trong hoàn cảnh

Chị Thao:

+ Cương quyết, táo bạo, bình tĩnh trong chiến đấu

+ Sợ máu và vắt

+ Thích hát nhưng không thuộc lời, hát sai nhạc

Nho:

+ Trẻ trung, hồn nhiên

+ Rắn rỏi, bản lĩnh, mạnh mẽ, có phản kháng tâng khi đối diện với cái chết.

Phương Định:

+ Hồn nhiên, trẻ trung, lạc quan

+ Tự tin, tự hào về bản thân

+ Mơ mộng, lãng mạn

=> Họ là những thanh niên xung phong tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến.

đất nước chiến tranh nhưng thông qua truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi và thông qua ba nữ thanh niên xung phong, chúng ta như được sống lại không khí hào hùng của dân tộc khi mà cả nước đang sục sôi đánh Mỹ.	
III. TỔNG KẾT	
Mục tiêu: Giúp HS - Nhận biết được nghệ thuật và nội dung của tác phẩm Nội dung: - HS trả lời câu hỏi	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (?) Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản? (?) Khái quát nội dung chính của văn bản? (?) Câu chuyện gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Cá nhân trả lời - HS nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chốt kiến thức: “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ” viết về đề tài chiến tranh, tất nhiên là nói về bom đạn, chiến đấu, hi sinh gian khổ của những giây phút bình yên là nơi trú chân cho những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật làm nên vẻ đẹp của tâm hồn con người, nhất là hình ảnh người phụ nữ trong chiến tranh: yêu đời, dễ rung cảm, lắm ước mơ, rất dễ vui đùa mà cũng dễ trầm tư, thích cái đẹp và làm đẹp cuộc sống của họ, nhưng thật dũng cảm, gan dạ, anh hùng và luôn có niềm tin mãnh liệt vào tương lai của Dân tộc. Họ chính là những ngôi sao sáng đại diện cho thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ với nhuệ khí “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai”.	- Nghệ thuật xây dựng nhân vật (chủ yếu là miêu tả tâm lí nhân vật), nghệ thuật trần thuật (sử dụng ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ, giọng điệu kể chuyện,) - Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, trẻ trung, yêu đời cùng sự dũng cảm, lạc quan của những nữ thanh niên xung phong. Đó cũng chính là vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: Học sinh tham gia trò chơi “**Tìm ô chữ**”

c) Sản phẩm: tìm được nhiều ô chữ liên quan đến bài học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV thiết kế ô chữ với chủ đề “ Những ngôi sao xa xôi”

- HS tham gia trò chơi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm những từ khoá liên quan đến chủ đề: Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, nữ thanh niên xung phong, đường Trường Sơn, kháng chiến chống Mỹ, tình yêu nước, dũng cảm, kiên cường, Phương Định, Nho, chị Thao, tinh thần đồng đội, ngôi thứ nhất, cao điểm, cơn mưa đá, tình yêu và khát vọng, 1971, miêu tả tâm lý nhân vật, mộng mơ, yêu đời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Tổng hợp xem HS/nhóm HS nào tìm được nhiều từ khoá liên quan đến chủ đề nhất

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả trò chơi

HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: HS kết nối được với các văn bản có cùng chủ đề
- b) Nội dung: HS hiểu được về chủ đề tình yêu và khát vọng của cả bài học
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

(?) Hình ảnh “ Em gái tiên phương” trong bài thơ Lá đỏ và những nữ thanh niên xung phong trong truyện Những ngôi sao xa xôi gợi cho em suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm chiến tranh?

(?) Tuổi trẻ chúng ta hiện nay cần có trách nhiệm như thế nào với tổ quốc, với quê hương?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời cá nhân

HS nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

Đọc lại những dòng thơ, trang văn viết về những người nữ thanh niên xung phong năm xưa, ta xúc động, tự hào và cảm phục biết bao. Đó phải chăng là thông điệp mà Nguyễn Đình Thi, Lê Minh Khuê... gửi lại cho đời từ hình ảnh của những cô thanh niên xung phong chỉ biết: Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình. Có thể nói hình ảnh người nữ thanh niên xung phong năm xưa đã góp phần dệt nên những trang sử hào hùng cho dân tộc Việt Nam hôm nay sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Họ đã cống hiến cả tuổi xuân cho trận chiến để đến khi trở về, tóc không còn xanh nữa. Sự hi sinh thầm lặng của các cô đáng được ghi công và kính nể. Thế hệ trẻ ngày nay có thể không còn khao khát cống hiến và sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng như thế hệ thanh niên thời chống Pháp, chống Mĩ những chắc hẳn ai trong chúng ta cũng luôn chất chứa tình yêu, lòng tự hào hãnh diện về Tổ quốc. Và khi cần, ngọn lửa ấy lại rực cháy để xứng đáng với những gì họ đã được hưởng.

* Hướng dẫn về nhà:

- Đọc kĩ bài học.
- Hoàn thiện các bài tập.
- Chuẩn bị bài mới. “Thực hành tiếng việt”

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TIẾT 92: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ, NGHĨA CỦA TỪ, LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ, nghĩa câu từ, lựa chọn cấu trúc câu.
- Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ, nhân hóa, đảo ngữ.
- HS xác định và giải thích được nghĩa của của một số từ ngữ.
- HS biết lựa chọn cấu trúc câu phù hợp với mục đích giao tiếp

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm
- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề
- Năng lực sáng tạo

*** Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận diện được tác dụng của biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp ngữ, đảo ngữ; giải thích được nghĩa của một số từ; nêu được tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu

3. Về phẩm chất

- Có ý thức sử dụng trong giao tiếp và tạo lập văn bản
- Yêu thích môn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.
- Phiếu học tập, câu hỏi thảo luận và trả lời
- Máy tính, máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. Khởi động

a. Mục tiêu:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Củng cố các khái niệm về biện pháp tu từ, nghĩa câu từ, lựa chọn cấu trúc câu.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS xem video bài hát “Khát vọng” - Đường link : https://www.youtube.com/watch?v=lb-T6YdpePk +Giao nhiệm vụ: trong lời bài hát có những cụm từ nào, câu nào có sử dụng biện pháp tu từ? - Tác dụng của các BPTT đó? - Lời bài hát mang đến cho em bài học gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt và dẫn vào bài: Đề văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay.	Các BPTT được sử dụng trong bài hát trên: điệp ngữ , câu hỏi tu từ và liệt kê - Điệp ngữ: + Hãy sống như... + Sao không là... - Câu hỏi tu từ: Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư - Liệt kê: sông, núi, biển, gió, mây, mặt trời, bài ca... - Tác dụng: nhấn mạnh khát vọng cao đẹp của nhạc sĩ nói riêng và của mọi người nói chung, đặc biệt lời ca còn như giục giã, nhắc nhở con người về lẽ sống tốt đẹp - Bài học: Niềm cảm phục và tự hào về niềm yêu cuộc đời tha thiết mà tác giả gửi gắm, đó là: khát vọng ccoongs hiến và hóa thân để dựng xây cuộc đời, bài học về ước mơ, lý tưởng, khát vọng đẹp cần có ở mỗi người trong cuộc sống; Dù ở đâu? Là ai? Làm gì? ...cần phải khắc phục hoàn cảnh, vươn lên, đóng góp một phần nhỏ bé, tốt đẹp cho cuộc đời

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được rằng: + các BPTT được sử dụng và hiệu quả của nó.
- + Giải nghĩa một số từ.
- + Lựa chọn cấu trúc câu cho phù hợp để đạt hiệu quả trong giao tiếp và trong tạo lập văn bản.

b. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	1. củng cố kiến thức đã học * Ôn tập : Các ‘biện pháp tu từ

- Nhắc lại thế nào là nhân hóa? Điệp ngữ? So sánh? Đảo ngữ? Tác dụng? - Nghĩa của từ? - Lựa chọn cấu trúc câu như thế nào cho phù hợp? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, chia sẻ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	+ Nhân hóa: là một phép tu từ gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người. + Điệp ngữ: là một biện pháp nghệ thuật trong đó tác giả lặp lại một từ, một cụm từ hoặc toàn bộ câu với một dụng ý cụ thể nhằm tăng tính biểu cảm cho đoạn văn, bài thơ. + So sánh: là đối chiếu giữa hai sự vật, sự việc khác nhau về tính chất nhưng lại có điểm tương đồng ở một khía cạnh nào đó. Từ đó giúp tăng cường sức gợi hình và gợi cảm trong quá trình diễn đạt. + Đảo ngữ: là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ. Tuy nhiên việc thay đổi trật tự từ này không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt. * Ôn tập về Nghĩa của từ: - Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị. - Có hai cách giải thích nghĩa của từ: + Trình bày khái niệm mà từ biểu thị. + Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích. * Lựa chọn cấu trúc câu: Câu trong Tiếng Việt có cấu trúc khá ổn định. Tuy nhiên cũng có thể thay thế trật tự từ trong câu để đạt được mục đích giao tiếp nhất định

3. Hoạt động 3: Thực hành.

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt

b. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

II. THỰC HÀNH	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	BIỆN PHÁP TU TỪ

- Yêu cầu SGK, tr 48 Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong các trường hợp sau: a. <i>Em đứng bên đường Như quẻ hương.</i> (Nguyễn Đình Thi, <i>La đỏ</i>) b. <i>Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp lánh ánh đèn, trông như một con sông nước đen. Những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên.</i> (Lê Minh Khuê, <i>Những ngôi sao xa xôi</i>) c. <i>Cao điểm bây giờ thật vắng. Chỉ có Nho và chị Thao. Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi. Cao xạ đang bắn.</i> (Lê Minh Khuê, <i>Những ngôi sao xa xôi</i>) d. <i>Nho vẫn thì thầm. Nó cũng đang ở trạng thái như tôi. Yêu tất cả. Tình yêu của những con người trong khói lửa. Tình yêu độ lượng, tha thiết, vô tư mà kẻ độc quyền có nó trong tim là những người chiến sĩ.</i> (Lê Minh Khuê, <i>Những ngôi sao xa xôi</i>) e. <i>Máy bay trinh sát vẫn nạo vét sự yên lặng của núi rừng.</i> (Lê Minh Khuê, <i>Những ngôi sao xa xôi</i>) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	Bài 1 (48) Câu a: - Trong hai dòng thơ, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ so sánh. - Tác dụng: gợi lên hình ảnh người em gái thanh niên xung phong gần gũi, thân thương, mang bóng dáng bình dị của quê nhà. Gặp em, người lính như gặp lại quê nhà và vì thế, các anh như được tiếp thêm sức mạnh trong những chặng đường hành quân phía trước. Câu b: - Trong đoạn văn, tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh. - Tác dụng: gợi lên những hình ảnh đẹp vừa bí ẩn (<i>như một con sông nước đen</i>) vừa lung linh, huyền ảo (<i>như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên</i>) qua đôi mắt trẻ thơ trong kí ức của Phương Định, một cô gái Hà Nội mộng mơ. Những hình ảnh đó đối lập với thực tại khốc liệt, gián tiếp tố cáo chiến tranh, đồng thời nói lên ý nghĩa sự dần dần cao cả của tuổi trẻ trong những năm kháng chiến. Câu c: - Trong đoạn văn, tác giả sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ: từ và xuất hiện 4 lần. - Tác dụng: việc lặp lại từ và ở đầu các câu có tác dụng liệt kê, nhấn mạnh sự hiện diện của từng sự vật, con người nhằm khẳng định tính chất vắng vẻ đến bất ngờ của cao điểm - sự vắng vẻ đáng sợ khiến con người cảm thấy cô đơn trong không gian mênh mông. Câu d: - Biện pháp tu từ được sử dụng trong trường hợp này là điệp ngữ với từ <i>tình yêu</i> được xuất hiện 2 lần. - Tác dụng: nhấn mạnh, tô đậm tình cảm trào dâng mãnh liệt trong trái tim của Nho, của Phương Định dành cho những người lính đang hành quân ra mặt trận; cũng là tình cảm của những người lính dành cho nhau trong khói lửa chiến tranh. Câu e: <i>Máy bay trinh sát vẫn nạo vét sự yên lặng của núi rừng.</i>

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV chốt và mở rộng kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Thử thay thế những từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau bằng từ ngữ đồng nghĩa, từ đó nhận xét về giá trị biểu đạt của những từ ngữ được tác giả sử dụng.

a. *Gặp em trên cao **lộng gió***

Rừng lạ ào ào lá đỏ

(Nguyễn Đình Thi, *Lá đỏ*)

b. *Đoàn quân vẫn đi **vội vã***

*Bụi Trường Sơn **nhào** trời lửa.*

(Nguyễn Đình Thi, *Lá đỏ*)

c. *Cười thì hàm răng **trắng loá** trên khuôn mặt nhem nhuốc.*

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, chia sẻ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV chốt đáp án.

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*)

- Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá: *nào vết sự yên lặng của núi rừng.*

- Tác dụng: diễn tả trạng thái âm thanh sắc lạnh của máy bay trinh sát đang quần đảo, phá tan sự yên lặng, thanh bình của núi rừng, từ đó, gợi tính chất khốc liệt của cao điểm - nơi ba cô gái đang làm nhiệm vụ phá bom mở đường. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá: *nào vết sự yên lặng của núi rừng.*

Tác dụng: diễn tả trạng thái âm thanh sắc lạnh của máy bay trinh sát đang quần đảo, phá tan sự yên lặng, thanh bình của núi rừng, từ đó, gợi tính chất khốc liệt của cao điểm - nơi ba cô gái đang làm nhiệm vụ phá bom mở đường.

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

Bài 2

GV có thể lập bảng theo gợi ý dưới đây, yêu cầu HS điền thông tin rồi trình bày:

Ngữ liệu	Từ ngữ thay thế từ ngữ in đậm	Nhận xét về giá trị biểu đạt của từ ngữ được tác giả sử dụng
a. <i>Gặp em trên cao lộng gió</i>	- <i>gió lộng, gió mạnh</i> - <i>rào rào</i>	- Miêu tả gió thổi mạnh do ở trên cao hoặc nơi trống trải; giúp người đọc cảm nhận được không gian cao rộng, khoáng đạt. - Vừa gợi hình vừa gợi thanh: miêu tả được tiếng gió thổi mạnh trong rừng lá đồng thời gợi hình ảnh lá

	b. Đoàn quân vẫn đi vội vã Bụi Trường Sơn trong trời lửa.	- hồi hả, khản trương - nhòe	- Gọi hình ảnh đoàn quân hành quân gấp gáp, tranh thủ từng giây phút cho kịp chiến dịch, với tâm trạng có phần căng thẳng, lo âu trước một sự kiện trọng đại - Tái hiện không gian Trường Sơn: bụi cuốn dày đặc hoà vào bầu trời đầy khói lửa, làm nổi bật tính chất khốc liệt của chiến tranh.
	c. Cười thì hàm răng trắng xóa trên khuôn mặt nhem nhuốc.	trắng tinh	Miêu tả được cả sắc màu và hiệu ứng ánh sáng: màu trắng như toả sáng trên nền đen là khuôn mặt lấm bùn đất.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin theo yêu cầu:				LỰA CHỌN CẤU TRÚC CẦU 1. Câu trong VB sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ nhằm nhấn mạnh trạng thái sốt ruột - nguyên nhân của hành động chạy ra ngoài của nhân vật tôi, từ đó làm nổi bật tâm trạng lo lắng cho sự an toàn của đồng đội của Phương Định. 2. Cầu gốc của VB: nói về không gian trước, con người trong không gian đó sau. Câu đổi cấu trúc nói về người trước, không gian sau. Cầu gốc có ý nhấn mạnh sự hiện diện của những người đồng chí, đồng đội xung quanh cao điểm. Các cô gái trên cao điểm không cô đơn.
STT	Câu trong văn bản	Câu thay đổi cấu trúc	Sự khác nhau về ý	
1	Sốt ruột, tôi chạy ra ngoài một tí.	Tôi sốt ruột, chạy ra ngoài một tí.		
2	Xung quanh cao điểm vắng vẻ này có bao nhiêu là người.	Có bao nhiêu là người xung quanh cao điểm vắng vẻ này.		

3	Chỉ cần chúng tôi bắn một phát súng báo hiệu yêu cầu giúp đỡ là họ sẽ chạy đến ngay.	Họ sẽ chạy đến ngay nếu chúng tôi bắn một phát súng báo hiệu yêu cầu giúp đỡ.		3. Cách diễn đạt của câu trong VB nêu điều kiện trước, kết quả sau; ngược lại, câu hỏi cấu trúc nêu kết quả trước, điều kiện sau. Câu gốc nhấn mạnh tính chất kịp thời trong việc hỗ trợ cao điểm của những người đồng chí.
4	Uống sữa xong, Nho ngủ.	Nho uống sữa xong rồi ngủ.		4. Cấu trúc câu trong VB và cấu trúc câu đã thay đổi đều phù hợp với thứ tự các hành động của nhân vật (uống sữa, ngủ). Tuy nhiên, trong câu đã thay đổi cấu trúc, chủ thể (Nho) được đưa lên đầu câu, làm cho trọng tâm thông tin không còn là các hành động nối tiếp nhau (uống sữa, ngủ) như câu trong VB mà là chủ thể (Nho).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS làm việc cá nhân, chia sẻ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.
GV chốt đáp án.

4. Hoạt động :Vận dụng.

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của nghiện thuốc lá điện tử. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một BPTT Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, viết bài.	- Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu - Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại nghiện thuốc lá điện tử - Sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV nhận xét, đánh giá.	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Hoàn thành bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài: Tập làm một bài thơ tự do

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 93: TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ TỰ DO

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng

- Biết lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ tự do

2. Phẩm chất:

- Có tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước, ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

3. HS khá, giỏi: Sử dụng ngôn ngữ để làm thơ có sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi, KHBD, phiếu học tập
- SGK, SBT Ngữ văn 6, tập 1; tài liệu tham khảo;
- KHBH, video, tranh ảnh liên quan đến một số bài hình ảnh về quê hương, đất nước cuộc sống...

2. Học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

Phiếu học tập

Tên bài thơ		Đặc điểm
Hình thức	Số tiếng trong dòng thơ	

	Số dòng trong khổ thơ	
	Vần	
	Nhịp	
	Biện pháp tu từ	
	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	
Nội dung	Đề tài, hình tượng, cảm hứng chủ đạo	
	Mạch cảm xúc	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về cách làm một bài thơ tự do.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

H: *Những hình ảnh trên gợi cho em cảm xúc như thế nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt bài mới: *Thế giới xung quanh ta thật đẹp và có biết bao điều thú vị khiến ta mong muốn được lưu giữ lại. Những bức tranh, bức ảnh, bản nhạc, trang văn và cả những vần thơ có thể giúp ta thực hiện điều đó. Ở phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ tự do và nhận biết những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ tự do về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của bài thơ tự do

a. Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm bài thơ tự do

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài thơ tự do

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

* Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với một bài tập làm thơ tự do - Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức về thơ lục bát. - GV yêu cầu HS: H: Đọc bài thơ sau và xác định đặc điểm của bài thơ đó vào phiếu học tập số 1? H: hãy cho biết đặc điểm của bài thơ em vừa xác định có giống các thể thơ em đã học trước đó không? - GV gợi ý: + Bài thơ vừa xác định không giống đặc điểm các thể thơ đã học, bởi nó là thơ tự do. + Làm một bài thơ tự do có cần tuân theo quy tắc nào không? + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào? - HS HĐCD- 3p chia sẻ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	A/ Tập làm một bài thơ tự do 1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ tự do *Hình thức: - Thơ tự do không yêu cầu về số tiếng trong các câu thơ phải giống nhau - Có thể là hợp thể, phối xen các đoạn thơ làm theo các thể khác nhau hoặc hoàn toàn tự do. - Thể thơ tự do khá phổ thông, không theo khổ 4 dòng, 6 dòng đều đặn ngay ngắn. - Có thể mở rộng, kéo dài câu thơ thành hàng chục tiếng gồm nhiều dòng in hoặc có thể sắp xếp thành “bậc thang” để tô đậm nhịp điệu trong câu, có thể xen kẽ câu ngắn – dài thỏa mái. - Kết hợp các biện pháp nghệ thuật độc đáo, nhằm làm nổi bật nội dung. Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm. - Có thể sử dụng vần liền, vần cách, vần hớ hợp để tạo tiết tấu cho bài thơ. *Nội dung: - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành; Ví dụ: Tình bạn, tình yêu, quê hương

Hoạt động 2: Thực hành làm một bài thơ tự do

a. Mục tiêu: HS nắm vững được các bước làm một bài thơ tự do

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình làm một bài thơ tự do

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi làm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Các bước tiến hành (1). Khởi động viết a. Xác định đề tài Đề tài gợi cho em nhiều cảm xúc: quê hương, gia đình, bạn bè, thầy cô... b. Xây dựng ý tưởng - Có thể biến đổi một số đoạn thơ lục bát thành thơ tự do: Có thể vẫn giữ số tiếng trong dòng thơ nhưng thay đổi từ ngữ, từ đó làm thay đổi nhịp điệu, vần điệu hoặc

- GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt: Nhiệm vụ 2: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 2 HS đọc bài thơ đã chuẩn bị trước - GV cho hs trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin sau đó trao đổi với bạn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày bài làm của mình, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: <i>Cần bám vào bài làm đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó chỉnh sửa và hoàn thiện Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn. - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.	cũng có thể thay đổi số tiếng trong một số câu thơ (thêm, bớt). + Thơ lục bát: <i>Ai đi đâu đấy hỡi ai Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm? Tìm em như thể tìm chim Chim bay bể bắc đi tìm bể đông</i> (Ca dao) +Thơ tự do: <i>Người đã đi đâu, người hỡi? Hay là trúc đi tìm mai? Như tìm chim trời, cá nước Xa xôi bể bắc, vời vợi bể đông...</i> (2) Thực hành viết (3) Chỉnh sửa -Đọc kĩ bài thơ, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài, rà soát các phần, từ ngữ, chính tả. - Nếu thấy bài thơ làm còn ặp từ, lủng củng, câu chưa có nghĩa, không thống nhất giữa các câu về nội dung, thơ không có tiết tấu cần sửa lại

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về cách làm bài thơ tự do
 - b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.
 - c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
 - d. **Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với cách làm bài thơ tự do.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để làm một bài thơ tự do.

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để làm một bài thơ tự do.

c. Sản phẩm học tập: Bài thơ mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà để làm một bài thơ tự do.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn tự học:**

+ Nhớ cách làm một bài thơ tự do.

+ Hoàn thiện các đoạn văn trên vào vở

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TIẾT 94: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO

I. Mục tiêu

- HS lựa chọn được đề tài đúng sở thích, thực sự gây được cảm xúc
- HS bước đầu thể hiện sự hiểu biết về những đặc điểm của thơ tự do, biết làm một bài thơ theo đề tài đã chọn
- HS viết được đoạn văn có đủ 3 phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn
- HS nêu được cảm nghĩ về một bài thơ tự do

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Ti vi

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: Gv gọi 1 bạn HS bất kì để thực hiện trò chơi, nếu có đáp án đúng, bạn chơi sẽ được chỉ định người chơi tiếp theo để thực hiện trò chơi

- Thời gian: 10s/đáp án.

Cách 2: GV tổ chức trò chơi TÌM X (X là tên các thể thơ đã học)

1. Được đặc trưng bởi các cặp thơ gồm một câu thơ 6 chữ và một câu thơ 8 chữ sắp xếp nối tiếp và xen kẽ với nhau.

- Lục bát

2. Mỗi câu thơ gồm 4 chữ, trong bài không giới hạn số lượng câu.

- Bốn chữ

3. Mỗi câu thơ gồm 5 chữ, trong bài số câu không bị giới hạn. Quy luật bằng trắc và cách gieo vần giống với thể thơ 4 chữ ở phía trên.

- Năm chữ

4. Tất cả các câu trong bài đều gồm 6 chữ. Có thể gieo vần ôm hoặc vần chéo.

- Sáu chữ

5. Số chữ trong câu, số câu trong một khổ và số lượng khổ thơ của toàn bài đều không bị giới hạn. Các quy luật về hiệp vần, bằng trắc cũng vô cùng linh hoạt, tùy theo cảm xúc và chủ ý của người viết.

- Tự do

***GV dẫn dắt vào bài học mới:** Chúng ta vừa điếm qua một số thể thơ đã học qua trò chơi Tìm X. Trong buổi học ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu xem, vậy làm như thế nào để có thể làm một bài thơ, cụ thể là thơ tự do, làm như thế nào để viết được bài văn nêu được cảm nghĩ của mình về bài thơ tự do đó nhé!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

A. Tập làm một bài thơ tự do

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết làm bài thơ tự do theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:	1. Trước khi viết a. Xác định đề tài và cảm xúc

+ Để biết cách làm một bài thơ tự do, chúng ta cần trải qua những bước nào? + Theo em, bước nào là quan trọng nhất, vì sao? - GV hướng dẫn các em từng bước để biết cách làm một bài thơ tự do - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức GV tổ chức trò chơi THẢ THƠ 1. Em hãy tìm các tiếng phù hợp với chỗ trống trong những dòng thơ sau đây để gieo vần: Trẻ- nhiều- xinh- lâu- trắng- lắm <i>em ơi em, hay nghe anh hỏi</i> <i>xong đoạn đường này các em làm đâu?</i> <i>anh đã tìm em, rất lâu, rất lâu</i> <i>cô gái ở Thạch Kim Thạch Nhọn</i> <i>khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm</i> <i>sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều.</i> <i>anh đã đi rất nhiều, rất nhiều</i> <i>những con đường như tình yêu mới mẻ</i> <i>đất rất hồng và người rất trẻ</i>	- Nhà trường - Gia đình - Quê hương - Đất nước - Người lính - Thiên nhiên - Xác định cảm xúc đối với đối tượng: quý mến, yêu thương, biết ơn, tự hòa hay băng khuâng, nhớ nhung, xao xuyến,... b. Lựa chọn hình ảnh biểu đạt cảm xúc - Tìm một hình ảnh phù hợp, để lại trong em nhiều ấn tượng nhất. - Tìm cách phát triển mạch cảm xúc bằng cách tưởng tượng sự vận động của hình ảnh, kết nối với các sự vật, hiện tượng có mối liên hệ với hình ảnh trung tâm. - Biểu đạt cảm xúc của mình về đối tượng c. Gieo vần, ngắt nhịp - Tạo nhịp điệu linh hoạt: ngắt nhịp các câu theo mạch cảm xúc với độ dài ngắn khác nhau, chủ yếu dựa trên nội dung cần biểu đạt. - Gieo vần linh hoạt, kết hợp vần bằng và vần trắc; kết hợp vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách tùy theo sự xuất hiện của các từ ngữ phù hợp với mạch cảm xúc và nội dung, không gò ép. 2. Viết bài - Hình dung về hình ảnh trung tâm của bài thơ và cảm xúc chủ đạo - Viết câu thơ đầu tiên diễn tả ấn tượng, cảm xúc nổi bật về đối tượng. (Tùy theo cảm hứng của mình để gieo vần chân hoặc vần lưng phù hợp;

<i>nhưng chẳng thấy em, cô gái ở Thạch Nhọn Thạch Kim.</i> (Theo Phạm Tiến Duật, <i>Gửi em, cô thanh niên xung phong</i>) 2. Em hãy tìm các tiếng phù hợp với chỗ trống trong những dòng thơ sau đây để gieo vần: Hai- yên- ngon- tổ- nghỉ- đôi <i>Ngủ yên, ngủ yên, ngủ yên</i> <i>Cho cò trắng đến làm quen</i> <i>Cò đứng ở quanh nôi</i> <i>Rồi cò vào trong tổ</i> <i>Con ngủ yên thì cò cũng ngủ</i> <i>Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi</i> <i>Mai khôn lớn, con theo cò đi học</i> <i>Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân</i> <i>Lớn lên, lớn lên, lớn lên nghỉ</i> <i>Con làm gì?</i> <i>Con làm thi sĩ</i> <i>Cánh cò trắng lại bay hoài không ...</i> <i>Trước hiên nhà</i> <i>Và trong hơi mát câu văn</i> (Theo Chế Lan Viên, <i>Con cò</i>)	Nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, biểu đạt được cảm xúc của em trước đối tượng.) - Từ dòng thơ đầu tiên, em hãy diễn tả cảm xúc theo các phương diện khác nhau của hình ảnh hoặc sự vận động của hình ảnh. - Lựa chọn những từ tượng thanh, tượng hình; những biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ,... - Nêu cảm nghĩ của mình về sự vật, hiện tượng; nêu ý nghĩa, thông điệp...

B. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do

2.1. Giới thiệu kiểu bài

- Mục tiêu:** Nắm được khái niệm và yêu cầu đối với kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do? (trình bày khái niệm) + Việc viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do cần chú ý và đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Giới thiệu kiểu bài 1. Khái niệm - Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần,...khi sáng tác). 2. Yêu cầu - Giới thiệu được bài thơ, tác giả; nêu cảm nghĩ chung về bài thơ. - Nêu được cảm nghĩ về nội dung và nghệ thuật; nêu được tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc, tạo nên nét độc đáo của bài thơ. - Khái quát được cảm nghĩ về bài thơ.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “*Lá đỏ - niềm tin và hi vọng ngày chiến thắng*”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: Đọc bài viết và làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu:	II. Phân tích bài viết tham khảo 1. Giới thiệu bài thơ, tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.

+ Tìm câu văn, từ ngữ giới thiệu bài thơ, tác giả. + Xác định câu văn, từ ngữ diễn tả cảm nghĩ chung về nét đặc sắc của bài thơ. + Chỉ ra những câu văn, từ ngữ nêu cảm nghĩ về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Nhận diện câu văn đánh giá tác dụng của thể thơ tự do trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ. + Xác định câu văn, từ ngữ nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	Giới thiệu bài thơ và tác giả: Bài thơ <i>Lá đỏ</i> được viết năm 1974, trong thời gian nhà thơ Nguyễn Đình Thi đến với chiến trường Tây Nguyên. Cảm nghĩ chung về bài thơ: Ra đời trong boom roi, nạn đổ vào thời điểm khốc liệt của chiến đấu giải phóng miền Na, bài thơ phát triển từ cuộc gặp gỡ rồi chia là trong niềm tin gặp lại - niềm tin chiến thắng của một người lính và một cô gái thanh niên xung phong trên đường Trường Sơn. 2. Trình bày cảm nghĩ về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Cảm nghĩ về nội dung: Cuộc gặp gỡ ra trong một buổi chiều lộng gió, trong cơn mưa lá đỏ ào ào đổ tuôn mạnh liệt, đập đến ngỡ ngàng. - Nghệ thuật của bài thơ: Trong bối cảnh lãng mạn và hào hùng, hiện lên một hình ảnh đẹp, biểu tượng cho cuộc chiến tranh nhân dân "em gái tiền phương" - Chi tiết "vai áo bạc, quàng súng trường " gợi niềm xúc động sâu xa. 3. Nêu tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc và nét độc đáo của bài thơ. - Tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc và nét độc đáo của bài thơ: Thể thơ tự do với hình thức phóng khoáng, vần nhịp, linh hoạt giúp nhà thơ khoắc họa được bối cảnh Trường Sơn hùng vĩ, khí thế hào hùng, tâm hồn lạc quan phơi phới của đoàn quân ra trận. 4. Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ

	Bài thơ ra đời cách nay gần nửa thế kỉ vẫn gợi lên trong lòng người đọc niềm xúc động, tự hào, lòng biết ơn thế hệ cha anh đã hiến dâng tuổi xanh cho hòa bình đất nước.

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành các bước Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe đưa câu hỏi về nội dung còn thắc mắc - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV giải đáp thắc mắc của HS Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn bài thơ - Yêu thích - Phù hợp với lứa tuổi, với khả năng cảm nhận của em b. Tìm ý - Đọc bài thơ nhiều lần để cảm nhận âm điệu, mạch cảm xúc của nó. - Ghi lại cảm nghĩ của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật của bài thơ: + Thể thơ, vần, nhịp. + Yếu tố miêu tả, hình ảnh nổi bật, từ ngữ đặc sắc, biện pháp tu từ.... + Nội dung cảm xúc, thông điệp của bài thơ.

	- Xác định cảm nghĩ chung về bài thơ (sử dụng những từ ngữ diễn tả cảm xúc như <i>xúc động, tự hào, biết ơn, ...</i>) c. Lập dàn ý - Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ và tác giả; nêu cảm nghĩ chung về bài thơ - Thân đoạn: Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật. - Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV Yêu cầu HS đọc bài thơ “Lời con” (Phan Thị Thanh Nhàn) và nêu cảm nhận/ấn tượng chung của mình về bài thơ.

Con bảo:

- *Chùm bàng thân nhau quá*

Chẳng ai chịu ở một mình.

- *Bố mặc quần dài nhanh lên*

Cô tivi sắp ra chào đấy.

- *Thấy mẹ về, gió reo, lá vẫy*

Đúng cái cây là con cô gió rồi.

- *Con muốn mặc áo đỏ đi chơi*

Như tờ lịch những ngày mẹ nghỉ.

- *Đài ngâm thơ con nghe ưót thế*

Mẹ cũng ngâm thơ vào nước cho hay.

- Không ăn được nhưng nhiều cây

Mẹ mua cho con quả núi.

- Báo của mẹ là Hà Nội Mới

Hôm qua là Hà Nội cũ phải không?

- Mẹ bận không lên chơi bác Ngân

Hay mẹ dán tem gửi con đi vậy!

Mẹ ngồi trước mênh mông trang giấy

Muốn viết mà câu chữ cần khô

Chợt nhớ chuyện băng quơ con nói

Mẹ ghi vào thành một bài thơ...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Đề bài: Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích, lập dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó theo PHT sau.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Hệ thống kiến thức

- Luyện tập viết đoạn văn ghi lại cảm xúc một bài thơ.

- Chuẩn bị tiết: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do. (tt)

Rút kinh nghiệm

.....

TUẦN 24

NGÀY SOẠN: 3/3/2024

TIẾT 95: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO

TIẾT 96: NÓI VÀ NGHE- THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LÚA TUỔI (ĐƯỢC GỌI RA TỪ TÁC PHẨM)

TIẾT 97: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 98: BÀI 8-NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

GTBH, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “NHÀ VĂN CỦA QUÊ HƯƠNG, LÀNG CẢNH VIỆT NAM” (XUÂN DIỆU)

TIẾT 95: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TỰ DO (TT)

I. Mục tiêu

- HS lựa chọn được đề tài đúng sở thích, thực sự gây được cảm xúc
- HS bước đầu thể hiện sự hiểu biết về những đặc điểm của thơ tự do, biết làm một bài thơ theo đề tài đã chọn
- HS viết được đoạn văn có đủ 3 phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn
- HS nêu được cảm nghĩ về một bài thơ tự do

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Ti vi

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập, khởi động và kết nối kĩ năng phân tích một tác phẩm văn học để HS xác định được mục tiêu, nhiệm vụ trong bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học vấn đáp, kĩ thuật hỏi và trả lời để HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng cách:

Chia sẻ với mọi người bằng cách đọc một bài thơ tự do mà các em yêu thích, lý giải vì sao em thích bài thơ đó?

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.

- GV nhận xét câu trả lời, bổ sung, đánh giá, khen ngợi HS và kết nối vào bài học:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS nhận biết được khái niệm và các yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm thơ (thơ tự do).

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm; kĩ thuật dạy học phân tích mẫu hướng dẫn HS nhận diện được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Phân tích bài viết tham khảo)

Hoàn thiện bảng sau bằng cách

ghi câu trả lời vào cột bên phải tương đương với câu hỏi ở cột trái:

Câu hỏi	Trả lời
1. Đối tượng phân tích của bài viết gì?	
2. Phần mở đầu bài viết, người viết đã giới thiệu điều gì?	
3. Các nội dung cơ bản của bài thơ là gì (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ)?	
4. Những yếu tố đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ (giao vận, lựa chọn hình ảnh, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ đặc sắc)?	
5. Hệ thống phân tích các ý trong bài thơ được thực hiện theo trình tự nào?	
6. Phần kết đoạn, người viết đã khẳng định	

điều gì?	
7. Nhận xét về cấu trúc bài viết, mức độ phù hợp giữa các phần trong bài viết, các ý trong mỗi phần?	

c. Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Yêu cầu cần đạt
HD1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV cho HS đọc thầm lại phần lời dẫn và <i>Yêu cầu</i> đối với đoạn văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ tự do) trong SGK, tr.49, để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này. * GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu: 1) Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do? 2) Đoạn văn đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào SGK, trang 51,52 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có). - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2.	I. Yêu cầu của kiểu bài - Kiểu bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do là trình bày cảm nhận những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Các yêu cầu của kiểu bài: + Giới thiệu được tác giả và bài thơ, nêu ý kiến chung của người viết. + Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ để làm rõ chủ đề. + Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong bài thơ. + Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.
HD2. Phân tích bài viết tham khảo Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động nhóm, thảo luận và hoàn thành PHT số 1 (chuẩn bị ở nhà).	II. Phân tích bài viết tham khảo

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Nhóm HS thảo luận qua zalo nhóm học tập, hoàn thành PHT. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm HS trình bày PHT đã hoàn thiện. - Các nhóm HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Phân tích bài viết tham khảo)

Câu hỏi	Trả lời
1. Đối tượng phân tích của bài viết?	Bài thơ <i>Lá đỏ</i> của Nguyễn Đình Thi
2. Phần mở đoạn, người viết đã giới thiệu điều gì?	Giới thiệu chung về hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc bài thơ.
3. Các nội dung nổi bật của bài thơ là gì?	+ Không gian gấp gở trên cao lộng gió đẹp lãng mạn, khí thế tiến công thần tốc của đoàn quân. + Hình ảnh “em gái tiền phương” bình dị, thân thương, trở thành điểm tựa tinh thần tạo nên sức mạnh chiến đấu cho người lính nơi tiền tuyến. + Lời chào, lời hẹn ước thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.
4. Những yếu tố đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ được phân tích?	+ Thể thơ tự do với hình thức phóng khoáng, vần nhịp linh hoạt + Hình ảnh thơ lá đỏ mang ý nghĩa biểu trưng cho niềm tin và hi vọng về thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến.
5. Hệ thống phân tích các ý trong bài thơ được thực hiện theo trình tự nào?	Hệ thống các ý được trình bày theo mạch cảm xúc bài thơ (gấp gở - chia ly – hẹn ước) và giá trị nội dung – giá trị nghệ thuật của bài thơ.
6. Phần kết đoạn, người viết đã khẳng định điều gì?	Khẳng định ý nghĩa, sức tác động của bài thơ đến người đọc.
7. Nhận xét về cấu trúc bài viết, mức độ phù hợp giữa các phần trong bài viết,	- Cấu trúc hoàn chỉnh 3 phần; - Các phần, các ý, các nội dung trong từng phần có tỉ lệ, quy mô và dung lượng hợp lí.

các ý trong mỗi phần?		
Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo của bài học.		
HD3. Thực hành viết bài theo các bước Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.53 để lựa chọn bài thơ, tìm ý và lập dàn ý. <i>1) Trước khi viết, em cần lựa chọn bài thơ phù hợp. Bài thơ được chọn là bài thơ nào? Bài thơ có những nét đặc sắc gì về nội dung và nghệ thuật?</i> <i>2) Đọc bài thơ nhiều lần để cảm nhận giọng điệu, mạch cảm xúc. Từ đó, tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.</i> * GV hướng dẫn HS tìm ý: Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý bằng cách tham khảo hướng dẫn trong SGK trang 53. * GV hướng dẫn HS lập dàn ý: <i>Em sẽ phân bổ các ý cho Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn như thế nào?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV. - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy. - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.	II. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn bài thơ: (SGK tr.53) - Lựa chọn một bài thơ tự do em yêu thích và phù hợp với lứa tuổi, với khả năng cảm nhận của em. b. Tìm ý: - Đọc bài thơ nhiều lần để cảm nhận âm điệu, mạch cảm xúc của bài thơ. - Ghi lại cảm nghĩ của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật của bài thơ: c. Lập dàn ý: - Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu cảm nhận chung về bài thơ. - Thân đoạn: + Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ (có thể kết hợp phân tích theo mạch cảm xúc của bài thơ và trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật). + Nêu tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ. - Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ. 2. Viết bài	
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		

(Chuẩn bị ở nhà: Tìm ý cho đoạn văn phân tích một bài thơ tự do)

1. Đọc lại bài thơ và ghi lại các thông tin cần thiết về tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời, đề tài, thể thơ, phương thức biểu đạt, các nhận xét đánh giá về bài thơ...

.....

.....

.....

2. Từ phiếu tìm ý, lập dàn ý cho đoạn văn theo mẫu sau:

Mở đoạn:	
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.	
- Đánh giá, nêu ấn tượng chung về bài thơ.	
	

Thân đoạn:

- Lần lượt phân tích bài thơ theo hệ thống ý dự kiến (mạch cảm xúc hay theo phương diện nội dung và nghệ thuật)

Hệ thống các ý	Nhận xét, ý kiến riêng của em
Ý 1....	
Ý 2....	
Ý 3....	
Kết đoạn: - Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. - Ý nghĩa với bản thân em và cuộc sống.	

																														
Thực hành viết đoạn - GV tổ chức cho HS viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do trong 15 phút. - HS căn cứ PHT số 2 đã thực hiện để thực hành viết đoạn văn. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV phát bảng kiểm, lựa chọn gọi một HS chiếu và trình bày đoạn văn của mình. HS khác theo dõi, lắng nghe, đối chiếu với bảng kiểm để nhận xét, góp ý (chữa mẫu); sau đó tổ chức cho HS đánh giá chéo bài viết của bạn.	* Lưu ý khi viết: - Bám sát dàn ý đã lập. - Lựa chọn phương án phân tích phù hợp. - Làm rõ được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung. 3. Chỉnh sửa bài viết (HS dựa vào bảng kiểm để nhận xét, đánh giá cho bạn; tự đánh giá và chỉnh sửa bài viết của bản thân).																													
BẢNG KIỂM BÀI VIẾT (Sử dụng để nhận xét, đánh giá và sửa chữa bài viết) <table><tr><th>Yêu cầu</th><th>Đạt</th><th>Không đạt</th><th>Hướng sửa chữa</th></tr><tr><td>1. Đảm bảo hình thức, cấu trúc một đoạn văn hoàn chỉnh</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr><tr><td>2. Mở đoạn giới thiệu được về tác giả, tác phẩm; cảm nhận chung về bài thơ.</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr><tr><td>3. Thân đoạn phân tích bài thơ theo hệ thống ý tương ứng, hợp lí, làm rõ được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr><tr><td>4. Kết đoạn khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr><tr><td>5. Tỷ lệ các phần, dung lượng và quy mô các ý trong bài viết cân đối, phù hợp</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr><tr><td>6. Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (logic, dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và đoạn văn,...)</td><td></td><td></td><td>.....</td></tr></table>			Yêu cầu	Đạt	Không đạt	Hướng sửa chữa	1. Đảm bảo hình thức, cấu trúc một đoạn văn hoàn chỉnh				2. Mở đoạn giới thiệu được về tác giả, tác phẩm; cảm nhận chung về bài thơ.				3. Thân đoạn phân tích bài thơ theo hệ thống ý tương ứng, hợp lí, làm rõ được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.				4. Kết đoạn khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.				5. Tỷ lệ các phần, dung lượng và quy mô các ý trong bài viết cân đối, phù hợp				6. Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (logic, dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và đoạn văn,...)			
Yêu cầu	Đạt	Không đạt	Hướng sửa chữa																											
1. Đảm bảo hình thức, cấu trúc một đoạn văn hoàn chỉnh																														
2. Mở đoạn giới thiệu được về tác giả, tác phẩm; cảm nhận chung về bài thơ.																														
3. Thân đoạn phân tích bài thơ theo hệ thống ý tương ứng, hợp lí, làm rõ được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.																														
4. Kết đoạn khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.																														
5. Tỷ lệ các phần, dung lượng và quy mô các ý trong bài viết cân đối, phù hợp																														
6. Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (logic, dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và đoạn văn,...)																														
Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.																														

- Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo.

3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao (làm ở nhà).

c. Sản phẩm: HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

d) Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
HD1. Bài tập vận dụng Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên giao bài tập cho HS: <i>Lựa chọn một bài thơ tự do mà em thích, lập dàn ý viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, lập dàn ý bài viết theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập. - Nộp bài tập trên nhóm zalo, sử dụng bảng kiểm để đánh giá lại dàn ý đã lập (<i>không đánh giá yêu cầu về diễn đạt, logic, hình thức liên kết câu và liên kết đoạn</i>). Bước 4. Đánh giá, kết luận GV đọc, đánh giá bài làm của học sinh, nhận xét, góp ý để học sinh sửa chữa, hoàn thiện.	III. Luyện tập, vận dụng Yêu cầu: - Lựa chọn được một bài thơ tự do. - Lập dàn ý viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ đã chọn. - Biết tự đánh giá, bổ sung cho dàn ý đã lập.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm yêu cầu của cách xây dựng đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ tự do.

- Hoàn thành đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ tự do.

- Chuẩn bị bài: Nói và nghe thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gọi ra từ tác phẩm văn học đã đọc)

TIẾT 96: NÓI VÀ NGHE- THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (ĐƯỢC GỌI RA TỪ TÁC PHẨM)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức

- Biết xác định vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi có ý nghĩa từ tác phẩm văn học đã học.
- Nêu được ý kiến thảo luận vấn đề.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, ...

b. Năng lực riêng biệt

Trình bày nội dung giới thiệu một cuốn sách bằng văn nói, không đọc bài viết.

3. Phẩm chất

Có ý thức vận dụng vấn đề vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT.
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố, chuẩn bị hoàn thiện lại nội dung nói

- a. Mục tiêu:** Chuẩn bị trình bày bài nói giới thiệu một cuốn sách.
- b. Nội dung:** HS hoàn thành bài giới thiệu của mình.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài nói và những nội dung phản hồi của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ GV nhắc lại nhiệm vụ từ tiết trước: Đọc kĩ lại phần lí thuyết, kiểm tra các nội dung đã ghi chép trong vở soạn, các nội dung	HS kiểm tra lại các nội dung đã chuẩn bị theo gợi ý: Ý kiến của em về vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi.

sẽ phát biểu ý kiến trong thời gian cụ thể. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Trang sách là trang đời. Mỗi trang sách là một lát cắt thu nhỏ của cuộc sống. Mỗi trang sách giúp cho người đọc có cơ hội nhìn lại bản thân, nhìn lại những vấn đề gặp phải và những phương án giải quyết phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Bài học hôm nay, chúng ta hãy cùng nhìn lại những vấn đề đời sống được gợi ra từ một tác phẩm văn học đã học, cùng tìm hiểu bài học rút ra từ những tác phẩm ấy để mỗi chúng ta có thể vận dụng nó vào trong cuộc sống của mình.	Liên hệ thực tế. Phân tích nguyên nhân. Nêu giải pháp, bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Thảo luận về vấn đề đời sống

- Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ - Hướng dẫn HS thảo	I. Thảo luận về vấn đề đời sống

luận – Cử người chủ trì, thư kí – Hướng dẫn người chủ trì nêu vấn đề thảo luận (vấn đề đời sống được gọi ra từ tác phẩm văn học), tổng kết, đánh giá kết quả. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận – Lưu ý theo dõi các ý kiến trước đó để tránh bị trùng lặp, phát biểu đúng thời gian quy định. - GV theo dõi để nắm bắt quá trình thảo luận của học sinh và có những hỗ trợ phù hợp. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	- Đại diện HS chủ trì điều hành cuộc thảo luận, phát biểu ý kiến. - Kết luận về những khía cạnh thống nhất của các ý kiến hoặc các quan điểm khác nhau.

Hoạt động 3: Trao đổi về buổi thảo luận

a. Mục tiêu: Tổ chức đánh giá cuộc thảo luận.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Trao đổi về buổi thảo luận NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu bước trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	III. Trao đổi về buổi thảo luận 1. Trước khi nói a. Xác định mục đích nói và người nghe

- GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.</i> + <i>GV yêu cầu HS đọc kỹ phần chuẩn bị nội dung nói để xác định nội dung bài nói của mình.</i> + <i>HS tìm ý theo PHT số 1, sắp xếp ý</i> + <i>HS tập luyện cá nhân hoặc cặp đôi.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày</i> + <i>GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ.	- Mục đích: chia sẻ để mọi người hiểu rõ về vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người quan tâm. b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn vấn đề - Tìm ý - Sắp xếp ý c. Tập luyện 2. Trình bày bài nói - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề. - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.
Yêu cầu đối với người nói, người nghe	

Người nói	Người nghe
Trình bày ý kiến của mình về vấn đề thảo luận; kết nối với mạch thảo luận chung và ý kiến trước đó để tránh nêu lại nội dung mà người khác đã phát biểu. Nêu những lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục để chứng minh cho ý kiến của mình. Trình bày ý kiến rõ ràng, mạch lạc; dùng cử chỉ, điệu bộ phù hợp để việc biểu đạt được sinh động. Trao đổi với người nghe trên tinh thần tôn trọng sự khác biệt, giải đáp thỏa đáng các câu hỏi và ý kiến trái chiều. *Lưu ý: Quy định về thời gian chọn ý kiến phát biểu.	Lắng nghe, ghi chép các ý kiến phản hồi. Đặt câu hỏi để người nói giải thích những nội dung em chưa rõ, trao đổi về những gì em còn băn khoăn hoặc chưa tán thành. Chuẩn bị tâm thế và ý kiến phát biểu khi tới lượt mình. Thể hiện thái độ thân thiện đối với người nói khi trao đổi
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu bước trao đổi về bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>GV hướng dẫn HS thảo luận về các phương diện: vấn đề thảo luận, nội dung các ý kiến, cách trình bày ý kiến,...</i> + <i>GV có thể gợi ý để HS trao đổi, đánh giá về cuộc thảo luận: Vấn đề thảo luận được gợi ra từ tác phẩm văn học có phù hợp với lứa tuổi và có ý nghĩa với đời sống hay không? Những khía cạnh nào của vấn đề đã được bàn luận? Những khía</i>	3. Trao đổi về bài nói

<i>cạnh nào cần tiếp tục trao đổi?</i> + Các ý kiến tập trung vào vấn đề, nêu được giải pháp hay chưa? Cách trình bày có đạt yêu cầu hay không? + Người nói và người nghe có sự tương tác hiệu quả hay chưa? + Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề đặt ra từ cuốn sách. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất, góp ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.			
Tiêu chí đánh giá bài nói			
Yêu cầu		Có	Không
Nội dung và cách thức tổ chức thảo luận	Vấn đề thảo luận có ý nghĩa, thiết thực với cuộc sống		
	Có ý kiến hướng vào trọng tâm, không tản mạn; có ý kiến độc đáo, tạo điểm nhấn cho buổi thảo luận		
	Đảm bảo thời lượng dự kiến		
	Không khí thảo luận cởi mở, thân thiện; người nói, người nghe hưởng ứng nhiệt tình.		
	Việc sử dụng các phương tiện nghe nhìn đạt hiệu quả tốt		
Mức độ giải quyết vấn đề qua các ý kiến thảo luận	Giải quyết được vấn đề mà qua cuộc thảo luận đã đặt ra (có nhiều giải pháp thiết thực, khả thi)		

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm rèn luyện thêm kỹ năng nói.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao (làm ở nhà).

c. Sản phẩm: HS thực hành nói ở nhà.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao bài tập cho HS:

Nếu được giới thiệu thêm một vài cuốn sách nữa, em sẽ giới thiệu những cuốn sách nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS giới thiệu thêm một số cuốn sách. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình về cuốn sách được giới thiệu.

- Thuyết phục bạn cùng đọc thêm cuốn sách em giới thiệu.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS tự trình bày, đánh giá sản phẩm của mình, dựa vào tiêu chí, tự đánh giá kết quả thực hiện bài nói.

B4: Kết luận, nhận định: HS tự nhận xét, trao đổi thêm ý kiến với bạn (Thời gian trao đổi, HS tự linh hoạt)

Hoạt động 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao bài tập:

Làm 1 video clip ngắn trình bày suy nghĩ của mình về một vấn đề của đời sống phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc (Ví dụ: Vấn đề về lòng biết ơn, Tình yêu tuổi học trò, Tuổi teen và ứng xử tuổi teen,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1, 2, 3.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

* Hướng dẫn tự học:

- Luyện nói về vấn đề phù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm.

- Chuẩn bị “ Đọc mở rộng”

TIẾT 97: ĐỌC MỞ RỘNG

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh hệ thống hóa tri thức về thể loại, hiểu rõ và nắm vững đặc trưng của thể loại thơ tự do

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra câu hỏi: Em hãy kể tên những tác phẩm được học trong **Bài 7: Tin yêu và ước vọng**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: củng cố- mở rộng

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chia lớp thành 4 nhóm và hoàn thành bài tập 1,2 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Củng cố- mở rộng Bài tập 1 <i>Đồng chí</i> * Nội dung

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs báo cáo sản phẩm Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	- Khắc họa thành công chân dung người lính nông dân thời kì chống Pháp: chất phác, mộc mạc, đậm đà nghĩa tình. - Ca ngợi sức mạnh tình đồng chí, tình cảm thiêng liêng nhất của người lính - Thể hiện phong cách thơ Chính Hữu: giản dị, hàm súc, chân thực, giàu chất thơ. * Nghệ thuật - Ngôn ngữ giản dị, cô đọng, hàm súc giàu hình ảnh. - Hình ảnh vừa chân thực vừa giàu tính khái quát, biểu trưng, lấy chất liệu từ cuộc sống hàng ngày. - Thể thơ tự do đan xen các câu dài ngắn. Các câu trọng yếu đều nằm ở cuối khổ thơ tạo nên sức nặng đặc biệt cho ý thơ. Lá đỏ * Nội dung: Khắc họa hình ảnh sống động: lá đỏ, cô em gái tiền phương, đoàn quân - có sức gợi tả, khái quát cao cho vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. * Nghệ thuật - Thể thơ tự do. - Nhịp điệu thơ mang tính dồn dập, vững bền, chắc khoẻ. - Hình ảnh: lá đỏ, em gái tiền phương và đoàn quân như những tâm điểm và đặc tả, có sức khái quát cao về vẻ đẹp của đất nước con người Việt Nam. - Ngôn ngữ thơ rất chân thực Bài tập 2 Căn cứ vào điểm chung về đề tài người lính và chiến tranh

Hoạt động 2: Thực hành đọc

a. Mục tiêu: Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 1,2,3 để thực hành đọc hiểu văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi 1 bạn đọc to bài thơ trước lớp - GV chia lớp thành 4 nhóm tìm hiểu về 1. Số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, vần và nhịp thơ 2. Hình ảnh những chiếc xe không kính và người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn 3. Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ 4. Đặc điểm ngôn ngữ của bài thơ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”- Phạm Tiến Duật 1. Số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ, vần và nhịp thơ - Số tiếng trong mỗi dòng: không cố định - Số dòng trong mỗi khổ: 4 dòng - Vần chân (tim - chim, già - ha, roi - tới,...) - Nhịp thơ linh hoạt 2. Hình ảnh những chiếc xe không kính và người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn a. Những chiếc xe không kính - Những chiếc xe không kính vốn không phải vì không có kính, mà trải qua những năm tháng bom rơi, bão đạn khiến kính của chúng bị vỡ đi. - Không chỉ một chiếc xe mà là “tiểu đội” - đơn vị quân đội nhỏ nhất: Đây không phải là một trường hợp hy hữu mà là hoàn cảnh chung của những chiếc xe vận chuyển trên tuyến đường Trường Sơn. Tiểu đội xe không kính được tác giả khắc họa cũng chỉ là một trong rất nhiều tiểu đội như vậy. ➔ Nổi bật lên sự khốc liệt của chiến tranh, sự hiểm nguy nơi chiến trường và tinh thần lạc quan của người lính lái xe. b. Người lính lái xe * Tư thế của người lính khi đối mặt với khó khăn:

- Tư thế của người lính lái xe: “Ung dung buồng lái ta ngồi/Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”: Cho thấy tư thế hiên ngang, chủ động sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy. Trong mưa bom, bão đạn nhưng họ vẫn nhìn thẳng về con đường phía trước.

- Những chiếc xe không kính khiến cho những khó khăn càng thêm khắc nghiệt hơn:

+ Gió vào xoa mắt đắng

+ Con đường chạy thẳng vào tim

+ Sao trời, đột ngột cánh chim

➔ **Tất cả như “sa”, “ùa” vào buồng lái. Nhưng người lính vẫn không sợ hãi mà hiên ngang đối mặt với mọi thứ.**

* Tinh thần lạc quan

- Họ phải đối mặt với khó khăn khi chiếc xe không có kính: “ừ thì có bụi”, “ừ thì ướt áo”.

- Nhưng thái độ trước những khó khăn: “không có... ừ thì” cho thấy một thái độ sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn của người lính.

- Hình ảnh người lính “nhìn nhau mặt lăm cười ha ha” hay “gió lùa khô mau thôi”: cho thấy một tinh thần vui vẻ, yêu đời bất chấp những gian khổ phải đối mặt.

* Tình đồng đội gắn bó

- Họ “bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”: chi tiết phản ánh chân thực tình cảm của người lính, qua cái bắt tay người lính tiếp thêm cho nhau sức mạnh, động lực để tiếp tục những chặng đường phía trước.

- “Bếp Hoàng Cầm dựng đứng giữa trời”: Cuộc chiến tranh khốc liệt khiến họ phải dựng bếp ăn giữa trời, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vất vả.

	- “Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”: Họ gắn bó giống như những người thân trong gia đình, gắn bó với nhau thân thiết như tình cảm ruột thịt. - Trên hành trình không ấy, họ chỉ có thể nghỉ ngơi trên những chiếc võng. - Những vắn lạc quan: “Lại đi, lại đi trời xanh thêm”: Điệp từ “lại đi” giống như nhịp bước hành quân của người lính trên đường hành quân. - Hình ảnh “trời xanh thêm”: tinh thần lạc quan, yêu đời hướng về tương lai phía trước. * Ý chí, tình yêu dành cho tổ quốc - Hai câu đầu vẫn là những khó khăn từ những chiếc xe: không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước... - Nhưng khó khăn ấy chẳng thể cản nổi ý chí của người lính: xe vẫn cứ chạy vì miền Nam phía trước, vì niềm tin tất thắng và nước nhà sẽ thống nhất. - Chỉ cần trong xe có một trái tim: hình ảnh “một trái tim” là hình ảnh hoán dụ, chỉ người lính. Trái tim họ luôn căng tràn sự sống, cũng như sôi sục lòng căm thù giặc sâu sắc. Trái tim còn tượng trưng cho nhiệt huyết cách mạng, lòng trung thành với Đảng và tình yêu nước sâu đậm của người lính. 3. Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ - Bố cục: + Phần 1: Từ đầu đến “Như sa như ùa vào buồng lái”. Tư thế hiên ngang của người lính lái xe.

	+ Phần 2: Tiếp theo đến “Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”. Tinh thần lạc quan của người lính lái xe trước hoàn cảnh nguy hiểm, khó khăn. + Phần 3. Tiếp theo đến “Lại đi, lại đi trời xanh thêm”. Tình đồng đội của những người lính. + Phần 4. Còn lại. Lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, vì tổ quốc. - Mạch cảm xúc: Mạch cảm xúc bài thơ được gợi ra từ hình ảnh những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả đã khắc họa tinh thần lạc quan, tư thế hiên ngang của những người lính lái xe cũng như tình đồng đội gắn bó của họ. Cuối cùng bài thơ khép lại với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, vì tổ quốc. - Cảm hứng chủ đạo: Hình tượng những chiếc xe không kính, cùng tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan của những người lính lái xe. 4. Đặc điểm ngôn ngữ của bài thơ - Gần gũi, giản dị - Sử dụng nhiều khẩu ngữ - Vui vẻ, tinh nghịch...

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV nêu nhiệm vụ: Câu 3:** “Ước mơ và hi vọng giống như loài chim, cảm nhận buổi ban mai và khẽ khàng cất tiếng hót khi trời vẫn còn tối”. (Khuyết danh)

Qua việc đọc hiểu các văn bản trong bài học này, hãy viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) nêu suy nghĩ của em về câu danh ngôn trên.

Gợi ý: Không bao giờ có thất vọng nếu bạn luôn có những điều tốt đẹp để mơ tưởng đến. Bởi “Ước mơ và hi vọng giống như loài chim, cảm nhận buổi ban mai và khẽ khàng cất tiếng hót khi trời vẫn còn tối” (Khuyết danh). Không ai đánh thuế những ước mơ của bạn. Thế nhưng, hãy hành động hơn là ngồi mơ tưởng. Ước mơ chỉ thực sự có giá trị và ý nghĩa nếu bạn không ngừng hành động vì những ước mơ ấy. Nếu không hành động, mọi ước mơ chỉ để ngắm nhìn và mang đến cho bạn những thất vọng mà thôi. Những ai còn đang thất bại, đang ủ rũ với nghịch cảnh của mình thì hãy tự tin lên và bắt đầu mơ ước. Mơ ước không làm bạn tổn thất gì mà ngược lại nó sẽ đem đến cho bạn một niềm tin để chiến thắng nghịch cảnh vươn tới thành công. Vì thế, hãy bắt đầu với những ước muốn và hy vọng ban sơ. Tôi tin rằng mọi chuyện đều sẽ trở nên dễ dàng và tốt đẹp hơn nếu ước mơ của chúng ta đủ lớn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

+ Tìm đọc các bài thơ tự do thuộc chủ đề “Niềm tin và ước vọng”

+ Ghi những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

- HS thực hiện nhiệm vụ: Về nhà

- GV nhận xét, giới hạn các bài thơ, các tác giả quen thuộc.

* Hướng dẫn tự học:

- Tìm đọc các tác phẩm theo yêu cầu

- Đọc và chuẩn bị Bài 8” Nhà văn và trang viết”

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

TIẾT 98

BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “ NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG, LÀNG CẢNH VIỆT NAM”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận.
- Nhận biết đặc điểm, chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.
- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu chủ đề, dẫn ra phân tích 1 số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.
- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Trình bày ý kiến về 1 vấn đề của xã hội.
- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.
- Hiểu và rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học nói riêng, tạo lập văn bản nói chung.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự ý kiến của người khác trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương, tôn trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.

- Chăm chỉ: thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm với phần việc được giao.
- Yêu văn chương, yêu nền văn học của dân tộc mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Ti vi, khbd
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a/ Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.
- b/ Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.
- c/ Sản phẩm:** câu trả lời của HS.
- d/ Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV 1: - Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: Nêu tên một tác phẩm văn học để lại cho em những ấn tượng sâu sắc nhất. - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ để nêu tên tác phẩm văn học hoặc bộ phim và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận. - Báo cáo, thảo luận: HS trả lời - GV nhận xét, dẫn dắt bài học.	

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

- a. Mục tiêu:** a. **Mục tiêu:** Nắm được chủ đề, thể loại của bài học.
- b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh <i>quan sát SGK và cho biết:</i> + <i>Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó em hiểu gì về chủ đề?</i>	A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN - Chủ đề bài học: Nhà văn và những trang viết - Thể loại VB đọc chính: Nghị luận

+ <i>Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, lắng nghe. - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

B. ĐỌC VĂN BẢN “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận
- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.
- Hiểu và rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học nói riêng, tạo lập văn bản nói chung.
- Nhân ái: tôn trọng sự ý kiến của người khác trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương, tôn trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.
- Chăm chỉ: thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm với phần việc được giao.
- Yêu văn chương, yêu nền văn học của dân tộc mình.

2. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc thực hiện kĩ thuật KWL đã chuẩn bị qua việc soạn bài ở nhà, nhắc lại một số văn bản viết về mùa thu, về kiểu bài nghị luận văn học, thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS nghe câu hỏi, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được tên văn bản, tác giả, đọc được một đoạn trích từ văn bản.
- Học sinh nêu cảm nhận về vẻ đẹp của mùa thu được phác họa trong văn bản mà em yêu thích nhất. Thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.
- Hiểu phần viết ở bài 6 cũng là dạng nghị luận văn học, chỉ khác về thể loại: truyện và thơ.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Em hãy trình bày dựa trên bản KWL đã chuẩn bị: biết những tác phẩm nào em tâm đắc nhất? Hãy đọc một đoạn trong văn bản ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV nêu câu hỏi

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi và nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả	
Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Xuân Diệu	
Nội dung:	
GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.	
HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS mở PHT số 1  (?) Trình bày những thông tin chính về tác giả Xuân Diệu?	 - Xuân Diệu (1916 - 1985) - Tên đầy đủ: Ngô Xuân Diệu - Quê: Hà Tĩnh - Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tâm lòng yêu đời, ham sống thiết tha. Hoài Thanh từng nhận xét “thiết tha, rạo rực, sôi nổi, băn khoăn như Xuân Diệu”. Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận phê bình văn học
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1 HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.	
Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về Xuân Diệu - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.	
Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).	

- Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	
Chuyển dẫn: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2	

2. Tác phẩm

Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” của Xuân Diệu
- Trình bày những thông tin chính về văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”:
 - + Xuất xứ
 - + Thể loại
 - + Phương thức biểu đạt
 - + Luận đề
 - + Bố cục...

Nội dung:

GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS đọc mẫu - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc HS đọc mẫu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS	a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - <i>Đọc</i> - <i>Chú thích (SGK)</i>

- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản

b. Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS mở PHT số 2
- Chia nhóm cặp đôi theo bàn
- Nhiệm vụ:
 - + Hoán đổi PHT cho nhau
 - + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị
 - + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Họ và tên:	Ngày:
Lớp:	GV:
Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt	
Luận đề	
Bố cục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)

HS:

- Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.
- Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV:

b. Tìm hiểu chung về văn bản

- *Xuất xứ:* Trích trong tập “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập 2, xuất bản năm 1982.

- *Thể loại:* văn xuôi – bài phê bình văn học

- *Phương thức biểu đạt:* nghị luận

- *Luận đề:* Về đẹp của mùa thu thôn quê Việt Nam qua ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến

Luận đề được thể hiện rõ nét ở nhan đề của văn bản, nội dung của bài viết đi sâu vào khám phá đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của ba bài thơ viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến.

- *Bố cục:*

+ Phần 1: đoạn văn 1 – giới thiệu về 3 bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.

+ Phần 2: Giới thiệu bài “Thu điếu”.

+ Phần 3: Phân tích, bình về đẹp bài “Thu ẩm”.

+ Phần 4: Phân tích, bình về đẹp bài “Thu vịnh”.

+ Phần 5: Phân tích, bình về đẹp bài “Thu điếu”.

+ Phần 6: Đánh giá khái quát lại

- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp.	
Chuyển dẫn:	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

1. Chỉ ra và nhận xét về bố cục của văn bản này, từ đó rút ra bố cục của các bài nghị luận văn học nói chung.

Dự kiến sản phẩm:

1. Bố cục ba phần:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận
- Phân tích, làm sáng tỏ vấn đề dựa trên luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng
- Kết thúc vấn đề: đánh giá khái quát lại vấn đề.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV giao nhiệm vụ:**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 câu) trình bày cảm nhận về một câu thơ, hình ảnh thơ mà em thấy thú vị trong chùm thơ thu ấy của NK.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

*** Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

*** Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống các kiến thức đã học
- Đọc và chuẩn bị nội dung còn lại của bài.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 25

NGÀY SOẠN: 10/3/2024

TIẾT 99+100: BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG, LÀNG CẢNH VIỆT NAM” (TT)

TIẾT 101: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 102: ÔN TẬP GIỮA KÌ II

TIẾT 99+100: BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG, LÀNG CẢNH VIỆT NAM” (TT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận.
- Nhận biết đặc điểm, chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.
- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu chủ đề, dẫn ra phân tích 1 số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.
- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- Trình bày ý kiến về 1 vấn đề của xã hội.
- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.
- Hiểu và rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học nói riêng, tạo lập văn bản nói chung.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự ý kiến của người khác trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương, tôn trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.
- Chăm chỉ: thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm với phần việc được giao.
- Yêu văn chương, yêu nền văn học của dân tộc mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Ti vi, khbd
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a/ Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b/ Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

c/ Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d/ Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV 1: - Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: Nêu tên một tác phẩm văn học để lại cho em những ấn tượng sâu sắc nhất. - Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ để nêu tên tác phẩm văn học hoặc bộ phim và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận. - Báo cáo, thảo luận: HS trả lời - GV nhận xét, dẫn dắt bài học.	

A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề, thể loại của bài học.

b. Nội dung: Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh <i>quan sát SGK và cho biết:</i> + <i>Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó em hiểu gì về chủ đề?</i> + <i>Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, lắng nghe. - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Chủ đề bài học: Nhà văn và những trang viết - Thể loại VB đọc chính: Nghị luận

B. ĐỌC VĂN BẢN “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận
- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.
- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.
- Hiểu và rèn kĩ năng viết bài nghị luận văn học nói riêng, tạo lập văn bản nói chung.
- Nhân ái: tôn trọng sự ý kiến của người khác trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương, tôn trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn.
- Chăm chỉ: thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Trách nhiệm với phần việc được giao.
- Yêu văn chương, yêu nền văn học của dân tộc mình.

2. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc thực hiện kĩ thuật KWL đã chuẩn bị qua việc soạn bài ở nhà, nhắc lại một số văn bản viết về mùa thu, về kiểu bài nghị luận văn học, thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS nghe câu hỏi, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được tên văn bản, tác giả, đọc được một đoạn trích từ văn bản.
- Học sinh nêu cảm nhận về vẻ đẹp của mùa thu được phác họa trong văn bản mà em yêu thích nhất. Thấy được phần nào mối liên hệ giữa nhà văn và trang viết.
- Hiểu phần viết ở bài 6 cũng là dạng nghị luận văn học, chỉ khác về thể loại: truyện và thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Em hãy trình bày dựa trên bản KWL đã chuẩn bị: biết những tác phẩm nào em tâm đắc nhất? Hãy đọc một đoạn trong văn bản ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV nêu câu hỏi

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi và nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả	
Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Xuân Diệu	
Nội dung:	
GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.	
HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS mở PHT số 1  (?) Trình bày những thông tin chính về tác giả Xuân Diệu?	 - Xuân Diệu (1916 - 1985) - Tên đầy đủ: Ngô Xuân Diệu - Quê: Hà Tĩnh - Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tâm lòng yêu đời, ham sống thiết tha. Hoài Thanh từng nhận xét “thiết tha, rạo rực, sôi nổi, băn khoăn như Xuân Diệu”. Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận phê bình văn học
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1 HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.	
Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về Xuân Diệu	

- Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	
Chuyển dẫn: GV tập trung vào phong cách sáng tác đề bình, kết nối sang phần 2	

2. Tác phẩm	
Mục tiêu: - HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” của Xuân Diệu - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”: + Xuất xứ + Thể loại + Phương thức biểu đạt + Luận đề + Bố cục... Nội dung: GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS đọc mẫu	a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - <i>Đọc</i> - <i>Chú thích (SGK)</i>

- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc

HS đọc mẫu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét cách đọc và phân tóm tắt của HS
- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản

b. Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS mở PHT số 2
- Chia nhóm cặp đôi theo bàn
- Nhiệm vụ:
 - + Hoán đổi PHT cho nhau
 - + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị
 - + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2

Họ và tên:	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		Ngày:
Lớp:			GV:
Xuất xứ			
Thể loại			
Phương thức biểu đạt			
Luận đề			
Bố cục			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

b. Tìm hiểu chung về văn bản

- *Xuất xứ:* Trích trong tập “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập 2, xuất bản năm 1982.

- *Thể loại:* văn xuôi – bài phê bình văn học

- *Phương thức biểu đạt:* nghị luận

- *Luận đề:* Vẻ đẹp của mùa thu thôn quê Việt Nam qua ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến

Luận đề được thể hiện rõ nét ở nhan đề của văn bản, nội dung của bài viết đi sâu vào khám phá đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của ba bài thơ viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến.

- *Bố cục:*

+ Phần 1 (Từ đầu.... “*Thu vịnh*”.): Giới thiệu về vấn đề nghị luận

+ Phần 2 (Tiếp.... *nghệ thuật ngôn ngữ*): Những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng bài thơ trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.

+ Phần 3 (Còn lại): Đánh giá chung về ba bài thơ thu

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2) HS: - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2. - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp. <i>Chuyển dẫn:</i>	

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:

a. Mục tiêu: Năm được

- Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- Nghệ thuật lập luận của tác giả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Hoạt động nhóm - Nhóm 1: Thực hiện nhiệm vụ đầu và cuối - Nhóm 2: Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu ẩm	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản a. Luận đề: Vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong bài thơ thu của Nguyễn Khuyến + Nhan đề

- **Nhóm 3:** Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu vịnh
- **Nhóm 4:** Tìm hiểu về vẻ đẹp riêng của Thu điếu
- **Thời gian:** 10 phút

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Theo tác giả bài nghị luận, đặc điểm chung ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là:.....

- Các luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng của mỗi bài thơ thu và những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm ấy:

Bài thơ	Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng	Lí lẽ và bằng chứng
Thu ẩm		- Lí lẽ - Bằng chứng

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Bài thơ	Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng	Lí lẽ và bằng chứng
Thu vịnh		- Lí lẽ - Bằng chứng
Thu điếu		- Lí lẽ - Bằng chứng

- Vai trò của các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân Diệu sử dụng trong việc thể hiện luận đề:.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

+ Nội dung của văn bản

b. Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản

*Đặc điểm chung ở ba bài thơ thu của Nguyễn

Khuyến: Sử dụng những hình ảnh đặc trưng của đồng bằng xứ Bắc, khiến mùa thu hiện lên “có thật”, “rất sống” không mang tính sách vở từ chương

- Ở bài **Thu ẩm:** mùa thu hiện lên trong vẻ đẹp bình dân, hiện thực – “nhà cỏ thấp le te”. Các câu 2,3,4,5 được tác giả nhận xét là “rất hay”, “hay trong cái thực của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ”.

- Ở bài **Thu vịnh:** Nguyễn Khuyến đã gọi lên được cái “thần” của mùa thu với trời xanh, cây tre Việt Nam, cái băng khuâng về không gian, sự man mác của thời gian và những trần trở của ông về vòng danh lợi, lẽ xuất xứ hành tàng.

- Ở bài **Thu điếu:** “diễn hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)”

*Đặc riêng biệt ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến

* Thu ẩm

Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu

Lí lẽ:

- Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc
- “Ngõ tối đêm sâu” mâu thuẫn với “Làn ao lóng lánh bóng trăng loe”
- “Lung giậu phát phơ màu khói nhạt” thì không hợp, không diễn hình với một đêm có trăng
- Khói bếp nhà ai đã nấu cơm chiều

- GV nhận xét, đánh giá.	- “Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt” là trời của một buổi chiều Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu ẩm” và hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến. * Thu vịnh Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ mang cái hồn, cái thần của cảnh vật mùa thu hơn cả: vẻ thanh – trong – nhẹ - cao Lí lẽ: - Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở bầu trời + Trời thu rất cao tỏa xuống cả cảnh vật (miêu tả trực tiếp bầu trời) + Cây tre như cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ mang vẻ đẹp thanh đằm + “Song thưa để mặc bóng trăng vào” thuộc về trời cao. + “Một tiếng trên không ngỗng nước nào” cũng nói về trời cao - “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái” gọi cái băng khuâng man mác về thời gian. - “Nước biếc trong như tầng khói phủ” bay bổng nhẹ nhàng, mơ mờ hư thực Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu vịnh” * Thu điếu Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ) Lí lẽ: - Bình Lục là vùng đất nhiều ao

	- Ao nhỏ, thuyền theo đó cũng bé tẻo teo, sóng biếc rất nhẹ, lá vàng rụng theo gió. - Không gian “nhìn lên: trời thu xanh cao đám mây động lơ lửng; trông quanh: lối đi trong làng hai bên tre biếc mọc sầm uất,...” - Nhấn mạnh cái thú vị của Thu điếu là ở “ác điệu xanh”, ở “những cử động”, “ở các vần thơ” Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài “Thu điếu” *Vai trò của các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Điều tập trung hướng đến làm sáng tỏ luận đề. - Cụ thể hóa luận đề về vẻ đẹp của làng cảnh Việt Nam trong thơ Nguyễn Khuyến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Hoạt động nhóm - Nhóm 1,3 thực hiện nhiệm vụ 1: Tác giả đã sử dụng những cách nêu bằng chứng nào? Em có nhận xét gì về cách phân tích bằng chứng của tác giả? - Nhóm 2,4 thực hiện nhiệm vụ 2: Em có nhận xét gì về nghệ thuật nghị luận của văn bản (cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề, tổ chức luận điểm, ngôn ngữ, giọng văn nghị luận,...)?	2. Nghệ thuật lập luận của tác giả a. Cách nêu và phân tích bằng chứng của tác giả *Cách nêu bằng chứng - Trích dẫn nguyên văn bài thơ, câu thơ, cụm từ, từ - Dẫn gián tiếp ý thơ - Dẫn các hình ảnh thơ *Cách phân tích bằng chứng - Phân tích cụ thể, chi tiết, chú trọng cát nghĩa, lí giải - Phân tích bám sát ngôn ngữ văn bản - Phân tích gắn với tưởng tượng, liên tưởng - Phân tích gắn với so sánh, liên hệ b. Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả - Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề: Tự nhiên, hợp lí - Cách tổ chức luận điểm: Chặt chẽ - Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng: Sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về nghệ thuật lập luận của tác giả

- Những cách nêu bằng chứng của tác giả là:.....

.....

.....

.....

.....

- Nhận xét về cách phân tích bằng chứng của tác giả là:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về nghệ thuật lập luận của tác giả

- Nhận xét về nghệ thuật nghị luận trong văn bản

Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của Xuân Diệu

Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề

Cách tổ chức luận điểm

Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng

Ngôn ngữ

Lời văn, giọng điệu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe và hoàn thành nhiệm vụ nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Ngôn ngữ: Có sự đan xen của yếu tố biểu cảm khiến văn bản giàu cảm xúc, không khô khan
- Lời văn, giọng điệu: Linh hoạt, khi thì giảng giải, cắt nghĩa tỉ mỉ, lúc lại tưởng tượng, liên tưởng bay bổng, có khi mang tính đối thoại, tranh biện, có khi lại say sưa, chân thành, tràn đầy tình cảm và niềm tự hào với di sản văn học dân tộc.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc, đưa ra các luận điểm chính và lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh, tạo sự thuyết phục. - Ngôn ngữ giản dị, gần gũi - Giọng văn nhẹ nhàng, dẫn dắt người đọc tìm hiểu lần lượt ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến 2. Nội dung Mỗi bài thơ thu của Nguyễn Khuyến mang một nét đặc sắc riêng nhưng đều là những cảnh sắc không thể lẫn của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Những bức tranh thu ấy được vẽ nên bằng tâm hồn tinh tế, ngòi bút tài hoa và tấm lòng yêu quê hương của Nguyễn Khuyến.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY MAY MẮN

1. Đây là nhận xét của Xuân Diệu về bài thơ "Thu Ẩm"

- A. Bài thơ không chỉ nói trong một thời điểm mà là tổng hợp nhiều thời điểm, khái quát về cảnh thu**
- B. Bài thơ tù túng và thiếu lô-gic**
- C. Bài thơ tả quan cảnh ước lệ văn hoa sang trọng**
- D. Bài thơ có những câu thơ bằng chữ Hán**

2. Văn bản "Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam" viết về nhà thơ nào?

- A. Xuân Diệu**
- B. Nguyễn Khuyến**

C. Tố Hữu

D. Nguyễn Đình Thi

3. "Bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả" là nhận xét của Xuân Diệu cho bài thơ nào?

A. Thu vịnh

B. Thu điếu

C. Thu ẩm

D. Sang thu

4. Nghệ thuật nghị luận của văn bản "Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam" là:

A. Bố cục mạch lạc, chặt chẽ

B. Ngôn ngữ gần gũi, văn phong dễ hiểu

C. Bằng chứng, lập luận đầy đủ

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

5. Xuân Diệu cho rằng ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình "dân tộc hóa nội dung mùa thu" và "dân tộc hóa hình thức lời thơ". Nhận định trên là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

6. Đây là tác phẩm nổi bật của Nguyễn Khuyến?

A. Thu điếu

B. Thu vịnh

C. Thu ẩm

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh đặc sắc trong một bài thơ thu của Nguyễn Khuyến

- Hình ảnh thơ hiện lên như thế nào?

- Nghệ thuật thể hiện hình ảnh ấy có gì đặc sắc

2. GV nêu nhiệm vụ: Xuân Diệu cho rằng: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình “dân tộc hóa nội dung mùa thu” và “dân tộc hóa hình thức lời thơ”. Em suy nghĩ như thế nào về nhận định trên?

Gợi ý:

- Dân tộc hóa là việc nhà văn, nhà thơ vận dụng và phát triển một cách sáng tạo phương thức tư duy nghệ thuật, hình thức, thủ pháp nghệ thuật đặc thù của dân tộc mình để phản ánh hiện thực cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của dân tộc. Đây là một trong những tiêu chí đánh dấu sự trưởng thành về văn học nghệ thuật của một dân tộc.

- Về phương diện nội dung, chùm thơ thu đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương, làng cảnh Việt Nam, vẻ đẹp của đồng bằng Bắc Bộ trên đất nước ta, chứ không phải ở một quốc gia nào khác.

- “Dân tộc hóa hình thức lời thơ” có nghĩa là tác giả đã sử dụng “hình thức lời thơ, câu thơ cho thật là Nôm, là Việt Nam”, nhiều hình ảnh giản dị, gần gũi, dễ hiểu.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm cách làm bài văn nghị luận.

- Hiểu các yếu tố của văn nghị luận.

- Chuẩn bị bài: “Thực hành tiếng việt”

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TIẾT 101: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu cần đạt:

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán
- HS xác định được chức năng của thành phần tình thái, thành phần cảm thán, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập văn bản.
- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ: Xác định các thành phần câu trong ví dụ sau: *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.*

- *Chẳng bao lâu*: là **trạng ngữ**. → TP phụ

- *Tôi*: là **chủ ngữ**

- *Đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng*: là **vị ngữ**.

→ TP chính

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một thành phần phụ của câu. Đó chính là thành phần biệt lập, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về thành phần tình thái và thành phần cảm thán

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi và hướng dẫn HS phân tích ví dụ minh họa + Thành phần biệt lập là gì? Thành phần biệt lập được chia thành mấy loại, đó là những loại nào? + Hãy chú ý vào các từ in đậm, cho biết vị trí và chức năng của chúng trong câu? Ví dụ: <i>Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đưa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành,</i>	I. Hình thành kiến thức 1. Thành phần biệt lập - Khái niệm: là thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ) và cũng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. - Phân loại: + Thành phần tình thái + Thành phần cảm thán + Thành phần gọi - đáp + Thành phần chêm xen (phụ chú) 2. Đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập

vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. → “chắc chắn”: đứng đầu câu, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin được nói tới trong câu → Thành phần tình thái Ví dụ: <i>Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới, dường như làm việc ấy hộ bố.</i> → “Dường như”: đứng giữa câu, thể hiện ý không chắc chắn về sự việc đang được nói đến → Thành phần tình thái Ví dụ: <i>Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài.</i> → “Chao ôi”: đứng ở đầu câu, biểu lộ cảm xúc (sự xúc động của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu → Thành phần cảm thán Ví dụ: <i>O, cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?</i> → “O”: đứng ở đầu câu, biểu lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu → Thành phần cảm thán Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	Tên TPBL	Chức năng	Từ ngữ thường dùng	Vị trí trong câu
	Tình thái	thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu	Chắc chắn, hẳn là, ngộ nhỡ, hình như, chẳng lẽ, hay là...	Linh hoạt (thường đứng ở đầu câu, giữa câu)
	Cảm thán	để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói (người viết)	Ôi, a, ối, trời, lạy trời, trời ơi, giờ ơi, than ôi, hỡi ơi...	Thường đứng ở đầu câu

- HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về các thành phần biệt lập
- b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 2 nhóm + Nhóm cảm thán + Nhóm tình thái Yêu cầu: hoàn thành PHT Phiếu học tập THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT Nhóm: _____ <table><tr><th>Ví dụ</th><th>Thành phần tình thái</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a. Mặt nữa, "Đa trời ai nhuộm mà xanh ngắt" chắc hẳn không phải là trời một đêm trắng, mà phải là trời một buổi chiều</td><td></td><td></td></tr><tr><td>b. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể là những cái đó,....</td><td></td><td></td></tr><tr><td>c. Con cá nhăm yên. Có lẽ vì thắm mệt nên giờ đây nó ngủ.</td><td></td><td></td></tr></table>	Ví dụ	Thành phần tình thái	Tác dụng	a. Mặt nữa, "Đa trời ai nhuộm mà xanh ngắt" chắc hẳn không phải là trời một đêm trắng, mà phải là trời một buổi chiều			b. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể là những cái đó,....			c. Con cá nhăm yên. Có lẽ vì thắm mệt nên giờ đây nó ngủ.			Bài tập 1 a. Chắc hẳn: Thể hiện sự phỏng đoán tương đối chính xác về nhận định: <i>Đa trời ai nhuộm mà xanh ngắt</i> không phải là bầu trời trong một đêm trắng, đó là trong một buổi chiều b. Hình như, có thể: Thể hiện sự phỏng đoán không chắc chắn của “tôi” đối với đối tượng mà mình nhớ đến. c. Có lẽ: Thể hiện sự đánh giá không chắc chắn về trạng thái của đối tượng (con cá) Bài tập 2
Ví dụ	Thành phần tình thái	Tác dụng											
a. Mặt nữa, "Đa trời ai nhuộm mà xanh ngắt" chắc hẳn không phải là trời một đêm trắng, mà phải là trời một buổi chiều													
b. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể là những cái đó,....													
c. Con cá nhăm yên. Có lẽ vì thắm mệt nên giờ đây nó ngủ.													

Điền học tập

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Nhóm: _____

Ví dụ	Thành phần cảm thán	Tác dụng
a. Trời ơi, ước gì thấy Duy - sen là anh ruột của tôi		
b. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát "Cây rớt mùa qua sông cây muốn. Ông trời ông thổi ngon chường buồn cha chả là buồn...." rồi thở dài cái thượt "Ừ hự, lụi hụi mà hết năm"		

- GV hướng dẫn HS hoàn thành PHT (bài tập 2)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thành bài tập, thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Nhóm từ ngữ chỉ thái độ, cách đánh giá thể hiện mức độ tin cậy cao: chắc chắn, nhất định, đích thị, ắt hẳn...

Ví dụ: Cậu có tin không, chắc chắn kì này tớ sẽ đạt học sinh giỏi của lớp.

- Nhóm từ ngữ chỉ thái độ, cách đánh giá thể hiện mức độ tin cậy thấp: hẳn là, hầu như, hình như, có vẻ....

Ví dụ: Nguyên ơi, hình như cậu đang buồn chuyện gì à?

Bài tập 3

a. Trời ơi: Thể hiện sự xúc động mãnh liệt của người viết (người nói)

b. Ừ hự: Thể hiện sự không bằng lòng, không thuận ý của người nói (người viết)

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi BÍ MẬT KHO BÁU CỔ

Câu hỏi 1. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: *“Nhưng còn cái này mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những cái kia nhiều.”*

→ Thành phần tình thái: Có lẽ

Câu hỏi 2. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “Trong giờ phút cuối cùng, không đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi hồi lâu.”

→ Thành phần tình thái: Hình như

Câu hỏi 3. Tìm thành phần cảm thán trong câu sau và cho biết thành phần đó bộc lộ cảm xúc gì: “Chà, cái mặt nhẫn kim cương đẹp quá, quý quá!”

→ “Chà” → Cảm xúc thán phục

Câu hỏi 4. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.”

→ Thành phần cảm thán “Chao ôi”

Câu hỏi 5. Tìm các thành biệt lập trong câu sau và cho biết đó là thành phần tình thái hay cảm thán: “Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.”

→ Thành phần tình thái: Chả nhẽ, ngờ ngợ như

Câu hỏi 6. “Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa”. Câu thơ có sử dụng thành phần cảm thán, đúng hay sai?

→ Đúng

Câu hỏi 7. Tìm thành phần cảm thán trong câu sau và cho biết thành phần đó bộc lộ cảm xúc gì: “Quái, đã đến giờ chưa nhỉ? Sao Phạm Huy Văn và Lê Thành mãi vẫn chưa tới.”

→ “Quái” → Cảm xúc ngạc nhiên

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thành bài tập

- Nắm rõ khái niệm và tác dụng thành phần tình thái, cảm thán.

- Đọc, chuẩn bị nội dung cho phần Ôn tập giữa HKII

Rút kinh nghiệm

.....
.....

TIẾT 102: ÔN TẬP GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở các bài 6, 7.

a. Đọc hiểu văn bản:

- + Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học trong 8 tuần học kì II: Truyện ngắn hiện đại (bài 6); thơ tự do (bài 7).
- + Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

b. Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện; Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.

c. Nói và nghe: Biết trình bày, giới thiệu ngắn về một cuốn sách (truyện); thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học).

d. Tiếng Việt: Ôn tập về trợ từ, thán từ; biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu.

- HS vận dụng kiến thức để tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.

2. Phẩm chất

- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.
- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người; trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ.
- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video...

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUNG BÀI 6, 7

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập kiến thức 8 tuần học kì II.

2. **Nội dung:** Tham gia trò chơi học tập.

3. **Sản phẩm:** Đáp án các câu hỏi

4. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

TRÒ CHƠI: CHỮ CÁI BẮT NGỜ (W – B – A – D)

- GV chia lớp làm 4 đội thi.

- **Người dẫn chương trình kiêm thư kí:** Giáo viên

(GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí)

- **GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:**

+ GV vẽ lên bảng đen 01 bảng có 16 ô, được kí hiệu từ 1 – 16.

1	2	3	4
5	6	7	8
9	10	11	12
13	14	15	16

+ Mỗi ô số sẽ tương ứng với 01 câu hỏi. Mỗi ô số sẽ ẩn chứa một chữ cái tương ứng (W -B – A – D) mà chỉ GV biết.

GV quy ước với HS:

ô W (Wow): + 20 điểm cho đội của mình

ô B (Boom): - 10 điểm cho đội của mình

ô A (Angel – thiên thần): + 10 điểm cho đội khác

ô D (Devil – ác quỷ) : -10 điểm của đội khác

ô Ngôi sao may mắn: + 40 điểm cho đội của mình

+ Bảng ô số và chữ cái tương ứng mà chỉ GV được biết, do GV quy định:

Ví dụ:

1	2	3	4
A	W	B	D
5	6	7	8
W	B	W	D
9	10	11	12
A	W	W	
13	14	15	16
B	W	A	W

16 ô số nên bố trí:

- 7 ô **W**

- 3 ô **B**

- 3 ô **A**

- 2 ô **D**

- 1 ô may mắn



LUẬT CHƠI:

+ Các đội được lần lượt lựa chọn ô số trên bảng (1 – 16). Có thể tổ chức bốc thăm để xem thứ tự lựa chọn câu hỏi của các đội. Như vậy, với 16 ô câu hỏi, mỗi đội sẽ được bốc thăm trả lời 4 lần.

+ Khi đại diện nhóm chọn ô số, GV sẽ đọc câu hỏi tương ứng với ô số đó. Nhóm sẽ có 15s suy nghĩ và sau 15s phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời sai thì các đội khác sẽ giành quyền trả lời (chỉ một đội khác được quyền trả lời).

+ Khi trả lời đúng, GV sẽ thông báo chữ cái ẩn giấu dưới ô số mà nhóm đó đã chọn và tính điểm cho nhóm theo quy ước:

ô W (Wow): + 20 điểm cho đội của mình

ô B (Boom): - 10 điểm cho đội của mình

ô A (Angel – thiên thần): + 10 điểm cho đội khác

ô D (Devil – ác quỷ) : -10 điểm của đội khác

ô Ngôi sao may mắn: + 40 điểm cho đội của mình

Chú ý:

+ Tính hấp dẫn của trò chơi này là ở việc các nhóm không biết chữ cái gì được ẩn giấu sau ô số mình chọn. Chỉ khi trả lời xong câu hỏi thì GV mới thông báo chữ cái ẩn giấu sau ô số đó. Nên nhiều khi nhóm có câu trả lời đúng vẫn bị trừ điểm nếu chọn phải ô B (Boom) hay phải nhường điểm cho nhóm khác nếu chọn phải ô A (Angel).

+ Khi chọn phải ô A hoặc ô D, nhóm đó sẽ có quyền đưa ra quyết định cộng điểm/ trừ điểm của 1 trong 3 nhóm còn lại để có lợi cho thành tích của nhóm mình.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi: Các đội chính thức bước vào các phần thi

Yêu cầu HS cả 4 nhóm gấp sách vở lại khi tham gia.

- GV dẫn chương trình, quan sát, khích lệ.

=> **Hệ thống 16 câu hỏi tương ứng 16 ô số:**

Câu hỏi	Đáp án
1. Thế nào là cốt truyện đa tuyến? Lấy ví dụ về tác phẩm có cốt truyện đa tuyến.	Cốt truyện đa tuyến là kiểu cốt truyện tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện. Ví dụ: Tiểu thuyết <i>Mắt sói</i> (Đa-ni-en Pen-nắc), tiểu thuyết chương hồi <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> (Ngô gia văn phái),...
2. Nêu các tác dụng của trợ từ. Chỉ ra và nêu tác dụng của trợ từ trong câu sau: “Thế nhưng đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc nặng nhọc, gian nan”. (<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>)	*Tác dụng của trợ từ: - Nhấn mạnh sự việc, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm. Ví dụ: <i>cả, chính, ngay,...</i> - Biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm

	- Ví dụ: <i>những, chỉ, có, ...</i> *Trợ từ trong câu văn: trợ từ “chính” nhằm nhấn mạnh đối tượng người họa sĩ.
3. Thán từ gồm mấy loại? Lấy ví dụ từng loại.	- Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: <i>a; ái; ơ; ôi; ...</i> Ví dụ: Ôi! Hôm nay trời đẹp quá! + Thán từ gọi đáp: <i>này; dạ; vâng; ơ; ừ; ...</i> Ví dụ: Dạ, con cảm ơn cô.
4. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc).	Nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc): - Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo qua lời nói, hành động, tâm trạng,... - Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc. - Xây dựng được các chi tiết đặc sắc, giàu giá trị biểu đạt (mắt sói, mắt người) - Ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh
5. Nêu đề tài và chủ đề của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long).	Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long): - Đề tài: người lao động - Chủ đề: Khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của những con người lao động đảm nhận các công việc thầm lặng, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước trong những năm 1970.
6. Nêu dàn ý chung của bài văn phân tích một tác phẩm truyện.	Mở bài: Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. Thân bài: - Ý 1: Nêu nội dung chính của tác phẩm. - Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm. (Lưu ý: Một tác phẩm có thể có một hoặc nhiều chủ đề) - Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Kết bài: Khẳng định vị trí ý nghĩa của tác phẩm.
7. Trình bày dàn ý chung của bài nói nghe Giới thiệu về một cuốn sách (truyện).	Mở đầu: Nêu tên cuốn sách và lí do giới thiệu cuốn sách với người nghe. + Triển khai: Trình bày những thông tin quan trọng về cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc

12. Xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	*Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Xuyên suốt bài thơ là tình yêu quê hương, đất nước của nhân vật trữ tình; được vận động qua các cung bậc sau: + Mến thương người em gái nhỏ - hình bóng quê hương - mà người lính tình cờ gặp gỡ trên tuyến đường Trường Sơn. + Yêu mến, tự hào về những người anh hùng vô danh; biết ơn những cống hiến, hi sinh lớn lao, thầm lặng của hàng triệu người con cho Tổ quốc,... + Niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng cuối cùng của cuộc kháng chiến. *Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca tinh thần yêu nước, những đóng góp lớn lao của những người anh hùng chưa biết tên để tạo nên sức mạnh dân tộc, góp phần làm nên chiến thắng trong những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.
13. Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của hình ảnh “người em gái tiền phương” trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	- Hình ảnh “người em gái tiền phương” hiện lên vừa thân thương, dịu dàng, gần gũi, giản dị; vừa kiên cường, dũng cảm, vững vàng khi làm nhiệm vụ; trở thành biểu tượng của quê hương, đất nước. - Hình ảnh người em gái tiền phương biểu tượng cho cuộc chiến tranh nhân dân của dân tộc, cho khát vọng độc lập, hoà bình của toàn dân.
14. Qua các văn bản đọc hiểu ở bài học 7 (Đồng chí, Lá đỏ, Những ngôi sao xa xôi), em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh?	- Thế hệ trẻ trong những năm tháng chiến tranh phải đối mặt với bao gian lao, hiểm nguy, luôn phải đối mặt với bom đạn kẻ thù, với cái chết. - Tuy nhiên, họ luôn tỏa sáng những vẻ đẹp tâm hồn đáng quý: đó là tình yêu đất nước, lí tưởng sống cao đẹp; sự kiên cường, dũng cảm, trách nhiệm trong chiến đấu; luôn lạc quan vào tương lai đất nước,...
15. Nêu giá trị biểu đạt của các từ láy được sử dụng trong khổ thơ sau: <i>Một bếp lửa chồn vờn sương sớm</i> <i>Một bếp lửa ấp iu nồng đượm</i> <i>Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!</i> (Bằng Việt, <i>Bếp lửa</i>)	- Các từ láy: “chồn vờn”, “ấp iu”. - Giá trị biểu đạt: + “Chồn vờn”: gợi hình ảnh ngọn lửa bập bùng ẩn hiện trong buổi sớm mai hoà cùng làn sương sớm. + “Ấp iu”: gợi bàn tay khéo léo, tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể

16. Nêu dàn ý của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	- Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu cảm nhận chung về bài thơ. - Thân đoạn: + Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (có thể kết hợp phân tích theo mạch cảm xúc của bài thơ) + Nêu tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ. - Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập kiến thức 8 tuần học kì II.

2. Nội dung: Tham gia thực hành các bài tập

3. Sản phẩm: Đáp án các câu hỏi

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: **Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tiến hành cho HS thực hành các bài tập phần Đọc hiểu

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy.

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn.

Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 trang 12)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngắn B. Kí C. Thơ tự do D. Nghị luận

Câu 2. Câu chuyện trên có mấy nhân vật ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A, Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

Câu 4. Cụm từ “*chết dần chết mòn*” trong câu là:

A. Thành ngữ B. Tục ngữ C. Ca dao D. Vè

Câu 5. Người kể chuyện có thái độ như thế nào với hạt lúa thứ nhất?

A. Đồng tình B. Băn khoăn C. Ngợi ca D. Phê phán

Câu 6. Trong câu chuyện trên, khi được ông chủ mang gieo xuống đất hạt lúa thứ hai có tâm trạng gì?

A. Buồn bã B. Lo lắng C. Sung sướng D. Đắc đo

Câu 7. Xét về mục đích nói, câu văn “*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó.*” thuộc kiểu câu gì?

A. Câu nghi vấn B. Câu cầu khiến C. Câu cảm thán D. Câu trần thuật

Câu 8. Ý nào dưới đây diễn đạt đúng nhất nghĩa của cụm từ “chết dần chết mòn” trong văn bản trên ?

A. Điều đứng vì hoàn cảnh khó khăn
B. Héo hắt, tàn lụi dần không còn sức sống
C. Không còn sức sống vì lâm vào hoàn cảnh khó khăn
D. Buồn chán, bế tắc không có lối thoát

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau:
Hạt thứ nhất nhủ thầm: “Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi”..

Câu 10. Bài học cuộc sống tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên là gì? Vì sao?
(Trình bày bằng một đoạn văn từ 4-5 câu)

Bước 2: HS thực hiện làm bài tập cá nhân.

Bước 3: Báo cáo

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, kết luận

- Câu 9: BPTT nhân hóa. Làm nổi bật tính cách sợ khó, sợ khổ của hạt mầm thứ nhất.

- Câu 10: Xây dựng đoạn văn thể hiện được bài học em rút ra từ câu chuyện

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống các kiến thức đã học.

- Chuẩn bị tiết Ôn tập (tt)

- Luyện tập phần Làm văn.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....
.....

BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT TIẾT 103: ÔN TẬP GIỮA KÌ II(TT) TIẾT 104+105: ĐỌC VĂN “CUỘC CHƠI TÌM Ý NGHĨA” TIẾT 106: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 103: ÔN TẬP GIỮA KÌ II(TT)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở các bài 6, 7.

a. Đọc hiểu văn bản:

+ Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học trong 8 tuần học kì II: Truyện ngắn hiện đại (bài 6); thơ tự do (bài 7).

+ Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

b.Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện; Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.

c. Nói và nghe: Biết trình bày, giới thiệu ngắn về một cuốn sách (truyện); thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học).

d.Tiếng Việt: Ôn tập về trợ từ, thán từ; biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu.

- HS vận dụng kiến thức để tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.

2. Phẩm chất

- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người; trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

3. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video...

4. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CHUNG BÀI 6, 7

5. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập kiến thức 8 tuần học kì II.

6. Nội dung: Tham gia trò chơi học tập.

7. Sản phẩm: Đáp án các câu hỏi

8. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

TRÒ CHƠI: CHỮ CÁI BẤT NGỜ (W – B – A – D)

- GV chia lớp làm 4 đội thi.

- Người dẫn chương trình kiêm thư kí: Giáo viên

(GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí)

- GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:

+ GV vẽ lên bảng đen 01 bảng có 16 ô, được kí hiệu từ 1 – 16.

1	2	3	4
5	6	7	8
9	10	11	12
13	14	15	16

+ Mỗi ô số sẽ tương ứng với 01 câu hỏi. Mỗi ô số sẽ ẩn chứa một chữ cái tương ứng (W -B – A – D) mà chỉ GV biết.

GV quy ước với HS:

ô W (Wow): + 20 điểm cho đội của mình

ô B (Boom): - 10 điểm cho đội của mình

ô A (Angel – thiên thần): + 10 điểm cho đội khác

ô D (Devil – ác quỷ) : -10 điểm của đội khác

ô Ngôi sao may mắn: + 40 điểm cho đội của mình

+ Bảng ô số và chữ cái tương ứng mà chỉ GV được biết, do GV quy định:

Ví dụ:

1	2	3	4
A	W	B	D
5	6	7	8
W	B	W	D
9	10	11	12
A	W	W	
13	14	15	16
B	W	A	W

16 ô số nên bố trí:

- 7 ô **W**

- 3 ô **B**

- 3 ô **A**

- 2 ô **D**

- 1 ô may mắn



LUẬT CHƠI:

+ Các đội được lần lượt lựa chọn ô số trên bảng (1 – 16). Có thể tổ chức bốc thăm để xem thứ tự lựa chọn câu hỏi của các đội. Như vậy, với 16 ô câu hỏi, mỗi đội sẽ được bốc thăm trả lời 4 lần.

+ Khi đại diện nhóm chọn ô số, GV sẽ đọc câu hỏi tương ứng với ô số đó. Nhóm sẽ có 15s suy nghĩ và sau 15s phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời sai thì các đội khác sẽ giành quyền trả lời (chỉ một đội khác được quyền trả lời).

+ Khi trả lời đúng, GV sẽ thông báo chữ cái ẩn giấu dưới ô số mà nhóm đó đã chọn và tính điểm cho nhóm theo quy ước:

ô W (Wow): + 20 điểm cho đội của mình

ô B (Boom): - 10 điểm cho đội của mình

ô A (Angel – thiên thần): + 10 điểm cho đội khác

ô D (Devil – ác quỷ) : -10 điểm của đội khác

ô Ngôi sao may mắn: + 40 điểm cho đội của mình

Chú ý:

+ Tính hấp dẫn của trò chơi này là ở việc các nhóm không biết chữ cái gì được ẩn giấu sau ô số mình chọn. Chỉ khi trả lời xong câu hỏi thì GV mới thông báo chữ cái ẩn giấu sau ô số đó. Nên nhiều khi nhóm có câu trả lời đúng vẫn bị trừ điểm nếu chọn phải ô B (Boom) hay phải nhường điểm cho nhóm khác nếu chọn phải ô A (Angel).

+ Khi chọn phải ô A hoặc ô D, nhóm đó sẽ có quyền đưa ra quyết định cộng điểm/ trừ điểm của 1 trong 3 nhóm còn lại để có lợi cho thành tích của nhóm mình.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi: Các đội chính thức bước vào các phần thi

Yêu cầu HS cả 4 nhóm gấp sách vở lại khi tham gia.

- GV dẫn chương trình, quan sát, khích lệ.

=> Hệ thống 16 câu hỏi tương ứng 16 ô số:

Câu hỏi	Đáp án
1. Thế nào là cốt truyện đa tuyến? Lấy ví dụ về tác phẩm có cốt truyện đa tuyến.	Cốt truyện đa tuyến là kiểu cốt truyện tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện. Ví dụ: Tiểu thuyết <i>Mắt sói</i> (Đa-ni-en Pen-nắc), tiểu thuyết chương hồi <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> (Ngô gia văn phái),...
2. Nêu các tác dụng của trợ từ. Chỉ ra và nêu tác dụng của trợ từ trong câu sau: “Thế nhưng đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc nặng nhọc, gian nan”. (<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>)	*Tác dụng của trợ từ: - Nhấn mạnh sự việc, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm. Ví dụ: <i>cả, chính, ngay,...</i> - Biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ mà nó đi kèm

	Ví dụ: <i>những, chỉ, có, ...</i> *Trợ từ trong câu văn: trợ từ “chính” nhằm nhấn mạnh đối tượng người họa sĩ.
3. Thán từ gồm mấy loại? Lấy ví dụ từng loại.	- Thán từ gồm 2 loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: <i>a; ái; ơ; ôi; ...</i> Ví dụ: Ôi! Hôm nay trời đẹp quá! + Thán từ gọi đáp: <i>này; dạ; vâng; ơ; ừ; ...</i> Ví dụ: Dạ, con cảm ơn cô.
4. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc).	Nghệ thuật kể chuyện trong văn bản “Mắt sói” ((Đa-ni-en Pen-nắc): - Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo qua lời nói, hành động, tâm trạng,... - Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc. - Xây dựng được các chi tiết đặc sắc, giàu giá trị biểu đạt (mắt sói, mắt người) - Ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh
5. Nêu đề tài và chủ đề của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long).	Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn Thành Long): - Đề tài: người lao động - Chủ đề: Khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của những con người lao động đảm nhận các công việc thầm lặng, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước trong những năm 1970.
6. Nêu dàn ý chung của bài văn phân tích một tác phẩm truyện.	Mở bài: Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. Thân bài: - Ý 1: Nêu nội dung chính của tác phẩm. - Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm. (Lưu ý: Một tác phẩm có thể có một hoặc nhiều chủ đề) - Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Kết bài: Khẳng định vị trí ý nghĩa của tác phẩm.
7. Trình bày dàn ý chung của bài nói nghe Giới thiệu về một cuốn sách (truyện).	Mở đầu: Nêu tên cuốn sách và lí do giới thiệu cuốn sách với người nghe. + Triển khai: Trình bày những thông tin quan trọng về

	cuốn sách (tác giả, năm xuất bản, nội dung của tác phẩm, một vài nét nổi bật về nghệ thuật, sự đón nhận của độc giả,...). + Kết luận: Nêu cảm nghĩ, đánh giá của bản thân về cuốn sách, khích lệ người nghe tìm đọc.
8. Nêu những đặc điểm của thể thơ tự do (khái niệm, nội dung, hình thức).	- Khái niệm: Thơ tự do là thể thơ không quy định số tiếng trong mỗi dòng thơ và số dòng trong mỗi khổ thơ. - Hình thức: Thơ tự do gieo vần rất linh hoạt: vần chân hoặc vần lưng, vần liền hoặc vần cách. - Nội dung: Diễn tả sinh động cảm xúc của nhà thơ trước những biểu hiện mới mẻ, phong phú, đa dạng của cuộc sống.
9. Những đặc điểm của thể thơ tự do được thể hiện như thế nào qua bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu)? (số tiếng, số dòng, nhịp thơ, vần)	Đặc điểm của thể thơ tự do được thể hiện qua bài thơ thơ “Đồng chí” (Chính Hữu): - Số tiếng trong một dòng: không bằng nhau giữa các dòng, có dòng bảy tiếng, có dòng tám tiếng, có dòng sáu tiếng, bốn tiếng, ba tiếng, hai tiếng. - Số dòng trong mỗi khổ: không đều nhau, phù hợp với nội dung cảm xúc. - Vần thơ: Bài thơ gieo vần chân, vần liền (<i>đá - lạ, nhau - đầu, kỉ - chí, cày - lay, vá - giá, giày - tay,...</i>); vần chân phối hợp với vần lưng (<i>vai – vãi</i>). - Nhịp thơ: Ngắt nhịp linh hoạt 3/4, 2/2, 2/4, 4/3,...
10. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là gì? Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).	Cảm hứng chủ đạo của một TPVH là tình cảm ...(7) chi phối toàn bộ cách thể hiện đời sống, con người và sự lựa chọn hình thức nghệ thuật trong tác phẩm
11. Nêu cảm nhận về hình ảnh “đầu súng trắng treo” trong bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).	Hình ảnh “đầu súng trắng treo”: - Là hình ảnh vừa hiện thực, vừa lãng mạn: Súng >< trăng + Súng: là biểu tượng cho hiện thực chiến đấu khốc liệt mà những người lính phải trải qua. + Trăng: là vẻ đẹp lãng mạn của thiên nhiên, biểu tượng cho hòa bình, cho khát vọng độc lập của người lính. - Hình ảnh khơi mở thế giới tâm hồn của người lính: vừa là chiến sĩ vừa là thi sĩ, vừa thực tế nhưng cũng rất đời

	mộng mơ.
12. Xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	*Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Xuyên suốt bài thơ là tình yêu quê hương, đất nước của nhân vật trữ tình; được vận động qua các cung bậc sau: + Mến thương người em gái nhỏ - hình bóng quê hương - mà người lính tình cờ gặp gỡ trên tuyến đường Trường Sơn. + Yêu mến, tự hào về những người anh hùng vô danh; biết ơn những cống hiến, hi sinh lớn lao, thầm lặng của hàng triệu người con cho Tổ quốc,... + Niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng cuối cùng của cuộc kháng chiến. *Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca tinh thần yêu nước, những đóng góp lớn lao của những người anh hùng chưa biết tên để tạo nên sức mạnh dân tộc, góp phần làm nên chiến thắng trong những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.
13. Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của hình ảnh “người em gái tiền phương” trong bài thơ “Lá đỏ” (Nguyễn Đình Thi).	- Hình ảnh “người em gái tiền phương” hiện lên vừa thân thương, dịu dàng, gần gũi, giản dị; vừa kiên cường, dũng cảm, vững vàng khi làm nhiệm vụ; trở thành biểu tượng của quê hương, đất nước. - Hình ảnh người em gái tiền phương biểu tượng cho cuộc chiến tranh nhân dân của dân tộc, cho khát vọng độc lập, hoà bình của toàn dân.
14. Qua các văn bản đọc hiểu ở bài học 7 (Đồng chí, Lá đỏ, Những ngôi sao xa xôi), em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh?	- Thế hệ trẻ trong những năm tháng chiến tranh phải đối mặt với bao gian lao, hiểm nguy, luôn phải đối mặt với bom đạn kẻ thù, với cái chết. - Tuy nhiên, họ luôn tỏa sáng những vẻ đẹp tâm hồn đáng quý: đó là tình yêu đất nước, lí tưởng sống cao đẹp; sự kiên cường, dũng cảm, trách nhiệm trong chiến đấu; luôn lạc quan vào tương lai đất nước,...
15. Nêu giá trị biểu đạt của các từ láy được sử dụng trong khổ thơ sau: <i>Một bếp lửa chòn vòn sương sớm</i> <i>Một bếp lửa ấp iu nồng đượm</i> <i>Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!</i>	- Các từ láy: “chòn vòn”, “ấp iu”. - Giá trị biểu đạt: + “Chòn vòn”: gợi hình ảnh ngọn lửa bập bùng ẩn hiện trong buổi sớm mai hoà cùng làn sương sớm.

(Bằng Việt, <i>Bếp lửa</i>)	+ “Ấp iu”: gọi bàn tay khéo léo, tấm lòng chỉ chút của người nhóm lửa, rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể
16. Nêu dàn ý của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	- Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu cảm nhận chung về bài thơ. - Thân đoạn: + Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (có thể kết hợp phân tích theo mạch cảm xúc của bài thơ) + Nêu tác dụng của thể thơ tự do trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ. - Kết đoạn: Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập kiến thức 8 tuần học kì II.

2. **Nội dung:** Tham gia thực hành các bài tập

3. **Sản phẩm:** Đáp án các câu hỏi

4. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: **Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tiến hành cho HS thực hành các bài tập phần Đọc hiểu

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khỏe và chắc mẩy.

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn.

Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 trang 12)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

B. Truyện ngắn B. Kí C. Thơ tự do D. Nghị luận

Câu 2. Câu chuyện trên có mấy nhân vật ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A, Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

Câu 4. Cụm từ “*chết dần chết mòn*” trong câu là:

A. Thành ngữ B. Tục ngữ C. Ca dao D. Về

Câu 5. Người kể chuyện có thái độ như thế nào với hạt lúa thứ nhất?

B. Đồng tình B. Băn khoăn C. Ngợi ca D. Phê phán

Câu 6. Trong câu chuyện trên, khi được ông chủ mang gieo xuống đất hạt lúa thứ hai có tâm trạng gì?

B. Buồn bã B. Lo lắng C. Sung sướng D. Đản đo

Câu 7. Xét về mục đích nói, câu văn “*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó.*” thuộc kiểu câu gì?

B. Câu nghi vấn B. Câu cầu khiến C. Câu cảm thán D. Câu trần thuật

Câu 8. Ý nào dưới đây diễn đạt đúng nhất nghĩa của cụm từ “chết dần chết mòn” trong văn bản trên ?

A. Điều đứng vì hoàn cảnh khó khăn

B. Héo hắt, tàn lụi dần không còn sức sống

C. Không còn sức sống vì lâm vào hoàn cảnh khó khăn

D. Buồn chán, bế tắc không có lối thoát

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau: Hạt thứ nhất nhủ thầm: “*Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi*”..

Câu 10. Bài học cuộc sống tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên là gì? Vì sao? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 4-5 câu)

PHẦN II: LÀM VĂN

Phân tích truyện “Hai hạt lúa”

Bước 2: HS thực hiện làm bài tập cá nhân.

Bước 3: Báo cáo

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, kết luận

- Câu 9: BPTT nhân hóa. Làm nổi bật tính cách sợ khó, sợ khổ của hạt mầm thứ nhất.

- Câu 10: Xây dựng đoạn văn thể hiện được bài học em rút ra từ câu chuyện

Phần làm văn:

- HS lập dàn ý:

+ Giới thiệu truyện ngắn, cảm nhận chung về truyện

+ Nêu nội dung truyện.

+ Phân tích chủ đề

+ Phân tích đặc sắc nghệ thuật của truyện.

+ Khái quát giá trị, ý nghĩa của truyện.*

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Ôn tập các kiến thức đã học.

- Luyện tập viết bài văn phân tích một tác phẩm.

- Đọc và chuẩn bị bài: Đọc văn “Cuộc chơi tìm ý nghĩa”

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TIẾT 104+105: ĐỌC VĂN “CUỘC CHƠI TÌM Ý NGHĨA”

(Trần Đình Sử)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Qua việc tìm hiểu VB Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa, HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB.
- HS học hỏi được cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

2. Về phẩm chất

- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

3. Kiến thức

- Thấy được VB bàn luận về bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn: Đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học.
- Nghệ thuật: Lập luận chặt chẽ; sử dụng đa dạng các kiểu câu tạo ra giọng văn linh hoạt; biện pháp điệp ngữ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- PHT số 1,2;
- Tranh ảnh;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: + <i>Sách văn học hấp dẫn đối với nhiều người. Điều gì đã tạo nên sức cuốn hút ấy?</i> + <i>Có những tác phẩm văn học cần được đọc đi đọc lại nhiều lần. Theo em, thực tế đó nói lên điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở. - HS suy nghĩ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - HS trình bày ý kiến, hs khác bổ sung, nhận xét (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:	Gợi ý: + Sách văn học hấp dẫn đối với nhiều người, trong đó có thể có em. Điều tạo nên sức cuốn hút ấy là những từ ngữ được trau chuốt kỹ càng và ý nghĩa ẩn dụ phía sau câu từ, những bài học nhân sinh rút ra từ tác phẩm. + Có những tác phẩm văn học cần được đọc đi đọc lại nhiều lần. Thực tế đó cho thấy một tác phẩm luôn có rất nhiều tầng nghĩa và cách hiểu khác nhau, phải đọc đi đọc lại mới có thể hiểu được hết những ý nghĩa ấy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. + <i>Gv hướng dẫn cách đọc.</i> + <i>Hs chú ý trả lời các thẻ chiến lược đọc (PHT số 1).</i>	I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung 1. Đọc - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc. - GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc.

<i>Những điểm cần lưu ý</i>	<i>Trả lời</i>	<i>Những điểm cần lưu ý</i>	<i>Trả lời</i>
Cách dẫn dắt vấn đề của tác giả.		Cách dẫn dắt vấn đề của tác giả.	Dẫn dắt vấn đề trực tiếp.
Tác giả quan niệm đọc văn là gì?		Tác giả quan niệm đọc văn là gì?	Tác giả quan niệm đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học.
Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng gì?		Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng gì?	Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng liên kết câu văn và tăng tính thuyết phục cho các lập luận được nêu ra.
Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Phải chăng đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó?		Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Phải chăng đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó?	Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó, dựa trên cấu tạo của văn bản để đọc hiểu, không bị lạc đề hay hiểu quá xa nội dung được nhắc đến. Mặt khác, người đọc cũng có quyền liên tưởng và lý giải, miễn sao không phương hại đến tính toàn vẹn của tác phẩm.
Cách lí giải của tác giả về sự hóa thân của người đọc trong quá trình đọc văn.		Cách lí giải của tác giả về sự hóa thân của người đọc trong quá trình đọc văn.	Khi chưa đọc, văn bản in chỉ là một sự vật, một khách thể, nhưng khi đã đọc thì dần dần khách thể đó biến mất, sách vẫn còn đó nhưng đồng thời lại “biến mất” để nhường chỗ cho thế giới hình tượng, sách từ bên
Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.			

+ Hs báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm (đã được phân công từ trước, mỗi tổ sẽ báo cáo về một tác giả bằng các hình thức khác nhau, hs gửi sản phẩm vào nhóm lớp trước khi bắt đầu tiết học) (Hs hoàn thành theo PHT số 2).

+ Hs điền từ còn thiếu vào PHT số 3 để tìm hiểu về người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học.					
- Tác giả là ... văn bản văn học, còn người đọc là.... Quá trình đọc ... và giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản văn học chính là quá trình ... , việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của văn bản (thể loại, đề tài, thủ đô, bố cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng). - Tuy nhiên, hoàn cảnh tiếp nhận tác phẩm, ... , vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của mỗi người đọc khác nhau, do đó cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những ..., không hoàn toàn đồng nhất. - Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cảm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của văn bản. Do đó ý nghĩa, giá trị của tác phẩm với mỗi người đọc, mỗi thời đại có thể được ... mở rộng và trở nên phong phú hơn.	<table border="1"> <tr> <td></td><td>ngoài chuyển vào trong nội tâm người đọc, người đọc hóa thân vào nhân vật trong sách.</td></tr> <tr> <td>Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.</td><td>Cách nêu bằng chứng trong văn bản này khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”, dẫn chứng được liệt kê dày đặc hơn, xuyên suốt các đoạn văn trong văn bản. Đến với văn bản này, số lượng dẫn chứng ít hơn và phân bổ tập trung hơn.</td></tr> </table>		ngoài chuyển vào trong nội tâm người đọc, người đọc hóa thân vào nhân vật trong sách.	Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.	Cách nêu bằng chứng trong văn bản này khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”, dẫn chứng được liệt kê dày đặc hơn, xuyên suốt các đoạn văn trong văn bản. Đến với văn bản này, số lượng dẫn chứng ít hơn và phân bổ tập trung hơn.
	ngoài chuyển vào trong nội tâm người đọc, người đọc hóa thân vào nhân vật trong sách.				
Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”.	Cách nêu bằng chứng trong văn bản này khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”, dẫn chứng được liệt kê dày đặc hơn, xuyên suốt các đoạn văn trong văn bản. Đến với văn bản này, số lượng dẫn chứng ít hơn và phân bổ tập trung hơn.				
- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	2. Tìm hiểu chung a. Tác giả - Trần Đình Sử là một giáo sư, tiến sĩ lý luận văn học, Nhà giáo Nhân dân, Đại học Sư phạm Hà Nội. - Ông là một trong những nhà lí luận văn học hàng đầu của Việt Nam và có nhiều đóng góp trong việc làm thay đổi diện mạo nền lí luận, phê bình văn học của Việt Nam những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI. b. Tác phẩm Đọc – cuộc chơi tìm ý nghĩa được trích trong Đọc văn học văn (NXB Giáo dục, 2001) c. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học - Tác giả là chủ thể sáng tạo văn bản văn học, còn người đọc là chủ thể tiếp nhận. Quá trình đọc tưởng tượng và cảm nhận giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản văn học chính là quá trình tiếp nhận, việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của văn bản (thể loại, đề tài, thủ đô, bố				

nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân/nhóm. - GV quan sát. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng). - Tuy nhiên, hoàn cảnh tiếp nhận tác phẩm, vốn sống vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của mỗi người đọc khác nhau, do đó cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những nét riêng, không hoàn toàn đồng nhất. - Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cảm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của văn bản. Do đó ý nghĩa, giá trị của tác phẩm với mỗi người đọc, mỗi thời đại có thể được sáng tạo mở rộng và trở nên phong phú hơn.

3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Qua việc tìm hiểu VB Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa, HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB.
- HS học hỏi được cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.
- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

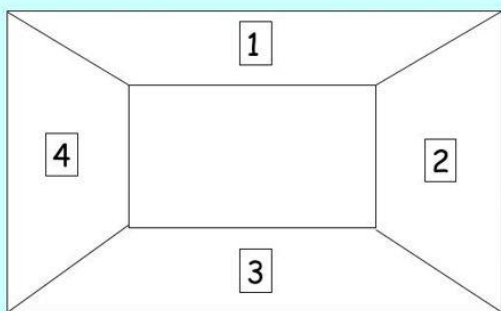
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về luận đề và hệ thống các luận điểm - GV chuyển giao nhiệm vụ: + <i>HS thảo luận nhóm 4-6 theo PHT số 4 để tìm hiểu về luận đề và luận điểm.</i> + <i>Em hãy nhận xét về mối quan hệ giữa luận điểm và luận đề.</i>	II. Khám phá văn bản 1. Tìm hiểu về luận đề và hệ thống các luận điểm - Luận đề của văn bản: bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn. - Hệ thống luận điểm:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận. - Gv quan sát, cổ vũ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Luận điểm 1: Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt. + Luận điểm 2: Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua VB văn học. + Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc. + Luận điểm 4: Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tùy tiện trong tiếp nhận. + Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì. + Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn. → Các luận điểm trên đều làm rõ những khía cạnh khác nhau của luận đề: bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn.
NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu quan điểm của người viết và mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm đôi. + <i>Tác giả cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học thường không cố định. Câu văn nào trong văn bản giúp em hiểu rõ về vấn đề này?</i> + <i>Trong văn bản, các từ ngữ như chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi được lặp lại nhiều lần. Với những từ ngữ đó, tác giả lí giải như thế nào về việc đọc văn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ. - Gv quan sát, cổ vũ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi.	2. Tìm hiểu quan điểm của người viết và mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn - Câu văn giúp hiểu rõ ý nghĩa của VB văn học thường không cố định là: “Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách người ta thiết lập mối liên hệ giữa các loại VB với nhau - Mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn: Các từ chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi lặp lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh mối liên hệ giữa việc đọc và trò chơi ú tim. Sở dĩ có sự liên tưởng ấy bởi hoạt động đọc văn cũng giống như một cuộc chơi. Trò chơi cần có luật chơi và phải đem đến cho người tham gia niềm vui thích, sự hứng khởi. Đọc cũng như vậy, đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó, và trong quá trình đọc người đọc cũng tìm thấy niềm vui, ý nghĩa của việc đọc. Không

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:	chỉ vậy, tác giả liên tục đến trò chơi ú tim còn có hàm ý đây là cuộc chơi có nhiều bất ngờ.
NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ luận điểm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: + HS thảo luận nhóm đôi theo PHT số 5 để xác định lí lẽ, bằng chứng (nếu có) mà tác giả sử dụng trong việc làm sáng tỏ luận điểm 3. + Em hãy bổ sung một số bằng chứng lấy từ trải nghiệm của mình theo luận điểm 3. (Gợi mở: Em đã từng đọc tác phẩm nào mà mỗi lần đọc là một lần phát hiện thêm ý nghĩa mới của tác phẩm chưa? Có tác phẩm nào em đọc từ thuở nhỏ, nhưng khi lớn lên mới phát hiện ra nhiều ý nghĩa sâu xa của nó?) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, cố vấn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	3. Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ luận điểm Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc * Lí lẽ mà tác giả đưa ra - Chỉ ra nguyên nhân cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc: + Do ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong VB, mà còn nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa VB với cuộc đời. + Ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách thiết lập mối liên hệ giữa các loại VB với nhau. - Phủ định quan niệm cũ cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học là cố định, đơn nhất. - Khẳng định đặc trưng của văn học: có tính đa nghĩa, mơ hồ. - Theo lí thuyết tiếp nhận và quan niệm mới về tác phẩm văn học, mỗi người đọc có một cách tiếp nhận khác nhau về tác phẩm và có cơ hội bình đẳng như nhau trong trò chơi tìm ý nghĩa. → Các lí lẽ rất giàu sức thuyết phục, bởi những lí lẽ này được dựa trên cơ sở đặc trưng của văn học, lí thuyết tiếp nhận và thực tế đọc hiểu tác phẩm văn học. * Bổ sung một số bằng chứng: - Khi đọc hai câu thơ “<i>Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu/ Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay</i>” (Bằng Việt, Bếp lửa), có thể ban đầu, người đọc

	chỉ hiểu ý nghĩa sống mũi còn cay là sự nhớ lại cảm giác bị khói hun thuở nhỏ. Nhưng suy nghĩ sâu hơn, người đọc sẽ phát hiện ra lớp nghĩa hàm ẩn trong câu thơ, trạng thái ấy thể hiện sự xúc động như muốn khóc của người cháu trong hiện tại khi nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ. Cùng một cảm giác, nhưng nguyên nhân của nó lại hoàn toàn khác biệt. Nếu thuở nhỏ, sống mũi còn cay là bởi khói, thì bây giờ, cảm giác ấy lại đến từ sự xúc động, nhớ thương. Một cảm giác nhưng đã kết nối hai thời điểm, nó khiến quá khứ và hiện tại chìm đắm trong nhau, lồng ghép vào nhau khó có thể tách rời. - Câu thơ: “<i>Làn ao lóng lánh bóng trăng loe</i>” trong Thu ẩm của Nguyễn Khuyến. Mới đọc câu thơ, người đọc có thể chỉ cảm nhận được vẻ đẹp lóng lánh của trăng. Nhưng đọc kĩ, còn có thể phát hiện thêm lớp nghĩa, đó là bóng trăng trong cái nhìn của thi sĩ khi chênh choáng hơi men, bởi vậy mới có cảm giác bóng trăng nhoè mờ đi, dập dềnh theo sóng nước mặt ao.
NV4: Hướng dẫn học sinh lí giải luận điểm “Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng điệu kì” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: + <i>Đọc đoạn (5) và cho biết vì sao tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng điệu kì.</i> + <i>Giọng văn trong đoạn (5) có gì khác với những đoạn còn lại?</i>	4. Lí giải luận điểm “Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng điệu kì” - Lí do khiến tác giả cho rằng: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng điệu kì + Làm sống dậy và cụ thể hoá thế giới hình tượng tồn tại tiềm tàng trong tác phẩm, chuyển hoá nó thành “câu chuyện” của chính bản thân người đọc, buộc người đọc phải “toàn tâm toàn ý” suy nghĩ về nó, cũng có nghĩa là bận lòng, bận trí về “những điều chưa bao giờ nghĩ tới” trước khi đọc văn học.

Kĩ thuật dạy học “*Khăn trải bàn*”



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- Gv quan sát, cổ vũ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày câu trả lời.
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

+ Xoá bỏ ranh giới giữa độc giả và nhà văn; độc giả thì “suy nghĩ bằng những ngôn từ, hình tượng của nhà văn”, còn nhà văn thì phát biểu quan niệm, cảm nhận của mình nhờ những hoạt động tích cực của tâm hồn, trí tuệ độc giả.

+ Đọc văn học cho phép độc giả có những cách cụ thể hoá khác nhau, diễn giải khác nhau về hình tượng trong tác phẩm. Tất cả những điều này làm cho thế giới hình tượng trở nên có tính chất mở, phát triển phong phú thêm lên qua từng trường hợp đọc.

- Nhận xét về giọng văn: Nếu những đoạn khác chủ yếu thiên về diễn giải, sử dụng kiểu câu trần thuật thì trong đoạn (5), tác giả sử dụng linh hoạt lí lẽ theo nhiều hình thức: đặt ra vấn đề giải đáp, nhấn mạnh ý bằng cách sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Bên cạnh câu trần thuật, tác giả còn sử dụng câu hỏi và câu cảm thán. Cụ thể:

+ Việc nêu vấn đề bằng hình thức câu hỏi: *Tại sao khi đọc sách ta bỗng toàn tâm toàn suy nghĩ vào những điều chưa bao giờ nghĩ tới?* và trả lời khiến giọng văn mang tính đối thoại sinh động, thu hút sự chú ý của người đọc.

+ Việc sử dụng câu cảm thán đúng mức khiến lời văn nghị luận không khô khan mà cảm xúc, khiến VB không chỉ tác động vào lí trí mà còn tác động vào trái tim người đọc

+ Việc sử dụng điệp ngữ cho nên tạo điểm nhấn cho giọng văn, khiến người đọc chú ý và cách diễn giải của tác giả.

NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6) trong văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6). Mối quan hệ đó làm rõ ý nghĩa gì của việc đọc văn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, cổ vũ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. (*) Để đi đến kết luận ngoài việc cắt nghĩa về đọc văn và học văn, người viết còn nêu lên hai bằng chứng về tác dụng của đọc văn đối với Đỗ Phủ và M. Go-rơ-ki. Đỗ Phủ và M. Go-rơ-ki đều là những nhà thơ, nhà văn lớn, có nhiều thành tựu trong sự nghiệp sáng tác. Việc đưa ra bằng chứng về những nhà thơ, nhà văn ấy đã giúp luận điểm của tác giả thuyết phục hơn.	5. Mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6) trong văn bản - Quan hệ của đoạn (5) và đoạn (6) là quan hệ nhân quả. Đoạn (5) nguyên nhân, chỉ ra đọc văn là hiện tượng diệu kì, trong quá trình đọc văn, người đọc đã hoá thân vào tác phẩm. Đoạn (6) thể hiện kết quả, nhờ quá trình hoá thân ấy mà người đọc khám sâu sắc hơn về bản thân mình, trưởng thành hơn trong nhận thức, tình cảm, ứng xử.... - Ý nghĩa của việc đọc văn (*). + Đối với HS, đọc văn là nền tảng của học văn, muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn. + Đối với độc giả nói chung, đọc văn giúp <i>"tự phát hiện ra mình và lớn lên"</i>.
NV6: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ, kết nối Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Trong đoạn (4) có câu: “Thưởng thức văn học cũng có quy luật.”. Câu văn đó nhắc nhở em điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	6. Chia sẻ, kết nối Câu: <i>“Thưởng thức văn học cũng có quy luật”</i> đã nhắc nhở người đọc được tự do tiếp nhận nhưng không thể tùy tiện. Người đọc vẫn cần căn cứ vào những tín hiệu thẩm mỹ, ngôn từ, hình tượng,...để giải mã văn bản. Chính điều này khiến sự tiếp nhận của người đọc về VB tuy

vụ - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, cổ vũ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày câu trả lời. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	phong phú, đa dạng nhưng vẫn có nhiều điểm gặp gỡ.

4. Hoạt động tổng kết

a. Mục tiêu:

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Hs làm việc cá nhân. Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 8</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời. - Hs khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	IV. Tổng kết	
	Nội dung VB bàn luận về bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn: Đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học.	Nghệ thuật - Lập luận chặt chẽ - Sử dụng đa dạng các kiểu câu tạo giọng văn linh hoạt - Biện pháp điệp ngữ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Cùng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi ...

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của Hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Câu 1: Luận đề của văn bản Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa là gì? A. Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn B. Đọc văn là một quá trình quan trọng của phê bình văn học. C. Đọc văn là bước đầu tiên trong việc tìm hiểu một văn bản văn học. D. Đọc văn chỉ quan trọng với những nhà phê bình văn học. Câu 2: Trần Đình Sử đã so sánh đọc văn với cái gì? A. Trò chơi đuổi mắt bắt dê. B. Trò chơi ú tim. C. Trò chơi đuổi bắt. D. Trò chơi kéo co. Câu 3: Theo tác giả, khi đọc văn cần phải phụ thuộc vào những yếu tố nào? A. Cấu tạo của văn bản, nội dung của văn bản và hình tượng văn bản. B. Cấu tạo của văn bản, hình tượng và các biện pháp tu từ trong văn bản. C. Cấu tạo của văn bản, ngôn từ và cá tính tác giả trong văn bản. D. Cấu tạo của văn bản, ngôn từ và hình tượng của văn bản. Câu 4: Câu văn nào dưới đây cho ta biết rằng ý nghĩa của văn bản văn học thường không cố định? A. Ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong văn bản, mà còn nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa văn bản với cuộc đời.	

B. Vì thế ngoài văn bản, phải tìm hiểu lịch sử, văn hóa, tâm lí,... mới thực sự là đọc hiểu văn bản nghệ thuật.

C. Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách người ta thiết lập mối liên hệ giữa các loại văn bản với nhau.

D. Vậy nên cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc.

Câu 5: Theo Trần Đình Sử, tác phẩm văn học có vai trò gì trong mối quan hệ giữa tác giả và độc giả?

A. Kéo dài khoảng cách giữa tác giả và độc giả.

B. Khiến người đọc có thể hiểu được suy nghĩ, tâm tư của tác giả.

C. Biến độc giả thành tác giả.

D. Xóa bỏ ranh giới giữa độc giả và tác giả.

Câu 6: Đọc văn và học văn có mối quan hệ như thế nào?

A. Đọc văn là quá trình của việc học văn.

B. Đọc văn là nền tảng của việc học văn.

C. Đọc văn là bước đầu tiên của việc học văn.

D. Đọc văn là bước cuối cùng của việc học văn.

Câu 7: Thế nào là thưởng thức văn học cũng có quy luật?

A. Có một quy luật chung cho cách đọc tất cả các loại văn bản văn học.

B. Người đọc văn phải căn cứ vào một số yếu tố của văn bản như cấu tạo, ngôn ngữ, hình tượng để lí giải, phân tích, bình giảng, bình luận văn bản.

C. Người đọc văn có thể tuân theo sự tự do và sở thích, tư duy của mình để lí giải văn bản.

D. Người đọc văn phải tuân theo hướng tư duy của tác giả để đọc văn bản.

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 8 đến 10:

Đọc văn là nền tảng của học văn. Học văn là học năng lực cảm thụ văn, bồi dưỡng thị hiếu văn, tiếp nhận kiến thức văn hóa văn, rèn luyện năng lực biểu đạt, sáng tạo văn. Đỗ Phủ đã nói:

“Đọc rách vạn quyển sách/ Hạ bút như có thần”. M. Go-rơ-ki đã kể chuyện ông đọc nhiều như thế nào trước khi thành nhà văn lớn. Muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn. [...] Phải đọc văn để người đọc tự phát hiện ra mình và lớn lên. Câu 8: Tác giả đã sử dụng mấy dẫn chứng thực tế để làm sáng tỏ luận điểm của đoạn văn? A. 2. B. 3. C. 1. D. 4. Câu 9: Đoạn văn kết câu theo kiểu nào? A. Song hành. B. Diễn dịch. C. Quy nạp. D. Tổng phân hợp. Câu 10: Cách nêu bằng chứng trong đoạn này là gì? A. Nêu bằng chứng trực tiếp. B. Nêu bằng chứng gián tiếp. C. Kết hợp nêu bằng chứng trực tiếp lẫn gián tiếp. D. Tất cả các đáp án trên đều sai. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

b. Nội dung: Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn .

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của Hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Vì sao có thể nói “không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong”? Em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời câu hỏi đó.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở. - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động. - Hs nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Đoạn văn tham khảo Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong. Bởi lẽ, ẩn sau mỗi tác phẩm văn học là những bài học đa tầng có mối liên hệ đa dạng với nhiều mặt khác nhau của đời sống. Nó có thể được thể hiện một cách trực tiếp nhưng cũng có thể được thể hiện một cách gián tiếp qua những câu chuyện, lời nói, những câu văn, câu thơ hay từng dấu câu được tác giả sử dụng. Đọc một lần, chúng ta có thể nắm khái quát được nội dung của của tác phẩm nhưng không một ai dám khẳng định mình hiểu sâu, hiểu kỹ từng chi tiết, dụng ý của tác giả ẩn sau những câu văn, câu thơ... Vì vậy mà khi đọc một tác phẩm bất kì nào đó, chúng ta phải đọc nhiều lần, nghiền ngẫm thật nhiều để cảm nhận được hết cái hay, cái thú vị ẩn sau mỗi tác phẩm. Từ đó, dần hình thành và bồi đắp nhân sinh quan, thế giới quan, hiểu hơn về chính mình và thế giới xung quanh.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm đặc điểm của văn bản nghị luận
- Cách triển khai luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng.
- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

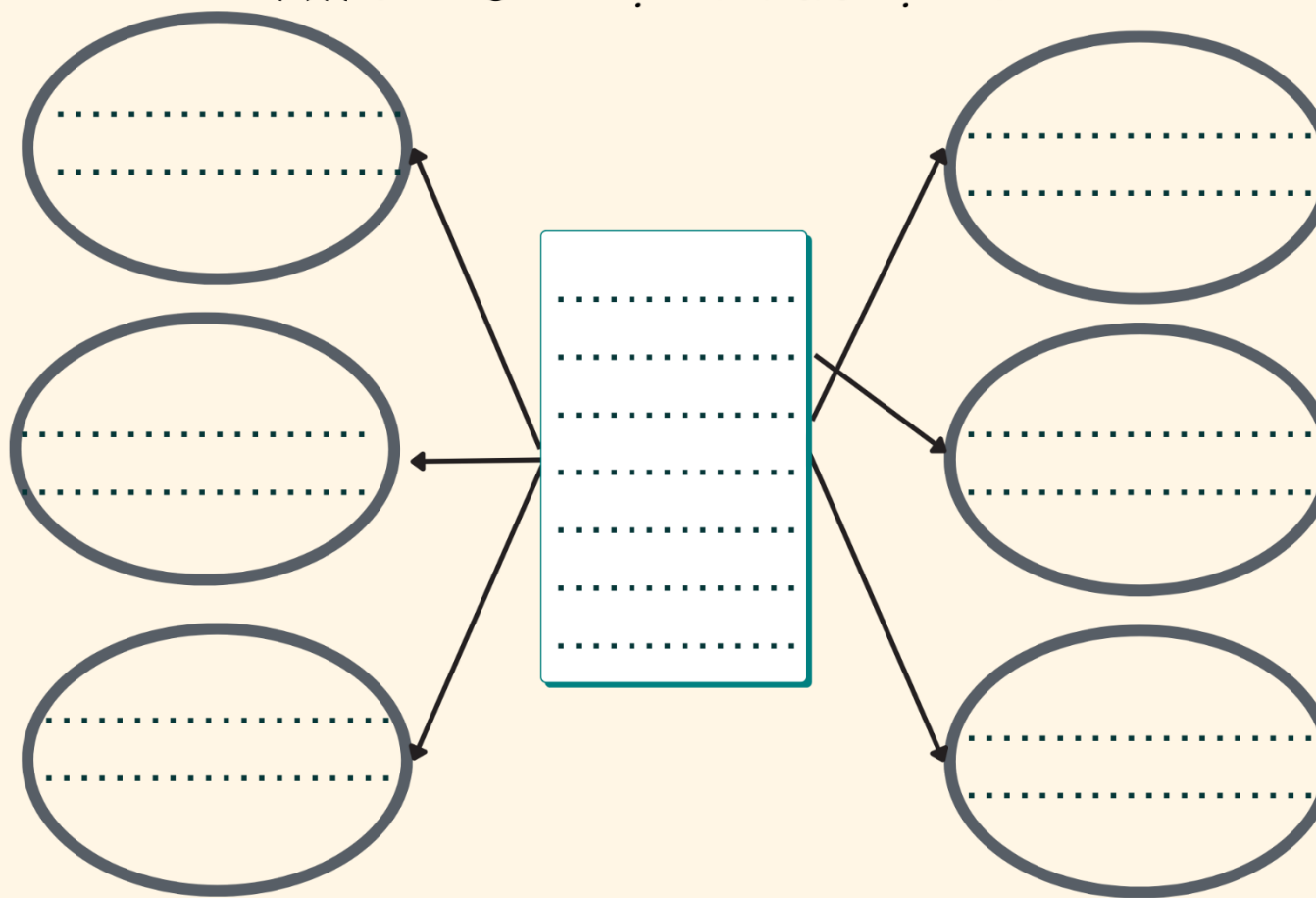
IV. Phụ lục

PHT SỐ 2



PHT số 4

PHT số ...: Sơ đồ luận đề và các luận điểm



PHT số 5

TIẾT 106: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

(Thành phần gọi-đáp và thành phần chêm xen)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: gọi – đáp và chêm xen (phụ chú).
- HS xác định được chức năng của thành phần gọi - đáp và thành phần chêm xen (phụ chú); biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

2. Về phẩm chất

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

3. Kiến thức

Khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: gọi – đáp và chêm xen (phụ chú).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT;
- Tranh ảnh ;
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền.
- b. Nội dung: Hs trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Những từ in đậm trong các ví dụ sau có vai trò gì?</i> + " Bầu ơi thương lấy bí cùng <i>Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. "</i> + <i>Cô bé nhà bên (có ai ngờ)</i> <i>Cũng vào du kích</i> <i>Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích</i> <i>Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động 1 - 2 HS trình bày, các HS khác nghe, bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt vào bài mới: Những từ in đậm mà các em vừa phân tích được gọi là thành phần gọi – đáp và thành phần chêm xen.	+ "Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. " → Bầu ơi dùng để gọi – đáp + <i>Cô bé nhà bên (có ai ngờ)</i> Cũng vào du kích Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi). → (có ai ngờ), (thương thương quá đi thôi) dùng để bổ sung ý nghĩa cho từ phía trước.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

Hs nhận biết khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: + Hs thảo luận PHT số 1. Ví dụ 1: - Anh Mên ơi, anh Mên! (Nguyễn Quang Thiều, Bầy chim chìa vôi) Ví dụ 2: - Dòng suối trong trẻo của thầy – thầy âu yếm nhìn tôi – em thông minh lắm!. (Trin-ghi-dơAi-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên) (1) Xác định thành phần phụ chú và gọi – đáp và thành phần chêm xen trong các ví dụ trên. (2) Dựa vào dấu hiệu nào để em nhận biết được đó là thành phần gọi – đáp và chêm xen. (3) Theo em, thành phần gọi – đáp và chêm xen đó có vai trò gì? + Từ kết quả phân tích ví dụ, em hãy rút ra được dấu hiệu nhận biết, chức năng của thành phần gọi – đáp và thành phần chêm xen. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I. Tri thức tiếng Việt 1. Ví dụ (1) - Ví dụ 1: Thành phần gọi – đáp :oi - Ví dụ 2: Thành phần chêm xen: thầy âu yếm nhìn tôi. (2) Dấu hiệu nhận biết - Ví dụ 1 (thành phần gọi – đáp): Có từ ời - Ví dụ 2 (thành phần chêm xen): được đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy (3) Chức năng - Vâng là thành phần gọi - đáp mà Mon dùng để gọi Mên. - Thầy âu yếm nhìn tôi là thành phần chêm xen, có tác dụng làm rõ thái độ, tình cảm của nhân vật. 2. Kết luận - Thành phần gọi - đáp:

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	thành phần được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp, được đánh dấu bằng những từ ngữ gọi – đáp như: ời, thưa, dạ, vâng,... - Thành phần chêm xen (phụ chú): thành phần được dùng để bổ sung, làm rõ thêm một đối tượng nào đó trong câu. Thành phần này thường được đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy. Cũng có khi, thành phần chêm xen còn được đặt sau dấu hai chấm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: gọi – đáp, chêm xen.
- HS xác định được chức năng của thành phần gọi – đáp, chêm xen, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Nội dung trả lời của các bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm. + <i>Nhóm 1: Bài 1</i> + <i>Nhóm 2: Bài 2</i> + <i>Nhóm 3: Bài 3</i> Bài tập 1: Tìm thành phần gọi – đáp trong các câu sau và cho biết chức năng của chúng. a. – Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa? - Thừa anh, thế thì, ... hừ hừ ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi. (Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí) b. Ê, đồ quý! – Nét Len vừa quát vừa nện chân xuống vỏ tàu. vỏ tàu. (Giuy-néc-nơ, Cuộc chạm trán trên đại dương) c. Cậu bé ơi, ở đây ngày nào người ta chẳng bán đến hàng nghìn con lạc đà! (Đa-ni-en Pen-nắc, Mắt sói) Bài tập 2. Tìm thành phần chêm xen trong các câu sau và cho biết chúng làm rõ thêm nội dung gì. a. Hàng vạn người đọc rất tinh, đã thuộc ba bài thu này, mà không thuộc được các bài thu khác (của các tác giả khác) (Xuân Diệu, Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam) b. Có về thăm “Vườn Bùi chốn cũ” – đây là “xứ Vườn Bùi” theo đồng bào gọi cả vùng Trung Lương nằm trong xã Yên Đỗ cũ, chứ không phải chỉ là khu vườn của nhà ở	II. Luyện tập Bài tập 1: a. - Thành phần gọi - đáp: <i>thưa anh</i>. - Chức năng: <i>Thưa anh</i> là thành phần gọi - đáp mà Dế Choắt dùng để gọi Dế Mèn, cách gọi này thể hiện sự tôn kính của kẻ dưới với người trên. b. - Thành phần gọi - đáp: <i>ê</i>. - Chức năng: <i>Ê</i> là thành phần gọi – đáp thể hiện lời gọi của Nét Len. Cách gọi này thể hiện thái độ suồng sã của Nét Len với người được gọi. c. - Thành phần gọi - đáp: <i>ơi</i>. - Chức năng: <i>Ơi</i> là thành phần gọi – đáp thể hiện lời của những người qua đường gọi cậu bé Bài tập 2 a. - Thành phần chêm xen: <i>của các tác giả khác</i> - Chức năng: làm rõ các bài thơ thu khác mà Xuân Diệu muốn nói

cụ Nguyễn Khuyến – mới càng hiểu rõ bài “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo” (Xuân Diệu, Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam) c. Chiều hôm đó, bọn mèo ngạc nhiên khi không thấy con hải âu xuất hiện để xơi món yêu thích – món mực ống mà Xe-cret-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng. (Lu-I Xe-pun-ve-da, Chuyện con mèo dạy hải âu bay) d. Đọc văn (phân tích, bình giảng, bình luận) tất yếu phải tôn trọng văn bản, từ ngôn từ đến hình tượng. (Trần Đình Sử, Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa) Bài tập 3. Tìm các thành phần biệt lập trong những câu sau và xác định đó là loại thành phần biệt lập nào. a. Và hẳn vì buồn nên Ánh Vàng muốn được nhìn thấy những điều mới mẻ. (Đa-ni-en Pen-nắc, Mắt sói) b. Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng... (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt) c. Này bác có lợn kia ơi! Từ lúc mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả! (Lợn cưới, áo mới) d. Ôi những vật ruộng vàng Chiều nay rung rinh lúa ngả. (Nguyễn Đình Thi, Đường núi) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận	đến là của các tác giả khác chứ không phải của Nguyễn Khuyến. b. - Thành phần chêm xen: đây là "xứ Vườn Bù" theo đồng bào gọi cả vùng Trung Lương nằm trong xã Yên Đỗ cũ, chứ không phải chỉ là khu vườn của nhà ở cụ Nguyễn Khuyến. - Chức năng: giải thích thêm về cụm từ Vườn Bù chốn cũ để người đọc không hiểu nhầm về phạm vi không gian được nói đến. c. - Thành phần chêm xen: <i>món mực ống mà Xe-cret-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng.</i> - Chức năng: làm rõ thêm về món yêu thích của con hải âu. d. - Thành phần chêm xen: <i>phân tích, bình giảng, bình luận.</i> - Chức năng: làm rõ hơn về các hoạt động có liên quan đến “đọc văn”, ý nói rằng phân tích, bình giảng, bình luận cũng là kết quả của việc đọc văn. Bài tập 3 a. Hẳn – thành phần tình thái. b. Mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – thành phần chêm xen.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung :	c. Oi - thành phần gọi - đáp. d. Oi – thành phần cảm thán.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Hs viết được đoạn văn.
- b. Nội dung:** Hs thực hành làm bài tập.
- c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) chia sẻ về lợi ích của việc đọc sách đối với bản thân em, trong đó sử dụng ít nhất một thành phần gọi – đáp hoặc chêm xen. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ. - Gv quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung.	Gọi ý: Ai đó từng nói đọc một cuốn sách hay cũng như chơi với một người bạn tốt. Chúng ta có thể học hỏi được rất nhiều điều. Sách là nguồn tri thức vô giá nhân loại. Đọc sách giúp con người có thêm những nguồn thông tin, kiến thức phong phú cũng như những kĩ năng cần thiết trong cuộc sống. Đọc một cuốn sách giúp người đọc cũng thể đem lại một bài học mới, một lối tư duy mới. Đồng thời, có những cuốn sách còn giúp con người có thêm niềm tin, sức mạnh để vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh trong cuộc sống. Sách góp phần chữa lành tâm hồn, hay giải trí sau những giờ học tập căng thẳng. Hãy biết trân trọng sách – người bạn đáng giá trong cuộc đời chúng ta. → Thành phần chêm xen.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm khái niệm các thành phần
- Hoàn thiện các bài tập
- Đọc và chuẩn bị bài: Đọc văn bản “Xen đêm”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 27 NGÀY SOẠN: 24/3/2024 TIẾT 107+108: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì II đến tuần 26.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TẬP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		V. dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện hoặc thơ									
	Số câu	10	4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm	60	20		15	10		10		5	60

2	Viết	Phân tích một tác phẩm truyện ngắn hoặc thơ									
	Số câu	1	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
	Tỉ lệ % điểm	40		10		15		10	0	5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30			100	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn hoặc thơ	Nhận biết: - Nhận biết một số đặc điểm của thể loại. (hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu, ...; bối cảnh, lời người dẫn truyện, cốt truyện, chi tiết tiêu biểu, ... Thông hiểu: - Ý nghĩa của các chi tiết của văn bản. - Hiểu được nghĩa của từ. - Hiểu được chủ đề của văn bản.	4 TN	3 TN, 1TL	1 TL	1TL

			- Hiểu và giải thích được chi tiết được gọi ra từ văn bản. Vận dụng: - Trình bày được suy nghĩa, cảm nhận của bản thân về nhân vật được gọi ra từ văn bản. Vận dụng cao: - Nêu được bài học rút ra từ giá trị của văn bản - Các bài học phải ý nghĩa, phù hợp.				
2	Viết	Viết bài văn phân tích tác phẩm theo yêu cầu.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài phân tích một tác phẩm Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) Vận dụng: Viết được một bài văn phân tích một tác phẩm. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				4TN 1*TL	3 TN 1TL 1*TL	1TL 1*TL	1 TL 1*TL
Tỉ lệ %				30	40	20	10
Tỉ lệ chung				70		30	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2023 - 2024
MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề này gồm 02 trang

I. ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các yêu cầu bên dưới:

Ô CỬA SỔ BỆNH VIỆN

Hai người đàn ông bị bệnh nặng cùng nằm điều trị chung một phòng bệnh. Một người bị bệnh nước trong phổi còn người kia bị liệt nửa người. Vào mỗi buổi trưa, người bị bệnh phổi phải ngồi dậy khoảng một tiếng đồng hồ để phổi được khô ráo. Giường của ông ta đặt gần ô cửa sổ duy nhất trong phòng. Còn người bị liệt thì suốt ngày phải nằm trên giường. Họ thường trò chuyện với nhau hàng giờ về gia đình, bạn bè, cuộc sống... và cùng nhau ôn lại những kỷ niệm thời còn phục vụ trong quân ngũ.

Mỗi trưa, khi người đàn ông trên giường bệnh gần cửa sổ ngồi dậy, ông ta thường tiêu khiển bằng cách kể lại cho người bạn cùng phòng nghe về những gì mình nhìn thấy bên ngoài cửa sổ.

Qua lời kể của bạn, người bệnh ở giường bên kia như được sống lại trong thế giới muôn màu muôn vẻ bên ngoài khung cửa. Nơi đó có một công viên xanh ngát với hồ nước trong xanh, thơ mộng cùng đàn thiên nga thong thả lượn quanh. Cạnh đó, những đứa trẻ đang thả lên mặt hồ phẳng lặng những chiếc thuyền bằng giấy. Những đôi tình nhân tay trong tay đang dịu nhau dạo chơi quanh luống hoa hồng đỏ thắm... Tất cả như một bức tranh thơ mộng đầy màu sắc. Trong khi người bệnh gần cửa sổ say sưa kể thì ở giường bên kia, bạn của ông đang lim dim đôi mắt, dường như trước mắt mình một khung cảnh đẹp như mơ.

Vào một buổi chiều ấm áp, người bệnh ở giường gần cửa sổ kể lại cho bạn mình nghe về một cuộc diễu binh đang diễn ra bên ngoài. Mặc dù không nghe được dàn nhạc đang tấu khúc quân hành ngoài kia nhưng người đàn ông bị liệt vẫn có thể hình dung ra quang cảnh hùng tráng ấy.

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua.

Một buổi sáng, như thường lệ, cô y tá trực đem nước đến cho họ, thì tình cờ phát hiện người bệnh nhân nằm bất động trên chiếc giường cạnh cửa sổ. Ông ấy đã trút hơi thở cuối cùng trong giấc ngủ yên lành đêm qua.

Sau cái chết của bạn, người đàn ông bị liệt yêu cầu được chuyển sang chiếc giường cạnh cửa sổ. Trên chiếc giường mới, nén đau đớn, ông tìm mọi cách chống tay

từ từ ngời dậy và bắt đầu phóng tầm nhìn ra thế giới bên ngoài. Nhưng trước mắt ông chỉ là một bức tường trắng xóa.

Mãi sau này ông mới biết được sự thật: người bạn quá cố của ông là một người mù, thậm chí ông ấy còn không thể trông thấy được bức tường vô cảm kia. Điều ông ấy muốn là đem lại cho bạn mình niềm vui và sự an ủi.

(Theo: <http://hatgiongtamhon.com>)

Từ câu 1 đến câu 7: Em hãy chọn đáp án đúng trong các câu và ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước đáp án đó.

Câu 1: Câu chuyện xảy ra ở đâu?

- A. trong một căn phòng chật chội
- B. trong căn phòng tại bệnh viện
- C. ngoài hành lang bệnh viện
- D. ở phòng khám bệnh

Câu 2: Truyện được kể bằng lời của ai?

- A. cô y tá
- B. lời của người dẫn truyện
- C. người bị liệt nửa người
- D. người bị bệnh nước trong phổi

Câu 3: Truyện được kể theo cốt truyện.

- A. đơn tuyến
- B. đa tuyến
- C. không có cốt truyện
- D. không xác định cốt truyện

Câu 4: Người nằm trên giường cạnh cửa sổ thường kể những gì cho người bạn cùng phòng bị liệt nửa người nghe?

- A. kể về căn bệnh của mình
- B. kể về ước mơ của mình
- C. kể những gì mình nhìn thấy bên ngoài cửa sổ
- D. kể về những năm tháng chiến tranh của bản thân mình

Câu 5: Người nằm trên giường cạnh cửa sổ miêu tả cho người bạn cùng phòng thấy được cuộc sống bên ngoài cửa sổ như thế nào?

- A. Cuộc sống thật vui vẻ, thanh bình, mến yêu.
- B. Cuộc sống tĩnh lặng không một tiếng động.
- C. Cuộc sống tẻ nhạt, chỉ có một bức tường trống không.
- D. Cuộc sống thật ồn ào, còi xe inh ỏi, con người hối hả ai lo chuyện người nấy.

Câu 6: Từ “hùng tráng” có nghĩa

- A. hào hùng
- B. mạnh mẽ, có đầy đủ sức mạnh
- C. to lớn, mạnh mẽ, hùng dũng
- D. mạnh mẽ, gây ấn tượng đẹp

Câu 7: Câu nào nêu đúng chủ đề của truyện?

- A. Sự biết ơn trước một tấm lòng cao cả.
- B. Cuộc sống thiếu thốn của những người bệnh nhân.
- C. Niềm thương cảm với những người nghèo khổ.
- D. Sự lạc quan và tấm lòng cao thượng mong chia sẻ niềm vui đến người khác.

Từ câu 8 đến câu 10: Em hãy ghi câu trả lời vào giấy làm bài.

Câu 8: Vì sao người đàn ông bị liệt nửa người cảm thấy như được sống lại?

Câu 9: Nêu cảm nhận của em về người đàn ông bị bệnh nước trong phổi?

Câu 10: Hãy cho biết bài học em rút ra được từ nội dung của truyện.

II. LÀM VĂN: (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích truyện ngắn “Ô cửa sổ bệnh viện” trích trong cuốn sách “Hạt giống tâm hồn”.

-----HẾT-----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Phần I: ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

1. Trắc nghiệm khách quan: Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
Phương án trả lời	B	B	A	C	A	D	D

2. Trắc nghiệm tự luận:

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
8	HS trả lời được các ý sau: - Người đàn ông như được nhìn thấy cuộc sống tươi đẹp bên ngoài. - Thế giới bên ngoài thật thanh bình, vui vẻ, mến thương. - Cảm thấy vui, yêu đời, yêu cuộc sống hơn. <i>* GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh khi thấy câu trả lời phù hợp.</i>	1.0
9	Cảm nhận về người đàn ông bị bệnh nước trong phổi. - Là người có nghị lực sống - Lạc quan, yêu đời - Cao thượng, muốn chia sẻ niềm vui của mình đến người khác. <i>* GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.</i>	1.0
10	- Hãy biết bằng lòng với hiện thực, đối mặt với hiện thực dù hiện thực có nghiệt ngã. - Biết tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc mỗi ngày. - Biết yêu thương. - Biết san sẻ niềm vui, sự lạc quan, niềm hạnh phúc của mình đến người khác. <i>* GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.</i>	0.5

Phần II: VIẾT (4.0 điểm)

A. Bảng điểm chung toàn bài:

Tiêu chí	Điểm
Cấu trúc bài văn	0.5
Nội dung	2.5
Trình bày, diễn đạt	0.5
Sáng tạo	0.5

B. Bảng chấm điểm cụ thể cho từng tiêu chí:

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Biết cách viết bài văn đủ 3 ý: Mở bài, thân bài và kết bài. Phần Thân bài biết tổ chức gồm nhiều đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.	- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm. - Thân bài: + Nêu nội dung chính của tác phẩm.
0.25	Bài văn thiếu kết đoạn	+ Nêu chủ đề của tác phẩm.
0.0	Chưa biết hình thức trình bày bài văn	+ Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. - Kết bài: Khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm.

2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0-2.5	- Giới thiệu khái quát tác phẩm. - Nêu được nội dung cơ bản của tác phẩm: + Cảnh ngộ của hai người bạn trong bệnh viện. + Sự lạc quan, tấm lòng cao thượng đã mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác. Và từ đó niềm hạnh phúc như được nhân đôi. - Phân tích chủ đề của truyện: Câu chuyện ca ngợi sự lạc quan cùng tấm lòng cao thượng với mong muốn mang đến niềm vui cho người khác. - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện: + Thể loại truyện ngắn + Nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, lời kể tình tiết truyện, ... Tác dụng của những đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài truyện.	<i>Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được những nội dung sau:</i> - Giới thiệu khái quát tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của truyện: + Sự lạc quan, tấm lòng cao thượng đã mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác. Và từ đó niềm hạnh phúc như được nhân đôi. - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện: + Thể loại truyện ngắn + Nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, lời kể tình tiết truyện, ... Tác dụng của những đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của truyện
1.0 - 1.75	- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Nêu được nội dung cơ bản của truyện. + Cảnh ngộ của hai người bạn trong bệnh viện. + Sự lạc quan, tấm lòng cao thượng đã mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác. Và từ đó niềm hạnh phúc như được nhân đôi. - Phân tích chủ đề của truyện. + Câu chuyện ca ngợi sự lạc quan cùng tấm lòng cao thượng với mong muốn mang đến niềm vui cho người khác.	

	- Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện: + Thể loại truyện ngắn. + Nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, lời kể tình tiết truyện, ... Tác dụng của những đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của truyện. <i>* HS làm được những yêu cầu trên nhưng phân tích chưa sâu lắm.</i>
0.25-0.75	- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm. - Phân tích được nội dung cơ bản của truyện: + Cảnh ngộ của hai người bạn trong bệnh viện. + Sự lạc quan, tấm lòng cao thượng đã mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác. Và từ đó niềm hạnh phúc như được nhân đôi. - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện: + Thể loại truyện ngắn. + Nhân vật, cốt truyện, ngôi kể, lời kể tình tiết truyện, ... Tác dụng của những đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung. - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của truyện. <i>* HS có thực hiện được một số yêu cầu trên, phân tích còn sơ sài.</i>
0.0	Bài viết lạc đề hoặc không làm bài.
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)	
Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài viết đúng hình thức bài văn, trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa...
0.25 -0.0	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ...
4. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)	
Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	- Có sáng tạo trong cách diễn đạt.
0.25	- Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét.
0.0	- Chưa có sự sáng tạo.

BAN GIÁM HIỆU

TỔ CHUYÊN MÔN

NGƯỜI RA ĐỀ

TUẦN 28

NGÀY SOẠN: 31/3/2024

TIẾT 109+110: ĐỌC VĂN BẢN “XE ĐÊM”

TIẾT 111+122: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

BÀI 8

TIẾT 109+110: ĐỌC VĂN BẢN “XE ĐÊM”

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Củng cố tri thức về văn bản truyện
- Cảm nhận được nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện: chân dung, tính cách, tâm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng- điều khiến truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu khán giả trên thế giới.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Truyện cổ An-đéc-xen đã rất quen thuộc với các em, qua những câu chuyện ấy, em hình dung An-đéc-xen là người như thế nào? Em có thể nêu ngắn gọn cảm nhận của em về An-đéc-xen được không?

→ GV dẫn dắt vào bài học: *An-đéc-xen là nhà văn đã quen thuộc với chúng ta qua các câu chuyện cổ, ở văn bản đọc ngày hôm nay, An-đéc-xen không xuất hiện với tư cách nhà văn mà với tư cách một nhân vật. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản “Xe đêm” để cảm nhận về nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện chân dung, tính cách, tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng – điều khiến truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu độc giả trên thế giới.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc phân vai văn bản và tìm hiểu một số từ khó qua hoạt động ghép nối - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki và tác phẩm Xe đêm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc, chú thích a. Đọc Đọc phân vai: - Người dẫn chuyện: đọc nhẹ nhàng, truyền cảm. - Các nhân vật khác: đọc đúng giọng điệu của các nhân vật (nhà tu hành: nghiêm khắc; thiếu phụ E-lê-na: dịu dàng; các cô gái đi nhờ xe: vui tươi, hồn nhiên; An-đéc-xen: khi thì điềm đạm, dịu dàng, lúc thủ thỉ, tâm tình, khi lại tràn đầy hứng khởi, vui tươi... b. Chú thích

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	- Hăm-lét: tên của nhân vật chính trong vở kịch Hăm-lét của Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare) - Du: một loại cây thân gỗ được trồng nhiều ở vùng ôn đới, mép lá hình răng cưa, vỏ màu nâu xám - Giáo hoàng: người đứng đầu giáo hội La Mã của đạo Cơ Đốc - Giuýt-len: bán đảo ở Bắc Âu, thuộc về Đan Mạch 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki (1892 – 1986) - Là nhà văn Nga nổi tiếng. - Truyện ngắn của ông mang chất thơ nhẹ nhàng, tinh tế, khơi dậy ở người đọc sự rung cảm trước những vẻ đẹp bình dị, khuất lấp, dễ bị lãng quên trong cuộc sống. - Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Việt: <i>Cô gái làm ren</i> (1958), <i>Chiếc nhẫn bằng thép</i> (1973), <i>Một mình với mùa thu</i> (1984), <i>Câu chuyện phương Bắc</i> (1987), <i>Chuyện kể về cuộc đời</i> (2012),... nhưng nổi tiếng nhất là tập truyện ngắn <i>Bông hồng vàng</i> (1961) nói về công việc lao động sáng tạo của nhà văn. b. Tác phẩm - Thể loại: Truyện ngắn - Nhân vật chính: An-đéc-xen - Đề tài: sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống. - Các sự việc chính

	+ An-đéc-xen cùng hai hành khách khác (một nhà tu hành, một thiếu phụ) cùng đi trên chuyến xe đêm từ Vơ-ni-dơ đến Vê-rô-na + Trên đường đi, họ gặp ba cô gái muốn lên xe nhưng không có tiền, An-đéc-xen đã giúp họ trả tiền + Trên chuyến xe ấy, để góp vui, An-đéc-xen đã trò chuyện cùng các cô gái, thử tưởng tượng về cuộc sống, tiên đoán về hạnh phúc và tương lai của họ,... Các cô gái say sưa lắng nghe.

Phần II. Khám phá văn bản

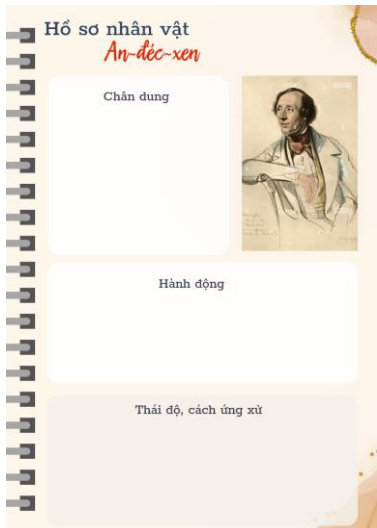
a. Mục tiêu: Hiểu được

- Chân dung nhân vật An-đéc-xen
- Thái độ và tình cảm của nhà văn với An-đéc-xen

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị và báo cáo sản phẩm + Thời gian thảo luận lại: 1 phút + Thời gian báo cáo: 3 phút 	II. Khám phá văn bản 1. Chân dung nhân vật An-đéc-xen * Chân dung - Trong thực tế: xấu trai, cao kều, nhút nhát - Trong tưởng tượng của An-đéc-xen: Ông hình dung mình là người trẻ trung, đẹp trai, hoạt bát, tự nhận mình có “mái tóc rậm, lượn sóng”, gương mặt “rám nắng”, đôi mắt xanh “lúc nào cũng ánh lên cười”,... Ông tự nhận mình là nhà tiên tri, đoán định được tương lai, nhìn thấy được bóng tối, cũng xem mình là một hoàng tử bất hạnh như Hăm-lét. ➔ Có phần tự ti về ngoại hình và thực tế của của bản thân nhưng luôn khao khát hướng tới những điều tốt đẹp, theo đuổi cái hoàn mỹ và lãng mạn.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá. GV tổ chức THẢO LUẬN NHÓM BÀN NV1. An-đéc-xen đã tiên đoán như thế nào về tương lai của các cô gái mới quen? Qua đó, em nhận ra mong ước, tình cảm gì của ông dành cho những cô gái ấy? Gợi ý: * Với Ni-cô-li-a: An-đéc-xen tiên đoán “nếu chẳng may có chuyện gì không lành xảy ra với người yêu của cô, cô sẽ chẳng đắn đo suy nghĩ, lên đường, vượt qua ngàn dặm, qua núi tuyết và sa mạc khô cằn để gặp chàng, cứu chàng khỏi cơn nguy khốn” * Với Ma-ri-a: An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ “gặp được một người xứng đáng với trái tim nhiều mong muốn của cô”, và người đó “tất nhiên phải là một người tuyệt vời”, “có một tâm hồn lớn lao” * Với An-na: An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ hạnh phúc với sự bận bịu khi chăm sóc	* Hành động - Trả tiền còn thiếu cho các cô gái - Yêu cầu người đánh xe không được thô lỗ, làm nhảm với khách ➔ Tốt bụng, hào phóng, biết cư xử lịch thiệp, sẵn sàng giúp đỡ người khác. * Thái độ, cách ứng xử - Nhiệt tình trò chuyện với các cô gái, tiên đoán về tương lai của họ. ➔ Có trí tưởng tượng phong phú - Đem đến niềm vui cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm ở xứ Giuýt-len ➔ Yêu mến trẻ thơ, biết đem đến niềm vui và hạnh phúc cho trẻ thơ

những đứa con và chồng tương lai sẽ “đỡ cô một tay trong việc đó” ➔ thôi thúc hành động của các cô gái, khích lệ họ đi tìm hạnh phúc cho riêng mình NV2. Theo An-đéc-xen kể lại, ông đã mang đến niềm vui cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm xứ Giuýt-len. Em có đồng tình với ý kiến “trái tim bé sẽ không dễ bị trơ lì như với những người chưa từng chứng kiến chuyện cổ tích như thế” không? Vì sao? Câu trả lời của An-đéc-xen giàu sức thuyết phục, bởi ông đã xuất phát từ sức mạnh của trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng. Ông hiểu những câu chuyện cổ tích có tác dụng lớn trong việc nuôi dưỡng sự hồn nhiên, ngây thơ, chấp cánh cho trí tưởng tượng của trẻ thơ. Vì thế, ông dành cả đời để dùng trí tưởng tượng của mình đem đến hạnh phúc cho con người, khiến con người có đủ sức mạnh và hứng khởi để tìm kiếm cái đẹp, và làm cho thế giới bớt tàn nhẫn, bớt khô khan hơn.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Qua đoạn trích, em nhận ra tình cảm, thái độ gì của nhà văn Pau-xtốp-xki đối với nhà An-đéc-xen? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	2. Thái độ và tình cảm của nhà văn với An-đéc-xen - Pau-xtốp-xki có hiểu biết sâu sắc về cuộc đời An-đéc-xen, đồng điệu, hiểu An-đéc-xen. Nhân vật trong chuyện thấp thoáng bóng dáng của An-đéc-xen ngoài đời: từ ngoại hình, tính cách đến những tưởng tượng, suy tư.

- HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định. GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.	- Nhân vật An-đéc-xen trong câu chuyện mang vẻ đẹp lãng mạn, nhân hậu với trái tim trong sáng, đầy sắp tình thương yêu con người, đặc biệt là với trẻ thơ. - Đồng điệu với tâm hồn và hiểu con người, hiểu sáng tác của An-đéc-xen; hiểu lí tưởng của An-đéc-xen là ca tụng cái đẹp ở bất cứ nơi nào ông gặp.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Theo em, nghệ thuật của đoạn trích có gì nổi bật? + Hãy nêu tóm tắt lại nội dung của văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Xây dựng cốt truyện hấp dẫn; sáng tạo được tình huống đặc địa để làm nổi bật vẻ đẹp nhân vật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Kết hợp hiện thực và tưởng tượng, nhân vật An-đéc-xen hiện lên qua cả những dấu ấn trong đời thực và những tưởng tượng, hư cấu. + Nhân vật hiện lên vừa sống động, sắc nét qua lời đối thoại, vừa có chiều sâu qua lời người kể chuyện. - Ngôn ngữ trong sáng, thâm trầm chất thơ. - Nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian trong truyện độc đáo 2. Nội dung - Truyện đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật An-đéc-xen: một nhà văn có trí tưởng tượng phong phú, tâm hồn trong sáng, lãng mạn, giàu tình thương. - Câu chuyện cũng khẳng định sức mạnh của trí tưởng tượng và tác động của nó tới cuộc sống con người, làm cho cuộc đời trở nên tươi đẹp, nhiều màu sắc hơn.

Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

GV nêu yêu cầu: Truyện cổ An-đéc-xen đã chinh phục hàng triệu trái tim độc giả. Theo em, trí tưởng tượng đã giúp ích như thế nào cho An-đéc-xen trong việc viết truyện cổ tích?

- Tạo ra những hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống bay bổng, diệu kì; sáng tạo ra những tình huống thú vị, hấp dẫn.
- Hóa thân vào nhân vật, cất lên tiếng nói bên trong, khiến nhân vật vừa chân thực, vừa kì ảo.
- Đến gần hơn với thế giới tâm hồn trẻ thơ, nhìn cuộc sống qua lăng kính trẻ thơ.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động: Nhà văn và trang viết

GV cho HS thực hiện 1 trong 3 nhiệm vụ

Thời gian: 1 tuần

- **Nhiệm vụ 1:** Qua đoạn trích, tái hiện chân dung nhân vật nhà văn An-đéc-xen.
- **Nhiệm vụ 2:** Tái hiện chân dung của một nhà văn mà em yêu thích nhất (vẽ tranh, poster, làm thơ,...)
- **Nhiệm vụ 3:** Chia sẻ một trang văn mà em yêu thích/gợi cho em những bài học, suy nghĩ tích cực,...

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm đặc trưng thể loại truyện.
- Đọc và chuẩn bị cho bài Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện.

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

TIẾT 111+122: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm (truyện): nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, nêu ra được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.
- HS biết sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ cho luận điểm được nêu trong bài viết.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi ĐÔI MẮT TINH ANH



Truyện
Tác phẩm
Phân tích
Chủ đề
Đặc sắc nghệ thuật
Cốt truyện
Nhân vật
Người kể chuyện

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Mỗi tác phẩm văn học là một thế giới nghệ thuật sống động, thu hút sự khám phá giải mã của người đọc. Việc phân tích tác phẩm giúp ta hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ và những thông điệp mà tác giả gửi gắm. Trong bài 6, chúng ta đã được hướng dẫn cách viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Phần viết của bài học này sẽ tiếp tục hướng dẫn các em cách viết kiểu bài trên để củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng đã học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Giới thiệu kiểu bài

- Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm và yêu cầu khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập	I. Giới thiệu kiểu bài 1. Khái niệm Phân tích một tác phẩm truyện là làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện qua những yếu tố cơ bản của thể loại truyện như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,... 2. Yêu cầu - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Nêu được chủ đề của tác phẩm. - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...) - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *Bức tranh của em gái tôi- lời tự thú chân thành*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động THẺ CÂU HỎI Gv chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu trả lời các thẻ câu hỏi, gv mời ngẫu nhiên các thành viên trong từng nhóm lần lượt trả lời từng thẻ câu hỏi 1. Phần mở bài của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm như thế nào? 2. Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đề của truyện là gì? 3. Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào về hình thức nghệ thuật? 4. Trong các đặc điểm về hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phân tích kĩ	II. Phân tích bài viết tham khảo Phân mở đầu: 1. Dẫn dắt, giới thiệu về nhà văn Tạ Duy Anh và truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” Phần thân bài 2 - Nội dung chính: truyện kể về Kiều Phương, em gái của “tôi”, khi được phát hiện tài năng hội họa, “tôi” có chút ghen tị và mặc cảm. Khi em gái được giải nhất cuộc thi vẽ, “tôi” mới biết em đã vẽ một bức tranh về mình và thức tỉnh, nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái. - Chủ đề + Ca ngợi tài năng và vẻ đẹp của bé Kiều Phương. + Sự ăn năn, thức tỉnh của người anh

lượng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ cần nêu lên chứ không cần phải phân tích? 5. Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	→ Tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình 3. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Sử dụng ngôi kể thứ nhất - Ngôn ngữ trong sáng, - Cốt truyện đơn giản - Lối mở truyện tự nhiên và kết truyện bất ngờ 4. Cần phân tích kĩ: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Kiều Phương chủ yếu được khắc hoạ qua lời nói, cử chỉ, hành động. + Anh trai được khắc hoạ rõ nét về tâm lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: giúp tâm trạng của nhân vật “tôi” được khắc hoạ chân thực Phản kết bài 5. Truyện đặt ra những vấn đề đáng suy ngẫm về tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn phân tích một tác phẩm truyện gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài Tham khảo các đề tài sau: + Sức hấp dẫn của đoạn trích <i>Xe đêm</i> của Pau-xtốp- xki

- GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	+ Những nét đặc sắc của truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê + Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Đi lấy mật</i>, trích <i>Đất rừng Phương Nam</i> của Đoàn Giỏi b. Tìm ý Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi xoay quanh tác phẩm đã chọn: - Nội dung của truyện là gì? Nội dung của truyện được thể hiện như thế nào qua hệ thống nhân vật, sự kiện? - Chủ đề của truyện là gì? - Truyện có những đặc điểm nào nổi bật về hình thức nghệ thuật? Những đặc điểm về hình thức nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung? - Ý nghĩa của truyện là gì? c. Lập dàn ý - Mở bài: giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả); nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Thân bài + Nêu nội dung chính của tác phẩm. + Nêu chủ đề của tác phẩm. + Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm - Kết bài: khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm 2. Viết bài Khi viết bài, em cần chú ý: - Dựa vào dàn ý, triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm đã xây dựng

	- Xác định rõ mục đích viết bài văn phân tích tác phẩm truyện để không viết theo lối kể chuyện hay nêu cảm nghĩ. - Mỗi luận điểm cần được làm sang rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng. Khi phân tích cần bám sát sự kiện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ.

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
 - b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
 - c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
 - d. **Tổ chức thực hiện:**
- GV tổ chức hoạt động:**
- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu hoàn thành PHT

HỌ VÀ TÊN: _____ LỚP: _____	
Phiếu học tập (Chuẩn bị ở nhà: Lập dàn ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích)	
1. Đọc lại truyện và ghi lại các thông tin cần thiết về tác giả, hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề 2. Lập dàn ý cho bài văn theo mẫu sau:	
Mở bài - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm - Đánh giá, ấn tượng chung về tác phẩm	
Thân bài: Lần lượt phân tích tác phẩm truyện theo hệ thống ý dư kiến (nhân vật, cốt truyện hay theo phương diện nội dung, nghệ thuật)	
Hệ thống các ý	Nhận xét, ý kiến riêng của em
1. Nội dung chính của tác phẩm	
2. Chủ đề của tác phẩm	
3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật	
Kết bài: Khái quát ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện	

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
 - b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
 - c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
 - d. **Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS: Thực hành bài viết và chỉnh sửa đánh giá theo bảng mẫu.
- * HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm cách trình bày bài văn phân tích tác phẩm truyện.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện. (tt)

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

TUẦN 29

NGÀY SOẠN: 7/4/2024

BÀI 8

TIẾT 113: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (tt)

TIẾT 114: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI(VĂN HỌC TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY). TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II

BÀI 9

TIẾT 115,116: GTBH, TTNV, ĐỌC VĂN BẢN “MIỀN CHÂU THỎ SÔNG CỬU LONG CẦN CHUYÊN ĐỔI SỐNG CHUNG SANG CHÀO ĐÓN LỮ”

TIẾT 113: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (tt)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm (truyện): nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, nêu ra được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.
- HS biết sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ cho luận điểm được nêu trong bài viết.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi ĐÔI MẮT TINH ANH



- Truyện
- Tác phẩm
- Phân tích
- Chủ đề
- Đặc sắc nghệ thuật
- Cốt truyện
- Nhân vật
- Người kể chuyện

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Mỗi tác phẩm văn học là một thế giới nghệ thuật sống động, thu hút sự khám phá giải mã của người đọc. Việc phân tích tác phẩm giúp ta hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ và những thông điệp mà tác giả gửi gắm. Trong bài 6, chúng ta đã được hướng dẫn cách viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Phần viết của bài học này sẽ tiếp tục hướng dẫn các em cách viết kiểu bài trên để củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng đã học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Giới thiệu kiểu bài

- Mục tiêu:** Hiểu được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm và yêu cầu khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Giới thiệu kiểu bài 1. Khái niệm Phân tích một tác phẩm truyện là làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện qua những yếu tố cơ bản của thể loại truyện như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,... 2. Yêu cầu - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm. - Nêu được chủ đề của tác phẩm. - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...) - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *Bức tranh của em gái tôi- lời tự thú chân thành*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động THẺ CÂU HỎI	II. Phân tích bài viết tham khảo Phân mở đầu:

Gv chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu trả lời các thẻ câu hỏi, gv mời ngẫu nhiên các thành viên trong từng nhóm lần lượt trả lời từng thẻ câu hỏi 1. Phần mở bài của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm như thế nào? 2. Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đề của truyện là gì? 3. Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào về hình thức nghệ thuật? 4. Trong các đặc điểm về hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phân tích kĩ lưỡng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ cần nêu lên chứ không cần phải phân tích? 5. Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	1. Dẫn dắt, giới thiệu về nhà văn Tạ Duy Anh và truyện ngắn “Bức tranh của em gái tôi” Phần thân bài 2 - Nội dung chính: truyện kể về Kiều Phương, em gái của “tôi”, khi được phát hiện tài năng hội họa, “tôi” có chút ghen tị và mặc cảm. Khi em gái được giải nhất cuộc thi vẽ, “tôi” mới biết em đã vẽ một bức tranh về mình và thức tỉnh, nhận ra tấm lòng nhân hậu của em gái. - Chủ đề + Ca ngợi tài năng và vẻ đẹp của bé Kiều Phương. + Sự ăn năn, thức tỉnh của người anh → Tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình 3. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Sử dụng ngôi kể thứ nhất - Ngôn ngữ trong sáng, - Cốt truyện đơn giản - Lối mở truyện tự nhiên và kết truyện bất ngờ 4. Cần phân tích kĩ: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Kiều Phương chủ yếu được khắc hoạ qua lời nói, cử chỉ, hành động. + Anh trai được khắc hoạ rõ nét về tâm lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: giúp tâm trạng của nhân vật “tôi” được khắc hoạ chân thực Phần kết bài 5. Truyện đặt ra những vấn đề đáng suy ngẫm về tâm lí tuổi mới lớn và mối quan hệ ứng xử trong gia đình

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn phân tích một tác phẩm truyện gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài Tham khảo các đề tài sau: + Sức hấp dẫn của đoạn trích <i>Xe đêm</i> của Pau- xtốp- xki + Những nét đặc sắc của truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê + Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Đi lấy mật, trích Đất rừng Phương Nam</i> của Đoàn Giỏi b. Tìm ý Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi xoay quanh tác phẩm đã chọn: - Nội dung của truyện là gì? Nội dung của truyện được thể hiện như thế nào qua hệ thống nhân vật, sự kiện? - Chủ đề của truyện là gì? - Truyện có những đặc điểm nào nổi bật về hình thức nghệ thuật? Những đặc điểm về hình thức nghệ thuật đó

NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ	có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung? - Ý nghĩa của truyện là gì? c. Lập dàn ý - Mở bài: giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả); nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Thân bài + Nêu nội dung chính của tác phẩm. + Nêu chủ đề của tác phẩm. + Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm - Kết bài: khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm 2. Viết bài Khi viết bài, em cần chú ý: - Dựa vào dàn ý, triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm đã xây dựng - Xác định rõ mục đích viết bài văn phân tích tác phẩm truyện để không viết theo lối kể chuyện hay nêu cảm nghĩ. - Mỗi luận điểm cần được làm sang rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng. Khi phân tích cần bám sát sự kiện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc lại bài và chỉnh sửa

+ Gv hướng dẫn hs chỉnh sửa bài viết theo gợi ý dưới đây

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả) , nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.	Nếu chưa giới thiệu được tác phẩm , hãy viết một vài câu giới thiệu về truyện em sẽ phân tích
Nêu nội dung chính của tác phẩm	Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về tác phẩm. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung. Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung.
Nêu chủ đề của tác phẩm.	Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm.
Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.	Hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nghệ thuật đặc sắc.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv bổ sung, nhận xét.	

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
 - b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
 - c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
 - d. **Tổ chức thực hiện:**
- GV tổ chức hoạt động:**
- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu hoàn thành PHT

HỌ VÀ TÊN:.....
LỚP:.....

Phiếu học tập

(Chuẩn bị ở nhà: Lập dàn ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích)

1. Đọc lại truyện và ghi lại các thông tin cần thiết về tác giả, hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề

2.Lập dàn ý cho bài văn theo mẫu sau:

Mở bài - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm - Đánh giá, ấn tượng chung về tác phẩm	
Thân bài: Lần lượt phân tích tác phẩm truyện theo hệ thống ý dự kiến (nhân vật, cốt truyện hay theo phương diện nội dung, nghệ thuật)	
Hệ thống các ý	Nhận xét, ý kiến riêng của em
1. Nội dung chính của tác phẩm	
2. Chủ đề của tác phẩm	
3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật	
Kết bài: Khái quát ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện	

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Thực hành bài viết và chỉnh sửa đánh giá theo bảng mẫu.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm cách trình bày bài văn phân tích tác phẩm truyện.

- Đọc và chuẩn bị cho tiết Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (Văn học trong đời sống hiện nay). Trả bài kiểm tra giữa kì II

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....
.....

TIẾT 114: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI(VĂN HỌC TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY). TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.
- Nắm ưu, khuyết điểm của bài kiểm tra giữa kì II

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một vấn đề xã hội
- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về một vấn đề xã hội:

<https://www.youtube.com/watch?v=8PulDj5TPys>

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Sau khi xem xong video, em hãy trình bày ý kiến về vấn đề trên ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Xác định các thao tác cần thực hiện khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)

- a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi: + Trước khi nói, em cần lưu ý điều gì? + Khi trình bày bài nói, em cần kết hợp cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,...như thế nào? + Sau khi nói, em có cần trao đổi lại với người nghe hay không? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	A. NÓI VÀ NGNHE 1. Trước khi nói - Xác định nội dung nói : văn học trong đời sống hiện nay. - <i>Thu thập tư liệu và tìm ý :</i> + Tìm kiếm các tư liệu về vai trò, vị trí của văn học; cơ hội và thách thức của văn học trong đời sống hiện nay. + <i>Tập trung suy nghĩ về một số vấn đề và đặt ra các câu hỏi để tìm.</i> -Xây dựng dàn ý bài nói : + Xác định luận điểm + Sử dụng các lí lẽ. + Bằng chứng làm sáng tỏ các vấn đề - Dự kiến các ý kiến phản biện của người nghe để chuẩn bị trao đổi, đối thoại 2. Trình bày bài nói - Trình bày theo nội dung đã được chuẩn bị : + Mở đầu: Nêu các vấn đề, khẳng định tầm quan trọng của văn học đối với đời sống và những thách thức đặt ra cho bối cảnh hiện nay. + Triển khai: Trình bày các luận điểm triển khai vấn đề (có thể xác định luận điểm dựa vào vai trò, vị trí của văn học, thách thức của văn học trong đời sống hiện nay. + Kết luận: Dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cung cấp đáp án đề kiểm tra GV phát bài kiểm tra, nhận xét chung ưu, nhược điểm ? Tự nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra ? ? Trao đổi bài kiểm tra với bạn để cùng học tập ? HS tiếp nhận nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, lắng nghe, Thực hiện nhiệm vụ độc lập, nhóm B3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Lưu ý: Khi trình bày, cần chỉnh giọng nói, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,... phù hợp với nội dung nói; có thể kết hợp phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,...) để phần trình bày thêm sinh động. 3. Sau khi nói Người nói và người nghe cùng trao đổi về các vấn đề sau : - Nội dung và cách thức trình bày của người nói (đánh giá tính thuyết phục của hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; nhận xét về cách nói, giọng nói, cách sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ,...) - Ý kiến và cách phản biện của người nghe (đánh giá tính xác đáng, hợp lí của ý kiến; nội dung phản biện; cách tiếp nhận ý kiến của người nói) - Thái độ và sự tương tác giữa người nói và người nghe (đánh giá sự tôn trọng đối với người đối thoại, mức độ tương tác; tích cực hay rời rạc,...) B. TRẢ BÀI KIỂM TRA

B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS <i>*Ưu điểm:</i> HS nắm kiến thức, vận dụng đọc hiểu đoạn văn tốt ; Trình bày quan điểm, nêu được bài học về cách ứng xử của bản thân đối với vấn đề được đặt ra ; HS viết tương đối bài phân tích. Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy: biết sử dụng phương tiện liên kết (kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm) <i>*Hạn chế:</i> - Nhiều bài viết chưa hoàn chỉnh, nội dung còn đơn giản. - Bên cạnh đó phần đọc hiểu , một số HS chưa đọc kỹ yêu cầu của đề , làm sai , kết quả chưa cao. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... <i>* Những bài viết có nội dung tốt: Ý, Ly, Ngân, Nhi, ..</i> - Một số bài nội dung chưa đạt, diễn đạt vụng : Tân, Tâm Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Trình bày ý kiến ngắn về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài 9: THBH, TTNV, Đọc văn bản “*Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ*”.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

<i>Tiêu chí</i>		<i>Chưa tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Xuất sắc</i>
<i>Mở đầu</i>	<i>Có lời chào ban đầu và giới thiệu</i>			
	<i>Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)</i>			
<i>Nội dung chính</i>	<i>Các luận điểm triển khai về vấn đề xã hội đã được giới thiệu rõ ràng chưa?</i>			
	<i>Nội dung bài nói đã làm rõ được vai trò, vị trí của văn học và những thách thức của văn học trong đời sống hiện nay chưa ?</i>			

	<i>Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về các luận điểm của vấn đề được thể hiện như thế nào?</i>			
	<i>Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?</i>			
<i>Kết thúc</i>	<i>Khẳng định được vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Đã dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm chưa</i>			
<i>Kỹ năng trình bày</i>	<i>Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói</i>			
	<i>Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói</i>			
	<i>Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe</i>			

BÀI 9

TIẾT 115, 116: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “ MIỀN CHÂU THỎ SÔNG CỬU LONG CẦN CHUYỂN ĐỔI TỪ SỐNG CHUNG SANG CHÀO ĐÓN LŨ”

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Những hiểu biết về văn bản thông tin.

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của kiểu VB giải thích một hiện tượng tự nhiên có lồng ghép các đề xuất, kiến nghị cần thiết.
- HS nhận biết và phân tích được sự phối hợp các cách triển khai VB thông tin được thể hiện trong VB.
- HS thấy được những thách thức đối với môi trường sống của chúng ta thông qua các thông tin về cuộc sống của cư dân miền châu thổ sông Cửu Long thời điểm VB ra đời

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ: thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất

- Thể hiện được thái độ quan tâm những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch bài dạy
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim
 - + Phiếu học tập.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kỹ phần **Định hướng** trong nội dung SGK.

III. Tiến trình dạy học

A. Chủ đề bài học và tri thức ngữ văn

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi

*GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

1) Nêu ngắn gọn nội dung mà video đề cập đến.

2) Từ nội dung ấy, đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ (hiện trạng, nguyên nhân) và bài học gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?

- HS tự bộc lộ, chia sẻ những hiểu biết và suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

- GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

- GV gọi HS khác cùng chia sẻ; GV đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới: *Hiểu biết và chung sống hài hoà với tự nhiên là một trong những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nếu ứng xử với tự nhiên không tốt, con người sẽ phải trả giá đắt. Sống tôn trọng và nương theo nhịp điệu của tự nhiên giúp mỗi chúng ta có được sự thanh thản và hạnh phúc. Trước tiên, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung bài học	Trả lời
- Chủ đề bài học:	
- Kiểu văn bản:	
- Thể loại văn bản:	

- VB đọc chính:	
- VB đọc kết nối chủ đề:	
- VB thực hành đọc:	

PHIẾU HỌC TẬP 02

Tìm hiểu		
1. Văn bản thông tin	Mục đích	
	Mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan	
2. Tiêu loại		
a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên	Mục đích	
	Cách triển khai VB	
b. Văn bản giới thiệu một bộ phim	Mục đích	
	Cách triển khai VB	

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi và chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm học tập
- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.86) và tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu trả lời vào Phiếu HT số 1, với các câu hỏi gợi ý: 1) Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học? 2) Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành? 3) Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?). - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.	I. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học: Hướng tới tương lai tốt đẹp từ những hành động, hoạt động thiết thực, có ý nghĩa của hôm nay - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin. - Thể loại văn bản: Thuyết minh. - VB đọc chính: -> Thuyết minh Văn bản 1: <i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i> (Lê Anh Tuấn) Văn bản 2. <i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i> (Lâm Lê) - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton</i> (Seattle), Xi-át-ton - VB thực hành đọc: VB4:

	“Dấu chân sinh thái” của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất (Dương Xuân Thảo)
Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về VB thông tin và những tiêu loại. b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của kiểu VB. c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về kiểu VB. d. Tổ chức thực hiện:	
*GV yêu cầu HS: - Nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở lớp 7 - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. (Khái niệm: là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin...) - Đọc kĩ 3 văn bản để nhận diện đặc điểm và chức năng (GV chiếu lên tivi cho HS theo dõi); - Kết hợp SGK tr.87 để đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i>; - Sau đó trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 02. - GV gợi ý bằng các câu hỏi để khơi sâu vấn đề cho HS hoàn thành tốt phiếu HT: - Điều quan trọng nhất mà người đọc trông đợi ở VB thông tin là gì? - Để đảm bảo tính khách quan cho một VB thông tin, người viết phải đặc biệt chú ý những vấn đề nào? - Ý kiến chủ quan của người viết cần được thể hiện ra sao để tính khách quan của VB thông tin không bị phương hại? <i>Điều kiện nảy sinh của loại VB giải</i>	II. Khám phá tri thức ngữ văn 1. Văn bản thông tin: *Mục đích: mục đích chính là cung cấp thông tin xác thực về một sự vật, sự việc, hiện tượng trong đời sống tự nhiên và xã hội. * Mỗi quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan: - Ý kiến chủ quan của tác giả phải được đặt độc lập với phần cung cấp thông tin khách quan. - Thông tin đưa đến cho người tiếp nhận không bị bóp méo, sai lệch. => Tính khách quan của cách đưa thông tin và bản thân thông tin có tầm quan trọng đặc biệt. 2. Một số kiểu văn bản thông tin <u>a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên</u> * Mục đích: - Làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân xuất hiện và những tác động tích cực hoặc tiêu cực có thể có đối với đời sống con người của một hiện tượng tự nhiên nào đó. * Cách triển khai văn bản: - Miêu tả hiện tượng với + Những biểu hiện điển hình + Có hình ảnh trực quan, kết quả của việc ghi nhận tại chỗ hoặc khai thác từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy. - Giải thích hiện tượng bằng những căn cứ và lập luận khoa học, người thực hiện

<i>thích một hiện tượng tự nhiên là gì?</i> <i>VB giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc như thế nào?</i> - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. + <i>VB thông tin thường hướng tới một mục đích nhất định. Em hãy nêu những mục đích mà kiểu văn bản này hướng tới.</i> + <i>Ở năm học trước, các em được tiếp xúc với kiểu VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Năm nay chúng ta tiếp tục được tìm hiểu những tiểu loại văn bản nào? Mục đích và cách thể hiện của các tiểu loại văn bản đó?</i> <u>GV lưu ý:</u> Có nhiều hiện tượng tự nhiên, có những hiện tượng khó có thể cắt nghĩa bằng tri thức cảm tính và bằng phép suy luận thông thường nên cần được các chuyên gia, các nhà khoa học giải thích. Kiểu VB giải thích hiện tượng tự nhiên nảy sinh từ đó. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	<u>b. Văn bản giới thiệu một bộ phim</u> * Mục đích: quảng bá các sản phẩm điện ảnh hay giúp khán giả có được những hiểu biết thường thức về điện ảnh. - Phân chia các loại phim: phim nhựa, phim truyền hình; phim tài liệu, phim truyện; phim hành động, phim dã sử, phim tâm lý xã hội, phim giả tưởng;... * Cách triển khai văn bản: - Giới thiệu thông tin gồm: Nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim,... - Có sự kết hợp linh hoạt giữa: + Thông tin khách quan và đánh giá chủ quan + Giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc) - Trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận.

B. Văn bản 1: Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ (Lê Anh Tuấn)

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về mùa nước nổi ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để chuẩn bị cho việc đọc, tiếp nhận VB một cách tích cực.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trải nghiệm, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV cho HS xem video mưu sinh mùa nước nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long đó trả lời câu hỏi: tìm ít nhất một thông điệp mà đoạn video muốn gửi đến người xem?

Cách 2: GV cho HS lần lượt trả lời các câu hỏi ở phần TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy nêu tên một sáng tác dân gian có nói đến hiện tượng lũ lụt. Theo em, trong sáng tác đó, lũ lụt đã để lại ấn tượng nổi bật gì?

2. Em hiểu thế nào về nội dung của thành ngữ sống chung với lũ? Thử suy đoán về nguồn gốc của thành ngữ này.

Gợi ý:

Câu 1:

Một số sáng tác dân gian nói đến hiện tượng lũ lụt như

+ Ca dao

Lũ khủng khiếp, sức thủy thần tàn phá
Mất mát, đau thương chìm trong thảm họa
Thương bé thơ tay vẫy giữa biển trời...!
Ý chí An Giang nay mang vào cứu lụt
Thắng thủy thần bằng sức mạnh lòng dân

Thương trắng vờ trên đồng nước nổi
Gió thu ào khóc giữa mưa giăng
Ai biến đồng xanh thành biển cả
Cánh đé ngày xưa bỗng lạc đàn
Bến sông giờ đã chìm trong lũ
Em giạt về đâu trong mưa giông

Truyện thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh đi vào ca dao

Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm bão oán đời đời đánh ghen.
Ông tha mà bà chẳng tha
Vẫn làm con lụt mừng ba tháng mười.

+ Tục ngữ:

Tháng bảy kiến đàn, đại ngàn hồng thủy (lũ miền bắc)
Khi nào nhãn nở đầy hoa
Kiến leo cột nhà, chạy lụt cho mau

=> Thông qua hiện tượng lũ lụt, cha ông ta đã quan sát móc nối các hiện tượng tự nhiên để có thể dự đoán được mưa bão sắp tới bảo vệ nông nghiệp và mùa màng.

GV dẫn vào bài: Trong kho tàng tục ngữ, ca dao ta bắt gặp những kinh nghiệm được đúc rút về các hiện tượng tự nhiên nhưng chúng đã thực chất là một VB giải thích một hiện tượng tự nhiên chưa. Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên được thể hiện như thế nào, nó có cấu trúc ra sao thì bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu sâu và hiểu rõ thông qua tiết đọc hiểu văn bản.

Câu 2: Thành ngữ sống chung với lũ

Nghĩa đen

Thành ngữ “sống chung với lũ” dùng để chỉ cách sống, sinh hoạt của người dân khi xảy ra lũ lụt trong thời gian dài. Khi đó, thay vì phải di tản, bỏ chạy để tránh lũ. Thì người dân sẽ chọn cách xây dựng nhà cửa, chăn nuôi... dựa trên đặc điểm của con lũ, để có thể sinh hoạt bình thường tại chỗ. Thậm chí, lợi dụng lũ lụt để phát triển kinh tế, giao thông. Thành ngữ này thường được dùng để chỉ cuộc sống của bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nghĩa bóng

Người ta thường dùng thành ngữ “sống chung với lũ” để chỉ cách sống, lối sống hòa hợp với khó khăn, nguy hiểm. Thay vì bỏ chạy khỏi những khó khăn đó, để tìm nơi khác có hoàn cảnh tốt hơn. Thì họ lại chọn sống cùng với hoàn cảnh khó khăn đó, tìm sự thoải mái, bình ổn từ chính nó.

*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

*Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

*GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: Các em ạ, con người và mọi sinh vật trên trái đất đang đứng trước những thử thách khốc liệt trước những biến đổi của tạo hóa. Bài học " Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ " của tác giả Lê Anh Tuấn đã giúp chúng ta hiểu cách ứng phó với tự nhiên một cách hạnh phúc và hòa hợp như thế nào.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. KHÁM PHÁ CHUNG VỀ VĂN BẢN

Mục tiêu: Giúp HS

- a. Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, bố cục, nhan đề.
- b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																																										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả <i>Người viết (tác giả) là ai, hoạt động trong lĩnh vực nào? Lĩnh vực hoạt động đó tác động như thế nào đến cách tiếp cận vấn đề, hiện tượng được nêu trong VB? Có gì khác giữa cách nhìn của một nhà thơ hay nhà văn và của một nhà khoa học về hiện tượng lũ lụt?</i> - GV phân công HS đọc (đọc to trước lớp), nhắc HS chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải VB. Hai chiến lược đọc chủ yếu cần vận dụng là <i>theo dõi</i> và <i>liên hệ</i>. Đối với một VB thông tin đề cập những vấn đề mang tính thời sự, đây là hai chiến lược đọc phù hợp nhất. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung tác phẩm: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ Phiếu học tập số 1, giao về nhà. PHIẾU HỌC TẬP 01 Khám phá chung về văn bản (Phiếu học tập giao về nhà) <table><tr><th>STT</th><th>Thông tin</th><th>Trả lời</th></tr><tr><td>1</td><td>Tác giả:</td><td>...</td></tr><tr><td>2</td><td>Xuất xứ:</td><td>...</td></tr><tr><td>3</td><td>Kiểu văn bản:</td><td>...</td></tr><tr><td>4</td><td>Vấn đề được đề cập:</td><td>...</td></tr><tr><td>5</td><td>Phương thức biểu đạt:</td><td>...</td></tr><tr><td>6</td><td>Bố cục và nội dung chính (đặt tiêu đề cho từng phần):</td><td>...</td></tr></table>	STT	Thông tin	Trả lời	1	Tác giả:	...	2	Xuất xứ:	...	3	Kiểu văn bản:	...	4	Vấn đề được đề cập:	...	5	Phương thức biểu đạt:	...	6	Bố cục và nội dung chính (đặt tiêu đề cho từng phần):	...	1. Tác giả: 1. Tác giả  - Sinh năm 1960, quê ở Thừa Thiên Huế - Chuyên gia nghiên cứu về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, về biến đổi khí hậu - Đã xuất bản hơn 50 bài báo, tài liệu hội thảo, sách cả tiếng Việt và tiếng Anh. Lê Anh Tuấn Tiến sĩ – Giảng viên cao cấp 2. Tác phẩm a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích b. Tìm hiểu chung về văn bản PHIẾU HỌC TẬP 01 <table><tr><th>STT</th><th>Thông tin</th><th>Trả lời</th></tr><tr><td>1</td><td>Tác giả:</td><td>Lê Anh Tuấn...</td></tr><tr><td>2</td><td>Xuất xứ:</td><td>Tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i>, ngày 06/02/2022)</td></tr><tr><td>3</td><td>Kiểu văn bản:</td><td>Văn bản thông tin</td></tr><tr><td>4</td><td>Vấn đề được đề cập:</td><td>Sự ứng phó tích cực của con người với thiên nhiên</td></tr><tr><td>5</td><td>Phương thức biểu đạt:</td><td>Nghị luận, thuyết minh</td></tr><tr><td>6</td><td>Bố cục và nội dung chính</td><td> - Phần 1: <i>Từ đầu => chào đón lũ</i> (đặt vấn đề): Vai trò của lũ ở đồng bằng sông Cửu Long - Phần 2: <i>Tiếp => ở các thời đoạn khó khăn</i> (thuyết minh, lý giải về từng khía cạnh của vấn đề): Quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi và tác hại của lũ. - Phần 3: <i>Còn lại (kết luận)</i>: Thái độ của người của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long </td></tr></table> ↓ Mang tính chất, đặc điểm của VB giải thích một hiện tượng tự nhiên rất rõ - Giải thích một cách tường tận về quá trình hình thành các châu thổ nói chung, châu thổ sông Cửu Long nói riêng - Tác động tích cực của lũ đối với việc tạo nên một vùng thổ nhưỡng trù phú. Mục đích chính của VB: làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân và những tác động tích	STT	Thông tin	Trả lời	1	Tác giả:	Lê Anh Tuấn...	2	Xuất xứ:	Tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i> , ngày 06/02/2022)	3	Kiểu văn bản:	Văn bản thông tin	4	Vấn đề được đề cập:	Sự ứng phó tích cực của con người với thiên nhiên	5	Phương thức biểu đạt:	Nghị luận, thuyết minh	6	Bố cục và nội dung chính	- Phần 1: <i>Từ đầu => chào đón lũ</i> (đặt vấn đề): Vai trò của lũ ở đồng bằng sông Cửu Long - Phần 2: <i>Tiếp => ở các thời đoạn khó khăn</i> (thuyết minh, lý giải về từng khía cạnh của vấn đề): Quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi và tác hại của lũ. - Phần 3: <i>Còn lại (kết luận)</i>: Thái độ của người của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long
STT	Thông tin	Trả lời																																									
1	Tác giả:	...																																									
2	Xuất xứ:	...																																									
3	Kiểu văn bản:	...																																									
4	Vấn đề được đề cập:	...																																									
5	Phương thức biểu đạt:	...																																									
6	Bố cục và nội dung chính (đặt tiêu đề cho từng phần):	...																																									
STT	Thông tin	Trả lời																																									
1	Tác giả:	Lê Anh Tuấn...																																									
2	Xuất xứ:	Tạp chí <i>Kinh tế Sài Gòn Online</i> , ngày 06/02/2022)																																									
3	Kiểu văn bản:	Văn bản thông tin																																									
4	Vấn đề được đề cập:	Sự ứng phó tích cực của con người với thiên nhiên																																									
5	Phương thức biểu đạt:	Nghị luận, thuyết minh																																									
6	Bố cục và nội dung chính	- Phần 1: <i>Từ đầu => chào đón lũ</i> (đặt vấn đề): Vai trò của lũ ở đồng bằng sông Cửu Long - Phần 2: <i>Tiếp => ở các thời đoạn khó khăn</i> (thuyết minh, lý giải về từng khía cạnh của vấn đề): Quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi và tác hại của lũ. - Phần 3: <i>Còn lại (kết luận)</i>: Thái độ của người của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long																																									

Nếu thuận tuý là VB giải thích một hiện tượng tự nhiên, theo em, phần nào trong VB có thể lược bớt? Em có thể viết lại đoạn mở đầu của VB như thế nào?...

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề tác phẩm:

Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

- HS trả lời nhanh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

cực của hiện tượng lũ đối với miền châu thổ sông Cửu Long

=> Là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên



II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết, hiểu được nội dung chính, mục đích và cách triển khai văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: <i>Theo em, những phần nào hoặc câu nào của VB có thể giúp em nắm bắt được thông tin chính của VB một cách chính xác? Cần diễn đạt về thông tin chính của VB như thế nào cho phù hợp?...</i> <i>Thông tin chính mà tác giả muốn chuyển tải qua văn bản này là gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ thông qua kỹ thuật Think – pair – share Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Kết luận, nhận định	1. Hiện tượng lũ (giới thiệu vấn đề) - Sa – pô: Giới thiệu về lũ + Hàng trăm năm: xuất hiện từ lâu + “Lũ” không về hoặc về ít => sự thay đổi của lũ + Mùa nước nổi: cách gọi gần gũi =>Lũ có vai trò quan trọng với vùng đồng bằng sông Cửu Long - Cách ứng xử với lũ: + Sống chung: cam chịu, bị động + Chào đón: Chủ động, tích cực => Sự chuyển đổi tích cực và khôn ngoan.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung, cách trình bày thông tin trong VB giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b. Nội dung: HS dựa vào nội dung đã tìm hiểu để trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời.

- Bài tập: Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cách trình bày văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên được thể hiện trong văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để liên hệ trải nghiệm thực tiễn của cá nhân.

b. Nội dung: HS vận dụng kỹ năng viết đoạn để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 5-7 phút.

*** Đề bài 1:** Hãy viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) nêu những thu nhận bổ ích của em qua đọc văn bản “Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển đổi từ sông chung sang chào đón lũ”.

***Gợi ý:**

- **Về hình thức:** Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

- **Về nội dung:** Đoạn văn cần trả lời được các câu hỏi: văn bản “Miền châu thổ sông cửu Long cần chuyển đổi từ sông chung sang chào đón lũ” mang lại cho em những thu nhận bổ ích gì?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.

- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài: Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển từ sống chung sang chào đón lũ.

TUẦN 30

NGÀY SOẠN: 14/9/2024

BÀI 9

**TIẾT 117: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN
“ MIỀN CHÂU THỔ SÔNG CỬU LONG CẦN CHUYỂN ĐỔI TỪ SỐNG CHUNG
SANG CHÀO ĐÓN LŨ” (TT)**

TIẾT 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**TIẾT 119+120: ĐỌC VĂN BẢN: CHOÁNG NGỢP VÀ ĐAU ĐÓN NHỮNG CẢNH
BÁO TỪ LOẠT PHIM “HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA”**

**TIẾT 117: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN
“ MIỀN CHÂU THỔ SÔNG CỬU LONG CẦN CHUYỂN ĐỔI TỪ SỐNG
CHUNG SANG CHÀO ĐÓN LŨ” (TT)**

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

Những hiểu biết về văn bản thông tin.

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của kiểu VB giải thích một hiện tượng tự nhiên có lồng ghép các đề xuất, kiến nghị cần thiết.
- HS nhận biết và phân tích được sự phối hợp các cách triển khai VB thông tin được thể hiện trong VB.
- HS thấy được những thách thức đối với môi trường sống của chúng ta thông qua các thông tin về cuộc sống của cư dân miền châu thổ sông Cửu Long thời điểm VB ra đời

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ: thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất

- Thể hiện được thái độ quan tâm những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim
 - + Phiếu học tập.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung SGK.

III. Tiến trình dạy học

B. Chủ đề bài học và tri thức ngữ văn

2. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi

*GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

1) Nêu ngắn gọn nội dung mà video đề cập đến.

2) Từ nội dung ấy, đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ (hiện trạng, nguyên nhân) và bài học gì về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên?

- HS tự bộc lộ, chia sẻ những hiểu biết và suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

- GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

- GV gọi HS khác cùng chia sẻ; GV đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới: *Hiểu biết và chung sống hài hoà với tự nhiên là một trong những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nếu ứng xử với tự nhiên không tốt, con người sẽ phải trả giá đắt. Sống tôn trọng và nương theo nhịp điệu của tự nhiên giúp mỗi chúng ta có được sự thanh thản và hạnh phúc. Trước tiên, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung bài học	Trả lời
- Chủ đề bài học:	
- Kiểu văn bản:	
- Thể loại văn bản:	
- VB đọc chính:	
- VB đọc kết nối chủ đề:	
- VB thực hành đọc:	

PHIẾU HỌC TẬP 02

Tìm hiểu		
1. Văn bản thông tin	Mục đích	
	Mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan	
2. Tiêu loại		
a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên	Mục đích	
	Cách triển khai VB	

b. Văn bản giới thiệu một bộ phim	Mục đích	
	Cách triển khai VB	

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS thảo luận cặp đôi và chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm học tập
- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.86) và tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện câu trả lời vào Phiếu HT số 1, với các câu hỏi gợi ý: 1) <i>Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học?</i> 2) <i>Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành?</i> 3) <i>Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?).</i> - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.	I. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học: Hướng tới tương lai tốt đẹp từ những hành động, hoạt động thiết thực, có ý nghĩa của hôm nay - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin. - Thể loại văn bản: Thuyết minh. - VB đọc chính: ->Thuyết minh Văn bản 1: <i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i> (Lê Anh Tuấn) Văn bản 2: <i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i> (Lâm Lê) - VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton</i> (Seattle), Xi-át-ton - VB thực hành đọc: VB4: <i>“Dấu chân sinh thái” của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất</i> (Dương Xuân Thảo)

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về VB thông tin và những tiểu loại.

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của kiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về kiểu VB.

d. Tổ chức thực hiện:

*GV yêu cầu HS: - Nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở lớp 7 - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. (Khái niệm: <i>là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Loại văn bản này rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống. Nó bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn,</i>	II. Khám phá tri thức ngữ văn 1. Văn bản thông tin: *Mục đích: mục đích chính là cung cấp thông tin xác thực về một sự vật, sự việc, hiện tượng trong đời sống tự nhiên và xã hội. * Mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan: - Ý kiến chủ quan của tác giả phải được đặt độc lập với phần cung cấp thông tin khách quan. - Thông tin đưa đến cho người tiếp nhận không bị bóp méo, sai lệch.

<i>hướng dẫn sử dụng sản phẩm, các văn bản hành chính, từ điển, bản tin...)</i> - Đọc kĩ 3 văn bản để nhận diện đặc điểm và chức năng (GV chiếu lên tivi cho HS theo dõi); - Kết hợp SGK tr.87 để đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i>; - Sau đó trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 02. - GV gợi ý bằng các câu hỏi để khơi sâu vấn đề cho HS hoàn thành tốt phiếu HT: - <i>Điều quan trọng nhất mà người đọc trông đợi ở VB thông tin là gì?</i> - <i>Để đảm bảo tính khách quan cho một VB thông tin, người viết phải đặc biệt chú ý những vấn đề nào?</i> - <i>Ý kiến chủ quan của người viết cần được thể hiện ra sao để tính khách quan của VB thông tin không bị phương hại?</i> <i>Điều kiện nảy sinh của loại VB giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?</i> <i>VB giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc như thế nào?</i> - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. + <i>VB thông tin thường hướng tới một mục đích nhất định. Em hãy nêu những mục đích mà kiểu văn bản này hướng tới.</i> + <i>Ở năm học trước, các em được tiếp xúc với kiểu VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Năm nay chúng ta tiếp tục được tìm hiểu những tiểu loại văn bản nào? Mục đích và cách thể hiện của các tiểu loại văn bản đó?</i> GV lưu ý: Có nhiều hiện tượng tự nhiên, có những hiện tượng khó có thể cắt nghĩa bằng tri thức cảm tính và bằng phép suy luận thông thường nên cần được các chuyên gia, các nhà khoa học giải thích. Kiểu VB giải thích hiện tượng tự nhiên nảy sinh từ đó. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	=> Tính khách quan của cách đưa thông tin và bản thân thông tin có tầm quan trọng đặc biệt. 2. Một số kiểu văn bản thông tin a. Văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên * Mục đích: - Làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân xuất hiện và những tác động tích cực hoặc tiêu cực có thể có đối với đời sống con người của một hiện tượng tự nhiên nào đó. * Cách triển khai văn bản: - Miêu tả hiện tượng với + Những biểu hiện điển hình + Có hình ảnh trực quan, kết quả của việc ghi nhận tại chỗ hoặc khai thác từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy. - Giải thích hiện tượng bằng những căn cứ và lập luận khoa học, người thực hiện b. Văn bản giới thiệu một bộ phim * Mục đích: quảng bá các sản phẩm điện ảnh hay giúp khán giả có được những hiểu biết thường thức về điện ảnh. - Phân chia các loại phim: phim nhựa, phim truyền hình; phim tài liệu, phim truyện; phim hành động, phim dã sử, phim tâm lí xã hội, phim giả tưởng;... * Cách triển khai văn bản: - Giới thiệu thông tin gồm: Nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim,... - Có sự kết hợp linh hoạt giữa: + Thông tin khách quan và đánh giá chủ quan + Giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc) - Trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận.

B. Văn bản 1: Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sông chung sang chào đón lũ (Lê Anh Tuấn)

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về mùa nước nổi ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long để chuẩn bị cho việc đọc, tiếp nhận VB một cách tích cực.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trải nghiệm, làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV cho HS xem video mưu sinh mùa nước nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long đó trả lời câu hỏi: tìm ít nhất một thông điệp mà đoạn video muốn gửi đến người xem?

Cách 2: GV cho HS lần lượt trả lời các câu hỏi ở phần TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy nêu tên một sáng tác dân gian có nói đến hiện tượng lũ lụt. Theo em, trong sáng tác đó, lũ lụt đã để lại ấn tượng nổi bật gì?

2. Em hiểu thế nào về nội dung của thành ngữ sống chung với lũ? Thử suy đoán về nguồn gốc của thành ngữ này.

Gợi ý:

Câu 1:

Một số sáng tác dân gian nói đến hiện tượng lũ lụt như

+ Ca dao

*Lũ khủng khiếp, sức thủy thần tàn phá
Mắt mát, đau thương chìm trong thảm họa
Thương bé thơ tay vẫy giữa biển trời...!
Ý chí An Giang nay mang vào cứu lụt
Thắng thủy thần bằng sức mạnh lòng dân*

*Thương trăng vỡ trên đồng nước nổi
Gió thu ào khóc giữa mưa giăng
Ai biến đồng xanh thành biển cả
Cánh đé ngày xưa bỗng lạc đàn
Bến sông giờ đã chìm trong lũ
Em giạt về đâu trong mưa giông*

Truyện thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh đi vào ca dao

*Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen.
Ông tha mà bà chẳng tha
Vẫn làm con lụt mừng ba tháng mười.*

+ Tục ngữ:

*Tháng bảy kiến đàn, đại ngàn hồng thủy (lũ miền bắc)
Khi nào nhỡ nở đầy hoa
Kiến leo cột nhà, chạy lụt cho mau*

=> Thông qua hiện tượng lũ lụt, cha ông ta đã quan sát móc nối các hiện tượng tự nhiên để có thể dự đoán được mưa bão sắp tới bảo vệ nông nghiệp và mùa màng.

GV dẫn vào bài: Trong kho tàng tục ngữ, ca dao ta bắt gặp những kinh nghiệm được đúc rút về các hiện tượng tự nhiên nhưng chúng đã thực chất là một VB giải thích một hiện tượng tự nhiên chưa. Văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên được thể hiện như thế nào, nó có cấu trúc ra sao thì bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu sâu và hiểu rõ thông qua tiết đọc hiểu văn bản.

Câu 2: Thành ngữ sống chung với lũ

Nghĩa đen

Thành ngữ “sống chung với lũ” dùng để chỉ cách sống, sinh hoạt của người dân khi xảy ra lũ lụt trong thời gian dài. Khi đó, thay vì phải di tản, bỏ chạy để tránh lũ. Thì người dân sẽ chọn cách xây dựng nhà cửa, chăn nuôi... dựa trên đặc điểm của con lũ, để có

thể sinh hoạt bình thường tại chỗ. Thậm chí, lợi dụng lũ lụt để phát triển kinh tế, giao thông. Thành ngữ này thường được dùng để chỉ cuộc sống của bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nghĩa bóng

Người ta thường dùng thành ngữ “sống chung với lũ” để chỉ cách sống, lối sống hòa hợp với khó khăn, nguy hiểm. Thay vì bỏ chạy khỏi những khó khăn đó, để tìm nơi khác có hoàn cảnh tốt hơn. Thì họ lại chọn sống cùng với hoàn cảnh khó khăn đó, tìm sự thoải mái, bình ổn từ chính nó.

*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

*Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

*GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: Các em ạ, con người và mọi sinh vật trên trái đất đang đứng trước những thử thách khốc liệt trước những biến đổi của tạo hóa. Bài học " *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ* " của tác giả Lê Anh Tuấn đã giúp chúng ta hiểu cách ứng phó với thiên nhiên một cách hạnh phúc và hòa hợp như thế nào.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. KHÁM PHÁ CHUNG VỀ VĂN BẢN	
Mục tiêu: Giúp HS a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, bố cục, nhan đề. b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu. c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả <i>Người viết (tác giả) là ai, hoạt động trong lĩnh vực nào? Lĩnh vực hoạt động đó tác động như thế nào đến cách tiếp cận vấn đề, hiện tượng được nêu trong VB? Có gì khác giữa cách nhìn của một nhà thơ hay nhà văn và của một nhà khoa học về hiện tượng lũ lụt?</i> - GV phân công HS đọc (đọc to trước lớp), nhắc HS chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải VB. Hai chiến lược đọc chủ yếu cần vận dụng là <i>theo dõi</i> và <i>liên hệ</i>. Đối với một VB thông tin đề cập những vấn đề mang tính thời sự, đây là hai chiến lược đọc phù hợp nhất. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung tác phẩm: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về	1. Tác giả: 1. Tác giả  - Sinh năm 1960, quê ở Thừa Thiên Huế - Chuyên gia nghiên cứu về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, về biến đổi khí hậu. - Đã xuất bản hơn 50 bài báo, tài liệu hội thảo, sách cả tiếng Việt và tiếng Anh. Lê Anh Tuấn Tiến sĩ – Giảng viên cao cấp  2. Tác phẩm a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích b. Tìm hiểu chung về văn bản

nhà và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ **Phiếu học tập số 1**, giao về nhà.

PHIẾU HỌC TẬP 01
Khám phá chung về văn bản
(Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
4	Vấn đề được đề cập:	...
5	Phương thức biểu đạt:	...
6	Bố cục và nội dung chính (đặt tiêu đề cho từng phần):	...

(1) Có thể xếp “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ” vào kiểu văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên được không? Vì sao? Nếu thuận tuý là VB giải thích một hiện tượng tự nhiên, theo em, phần nào trong VB có thể lược bớt? Em có thể viết lại đoạn mở đầu của VB như thế nào?...

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề tác phẩm:

Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.

- HS trả lời nhanh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

PHIẾU HỌC TẬP 01

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	Lê Anh Tuấn...
2	Xuất xứ:	Tạp chí Kinh tế Sài Gòn Online, ngày 06/02/2022
3	Kiểu văn bản:	Văn bản thông tin
4	Vấn đề được đề cập:	Sự ứng phó tích cực của con người với thiên nhiên
5	Phương thức biểu đạt:	Nghị luận, thuyết minh
6	Bố cục và nội dung chính	- Phần 1: Từ đầu => chào đón lũ (đặt vấn đề): Vai trò của lũ ở đồng bằng sông Cửu Long - Phần 2: Tiếp => ở các thời đoạn khó khăn (thuyết minh, lý giải về từng khía cạnh của vấn đề): Quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi và tác hại của lũ. - Phần 3: Còn lại (kết luận): Thái độ của người của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Giải thích một cách tường tận về quá trình hình thành các châu thổ nói chung, châu thổ sông Cửu Long nói riêng
- Tác động tích cực của lũ đối với việc tạo nên một vùng thổ nhưỡng trù phú.

Mục đích chính của VB: làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân và những tác động tích cực của hiện tượng lũ đối với miền châu thổ sông Cửu Long
=> Là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên



II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết, hiểu được nội dung chính, mục đích và cách triển khai văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

d. Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: <i>Theo em, những phần nào hoặc câu nào của VB có thể giúp em nắm bắt được thông tin chính của</i>	1. Hiện tượng lũ (giới thiệu vấn đề) - Sa – pô: Giới thiệu về lũ + Hàng trăm năm: xuất hiện từ lâu + “Lũ” không về hoặc về ít => sự thay đổi của lũ + Mùa nước nổi: cách gọi gần gũi

VB một cách chính xác? Cần diễn đạt về thông tin chính của VB như thế nào cho phù hợp?...
Thông tin chính mà tác giả muốn chuyển tải qua văn bản này là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi và thực hiện nhiệm vụ thông qua kỹ thuật Think – pair – shark

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=>Lũ có vai trò quan trọng với vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Cách ứng xử với lũ:
- + Sống chung: cam chịu, bị động
- + Chào đón: Chủ động, tích cực
- => Sự chuyển đổi tích cực và khôn ngoan.

GV chuyển ý: Phần (2) là phần trọng tâm, cung cấp thông tin xoay quanh 2 nội dung chính: quá trình hình thành một châu thổ nói chung và châu thổ sông Cửu Long nói riêng; ích lợi (mặt cơ bản) và tác hại (mặt thứ yếu, không thể tránh khỏi) của lũ.. Vậy cách thể hiện văn bản giải thích hiện tượng tự nhiên như nào chúng ta tìm hiểu ở nội dung tiếp theo

*** Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm 4-6 em với câu hỏi số 1

(1) Thông tin trong văn bản được thể hiện qua các phương thức nào? Nội dung và tác dụng của các phương thức đó.

Phương thức	Về nội dung	Tác dụng
Văn bản (chữ)		
Hình ảnh		
Số liệu		

Phương thức	Về nội dung	Tác dụng
Văn bản (chữ)	Làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân và những tác động tích cực của lũ đối với miền châu thổ sông Cửu Long	Sự cần thiết phải chuyển đổi từ sống chung với lũ sang chào đón lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long
Hình ảnh	Đồng lũ An Giang	Mình chứng sống động cho cảnh lũ ở đồng bằng sông Cửu Long
Số liệu	Thời gian, năng suất lúa, sản lượng thủy sản, trầm tích	Mình chứng về sự trù phú do lũ mang lại

(2) Tác giả giải thích như thế nào về quá trình kiến tạo đồng bằng nói chung?

Những điểm đặc biệt trong sự hình thành vùng châu thổ 542ong cửu Long là gì?

2. Tác động của lũ
a. Kiến tạo đồng bằng châu thổ:

- Vị trí: hạ lưu sông
- Hình thành và phát triển: từ lũ
- Thời gian hình thành: hàng trăm năm, hàng triệu năm
- Quá trình hình thành: mưa lớn ở đầu nguồn cuốn theo các vật liệu đổ ra sông xuôi xuống hạ lưu rồi ra biển tích tụ trầm tích và bùn cát => tạo nên đồng bằng

b. Kiến tạo châu thổ sông Cửu Long

- Có tuổi địa chất trẻ
- Thượng nguồn là dãy Hi-ma-lay-a

(3) Thông tin trong văn bản được trình bày theo trật tự hay quan hệ nào? Nêu nhận xét về hiệu quả của cách trình bày đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Các dạng địa hình lũ đi qua: núi cao , cao nguyên, đồi núi thấp, đồng bằng và kết thúc ở vùng biển phía nam thềm lục địa của tổ quốc Tác giả sử dụng các số liệu để tăng tính thuyết phục: Quá trình trầm tích vùng châu thổ xảy ra liên tục hơn 5 000 - 7 000 năm và theo quy luật vật lí của sự phân bố bùn cát, những hạt vật chất lớn như đá, sỏi cuội to, sỏi nhỏ và cát thô sẽ trầm tích ở phía trên trong klú các hạt cát hung, cát mịn và phù sa lơ lửng xuôi về vùng châu thổ tiếp giáp với biển, * Cách triển khai thông tin: - Chủ yếu theo quan hệ nhân quả. Ví dụ đoạn nói về lũ: Lũ -> Kết nối dòng chảy, bồi đắp phù sa, cung cấp nguồn dinh dưỡng cho nhiều loài sinh vật -> Tạo đồng bằng màu mỡ. - Trình bày thông tin theo “mức độ quan trọng của đối tượng”: VD ở đoạn từ Ngập lụt đã tạo nên ít nhất là ba kết nối quan trọng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn khó tồn tại (tác giả đã liệt kê các “kết nối” theo thứ tự: “thứ nhất”, “thứ hai”, “thứ ba”). ⇒ Các thông tin trong văn bản có quan hệ chặt chẽ với nhau để nêu lên những ưu điểm và quá trình phát triển của của vùng châu thổ Cửu Long.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: (1) Trong văn bản, hiện tượng lũ ở miền châu thổ sông cửu Long đã được soi chiếu từ nhiều góc nhìn. Có thể hiểu góc nhìn là cách tiếp cận vấn đề cũng như sự ý thức của người nói về vị thế, tư cách phát ngôn của mình. Vậy hiện tượng lũ trong VB đã được soi chiếu từ những góc nhìn nào? Sự phối hợp các góc nhìn như vậy có ý nghĩa gì? (2) Khi nói đến lũ, người ta thường nghĩ tới những cảnh đặc trưng gì? Trong VB của tác giả Lê Anh Tuấn, hiện tượng lũ đã được hình dung như thế nào? Phải chăng tác giả không nắm được những thông tin về tác hại của lũ ở châu thổ sông Cửu Long? Sự trù phú của vùng Đồng bằng sông cửu Long được biểu hiện như	c. Sự trù phú của đồng bằng sông Cửu Long - Có nhiều góc nhìn về hiện tượng lũ ở châu thổ sông Cửu Long. + Theo các nhà khoa học: đây là hiện tượng thủy văn bình thường và có lợi đối với con người. => Phân tích cận kề mang tính chất chuyên môn. + Góc nhìn của “những vị lão nông tri điền”: vốn dựa vào quan sát thực tế và thành quả lao động của chính họ. - Cách ứng xử với lũ: + Xem lũ là thiên tai định kì và con người nên “sống chung” với nó để tìm cách làm giảm bớt tác hại; + Xem lũ là hiện tượng đáng mong đợi, nhất là trong điều kiện “tình trạng lũ thấp và trung bình trong mùa mưa lũ có xu thế gia tăng”. => Hiện

thế nào? (HS hoàn thành phiếu học tập)

Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ	
Sản vật	Biểu hiện

Ảnh hưởng của lũ	Biểu hiện
Lũ lớn	
Các kết nối	
Kết luận	

Đoạn văn cuối có sự kết nối như thế nào với nhan đề của văn bản?

(3) Những thông tin được đưa đến trong văn bản có điểm gì mới so với điều em đã biết?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

tượng lũ ở châu thổ sông Cửu Long đã được đặt dưới cách tiếp cận đa chiều.

=> Có lợi cho việc đề xuất các chiến lược hoạt động mang tính toàn diện và bền vững.

- Trong VB, tác giả quả thật không nói đến tác hại của lũ. Đây không thể gọi là một thiếu sót vì VB hướng tới mục đích đã được xác định ở nhan đề: lũ ở châu thổ sông Cửu Long không phải là tai ương mà là một hiện tượng đáng mong chờ. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế nếu ta nhìn vào nguồn lợi lớn mà lũ mang lại, bất chấp những tác hại nhỏ và có tính đột xuất mà nó có thể gây nên trong những “trận lũ lớn lịch sử”.

Sự trù phú của Đồng bằng sông Cửu Long vào mùa lũ	
Sản vật	Biểu hiện
Lúa	100 ngày sản xuất được 7-8 triệu tấn
Rau củ trái cây	Trong 3-4 tháng mùa mưa thu hoạch 5 triệu tấn
Cá tôm thủy sản	1,2 đến 1,5 triệu tấn

Ảnh hưởng của lũ	Biểu hiện
Lũ lớn	- Cá, chim, sản vật nhiều - Năm sau canh tác sẽ trúng mùa vì + Phù sa màu mỡ, làm vệ sinh đồng ruộng và bổ sung nguồn nước tại chỗ. + Cuối mùa lũ những đàn chim én tụ về, cây cối xanh tươi ⇒ Nhiều lợi ích lũ mang lại
Các kết nối	- Kết nối dòng chảy giữa đoạn sông thượng lưu và đoạn sông hạ lưu trong quá trình chuyển nước, cá

	và phù sa. - Kết nối giữa sông và hai bên bờ: mang theo phù sa màu mỡ và tôm cá - Kết nối thủy vực nuôi dưỡng hệ sinh thái ngập mặn => Hệ sinh thái cửa sông đa dạng, rừng ngập mặn phát triển Kết luận Lũ có nhiều lợi ích với Đồng bằng sông Cửu Long Đoạn cuối tạo sự kết nối với nhân đề của văn bản: thống nhất về nội dung và vấn đề được triển khai
- GV nêu câu hỏi: 1) <i>Nêu những đặc sắc trong nghệ thuật đưa thông tin của tác giả trong văn bản.</i> 2) <i>Nội dung chính của văn bản.</i> 3) <i>Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi đọc văn bản này.</i> 4) <i>Từ văn bản trên, em cần lưu ý điều gì về cách đọc kiểu văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?</i> - GV quan sát, hỗ trợ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả và mức độ quan trọng của đối tượng - Sử dụng những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục. - Nhan đề ấn tượng, gợi suy đoán; nhiều chi tiết mang tính điển hình. 2. Nội dung – Ý nghĩa: - Lũ mang lại nhiều lợi ích đối với đồng bằng sông Cửu Long - Hãy thấu hiểu và sống hòa hợp với thiên nhiên để mang lại niềm vui và hạnh phúc cho cuộc sống - Các góc nhìn khác nhau sẽ quyết định lăng kính chủ quan về đối tượng được tiếp cận 3. Cách đọc hiểu văn bản thông tin Chiến lược đọc hiểu văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên Nhận biết nhan đề và những yếu tố được làm nổi bật trong văn bản. Đọc kỹ văn bản để xác định chính xác thông tin chính của văn bản. Dựa vào cách thức tổ chức thông tin, đọc lướt và phát hiện các thông tin chính/nổi bật của văn bản Kết nối các tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu... với thông tin của văn bản và tìm hiểu tác dụng của chúng Từ vấn đề được trình bày trong văn bản, liên hệ, vận dụng với bản thân hoặc với thực tiễn cuộc sống

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi CON QUẠ THÔNG MINH

1. Văn bản Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ là kiểu văn bản nào?

A. Văn bản giải thích

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản hành chính

2. Chỉ ra yếu tố phi ngôn ngữ của văn bản và tác dụng của nó.

Hình ảnh “Mênh mang đồng lũ An Giang”

- Làm sáng tỏ thông tin đang tìm hiểu
- Làm cho văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

3. Phần sa-pô báo hiệu điều gì sẽ được triển khai trong văn bản?

A. Chủ đề và nội dung của văn bản là sự khó khăn khi phải sống chung với lũ của người dân vùng Cửu Long

B. Chủ đề và nội dung của văn bản là sự mãnh mẽ, kiên cường của người dân vùng Cửu Long khi sống chung với lũ

C. Chủ đề và nội dung của văn bản là người dân vùng Cửu Long không thể sống thiếu lũ

D. Cả A và B đều đúng

4. Thông tin trong văn bản được trình bày theo trật tự hay quan hệ nào?

- A. Quan hệ nhân quả
- B. Mức độ quan trọng của đối tượng
- C. Cả A, B đều đúng**
- D. Cả A, B đều sai

5. Vì sao có lũ lớn lại là điều được người dân miền sông nước mong đợi?

- A. Năm nào có lũ lớn là năm đó cá nhiều, chim nhiều, sản vật mùa lũ nhiều,...
- B. Chắc chắn năm sau canh tác sẽ trúng mùa, sản lượng cao
- C. Cuối mùa lũ cũng là mùa thu hoạch vụ mùa cuối năm, chim én tụ về thành từng đàn
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng**

6. Vì sao trong văn bản, tác giả hầu như không nói đến tác hại của lũ, dù không quên nhắc đến một số “trận lũ lớn lịch sử”?

- A. Vì lũ ở vùng châu thổ sông Cửu Long hầu như không có tác hại gì
- B. Vì để làm rõ quan điểm vùng châu thổ sông Cửu Long không thể sống thiếu lũ**
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu những thu nhận bổ ích của em qua việc đọc văn bản “Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sông chung sang chào đón lũ”

Gợi ý: Qua đọc văn bản, em có thêm hiểu biết gì về bản chất của hiện tượng lũ? Nhận thức của em về cách ứng xử của con người với thiên nhiên đã được bổ sung hay điều chỉnh như thế nào?

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm thể loại của văn bản.
- Đặc trưng về thể loại
- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt
- + Tìm hiểu các kiểu câu chia theo mục đích nói.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

**TIẾT 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết được đặc điểm nội dung và hình thức của các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.
- HS biết sử dụng các dấu hiệu phù hợp khi viết (tạo lập) câu đáp ứng mục đích nói khác nhau.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV tổ chức Trò chơi điền từ:** GV Chuẩn bị một số câu mẫu thuộc các loại câu khác nhau và bỏ đi một số từ trong mỗi câu.

Ví dụ:

+ **Câu cầu cầu khiến:** "Hãy _____ sách cho tôi."

+ **Câu cảm:** "Tôi _____ vì điều đó."

+ **Câu nghi vấn:** "Bạn _____ đi học ngày mai không?"

+ **Câu trần thuật:** "Anh ấy nói: 'Tôi _____ điều đó.'"

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Các em có biết tại sao lại có những ví dụ đó không? Những ví dụ đó thuộc kiểu câu gì, chúng có chức năng như thế nào trong câu? Dấu

hiệu nào giúp các em nhận diện kiểu câu đó? Chúng ta cùng giải đáp những câu hỏi đó trong bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về các kiểu câu xét theo mục đích nói (câu kể, câu cảm, câu hỏi, câu khiến)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ minh họa cho từng kiểu câu và rút ra đặc điểm, chức năng của từng kiểu câu Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV hỏi thêm: Trong các kiểu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán và trần	I. Hình thành kiến thức 1. Câu hỏi (nghi vấn) - Anh bảo cuốn sách còn có ở trên bàn nữa không? + Câu được đặt trong mạch đối thoại, trực tiếp nêu nên một thắc mắc nhờ giải đáp + Có từ <i>không</i>, dấu hỏi chấm → Câu hỏi - Con gái tôi vẽ đây ư? ... cái con Mèo hay lục lọi ấy! + Câu được đặt trong mạch suy nghĩ, bộc lộ cảm xúc: Sự ngạc nhiên + Có từ <i>ư</i>, dấu hỏi chấm → Câu cảm - Chức năng: Dùng để hỏi - Đặc điểm hình thức: + Có các từ nghi vấn: <i>ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu...</i> + Kết thúc bằng dấu hỏi chấm Lưu ý: Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để (bộc lộ cảm xúc, cầu khiến...) 2. Câu khiến (cầu khiến)

thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất, vì sao?

Câu trần thuật được sử dụng nhiều nhất. Vì trong cuộc sống, nhu cầu trao đổi thông tin, trao đổi tư tưởng, tình cảm giữa người với người rất lớn, mà chỉ có câu trần thuật mới đáp ứng được, nó bao hàm nhiều chức năng như thông báo, trình bày, miêu tả, nhận định, yêu cầu, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- GV chiếu bảng tổng kết kiến thức về phân loại kiểu câu:

Kiểu câu	Chức năng	Đặc điểm hình thức	Lưu ý
Câu hỏi (nghị vấn)	Dùng để hỏi	- Có các từ nghi vấn: ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu... - Kết thúc bằng dấu hỏi chấm	Để xác định đúng kiểu câu,
Câu khiến (câu khiến)	Ra mệnh lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo	- Có từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào... - Thường kết thúc bằng dấu chấm, chấm than	cần chú ý đặc điểm hình thức của câu, nội dung và ngữ cảnh
Câu cảm (cảm thán)	Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói)	- Có từ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ôi, chao ôi... - Thường kết thúc bằng dấu chấm than.	
Câu kể (trần thuật)	Dùng để kể, tả, thông báo, nhận định.	- Thường kết thúc bằng dấu chấm, chấm than, chấm lửng	

- Mở cổng nhanh lên!

+ Câu hướng về một đối tượng cụ thể để đưa ra yêu cầu.

+ Có động từ “mở”- điều đối tượng cần thực hiện.

+ Kết thúc bằng dấu chấm than.

→ Câu khiến

- Thôi đừng lo lắng.

+ Câu hướng về một đối tượng cụ thể để đưa ra lời khuyên “đừng”

+ Kết thúc bằng dấu chấm.

→ Câu khiến

- Chức năng: ra mệnh lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo

- Đặc điểm hình thức:

+ Có từ cầu khiến: *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...*

+ Thường kết thúc bằng dấu chấm, chấm than

3. Câu cảm (cảm thán)

Tôi nhớ cái mùi nồng mặn quá!

+ Câu được dùng để nêu trực tiếp cảm xúc của người viết.

+ Có từ cảm thán “quá”

+ Kết thúc bằng dấu chấm than.

→ Câu cảm

- Hỡi ơi lão Hạc!

+ Câu được dùng để nêu trực tiếp cảm xúc của người viết.

+ Có từ cảm thán “Hỡi ơi”

+ Kết thúc bằng dấu chấm than.

→ Câu cảm

- Chức năng: Bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói)

- Đặc điểm hình thức:

	+ Có từ cảm thán: <i>ôi, than ôi, hỡi ôi, chao ôi...</i> + Thường kết thúc bằng dấu chấm than. 4. Câu kể (trần thuật) - <i>Trên quá trình xuôi chảy theo những sườn dốc, các mạch ngầm, dòng nước âm thầm hoà tan những chất vi lượng, các thành phần hữu cơ phân huỷ, cuốn theo đất, cát, sỏi, cuội đưa dần về phía nơi thấp hơn.</i> + Câu được dùng để trần thuật về một hiện tượng, sự việc + Kết thúc bằng dấu chấm → Câu kể - Chức năng: Dùng để kể, tả, thông báo, nhận định. - Đặc điểm hình thức: thường kết thúc bằng dấu chấm, chấm than, chấm lửng

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về các kiểu câu
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,2 Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	Bài tập 1 a. Cảm thán: Căn cứ vào nội dung biểu đạt b. Câu kể: Thể hiện chức năng kể, thông báo về sự công phu của đoàn làm phim khi thực hiện loạt phim Hành tinh của chúng ta. c. Câu hỏi: Có từ để hỏi “chăng” và kết thúc bằng dấu hỏi chấm.

- HS suy nghĩ, làm bài tập cá nhân - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	d. Câu khiến: Có sự xuất hiện của cụm từ “ngài phải bảo” → ý yêu cầu, mệnh lệnh Bài tập 2 - Giống nhau: đều có mặt các từ ngữ có tính đặc thù của kiểu câu hỏi: <i>cái gì, tại sao</i>. - Khác nhau: + Câu a. là câu hỏi (vì có từ nghi vấn “cái gì”, kết thúc bằng dấu (?)) + Câu b. là câu cảm (tuy có cụm từ “tại sao” nhưng nội dung bộc lộ thái độ bất bình, không nêu câu hỏi cần giải đáp)

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức trò chơi NHANH TAY – LỆ MẮT: Tìm trong các văn bản đọc ở Ngữ văn 8, tập hai những ví dụ về hiện tượng: người nói hay người viết đã thể hiện mục đích của kiểu câu này bằng hình thức mang tính điển hình của một kiểu câu khác.

Ví dụ: “Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

→ Hình thức kiểu câu nghi vấn, nhưng dùng để bộc lộ cảm xúc

2. GV tổ chức trò chơi AI NHANH NHẤT?

Em câu (1) trong nhà,

(2), khuyên bảo luôn là niềm vui.

Yêu cầu, (3) vài lời,

(4).....câu khiến mọi người nghe xem!

Học trò muốn nhận ra em,

Hãy, thôi,(5)....., chứ không quên từ nào.

Đi, nào giục giã làm sao!

Chăm than,(6) góp vào thành câu.

Mong học trò nhớ thật lâu!

Nếu không sẽ trở thành câu chuyện buồn!...

(1)câu khiến

(2)Đề nghị

(3)ra lệnh

(4)Ngữ điệu

(5)đừng

(6)dấu chấm

3. GV tổ chức hoạt động: Tạo câu theo chủ đề

Yêu cầu học sinh tạo ra các câu thuộc các loại câu khác nhau liên quan đến một chủ đề cụ thể.

***Ví dụ: Chủ đề "Gia đình"**

+ Câu cầu khiến: "Mẹ bảo em hãy dọn phòng."

+ Câu cảm: "Tôi rất yêu quý gia đình của mình."

+ Câu nghi vấn: "Ba đã nấu cơm chưa?"

+ Câu trần thuật: "Anh trai tôi nói: 'Em đã làm xong bài tập chưa.'"

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Nắm lại cách phân loại câu theo mục đích nói.

- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị văn bản: Đọc VB 2: *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”*

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

TIẾT 119+120: ĐỌC VĂN BẢN: CHOÁNG NGỢP VÀ ĐAU ĐỚN NHỮNG CẢNH BÁO TỪ LOẠT PHIM “HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA”

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết được các đặc điểm nổi bật của VB giới thiệu một bộ phim.
- HS phân tích được tác dụng của việc sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong một VB thông tin.
- HS nêu được những thu hoạch bổ ích về ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái đất và thể hiện được những khát vọng những điều bí ẩn, kì diệu của sự sống

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

Thể hiện được thái độ quan tâm đến những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học
- Nội dung:** GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

1. GV giới thiệu clip bộ phim King Kong

+ King Kong mang hình dạng một con Gorilla khổng lồ, sinh sống ở một hòn đảo hoang vu chưa từng được con người khám phá (Skull Island) và được các cư dân bản địa nơi đây tôn thờ như một vị thần bảo hộ cho hòn đảo, giúp họ chống lại các sinh vật nguy hiểm khác. Tổ tiên của King Kong có lẽ đã xuất hiện từ thời tiền sử.

+ Tuy là một quái vật nhưng King Kong rất thông minh. Nó là một Kaiju có tình cảm, sống nội tâm vô cùng sâu sắc. Nó không hề muốn làm hại con người mà chỉ nổi giận khi ngôi nhà thiên nhiên của nó bị tàn phá. Có lẽ, đặc biệt hơn cả những quái vật Kaiju kì dị khác, King Kong là một biểu tượng đại diện cho sức mạnh to lớn của thiên nhiên, thứ sức mạnh mà khi đứng trước nó, con người bỗng trở nên vô cùng nhỏ bé và yếu ớt. Con giận và cái chết của King Kong như một sự lên án đối với nhân loại vì những gì chúng ta đã làm đối với mẹ thiên nhiên.

2. Trong những năm tháng gần đây, khi bàn về môi trường tự nhiên trên Trái Đất, có một số cụm từ hay hình ảnh được các phương tiện truyền thông nhắc đến rất nhiều lần. Theo tìm hiểu của em, đó là những cụm từ hay hình ảnh nào?

→ môi trường ô nhiễm, Trái Đất nóng lên, băng tan, nước biển dâng...

→ GV dẫn dắt vào bài học: Các em thân mến, “Hành tinh của chúng ta” (Our Planet) là bộ phim tài liệu tập trung vào sự đa dạng của các môi trường sống trên khắp thế giới, từ vùng Bắc Cực hoang dã xa xôi, đại dương sâu thẳm bí ẩn cho đến những vùng đất ở Châu Phi cùng những khu rừng rậm ở Nam Mỹ. Tuy nhiên, loạt phim tài này đưa ra lời cảnh báo về sự nóng lên của toàn cầu, những môi trường sống bị hủy diệt và nhiều loài biến mất, đồng thời mang đến một thông điệp sống còn: 'Hãy cứu lấy hành tinh của chúng ta trước khi quá muộn!'.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

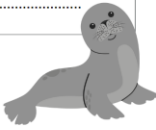
- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm
- b. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động Báo cáo sản phẩm (PHT đã giao từ tiết học trước)  Phiếu học tập tìm hiểu Trí thức Ngữ văn Họ và tên: _____ Lớp: _____ Nhiệm vụ: Điền thông tin phù hợp vào các ô trong bảng dưới đây: <table><tr><th></th><th>Mục đích</th><th>Cách triển khai</th></tr><tr><td>Văn bản giới thiệu một bộ phim</td><td></td><td></td></tr></table> - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu cước chú - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Trình bày ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Lâm Lê GV tổ chức hoạt động Báo cáo sản phẩm (PHT đã giao từ tiết học trước)		Mục đích	Cách triển khai	Văn bản giới thiệu một bộ phim			I. Đọc- Tìm hiểu chung *Tìm hiểu tri thức Ngữ văn: Văn bản giới thiệu một bộ phim - Mục đích: quảng bá các sản phẩm điện ảnh hay giúp khán giả có được những hiểu biết thường thức về điện ảnh. - Cách triển khai: + Giới thiệu thông tin gồm: nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim... + Có sự kết hợp linh hoạt giữa thông tin khách quan và đánh giá chủ quan, giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc), được
	Mục đích	Cách triển khai					
Văn bản giới thiệu một bộ phim							

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc văn bản "Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim Hành tinh của chúng ta" và hoàn thiện những nội dung sau

XUẤT XỨ	BỐ CỤC
THỂ LOẠI	
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH	



NHÓM: _____

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận.

1. Đọc, chú thích

a. Đọc

- Đọc đúng các tên riêng nước ngoài, chú ý nhấn giọng khi đọc những cụm từ in đậm đánh dấu từng phần của văn bản.
- Thể hiện được thái độ, cảm xúc phù hợp với từng nội dung thông tin.
- Chú ý chiến lược đọc **theo dõi, hình dung, suy luận, chú ý**

b. Tìm hiểu cước chú

- BBC Earth: một chương trình thuê bao tài liệu, thuộc quyền sở hữu và điều hành của BBC Studios (Anh)
- Pích-xa: hãng phim hoạt hình nổi tiếng của Hoa Kỳ.

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả:

- Tên thật Lê Hồng Lâm
- Sinh năm 1977
- Quê ở Quảng Trị, là nhà báo chuyên viết phê bình điện ảnh;
- Một số tác phẩm tiêu biểu: *Xem chữ đọc hình* (2005); *Chơi cùng cấu trúc* (2009); *Cánh chim trong gió* (2016); *101 bộ phim Việt Nam hay nhất* (2018), *Người tình không chân dung* (2020)

b. Tác phẩm

- Xuất xứ

báo *Tuổi trẻ online*, ngày 12/5/2019

	- Thể loại Văn bản giới thiệu một bộ phim - Căn cứ xác định Văn bản có giới thiệu về nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim → Mang đầy đủ những đặc điểm của kiểu văn bản giới thiệu một bộ phim - Bố cục + Phần 1 (đoạn 1,2): Giới thiệu chung về loạt phim + Phần 2 (gồm các đoạn nằm trong đề mục “Rất nhiều loài đang đứng trên bờ vực tuyệt chủng”): nhấn mạnh những nguy cơ đối với môi trường sống mà “loạt phim” muốn thể hiện + Phần 3 (gồm các đoạn tiếp nối sau đề mục “Nhưng vẫn chưa quá muộn”): tinh thần lạc quan toát lên từ 8 tập phim “Hành tinh của chúng ta.

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- + Thông tin cơ bản của văn bản
- + Thái độ, quan điểm đánh giá của người viết về bộ phim
- + Cách triển khai của văn bản
- + Yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động Dấu Vết Điện Ảnh: Sổ Tay Tìm Hiểu Văn Bản Giới Thiệu Phim Nhóm 1: "Người thông tin" Nhóm 2: "Người phát hiện" Nhóm 3: "Nhà chiến lược" Nhóm 4: "Người quan sát" Phiếu học tập Nhóm: _____ Sắp xếp các thông tin sau đúng thứ tự được tác giả thể hiện trong văn bản - Song song với việc làm nổi bật vẻ đẹp kì diệu của thế giới tự nhiên trên Trái Đất, bộ phim cũng đưa ra những lời cảnh báo đau lòng về sự suy thoái của môi trường sống bởi nhiều nguyên nhân, trong đó, có nguyên nhân đến từ hoạt động của con người. - Bộ phim đưa đến "những hình ảnh sống động và những thông tin chính xác nhất về hành tinh của chúng ta" với những thước quay về 8 môi trường sống khác nhau trên Trái Đất. - Bộ phim được xây dựng hết sức kì công, có phạm vi bao quát lớn, gồm 8 tập. - Bộ phim toát lên sự lạc quan về khả năng phục hồi của môi trường sống trên Trái Đất nhờ vào sự "tinh ngộ" của con người. - Bộ phim như là phần tiếp theo của "Hành tinh Trái Đất" được thực hiện trước đó, xét theo thông điệp chính mà chúng hướng tới. Đáp án:..... Theo em, tác giả muốn người đọc chú ý đặc biệt tới thông tin nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	II. Khám phá văn bản 1. Thông tin cơ bản của văn bản - Bộ phim được xây dựng hết sức kì công, có phạm vi bao quát lớn, gồm 8 tập. - Bộ phim như là phần tiếp theo của "Hành tinh Trái Đất" được thực hiện trước đó, xét theo thông điệp chính mà chúng hướng tới. - Bộ phim đưa đến "những hình ảnh sống động và những thông tin chính xác nhất về hành tinh của chúng ta" với những thước quay về 8 môi trường sống khác nhau trên Trái Đất. - Song song với việc làm nổi bật vẻ đẹp kì diệu của thế giới tự nhiên trên Trái Đất, bộ phim cũng đưa ra những lời cảnh báo đau lòng về sự suy thoái của môi trường sống bởi nhiều nguyên nhân, trong đó, có nguyên nhân đến từ hoạt động của con người. - Bộ phim toát lên sự lạc quan về khả năng phục hồi của môi trường sống trên Trái Đất nhờ vào sự "tinh ngộ" của con người.

Theo em, tác giả muốn người đọc chú ý đặc biệt tới thông tin nào?

- Song song với việc làm nổi bật vẻ đẹp kì diệu của thế giới tự nhiên trên Trái Đất, bộ phim cũng đưa ra những lời cảnh báo đau lòng về sự suy thoái của môi trường sống bởi nhiều nguyên nhân, trong đó, có nguyên nhân đến từ hoạt động của con người.

-Bộ phim toát lên sự lạc quan về khả năng phục hồi của môi trường sống trên Trái Đất nhờ vào sự “tinh ngộ” của con người.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức hoạt động Dấu Vết Điện

Ảnh: Sổ Tay Tìm Hiểu Văn Bản Giới Thiệu Phim

Nhóm 1: "Người thông tin"

Nhóm 2: “Người phát hiện”

Nhóm 3: "Nhà chiến lược"

Nhóm 4: “Người quan sát"

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về thái độ, quan điểm đánh giá của người viết về bộ phim

Tác giả văn bản đã thể hiện sự đồng cảm như thế nào đối với nhóm làm phim?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xét theo đặc điểm của kiểu văn bản, yếu tố đồng cảm ở đây giữ vai trò như thế nào?

.....

.....



2. Thái độ, quan điểm đánh giá của người viết về bộ phim

- Thái độ của người viết:

Đồng cảm

- Biểu hiện:

- Cách tác giả đặt **nhân đề** đầy tính biểu cảm và sử dụng nhiều **cụm từ** mang nội dung biểu dương, ca ngợi

- Tác giả **chia sẻ, tâm đắc** với những thông điệp chính của “loạt phim”

- Tác giả **miêu tả** lại bằng phương tiện ngôn ngữ những hình ảnh đẹp có trong phim với cảm giác thích thú

➔ sự đồng cảm giữa người phê bình và tác phẩm cùng tác giả của nó có ý nghĩa rất quan trọng: làm nên sức gọi của văn bản, gây cho người đọc niềm hứng thú muốn được trải nghiệm trực tiếp cùng tác phẩm được phê bình.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá. Em có nhận xét gì về cách giới thiệu một bộ phim tài liệu mà tác giả đã thực hiện ở văn bản này? GV giới thiệu 1 đoạn trong văn bản giới thiệu bộ phim “Mẹ vắng nhà” để thấy sự khác biệt về cách giới thiệu một bộ phim tài liệu mà tác giả đã thực hiện ở văn bản này Tác giả có cách giới thiệu tác phẩm khá linh hoạt, chẳng hạn, không đưa những thông tin về nhà làm phim, nhóm làm phim, thời gian làm phim,...vào một đoạn văn mà tách chúng ra và cài đặt vào những vị trí đặc địa. Điều tác giả quan tâm là khơi gợi được hứng thú của người đọc, muốn làm chiếc cầu nối giữa “loạt phim” và khán giả. Tất cả các nhận xét mang tính chủ quan đều được đưa kèm với những miêu tả khách quan về các cảnh phim.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	3. Cách triển khai của văn bản Lần lượt đưa thông tin về những giá trị nội dung cơ bản của “loạt phim”

GV tổ chức hoạt động Dấu Vết Điện

Ảnh: Sô Tay Tìm Hiểu Văn Bản Giới Thiệu Phim

Nhóm 1: "Người thông tin"

Nhóm 2: “Người phát hiện”

Nhóm 3: "Nhà chiến lược"

Nhóm 4: “Người quan sát”

Phiếu học tập

Nhóm:

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về cách triển khai của văn bản

Xác định cách triển khai của văn bản và nhận xét về cách triển khai đó.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

→ Dễ dàng nêu bật được các thông điệp chính toát ra từ bộ phim, gắn liền với hai từ khóa là “choáng ngợp” và “đau đớn”

4. Yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản

GV tổ chức hoạt động Dấu Vết Điện

Ảnh: Sở Tay Tìm Hiểu Văn Bản Giới Thiệu Phim

Nhóm 1: "Người thông tin"

Nhóm 2: "Người phát hiện"

Nhóm 3: "Nhà chiến lược"

Nhóm 4: "Người quan sát"

Phiếu học tập

Nhóm: _____

Hoàn thành những nội dung sau để tìm hiểu về yếu tố phi ngôn ngữ



Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng tôi* Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*



Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*

Sự hiện diện của các hình ảnh minh họa trong văn bản có ý nghĩa gì?

.....
.....
.....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.



Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*



Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*



Ảnh trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*

Tác dụng: Chứng minh tính xác đáng của nhận xét mà tác giả nêu: “Ở mỗi tập phim, người xem lại được thưởng thức những thước phim đẹp dễ, thật chí choáng ngợp mà những nhà làm phim đã kì công tạo nên”

	➔ Đây gần như là một yếu tố không thể thiếu trong một bài viết giới thiệu phim
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung, nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Văn bản thông tin trình bày logic, rõ ràng, rành mạch làm tăng hiệu quả diễn đạt thông tin của văn bản. - Văn bản sử dụng các kênh chữ, kênh hình nhằm tăng tính thuyết phục, tăng sức hấp dẫn đối với người đọc. 2. Nội dung - “Hành tinh của chúng ta” đã mang tới những lời cảnh báo, cảnh tỉnh tới mọi người về cuộc khủng hoảng môi trường, khí hậu đang tàn phá và giết chết nhiều sinh vật mỗi ngày. - Tác phẩm đưa ra thông điệp: Không bao giờ là quá muộn để chúng ta bắt tay vào hành động cứu lấy Trái đất này.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức thảo luận nhóm bàn:

1. Nêu tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học mà em đã học, đã biết có đưa ra lời cảnh báo tương tự cảnh báo của loạt phim “Hành tinh của chúng ta”.

Sự gặp gỡ đó giữa các tác phẩm nói lên điều gì?

Ảnh 3: Phim Đại dịch cúm là một bộ phim tâm kịch năm 2013 của Hàn Quốc do Kim Sung-su viết kịch bản và làm đạo diễn, kể về sự bùng phát của một chủng H5N1 đột biến gây chết người trong vòng 36 giờ kể từ khi ủ bệnh, làm quận Budang của thành phố Seongnam, nơi có dân số của gần nửa triệu người rơi vào hỗn loạn.

Ảnh 2 Phim Địa Chấn (2018) - bộ phim về thảm họa thiên nhiên đáng sợ, nhận được sự đánh giá cao từ các chuyên gia và khán giả. Kể về cuộc sống mới của nhà địa chất học Kristian Eikjord sau sự kiện sóng thần trong The Wave. Gia đình anh đã phải đối mặt với những khó khăn, đẩy Eikjord và vợ Idun vào cuộc ly dị. Thảm họa tiếp tục đeo bám họ, đưa họ vào cuộc chiến mới với thiên nhiên.

Nhịp phim ban đầu chậm rãi, giới thiệu về cuộc sống của Kristian qua những sự kiện hàng ngày. Tuy nhiên, khi nhận được phong bì của Lindblom, mọi thứ trở nên ngoài tầm kiểm soát. Kristian đối mặt với tình hình gia đình và chiến đấu nội tâm, đồng thời thu thập thông tin về cơn địa chấn. Khán giả sẽ hồi hộp khi theo dõi những bước chân cuối cùng của Kristian.

Ảnh 1: Phim Cơn Sóng (2015) là tác phẩm thảm họa đầu tiên của Na Uy, trở thành bộ phim nổi tiếng nhất năm tại Bắc Âu. Kristian (Kristoffer Joner), một nhà địa chất học tại trung tâm dự báo thảm họa ở vùng Akneset, phải đối mặt với những đồn đoán không lành về sự không ổn định của dãy núi, tiềm ẩn nguy cơ sóng thần.

Khi có cơ hội làm việc tại một công ty dầu, Kristian quyết định rời bỏ ngôi nhà ở vịnh Geiranger để đưa gia đình đến nơi ở mới gần nơi làm việc. Thế nhưng, khi họ chuẩn bị rời khỏi, thảm họa bắt đầu. Núi sạt lở, tạo nên cơn sóng thần cao hơn 80m. Cư dân Geiranger chỉ có 10 phút để di tản trước khi đại dương dữ dội tràn đến, phá hủy mọi thứ.

2. tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học mà em đã học, đã biết có đưa ra lời cảnh báo tương tự cảnh báo của loạt phim “Hành tinh của chúng ta”. Sự gặp gỡ đó giữa các tác phẩm nói lên điều gì?

Sự gặp gỡ đó giữa các tác phẩm nói lên mối bận tâm chung của nhân loại về một thử thách sống còn đối với sự sống trên Trái Đất. Như vậy, từ nhà khoa học cho đến các nghệ sĩ, tất cả đều không thể lãng tránh những câu hỏi bức thiết do đời sống đặt ra, nhưng mỗi người, bằng các phương tiện sở đắc của mình, có thể bày tỏ quan điểm về các vấn đề chung theo một cách hay hình thức khác biệt.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC: Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) thể hiện sự hưởng ứng của em đối với thông điệp chính được nêu lên trong loạt phim *Hành tinh của chúng ta*

GV cần lưu ý với HS: Trước khi viết phải xác định được thông điệp chính của “loạt phim” *Hành tinh của chúng ta*. Nói đến “hưởng ứng” là nói đến sự đồng cảm, chia sẻ về quan điểm, thái độ.

- Trái Đất đang cất lời “kêu cứu”, môi trường tự nhiên đang dần biến đổi theo hướng tiêu cực, sự sống của nhiều loài động thực vật đang bị đe dọa.
- Con người hãy hành động để bảo vệ sự sống trên Trái Đất, cũng là sự sống của chính con người.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống những kiến thức đã học.
- Hoàn thành các nhiệm vụ của GV
- Đọc và chuẩn bị: Đọc VB 3: *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton*

Rút kinh nghiệm

.....
.....

TUẦN 31 NGÀY SOẠN: 21/4/2024 TIẾT 121: ĐỌC VĂN BẢN: DIỄN TỪ ỨNG KHẨU TỪ THỦ LĨNH DA ĐỎ(XI-ÁT-TON) TIẾT 122+123+124: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾT 121: ĐỌC VĂN BẢN: DIỄN TỪ ỨNG KHẨU TỪ THỦ LĨNH DA ĐỎ(XI-ÁT-TON)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những nét tiêu biểu về thủ lĩnh Xi-át-ton
- Những nét chung về văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.
- Thái độ của người da đỏ đối với môi trường.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.
- Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

3. Phẩm chất: Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Ti vi, kế hoạch bài dạy, ...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là cháy rừng, lũ lụt và sóng thần

- Học sinh nêu nguyên nhân của hiện tượng cháy rừng và lũ lụt, sóng thần là do ô nhiễm môi trường

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một số hình ảnh sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:

1. Nêu nội dung những bức ảnh, nguyên nhân nào gây ra hậu quả trên?
2. Dựa vào quan sát môi trường xung quanh, em hãy cho biết thực trạng môi trường hiện nay?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV chiếu hình ảnh

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.
- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:.....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG (10 phút)

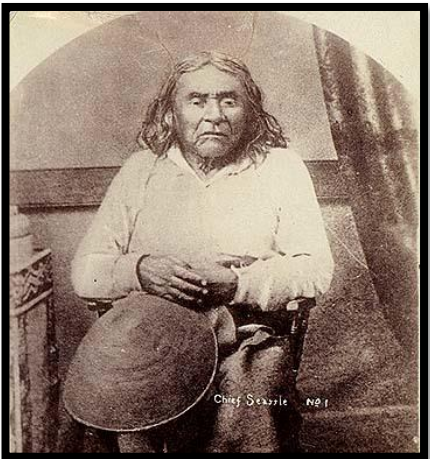
1. Tác giả

Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về Xi-at-ton

Nội dung:

GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) (?) Trình bày những thông tin chính về Xi-at-ton? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Quan sát chú thích trong SGK HS: Đọc thông tin về Xi-át-ton ở chú thích trong SGK để trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trả lời câu hỏi HS: - Đại diện trình bày thông tin về Xi-at-ton – - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	 - Xi-at-ton là một tù trưởng bộ tộc Duwamish sinh sống tại vùng Tây Bắc <u>Hoa Kỳ</u>, khi vùng đất thuộc tiểu bang Washington ngày nay còn là vùng đất của người da đỏ.
Chuyển dẫn: GV tập trung vào phong cách sáng tác đề bình, kết nối sang phần 2	

2. Tác phẩm

Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tóm tắt văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”
- Trình bày được những thông tin chính:

+ Hoàn cảnh sáng tác + Thể loại + Bố cục... Nội dung: GV: Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.									
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm								
a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS đọc mẫu - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc HS đọc mẫu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản b. Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS mở PHT số 1 - Chia nhóm cặp đôi theo bàn - Nhiệm vụ: + Hoán đổi PHT cho nhau + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 1	a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) + Diễn từ + Ứng khẩu b. Tìm hiểu chung về vb <table><tr><th>ND tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác</td><td>bức thư gửi cho tổng thống Hoa Kỳ thứ 14 Franklin Pierce về việc chuyển nhượng đất của người da đỏ.</td></tr><tr><td>Thể loại</td><td>văn bản thông tin</td></tr><tr><td></td><td>3 phần</td></tr></table>	ND tìm hiểu	Câu trả lời	Hoàn cảnh sáng tác	bức thư gửi cho tổng thống Hoa Kỳ thứ 14 Franklin Pierce về việc chuyển nhượng đất của người da đỏ.	Thể loại	văn bản thông tin		3 phần
ND tìm hiểu	Câu trả lời								
Hoàn cảnh sáng tác	bức thư gửi cho tổng thống Hoa Kỳ thứ 14 Franklin Pierce về việc chuyển nhượng đất của người da đỏ.								
Thể loại	văn bản thông tin								
	3 phần								

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nội dung tìm hiểu	Câu trả lời
Hoàn cảnh sáng tác	
Thể loại	
Bố cục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)

HS:

- Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.
- Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV:

- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).
- Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

Chuyển dẫn:

Bố cục

+ Phần 1: từ đầu... cha ông chúng tôi

→ Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ.

+ Phần 2: tiếp ... Đều có sự ràng buộc.

→ Thái độ của người da đỏ và người da trắng đối với thiên nhiên.

+ Phần 3: phần còn lại

→ Kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ thiên nhiên.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT
Mục tiêu: - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.

- Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản “Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton”.

Nội dung:

GV sử dụng kỹ thuật vấn đáp, kỹ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về thông tin trong văn bản

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm		
1. Thông tin chính của văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) GV đặt câu hỏi: (?) Qua lời của Xi – át – ton, sự khác nhau trong cách nhìn nhận đối xử với thiên nhiên giữa người da trắng và người da đỏ được thể hiện ở những điểm cụ thể nào? HĐ nhóm - GV chia nhóm lớp - Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT Các tiêu chí để thấy sự khác biệt trong văn hóa ứng xử với thiên nhiên: - Với Đất - Cảnh vật - Không khí - Muông thú Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) GV hướng dẫn HS đọc từ “Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng” đến “thấm đượm hương thơm của phần thông” và tìm chi tiết. HS đọc SGK, tìm chi tiết Bước 3: Báo cáo, thảo luận HĐ cá nhân: GV: - Gọi HS trả lời câu hỏi	SỰ KHÁC BIỆT TRONG VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN		
		Người da đỏ	Người da trắng
	Đất	- Là thiêng liêng, là kí ức, là mẹ và mọi người là thành viên trong gia đình	- Là kẻ thù ... lòng thèm khát ngấu nghiến đất đai và biến nó thành hoang mạc
	Cảnh vật	- Ưa thích những âm thanh êm ái của những cơn gió, hương thơm của phần thông	- Ở thành phố chẳng có nơi nào yên tĩnh,...tiếng ồn ào, lăng mạ.
	Không khí	- Là quý giá, là của chung của	

- Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). HĐ nhóm GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. 2. Cách triển khai thông tin trong văn bản Sự khác biệt trong văn hóa ứng xử với thiên nhiên giữa 2 cộng đồng người được trình bày một cách hết sức tường minh và có tính thuyết phục cao. (?) <i>Thu lĩnh Xi – át – ton đã dùng hình thức so sánh nào khi nói về thái độ ứng xử với thiên nhiên của người da đỏ?</i> (?)<i>Hình thức so sánh được sử dụng ở đây có ý nghĩa như thế nào?</i> (?)<i>Nguyên nhân chính khiến diễn từ của Xi- át – ton được đánh giá cao và lan truyền rộng rãi?</i> (?) <i>Em nhận ra được điều gì về tư thế, tầm vóc văn hóa của cộng đồng người da đỏ được thể hiện qua diễn từ này?</i> <td><table><tr><td></td><td>muông thú, cây cối và con người</td><td></td></tr><tr><td>Muông thú</td><td>- Như anh em...</td><td>- Giết để duy trì cuộc sống và để tiêu khiển</td></tr><tr><td>Nhận xét</td><td>→ <i>Tôn trọng các giá trị tinh thần, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.</i></td><td>→ <i>Sống thực dụng, tàn phá và hủy hoại thiên nhiên và môi trường.</i></td></tr></table></td>	<table><tr><td></td><td>muông thú, cây cối và con người</td><td></td></tr><tr><td>Muông thú</td><td>- Như anh em...</td><td>- Giết để duy trì cuộc sống và để tiêu khiển</td></tr><tr><td>Nhận xét</td><td>→ <i>Tôn trọng các giá trị tinh thần, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.</i></td><td>→ <i>Sống thực dụng, tàn phá và hủy hoại thiên nhiên và môi trường.</i></td></tr></table>		muông thú, cây cối và con người		Muông thú	- Như anh em...	- Giết để duy trì cuộc sống và để tiêu khiển	Nhận xét	→ <i>Tôn trọng các giá trị tinh thần, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.</i>	→ <i>Sống thực dụng, tàn phá và hủy hoại thiên nhiên và môi trường.</i>
		muông thú, cây cối và con người								
	Muông thú	- Như anh em...	- Giết để duy trì cuộc sống và để tiêu khiển							
Nhận xét	→ <i>Tôn trọng các giá trị tinh thần, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.</i>	→ <i>Sống thực dụng, tàn phá và hủy hoại thiên nhiên và môi trường.</i>								
a. Vai trò của phép so sánh đối lập										

(?) Trong bối cảnh của đời sống hôm nay, diễn từ của thủ lĩnh Xi – át – ton còn nhắc nhở chúng ta điều gì?

-Làm rõ được các biểu hiện cụ thể của thái độ ứng xử với thiên nhiên của từng bên.

-Khẳng định được giá trị vững bền của lối sống hòa đồng với thiên nhiên mà người da đỏ đang quyết tâm bảo vệ

- Bị kịch về cuộc “thương lượng” đắt đai giữa người da trắng và người da đỏ

-Thái độ tự tôn của người da đỏ.

b. Nguyên nhân khiến diễn từ của thủ lĩnh Xi – át – ton được đánh giá cao và lan truyền rộng rãi

- Thời điểm lịch sử

- Kết tinh được giá trị cao quý của nền văn hóa lâu đời

- Chứa đựng thông điệp -> thức tỉnh nhân loại

- Được những người da trắng văn minh đón nhận và cho phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

c. Thông điệp

- Lắng nghe thiên nhiên

-Tôn trọng sự đa dạng văn hóa

- Thái độ ứng xử với thiên nhiên -> thước đo của VĂN MINH

GV bình giảng:	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Câu 1: Người viết bức thư là ai?

- A. Tổng thống Mỹ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.
- B. Nhà văn H. Ban-dắc.
- C. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô.
- D. Bức thư không đề tên người viết.

Câu 2: Bức thư được gửi tới ai?

- A. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô.
- B. Nhà văn Mark Twain.
- C. Bức thư không đề tên người nhận.
- D. Tổng thống Mỹ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.

Câu 3: Bức thư ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tô viết để phúc đáp cho ý định mua lại đất của người da đỏ của tổng thống Mỹ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.
- B. Thủ lĩnh người da đỏ viết để báo cho cả thế giới biết rằng người da đỏ không có ý định bán lại vùng đất này.
- C. Thủ lĩnh người da đỏ viết để hỏi thăm tình hình sức khỏe của Tổng thống Mĩ Phreng-klin Pi-ơ-xơ.
- D. Thủ lĩnh người da đỏ viết để hỏi thăm tình hình người dân da đỏ sống trên các vùng đất thuộc quyền quản lí của Chính phủ Mĩ.

Câu 4: Bức thư của thủ lĩnh da đỏ được xem là gì?

- A. Một trong những văn bản hay nhất về mối quan hệ giữa thiên nhiên, sinh thái và con người.
- B. Một trong những bức thư hay nhất trên thế giới.
- C. Một trong những bức thư hay nhất gửi cho tổng thống Mĩ.
- D. Một trong những bức thư có giá trị biểu cảm cao.

Câu 5: Bức thư đã phê phán những hành động và thái độ gì của người da trắng thời đó?

- A. Xâm lược thuộc địa, các dân tộc khác.
- B. Thờ ơ, tàn nhẫn đối với thiên nhiên và môi trường sống.
- C. Huy hoại nền văn hóa người da đỏ.
- D. Tàn sát người da đỏ.

Câu 6: Câu nào trong bức thư chứng tỏ tác giả bức thư đề cao vai trò của động vật đối với cuộc sống con người?

- A. Điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người.
- B. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?
- C. Tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng.
- D. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c. **Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

*** GV giao nhiệm vụ:**

Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện ***Gió lạnh đầu mùa***. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

*** Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

*** Kết luận, nhận định:**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hoàn thành bài tập
- Đọc và chuẩn bị cho tiết Ôn tập.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TIẾT 122+ 123+124 ÔN TẬP CUỐI HKII

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, kiến thức về tiếng Việt đã học từ đầu HKII.

2. Kỹ năng

- HS suy nghĩ, trả lời - HS nhận xét, GV nhận xét, chốt KT	
- GV hướng dẫn HS nhắc lại các kiến thức tiếng Việt đã học trong chương trình kì II. * <i>Kể bảng sau vào vở và điền thông tin phù hợp về những kiến thức tiếng Việt được củng cố và kiến thức tiếng Việt mới trong các bài ở học kì II. Nêu ví dụ minh họa cho từng nội dung kiến thức đã tóm tắt.</i>	2. Phần Tiếng Việt - Bảng phụ lục 4.
- GV chia lớp thành 4 nhóm (thảo luận 2p) yêu cầu các nhóm nêu lại yêu cầu của các kiểu bài và dàn ý của các kiểu bài mà em đã thực hành viết ở Ngữ văn 8, tập 2. Hãy lập sơ đồ phù hợp để tóm tắt những nội dung đó. + <i>Viết bài văn phân tích một tác phẩm(truyện)</i> - Sau khi GV gọi HS lên trình bày, HS nhóm khác nhận xét bổ sung - GV nhận xét, chốt lại kiến thức - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. - GV chốt kiến thức.	3. Phần Tập làm văn 3.1. Yêu cầu và dàn ý của các kiểu bài. a. Viết bài văn phân tích một tác phẩm(truyện) * Yêu cầu(SHS/tr 26) * Dàn ý - Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm(nhan đề,tác giả);Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Thân bài: + Nêu nội dung chính của tác phẩm + Nêu chủ đề của tác phẩm + Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa,gia trị của tác phẩm.

*** Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

Củng cố: GV và HS cùng khái quát toàn bộ bài học

Hướng dẫn về nhà:

- Bài vừa học: Nắm chắc toàn bộ kiến thức vừa ôn tập để vận dụng kiến thức hoàn thành bài tập ở tiết sau.

- Bài tiết sau:

+ Hoàn thành phiếu học tập số 1 và phiếu học tập số 2 (tiết sau chữa bài).

Bảng phụ lục 1

Thể loại	Đặc điểm
Thể thơ tự do	– Thơ tự do là hình thức cơ bản của thơ, phân biệt với thơ cách luật ở chỗ không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm đối,... – Nhưng thơ tự do lại khác thơ văn xuôi ở chỗ văn bản có phân dòng và xếp song song thành hàng, thành khổ như những đơn vị nhịp điệu, có thể có vần. – Thơ tự do là thơ phân dòng nhưng không có thể thức nhất định và không quy định số lượng từ0 trong một câu, cũng như không cần có vần liên tục.

Bảng phụ lục 2

Đặc điểm	Cốt truyện đơn tuyến	Cốt truyện đa tuyến
Giống nhau	- Đều có một nhân vật chính kể về một câu chuyện liên quan đến nhiều nhân vật khác.	
Khác nhau	- Chỉ có một mạch sự kiện. - Hệ thống sự kiện đơn giản, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của một hoặc một vài nhân vật chính.	- Tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện. - Hệ thống sự kiện thường phức tạp, chông chéo, tái hiện nhiều bình diện của đời sống gắn với số phận các nhân vật chính.
Văn bản	- Xe đêm, Lặng lẽ Sapa, Những ngôi sao xa xôi.	- Chiếc lá cuối cùng; Mắt sói.

Bảng phụ lục 3

Thể thơ	Đặc điểm - Cách nhận biết
Thơ tự do	Là thể thơ hiện đại, thể hiện được sự cái tôi và sự phá cách, sáng tạo của người thi sĩ. Trong một bài thơ tự do, số chữ trong câu, số câu trong một khổ và số lượng khổ thơ của toàn bài đều không bị giới hạn. Các quy luật về hiệp vần, bằng trắc cũng vô cùng linh hoạt, tùy theo cảm xúc và chủ ý của người viết.

Bảng phụ lục 4

STT	Bài học	Kiến thức được củng cố	Kiến thức mới
1	Trợ từ	Cách nhận biết trợ từ	- Tác dụng của trợ từ.
2	Thán từ + biện pháp tu từ	- Cách nhận biết thán từ - Cách nhận biết các biện pháp tu từ và tác dụng.	- Hai loại thán từ chính
3	Thành phần biệt lập	- Cách nhận biết thành phần biệt lập	- Các thành phần biệt lập và tác dụng, cách nhận biết.
4	Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.	- Các kiểu câu tiếng Việt	- Cách nhận biết các kiểu câu: câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hoàn thành bài tập
- Đọc và chuẩn bị cho tiết Ôn tập.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 32

NGÀY SOẠN: 28/4/2024

TIẾT 125: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 126: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

TIẾT 125: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS hiểu và phân biệt được các đặc điểm riêng của câu phủ định, câu khẳng định.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

*** Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết được câu phủ định và câu khẳng định trong các văn bản đọc hiểu.
- HS biết cách dùng câu phủ định, câu khẳng định khi tạo lập văn bản.

.3. Về phẩm chất: Biết tự chủ trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Ti vi
- Kế hoạch bài dạy
- Bảng phụ, phiếu bài tập.
- SGK, SGV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh nhận biết dấu hiệu các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

GV kết nối với nội dung của bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV).

- GV chiếu các câu có dấu hiệu nhận biết các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

Cho biết các từ in đậm là dấu hiệu nhận biết của kiểu câu phân loại theo mục đích nói nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, xác định phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trình bày kết quả

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV nhận xét

- Kết nối vào bài học.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định.

a. Mục tiêu: Nắm được dấu hiệu nhận biết câu phủ định, câu khẳng định.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục “Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định” - <i>Nêu dấu hiệu nhận biết các kiểu câu phủ định.</i> - <i>Nêu dấu hiệu nhận biết câu khẳng định.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: - Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: Không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...Câu phủ định dùng để a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả) b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ) - Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng	I. Nhận biết câu phủ định và câu khẳng định. - Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: Không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...Câu phủ định dùng để a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất quan hệ nào đó (phủ định miêu tả) b. Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ) - Câu khẳng định là câu không có phương tiện thể hiện sự phủ định vốn thường được dùng để đánh dấu câu phủ định. Câu khẳng định xác nhận có sự tồn tại của một đối tượng hay của một diễn biến nào đó.

3. HĐ 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp bài tập 2	Bài tập 1 SGK trang 101 a. Câu khẳng định -> Xác nhận sự thật về lợi ích của hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong câu không có từ ngữ đặc trưng mang ý nghĩa phủ định. b. Câu phủ định – phủ định bác bỏ -> Câu này thể hiện ý phản bác một nhận thức cho rằng “Cách sống với mùa nước nổi hàng năm” mới hình thành trong thời gian gần đây. Trong câu có từ phủ định “không” (ở cụm từ “điều này không mới”) c. Câu phủ định – phủ định miêu tả -> Xác định không có tình trạng người nói quên đi mảnh đất tươi đẹp của mình. Trong câu có sự xuất hiện của cụm từ mang ý nghĩa phủ định là “chẳng thể”. Bài tập 2 SGK trang 101 a. Không phải câu phủ định mặc dù xuất hiện từ “không” (không hiểu). Trọng tâm thông báo là

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	“tôi” (thủ lĩnh Xi – át - ton) biết hay không biết về vấn đề chứ không phải là người da trắng hiểu hay không hiểu về cách sống của người da đỏ. Nên khi câu xác định sự “biết” của “tôi” thì câu đó là câu khẳng định. b. Câu phủ định bác bỏ. Vì câu có từ “chẳng” (xuất hiện 02 lần) và nội dung của nó ngầm bác bỏ nhận thức rằng cuộc sống của người da trắng vẫn bình thường trong khi, theo cách nhìn của người da đỏ, đó là cuộc sống không bình thường (mọi âm thanh đáng yêu của sự sống đều được cảm nhận là “tiếng ồn ào lảng mạn”). c. Câu phủ định miêu tả. Vì câu có từ “không” và xác nhận rằng người dân ở vùng châu thổ sông Cửu Long không có sự lo ngại về lũ lụt.

4. HĐ 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) viết về vai trò của thiên nhiên, môi trường với cuộc sống của chúng ta có sử dụng câu phủ định, câu khẳng định.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hoàn chỉnh các bài tập đã học.

- Nắm đặc điểm câu phủ định, khẳng định.

- Phân biệt các kiểu câu.

- Đọc và chuẩn bị tiết: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

TIẾT 126: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểu bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nắm được cấu trúc của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.
- Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên bằng việc huy động hợp lí các trải nghiệm cá nhân và kiến thức thu nhận được qua các bài học trong chương trình, qua những tài liệu tự tìm hiểu và nghiên cứu thêm.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video
- Tranh ảnh về một số hiện tượng tự nhiên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: trò chơi “Nhìn hình đoán hiện tượng”. GV cho một số hình ảnh, video về hiện tượng tự nhiên: nhật thực, nguyệt thực, thủy triều, núi lửa, động đất, băng tan ở các địa cực, ... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nhìn hình ảnh và trả lời	Học sinh tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Trình bày thêm những kiến thức em biết về hiện tượng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt vài bài.	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>NV: Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần có những yêu cầu nào?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs nhìn SGK trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. - Nêu được hiện tượng tự nhiên cần giải thích. - Nêu được các biểu hiện cơ bản của hiện tượng tự nhiên cần giải thích. - Trình bày được căn cứ xác đáng để giải thích hiện tượng tự nhiên đã chọn. - Nói rõ ảnh hưởng, tác động của hiện tượng tự nhiên đó đối với cuộc sống con người.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu	II. Phân tích bài viết tham khảo

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa – một hiện tượng cảnh quan thiên nhiên thành thắng cảnh. Cho HS xem video giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa để HS dễ hình dung khi đọc bài tham khảo. - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + <i>Người viết giới thiệu hiện tượng tự nhiên ở đoạn nào? Giới thiệu những gì?</i> + <i>Ghềnh Đá Đĩa được miêu tả như thế nào? Khoa học đã giải thích hiện tượng đó ra sao?</i> + <i>Người viết nêu thái độ, hành động gì của con người trước hiện tượng tự nhiên đó?</i> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Giới thiệu hiện tượng: địa điểm, không gian tọa độ. - Biểu hiện nổi bật của hiện tượng: rộng hơn 50m, dài khoảng 200m; hàng chục nghìn cột đá lục giác, vuông, tròn xếp nối từng lớp; lớp nọ lớp kia tiếp nối vươn mình ra biển. - Giải thích hiện tượng: đá ở đây là loại đá badan hình thành trong quá trình hoạt động của núi lửa ở vùng cao nguyên Vân Hòa cách đây gần 200 triệu năm và cách vị trí ghềnh đá 30km – nêu bằng chứng các ghềnh đá khác ở một số nước. - Thái độ, hành động: khai thác du lịch.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. + Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý

+ GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng.

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em

PHIẾU TÌM Ý

Hiện tượng tự nhiên gì?	
Diễn ra ở đâu? Khi nào? Nó khác gì so với những ghi nhận trước đây?	
Nguyên nhân của hiện tượng đó là gì? Chuyên gia đã giải thích hiện tượng đó ra sao?	
Hiện tượng tự nhiên đó gây ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực như thế nào đến đời sống của con người?	
Con người đã bày tỏ thái độ và thực hiện hành động gì trước hiện tượng đó?	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

2. Viết bài:

- Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh

- Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thiện bài viết thuyết minh về hiện tượng tự nhiên.
- Chuẩn bị bản kiểm để nhận xét.
- Chuẩn bị: Nội dung phần chỉnh sửa bài viết của bài.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 33

NGÀY SOẠN: 5/5/2024

TIẾT 127+128: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- + Biết viết bài văn phân tích tác phẩm đã được đọc mà em ấn tượng nhất.
- + Nhận diện và hiểu được thể loại thơ tự do
- + Nắm các thành phần biệt lập
- + Xác định chi tiết, hình ảnh thơ.
- + Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người;
- Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận
- Cách tổ chức kiểm tra: Cho HS làm bài 90'

(Có đề kèm theo)

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

**UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN**

MA TRẬN

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024**

Môn: Ngữ văn 8

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		V. dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ									
	Số câu	10	4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ % điểm	60	20		15	10		10		5	60
2	Viết	Phân tích một tác phẩm truyện.									
	Số câu	1	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	1
	Tỉ lệ % điểm	40		10		15		10	0	5	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70				30				100

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN BẢNG ĐẶC TẢ	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn 8 Thời gian: 90 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>

TT	Chương/		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức

	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ tự do	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của một đoạn trích thơ tự do (số tiếng trong dòng, số dòng trong khổ; vần, nhịp; chi tiết thơ) - Nhận biết thành phần biệt lập trong dòng thơ. Thông hiểu: - Hiểu và giải thích được chi tiết được gọi ra từ văn bản. - Hiểu và giải thích ý nghĩa của chi tiết. Vận dụng: - Trình bày được cảm nhận của bản thân về tình cảm của nhân vật trữ tình được gọi ra từ văn bản. Vận dụng cao: - Nêu được thông điệp rút ra từ giá trị của văn bản. - Thông điệp phải ý nghĩa, phù hợp.	4 TN	3 TN, 1 TL	1 TL	1 TL
2	Viết	Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài phân tích một tác phẩm Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) Vận dụng: Viết được một bài văn phân tích một tác phẩm. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				4TN 1*TL	3 TN 1TL 1*TL	1TL 1*TL	1 TL 1*TL

Tỉ lệ %		30	40	20	10
Tỉ lệ chung		70		30	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề này gồm có 2 trang)	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn 8 Thời gian: 90 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

*Ta đã đi qua những năm tháng không ngờ
Vô tư quá để bây giờ xao xuyến
Bèo lục bình mệnh mang màu mực tím
Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông...*

*Ta lớn lên bối rối một sắc hồng
Phượng cứ nở hoài như đếm tuổi
Như chiều nay, một buổi chiều dĩ vãng
Ta nhận ra mình đang lớn khôn...*

*Biết ơn những cánh sẻ nâu đã bay đến cánh đồng
Rút những cọng rơm vàng về kết tổ
Đã dạy ta với cánh diều thơ nhỏ
Biết kéo về cả một sắc trời xanh...*

*Biết ơn mẹ vẫn tính cho con thêm một tuổi sinh thành
“Tuổi của mẹ” con nằm trong bụng mẹ*

*Để con quý yêu tháng ngày tuổi trẻ
Buổi mở mắt chào đời, phút nhắm mắt ra đi...*

(Trích chương I, *Lời chào*, trường ca *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm, NXB Văn nghệ giải phóng, 1974)

Chú thích:

- “bèo lục bình” còn có tên gọi khác là bèo tây, thuộc loại thân thảo, sống trên mặt nước.

- “tuổi của mẹ” là tuổi được tính từ trong bụng mẹ.

Từ câu 1 đến câu 7: Em hãy chọn phương án đúng trong các phương án dưới đây bằng cách ghi chữ cái trước phương án đó vào giấy bài làm.

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể thơ gì?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ lục bát
- C. Thể thơ bảy chữ
- D. Thể thơ tám chữ

Câu 2: Những yếu tố nào giúp em nhận diện thể thơ của đoạn trích?

- A. Số tiếng trong dòng thơ và số dòng trong mỗi khổ thơ.
- B. Vần thơ, nhịp, số tiếng trong dòng thơ.
- C. Dòng thơ, khổ thơ, vần và nhịp của đoạn trích thơ.
- D. Số tiếng trong dòng thơ, số dòng trong các khổ thơ, vần, nhịp.

Câu 3: “*Sắc hồng*” trong câu thơ *Ta lớn lên bồi rồi một sắc hồng* miêu tả sự vật nào?

- A. hoa mào gà
- B. hoa phượng
- C. chim sẻ
- D. cánh diều

Câu 4: Xác định tên thành phần biệt lập được in đậm trong dòng thơ: “*Như chiều nay, một buổi chiều dữ dội*”.

- A. tình thái từ
- B. chêm xen (phụ chú)
- C. gọi đáp
- D. cảm thán

Câu 5: Vì sao nhân vật trữ tình biết ơn những cánh sẻ nâu?

- A. Cánh sẻ nâu đã rút những cọng rơm vàng về kết tổ.
- B. Cánh sẻ nâu giúp ta biết quý yêu tháng ngày tuổi trẻ.
- C. Cánh sẻ nâu đã dạy ta với cánh diều, kéo về cả sắc trời xanh.
- D. Cánh sẻ nâu giúp ta nhận ra mình đã lớn khôn.

Câu 6: Ý nào nhận xét **không đúng** về các hình ảnh được nhắc đến trong đoạn trích?

- A. Là những hình ảnh đẹp đẽ, trong sáng về những năm tháng tuổi niên thiếu.
- B. Là những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với mỗi người.
- C. Là những hình ảnh kì vĩ, lớn lao trong những năm tháng ta đã đi qua.
- D. Là những hình ảnh gợi cảm xúc về thuở thiếu thời.

Câu 7: Đoạn trích cho thấy tác giả thể hiện sự lớn khôn của mình khi nhận ra điều gì?

- A. Mình đã trưởng thành.
- B. Kỷ niệm mãi còn.
- C. Tiếc nuối những năm tháng học trò.
- D. Giá trị của những điều nhỏ bé, gần gũi, bình dị; biết ơn mẹ.

Từ câu 8 đến câu 10: Em hãy ghi câu trả lời của mình vào giấy bài làm.

Câu 8: Vì sao nhân vật trữ tình bày tỏ lòng biết ơn với mẹ?

Câu 9: Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật trữ tình thể hiện qua đoạn trích.

Câu 10: Em hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất từ đoạn thơ trên.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện ngắn em đã được đọc để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

HẾT.

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn 8 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Phần I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

1. Trắc nghiệm khách quan: Mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
Phương án trả lời	A	D	B	B	B	C	D

2. Trắc nghiệm tự luận:

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
8	Nhân vật trữ tình bày tỏ lòng biết ơn mẹ vì: + Mẹ đã tính cho con thêm một tuổi khi con còn nằm trong bụng mẹ + Biết ơn mẹ vì mẹ đã giúp con biết trân quý hơn những năm tháng tuổi trẻ của đời người. <i>* GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh khi thấy câu trả lời phù hợp.</i>	1.0
9	Cảm nhận về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình của đoạn trích: - Cảm xúc mệnh mang, bồi hồi, xao xuyến khi nghĩ về những năm tháng của tuổi thơ.	1.0

	- Đó còn là cảm xúc biết ơn đến những điều bình dị trong cuộc sống. * GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.	
10	- Trân trọng, biết ơn những điều bình dị xung quanh ta. - Ghi nhớ những khoảnh khắc đẹp trong quá khứ. - Sống tốt hơn cho hiện tại và tương lai. * GV linh hoạt ghi điểm cho học sinh.	0.5

Phần II: LÀM VĂN (4.0 điểm)

A. Bảng điểm chung toàn bài:

Tiêu chí	Điểm
Cấu trúc bài văn	0.5
Nội dung	2.5
Trình bày, diễn đạt	0.5
Sáng tạo	0.5

B. Bảng chấm điểm cụ thể cho từng tiêu chí:

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0.5	Biết cách viết bài văn đủ 3 ý: Mở bài, thân bài và kết bài. Phần Thân bài biết tổ chức gồm nhiều đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.	- Mở bài: - Thân bài: - Kết bài:
0.25	Bài văn thiếu kết đoạn	
0.25	Chưa biết hình thức trình bày bài văn	
2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0-2.5	- Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm - Nêu được chủ đề của tác phẩm - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện; - Liên hệ bản thân.	<i>Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được những nội dung sau:</i> - Giới thiệu tác phẩm truyện ngắn em ấn tượng sâu sắc và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu được nội dung cơ bản của tác phẩm. - Nêu được chủ đề của tác phẩm. - Phân tích được một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
1.0-1.75	- Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện;	- Khẳng định giá trị, ý nghĩa của truyện.

	- Liên hệ bản thân. * HS làm được những yêu cầu trên nhưng phân tích chưa sâu lắm.	
025-0.75	- Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm - Nêu được chủ đề của tác phẩm - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện; - Liên hệ bản thân. * HS có thực hiện được một số yêu cầu trên, phân tích còn sơ sài.	
0.0	Bài viết lạc đề hoặc không làm bài.	
3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0.5	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài viết đúng hình thức bài văn, trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa...	
0.25-0.00	- Mặc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ...	
4. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)		
0.5	- Có sáng tạo trong cách diễn đạt.	
0.25	- Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét.	
0.00	- Chưa sáng tạo.	

BAN GIÁM HIỆU

TỔ CHUYÊN MÔN

NGƯỜI RA ĐỀ

Đặng Thị Hoài Phương

Trương Thị Sen

TUẦN 34

NGÀY SOẠN: 12/5/2024

TIẾT 129: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (TT)

TIẾT 130 +131: VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

TIẾT 132: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

TIẾT 129: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (TT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểu bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nắm được cấu trúc của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.
- Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên bằng việc huy động hợp lí các trải nghiệm cá nhân và kiến thức thu nhận được qua các bài học trong chương trình, qua những tài liệu tự tìm hiểu và nghiên cứu thêm.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video
- Tranh ảnh về một số hiện tượng tự nhiên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: trò chơi “Nhìn hình đoán hiện tượng”. GV cho một số hình ảnh, video về hiện tượng tự nhiên: nhật thực, nguyệt thực, thủy triều, núi lửa, động đất, băng tan ở các địa cực, ... - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	Học sinh tham gia trò chơi

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nhìn hình ảnh và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Trình bày thêm những kiến thức em biết về hiện tượng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt vài bài.	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>NV: Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần có những yêu cầu nào?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs nhìn SGK trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. - Nêu được hiện tượng tự nhiên cần giải thích. - Nêu được các biểu hiện cơ bản của hiện tượng tự nhiên cần giải thích. - Trình bày được căn cứ xác đáng để giải thích hiện tượng tự nhiên đã chọn. - Nói rõ ảnh hưởng, tác động của hiện tượng tự nhiên đó đối với cuộc sống con người.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa – một hiện tượng cảnh quan thiên nhiên thành thắng cảnh. - Cho HS xem video giới thiệu về ghềnh Đá Đĩa để HS dễ hình dung khi đọc bài tham khảo. - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + Người viết giới thiệu hiện tượng tự nhiên ở đoạn nào? Giới thiệu những gì? + Ghềnh Đá Đĩa được miêu tả như thế nào? Khoa học đã giải thích hiện tượng đó ra sao? + Người viết nêu thái độ, hành động gì của con người trước hiện tượng tự nhiên đó? - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	II. Phân tích bài viết tham khảo - Giới thiệu hiện tượng: địa điểm, không gian tọa độ. - Biểu hiện nổi bật của hiện tượng: rộng hơn 50m, dài khoảng 200m; hàng chục nghìn cột đá lục giác, vuông, tròn xếp nối từng lớp; lớp nọ lớp kia tiếp nối vươn mình ra biển. - Giải thích hiện tượng: đá ở đây là loại đá badan hình thành trong quá trình hoạt động của núi lửa ở vùng cao nguyên Vân Hòa cách đây gần 200 triệu năm và cao vị trí ghềnh đá 30km – nêu bằng chứng các ghềnh đá khác ở một số nước. - Thái độ, hành động: khai thác du lịch.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý

+ Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nêu ý kiến về bài viết. - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	3. Chỉnh sửa bài viết

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thiện bài viết thuyết minh về hiện tượng tự nhiên.
- Chuẩn bị: Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

BẢNG KIỂM

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được hiện tượng tự nhiên.	Nếu bài viết chưa giới thiệu được đó là hiện tượng gì thì cần bổ sung.
Miêu tả hay thuật lại các biểu hiện điển hình của hiện tượng tự nhiên.	Bổ sung thông tin các biểu hiện của hiện tượng hoặc miêu tả cụ thể, rõ ràng về hiện tượng.
Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng kết hợp trích dẫn ý kiến chuyên gia và cơ sở ở các tài liệu tin cậy.	Nếu chưa nêu được nguyên nhân của hiện tượng hoặc chưa thể hiện ý kiến chuyên gia cần tìm hiểu từ các tài liệu, phim ảnh, mạng xã hội để có những thông tin xác đáng.
Diễn đạt trình bày hình thức văn bản.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa.

* RÚT KINH NGHIỆM:

TIẾT 30 +131: VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

- Năng lực đặc thù:

- + Nhận dạng được một số văn bản kiến nghị
- + Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị
- + Nhận biết hình thức, nội dung của đoạn văn
- + Biết cách phân tích văn bản mẫu
- + Nhận biết được quy trình viết

3. Phẩm chất

Yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu văn bản kiến nghị

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học viết

2. Học sinh.

Làm phiếu trước giờ

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG	
1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý, tạo sự kết nối HS với chủ đề bài học.	
2. Nội dung: Gv trình chiếu 1 số vấn đề gây tranh cãi; hỏi kiến HS	
3. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT	

4. Tổ chức thực hiện:	
* Chuyển giao nhiệm vụ: -GV: <i>Đưa 1 số vấn đề: HS xả rác bữa bãi, nhà vệ sinh bẩn... → ý kiến của em về vấn đề này? Nếu muốn có ý kiến thì chỉ nói 1 mình có được không? → Dẫn dắt</i> - HS: trả lời. * Thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, hỗ trợ - HS suy nghĩ, trả lời * Báo cáo kết quả: - HS đọc, trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả: - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.	
HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC HOẠT ĐỘNG 2.1: Nội dung văn bản kiến nghị 1. Mục tiêu: - Nhận dạng được những nội dung cơ bản của văn bản kiến nghị - Bước đầu biết viết văn bản kiến nghị; 2. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh làm bài tập nói 3. Sản phẩm: Bài làm của HS 4. Tổ chức thực hiện:	
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu nội dung chính của văn bản kiến nghị * Chuyển giao nhiệm vụ: <i>GV yêu cầu HS hoàn thành việc nói thông tin hai cột</i> * Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn	1. Nội dung văn bản kiến nghị - Thông tin về người viết kiến nghị; - Khái quát về bối cảnh kiến nghị; - Trình bày cô đọng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiến nghị;

- GV quan sát, nhận xét * Báo cáo kết quả: - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Bày tỏ mong muốn kiến nghị được xem xét, giải quyết.
NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi viết * Chuyển giao nhiệm vụ: Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn học sinh xác định các bước trước khi viết + Hướng dẫn học sinh tìm ý bằng cách đặt câu hỏi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. * Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở * Báo cáo kết quả: - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Đánh giá kết quả: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Thực hành viết theo các bước a. Trước khi viết *Lựa chọn vấn đề Nên chọn vấn đề em am hiểu, gần gũi, có ý nghĩa với em và các bạn. Ví dụ: vấn đề liên quan đến đời sống học đường (nâng cấp hệ thống thư viện, nâng cấp nhà vệ sinh, phòng y tế...) *Tìm ý Bằng cách đặt câu hỏi: - Bối cảnh viết kiến nghị? - Vấn đề được kiến nghị? - Giải pháp giải quyết vấn đề? *Lập dàn ý Ba phần: - Phần mở đầu - Phần nội dung - Phần kết thúc
NV3: Hướng dẫn Hs thực hành viết và chỉnh sửa * Chuyển giao nhiệm vụ: - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV nhấn mạnh HS yêu cầu trước khi viết	b. Thực hành viết * Yêu cầu trước khi viết - Nêu thông tin cô đọng, xác thực về người viết văn bản kiến nghị (cá nhân hay tập thể)

+ GV trình chiếu và phát bảng kiểm số 1 cho học sinh + Yêu cầu học sinh viết văn bản kiến nghị (PHT số 2)				- Nêu khái quát về bối cảnh viết kiến nghị (thời điểm viết, nhu cầu viết...) - Trình bày rõ ràng về vấn đề được kiến nghị (sự việc, hiện tượng cần quan tâm, khắc phục; tác động tiêu cực của sự việc, hiện tượng; ý nghĩa của việc xử lý, giải quyết sự việc, hiện tượng;...) - Gợi ý, đề xuất các giải pháp cần thực hiện để khắc phục tác động không tích cực của sự việc, hiện tượng - Bày tỏ mong muốn vấn đề kiến nghị được cấp có thẩm quyền quan tâm, xử lý	
Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt		
Phần mở đầu	Nêu rõ tư cách người kiến nghị (cá nhân hay tập thể)				
	Nêu góc độ kiến nghị				
	Nêu vấn đề kiến nghị				
Phần nội dung	Trình bày các biểu hiện cụ thể của vấn đề kiến nghị				
	Nêu tác động của vấn đề kiến nghị lên đời sống của cá nhân hay tập thể				
	Gợi ý một số giải pháp cụ thể nhằm giải quyết vấn đề				
	Triển khai các kiến nghị theo tầng bậc				
Phần kết thúc	Bày tỏ mong muốn những kiến nghị đã nêu sẽ được thực hiện			* Viết bài *Chỉnh sửa bài viết - Bám sát dàn ý khi viết bài - Sử dụng các số liệu thống kê có tính thuyết phục - Bày tỏ rõ mong muốn, đề xuất cụ thể giải pháp của bản thân với những kiến nghị.	
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. * Thực hiện nhiệm vụ: - GV quan sát, hướng dẫn - HS đọc, quan sát, suy nghĩ * Báo cáo kết quả: - HS đọc sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm của bạn * Đánh giá kết quả: GV nhận xét, khích lệ học sinh					

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm và phiếu chỉnh sửa.
- Lưu trữ lại các phiếu học tập và bảng kiểm theo trật tự vào hồ sơ học tập.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có ý thức chủ động, tích cực trong việc nhìn nhận ưu khuyết điểm để có hướng khắc phục.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống.
- Năng lực hợp tác : Biết lắng nghe, chia sẻ và học hỏi để mở rộng hiểu biết.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ:
 - + Trình bày quan điểm của bản thân đối với vấn đề được đặt ra
- Năng lực văn học:
 - + Nhận diện và hiểu được thể loại thơ tự do
 - + Nhận biết các thành phần của câu.
 - + Hiểu và xác định được các chi tiết, giải thích ý nghĩa của các chi tiết.
 - + Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
 - + Biết vận dụng kiến thức về viết bài văn phân tích tác phẩm truyện.

2. Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ trong học tập, kiểm tra

II. THIẾT BỊ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra đã chấm, phát hiện những lỗi của HS và chọn bài khá tốt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu đoạn văn trong bài làm của HS
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

GV cho HS quan sát 1 đoạn văn trong bài viết của HS

HS nhận xét đoạn văn(cách diễn đạt, các lỗi) ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ và trả lời câu hỏi.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Để giúp các em tự nhận ra những ưu điểm cũng như những nhược điểm trong bài KT của mình và của các bạn, các em tự khắc phục được những cái chưa tốt để hoàn thiện hơn trong những tiết KT sau

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

HOẠT ĐỘNG 1: Trả bài kiểm tra

- Mục tiêu: Nhận xét những ưu nhược điểm trong bài viết
- Nội dung:

GV cung cấp đáp án, phát bài cho HS, HS cùng GV nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra.

HS hoạt động cá nhân, nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao
- Sản phẩm: Câu trả lời, bài kiểm tra của HS
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cung cấp đáp án đề kiểm tra GV phát bài kiểm tra, nhận xét chung ưu, nhược điểm ? Tự nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra ? ? Trao đổi bài kiểm tra với bạn để cùng học tập ? HS tiếp nhận nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, lắng nghe, Thực hiện nhiệm vụ độc lập, nhóm B3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS <i>*Ưu điểm:</i> HS nắm kiến thức, vận dụng đọc hiểu văn bản tương đối tốt ; trình bày cảm nhận về chi tiết của văn bản đặt ra ; nêu được bài học về cách ứng xử của bản thân đối với vấn đề được đặt ra ; viết được bài văn phân tích theo yêu cầu. Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy: biết sử dụng phương tiện liên kết <i>*Hạn chế:</i> - Nhiều bài viết chưa nắm kỹ thể loại, chi tiết, các thành phần biệt lập. - Một số bài viết chưa hoàn chỉnh, nội dung còn đơn giản. - Phần đọc hiểu, một số HS chưa đọc kỹ yêu cầu của đề , làm sai , kết quả chưa cao. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,....	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :

- a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết
b. Nội dung:

GV yêu cầu HS phát hiện và sửa lỗi trong bài kiểm tra

HS hoạt động cá nhân , nhóm vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

- c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

- d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : Yêu cầu HS đọc lại bài viết và phát hiện lỗi , HS cùng cả lớp đưa ra phương án sửa lỗi cho bạn.
- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ
- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: chia sẻ, học hỏi, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết

- b. Nội dung:

GV yêu cầu HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo.

HS hoạt động cá nhân báo cáo

- c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS

- d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo. HS cùng cả lớp cùng lắng nghe.
- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ
- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Về nhà xem lại những ưu và khuyết điểm của bài kiểm tra.

RÚT KINH NGHIỆM :

.....
.....

TUẦN 35

NGÀY SOẠN: 15/5/2022

TIẾT 133: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI(TỔ CHỨC HỢP LÝ NỀ NẾP SINH HOẠT CỦA BẢN THÂN)

TIẾT 134: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 135+136: BÀI 10

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

ĐỌC: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

TIẾT 133: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI(TỔ CHỨC HỢP LÝ NỀ NẾP SINH HOẠT CỦA BẢN THÂN)

SINH HOẠT CỦA BẢN THÂN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đặc điểm kiểu bài thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS chọn được vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân).
- HS trình bày được quan điểm, ý kiến các nhân về vấn đề được nêu ra trong văn bản, biết liên hệ với cuộc sống thực tiễn.
- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS.

1. Giáo viên

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0
- Tạo trang padlet

2. HS

- Chuẩn bị dàn ý bài nói
- Quay video tập nói ở nhà, up lên padlet

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để liên hệ với vấn đề trong tác phẩm
- c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xem video “Tập thể dục buổi sáng” và cho biết: video sau gợi cho em thói quen sinh hoạt nào? Em có nhận xét gì về thói quen sinh hoạt đó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày trải nghiệm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:	

→ **Giáo viên vào bài:** Qua video vừa được xem và nghe, các em có thể thấy bài hát trong tre, có ca từ đơn giản nhưng lại nói lên một nề nếp sinh hoạt tích cực có ý nghĩa đó chính là việc tập thể dục vào buổi sáng. Tùy vào lịch sinh hoạt cá nhân có thể sắp xếp thời gian luyện tập vào các buổi sao cho phù hợp nhất trong ngày. Việc tập thể dục đúng và đủ mỗi ngày làm tăng nhịp tim, nhịp hô hấp và giúp các cơ quan nội tạng hoạt động tốt. Trong bài học ngày hôm nay cô sẽ giúp các em rèn kỹ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi đó chính là tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hđ 1: Chuẩn bị bài nói

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài thảo luận	1. Trước khi nói:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định các bước chuẩn bị trước khi nói.</i> + GV hướng dẫn HS xác định vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lí nề nếp sinh hoạt của bản thân). Nề nếp sinh hoạt của bản thân là nét ổn định trong cách một cá nhân thực hiện những hoạt động mang tính cá nhân hằng ngày. + Nét ổn định này được tạo nên qua một quá trình, mà ở đó có sự tổng hoà giữa điều kiện, thói quen và quan niệm của mỗi người về “vùng trời riêng” do chính họ làm chủ. + Trong nề nếp sinh hoạt của bản thân có thể có yếu tố tích cực, có thể có yếu tố tiêu cực. Do nó có mối liên hệ mật thiết với hiệu suất công việc mà mỗi cá nhân phải đảm nhiệm, nề nếp sinh hoạt cá nhân cũng cần được điều chỉnh hay cấu trúc lại, mà ở đó, yếu tố tiêu cực cần được sửa chữa, khắc phục còn yếu tố tích cực cần được phát huy, được thực hiện một cách đầy ý thức. + Ví dụ: Một số biểu hiện của việc sinh hoạt nề nếp là thực dậy đúng giờ, rèn luyện thân thể hàng ngày, sắp xếp đồ đạc gọn gàng ngăn nắp... + <i>GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách thảo luận.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	a. Chuẩn bị nội dung nói b. Tập luyện

Hđ 2: Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn Hs trình bày bài thảo luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Nhắc học sinh một số lưu ý</i> + <i>Gv gọi một số học sinh trình bày trước lớp</i> + <i>Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Trình bày bài thảo luận - Tự tin, thoải mái thể hiện được sự hưởng ứng tích cực đối với cuộc thảo luận. -Triển khai được ý kiến mới, không nói lại những nội dung đã được phát biểu trước đó. - Xác định rõ nội dung then chốt của ý kiến trình bày, kết nối được mạch thảo luận chung. - Đưa ra những lí lẽ và bằng chứng xác đáng, phù hợp. - Chọn cách diễn đạt sáng tạo, sinh động, tự nhiên; chú ý sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ khi nói (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ..) - Thể hiện thái độ tôn trọng đối với tất cả những người tham gia thảo luận. - Làm chủ được thời gian (không vượt quá quy định dành cho một lượt ý kiến). - Có thể sử dụng các ghi chép nhanh. - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, video...) về các nề nếp sinh hoạt cá nhân liên quan đến bài thảo luận.

Hđ 3: Trao đổi về bài thảo luận**a. Mục tiêu:** Hiểu được cách đánh giá bài thảo luận**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV: Hướng dẫn HS trao đổi về bài thảo luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Người nghe: có nhiệm vụ hoàn thiện phiếu đánh giá theo bảng kiểm và nhận xét bài thảo luận của bạn</i> + <i>Người nói: phản hồi các ý kiến nhận xét, cảm ơn và tiếp thu những nhận xét</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.	3. Trao đổi về bài thảo luận

- Gv quan sát

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trao đổi
- Gv tổ chức hoạt động

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học tương tự lập đề cương cho bài thảo luận

b) Nội dung: Áp dụng phương pháp học tập trong nội dung cụ thể

c) Sản phẩm: Đề cương bài thảo luận

d) Tổ chức hoạt động:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Tìm và xác định thêm các vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi
- Lựa chọn một vấn đề, xây dựng nội dung và đề cương bài thảo luận

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hành dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn trong lớp
- GV hỗ trợ (nếu cần)

B3: Báo cáo thảo luận:

- HS trình bày cá nhân.

B4: Đánh giá kết quả:

- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên nhận xét đánh giá.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Ôn lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị tiết “Độc mở rộng”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 134: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa tri thức về thể loại, đặc trưng của văn bản thông tin

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học

b. Năng lực riêng:

- Nhận biết và phân tích một số yếu tố thể loại

3. Phẩm chất:

- Có ý thức trân trọng môi trường sống và bảo vệ môi trường sống của chúng ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy, sgk, sgv
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi: Hãy giới thiệu một vài đoạn văn bản thông tin em chuẩn bị phù hợp với chủ đề Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết, thảo luận - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài	Thể loại: Văn bản thông tin - Văn bản kết nối chủ đề: Hôm nay và ngày mai.

HOẠT ĐỘNG : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố- Mở rộng

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết, thảo luận - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	I. Củng cố- mở rộng Bài tập: Đặc điểm của văn bản thông tin, các phương pháp thể hiện trong văn bản thông tin, mục đích của văn bản thông tin

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC

a. Mục tiêu: Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 2 để thực hành đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện cười

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi theo PHT.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp - GV yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả đọc theo PHT sau <table border="1"><tr><td>1. Những đặc điểm của thể loại văn bản thông tin </td></tr><tr><td>2. Vấn đề được giới thiệu </td></tr><tr><td>3. Đặc sắc nghệ thuật </td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	1. Những đặc điểm của thể loại văn bản thông tin 	2. Vấn đề được giới thiệu 	3. Đặc sắc nghệ thuật 	II. THỰC HÀNH ĐỌC: Our Planet là loạt phim tài liệu đầy tham vọng với phạm vi ảnh hưởng đưa ta trải nghiệm vẻ đẹp tự nhiên của Trái đất và nghiên cứu cách khí hậu thay đổi tác động lên mọi sinh vật sống. Để sản xuất 8 tập phim, đội ngũ xây dựng Our Planet mất đến 4 năm và đi qua 50 quốc gia chỉ để thực hiện những tập phim dài chưa đến 1 giờ. Mục đích của Our Planet là phô diễn những cảnh tượng tuyệt diệu chưa từng thấy trước đây của thế giới động vật, từ trận đọ vuốt trên không của đại bàng cho đến những sinh vật sống hàng ngàn dặm dưới đáy
1. Những đặc điểm của thể loại văn bản thông tin 				
2. Vấn đề được giới thiệu 				
3. Đặc sắc nghệ thuật 				

HS thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt kiến thức	đại dương. Các tập phim cũng nhắc nhở nhẹ người xem thiên nhiên đáng được trân trọng và ngày càng cần được bảo vệ đến thế nào. Loạt phim tài liệu Our Planet đưa ra lời cảnh báo về sự nóng lên của toàn cầu, những môi trường sống bị hủy diệt và nhiều loài biến mất, đồng thời mang đến một thông điệp sống còn: 'Hãy cứu lấy hành tinh của chúng ta trước khi quá muộn!'.

HOẠT ĐỘNG : LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 4 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Hs báo cáo kết quả Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	Bài tập 4: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) giới thiệu về một bộ phim đã xem có nội dung đề cập những vấn đề bức thiết của môi trường sống trên Trái Đất hiện nay.

HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	(Bài làm cá nhân của học sinh)

- Gv yêu cầu học sinh làm về nhà hoàn thành bài tập 3 theo PHT sau: <table border="1"> <tr> <td>Tên tác phẩm:</td> </tr> <tr> <td>Tác giả:</td> </tr> <tr> <td>Thói xấu được nói đến:</td> </tr> <tr> <td>Thủ pháp trào phúng trong truyện:</td> </tr> <tr> <td>Chi tiết em thấy thú vị nhất:</td> </tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Hs báo cáo kết quả vào tiết học sau. Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài làm của học sinh vào tiết học sau.	Tên tác phẩm:	Tác giả:	Thói xấu được nói đến:	Thủ pháp trào phúng trong truyện:	Chi tiết em thấy thú vị nhất:	
Tên tác phẩm:						
Tác giả:						
Thói xấu được nói đến:						
Thủ pháp trào phúng trong truyện:						
Chi tiết em thấy thú vị nhất:						

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nêu vai trò của tiết đọc.
- Chuẩn bị cho Bài 10: giới thiệu bài học, tri thức ngữ văn, đọc “Thách thức đầu tiên”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 135+136: BÀI 10 GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN ĐỌC: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu cuốn sách.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Viết được văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học.

- Năng lực đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc.

- Năng lực hợp tác, chia sẻ thông tin - kết quả của hoạt động đọc và báo cáo dự án của nhóm.

- Năng lực phát biểu, trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân về nhân vật, tác giả hoặc những điều thú vị trong sách.

- Năng lực phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS qua các hoạt động.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV, máy tính, máy chiếu;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Pô-xtơ, các mẫu nhật kí đọc sách.

- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, đọc kĩ văn bản, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, sản phẩm nhóm....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Hoạt động: Mở đầu

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b. Nội dung: Trò chơi “Ai nhanh hơn”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv chia lớp thành 3 nhóm, tổ chức trò chơi tiếp sức

Cuộc thi “Ai nhanh hơn”

- Nhiệm vụ: Viết tên các nhân vật trong các cuốn sách mà em đã lựa chọn đọc và em muốn giới thiệu cho các bạn?

- Thời gian: 2 phút

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:- Trao đổi nhiệm vụ và phân công thành viên

GV:

- Hướng dẫn HS tham gia thi
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu các nhóm thực hiện đúng luật chơi
- Hướng dẫn HS cách trình bày viết

HS:

- Tham gia thi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động tri thức ngữ văn.

B. Hoạt động: Giới thiệu bài học và Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hs nắm được nội dung bài học và những tri thức liên quan đến dạng văn bản thông tin, vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học; nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học.

b. Nội dung: GV giới thiệu nội dung bài học, yêu cầu HS hoạt động cá nhân và làm việc nhóm để khám phá phần tri thức ngữ văn.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV – HS	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu: Giới thiệu bài học Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i>, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần <i>Giới thiệu bài học</i> ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ kết quả trước lớp. Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học. Nhiệm vụ 2. Khám phá Tri thức ngữ văn a. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi theo nhiệm vụ: PHT số 1: 1 Thế nào là văn bản giới thiệu một cuốn sách?	1. Giới thiệu bài học: - Chủ đề: Sách – người bạn đồng hành - Thể loại: văn bản thông tin (giới thiệu một cuốn sách) 2. Khám phá Tri thức ngữ văn. a. Đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách

2. Chỉ ra đặc điểm chung về một cuốn sách mà em đã từng đọc

STT	Yêu cầu	Sản phẩm
1	Nhan đề	
2	Tác giả	
3	Thể loại	
4	Đề tài	
5	Chủ đề	
6	Bố cục	
7	Nội dung chính	
8	Quan điểm của TG	
9	Nhà xuất bản	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS

- Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời.
- Đọc phần tri thức ngữ văn.
- Thảo luận nhóm:

Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

GV:

- Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm.
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức.

b. Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi theo nhiệm vụ:

Văn bản giới thiệu một cuốn sách thuộc loại văn bản thông tin trình bày khách quan những đặc điểm chung của cuốn sách:

- + Nhan đề
- + Tác giả
- + Thể loại
- + Đề tài
- + Chủ đề
- + Bố cục
- + Quan điểm, thái độ của tác giả
- + Nhà xuất bản, năm sản xuất

b. Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học

PHT số 2: 1. Vai trò của tưởng tượng đối với tác giả trong sáng tạo? Lấy VD 2. Vai trò của tưởng tượng đối với độc giả trong tiếp nhận? Lấy VD B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời. - Thảo luận nhóm: + 1 phút đầu, HS ktra kết quả PHT đã chuẩn bị ở nhà + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV: - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc. Gv mở rộng qua ví dụ bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt hoặc “Quê hương” của Tế Hanh c. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV kết hợp kĩ thuật trình bày 1 phút và động não, yêu cầu cá nhân trả lời câu hỏi: 1. Trình bày đặc điểm, chức năng của nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học 2. Nhận xét cách đặt nhan đề - <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> (gắn hình tượng nhân vật chính) - <i>Bầy chim chìa vôi</i> (mang tính hàm ẩn để nói về nhân vật...)	- Vai trò của tưởng tượng đối với tác giả trong sáng tạo: + Tưởng tượng giúp tác giả có thể hình dung rõ rệt hơn về con người với những đặc điểm ngoại hình, hành động, nội tâm... + Tưởng tượng khiến tác giả có thể nhập thân vào đời sống + Tưởng tượng là cách để tác giả hồi tưởng và tái hiện những điều đã chìm và quá khứ. + Tưởng tượng là cách để tác giả kết nối với cuộc đời - Vai trò của tưởng tượng đối với độc giả trong tiếp nhận: giúp người đọc đồng cảm với tác giả và hiểu chi tiết, sự việc, nhân vật... sâu sắc hơn. c. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học - Nhan đề được đặt ở vị trí đầu tiên để gọi tên văn bản.

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân. - GV quan sát, khích lệ HS. B3: Báo cáo thảo luận - HS trả lời cá nhân – HS khác nhận xét. - GV góp ý, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kiến thức.	- Nhan đề của văn bản văn học thường mang nghĩa hàm ẩn, gợi hình tượng - Nhan đề cũng có thể gợi ra đặc điểm hay thể loại, đề tài, nhân vật...

C. Hoạt động: Đọc” Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả”

1. Mục tiêu:

- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Có niềm yêu thích, đam mê đọc và tìm hiểu sách.

2. Tiến trình hoạt động:

Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** - Kết nối kiến thức cũ, mới - tạo hứng thú cho học sinh,

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ hiểu biết cá nhân.

c. **Sản phẩm:** HS nhận ra được tác phẩm được nhắc đến.

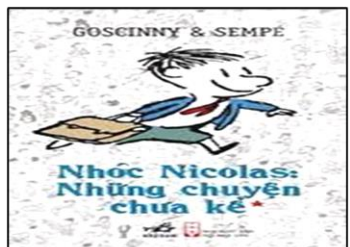
d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV y/c HS hoạt động cá nhân, quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

H: Cho biết những hình ảnh này gợi cho các bạn nhớ đến văn bản nào đã học ở lớp 6.

Em hãy nêu những ấn tượng chính của em về văn bản này?

 Nhà văn RÔ-NÊ GÔ-XI-NHI	 Họa sĩ GIĂNG-GIÁC XĂNG-PÊ		 Mình họa của Giảng-giác Xăng-pê
Ha1: Đây là tác giả của VB.	H.a2: Người họa sĩ minh họa cho văn bản.	H.a3: VB đó được trích từ tác phẩm: Nhóc Ni-cô-la: Những chuyện chưa kể.	H/a4: Đây là bức tranh minh họa cho nội dung của văn bản.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ.
- GV quan sát, gợi ý, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + HS chia sẻ, trình bày hiểu biết của mình.
- + HS bổ sung kiến thức cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS.

Dự kiến sản phẩm: + VB đã học: "Bài tập làm văn"- Nhân vật chính là cậu nhóc Ni-cô-la, người bố, ông Blê-đúc. Ni-cô-la được giao bài tập làm văn kể về người bạn của mình, nhưng Ni-cô-la học yếu môn Văn đã nhờ bố làm hộ. Bố nhận lời nhưng cảm thấy rất khó viết. Cùng lúc ấy, ông Blê-đúc sang và giúp đỡ nhưng cả 2 chẳng ai hiểu về bạn của Ni-cô-la, 2 người đã cãi nhau và không chơi với nhau nữa. Cuối cùng Ni-cô-la quyết định tự làm bài tập của mình.

+VB giúp e rút ra bài học trong quá trình học tập, cần tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình.

- **GV dẫn dắt vào bài:** Nhóc Ni-cô-la: Những chuyện chưa kể là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi. Khi giới thiệu đến người đọc tác phẩm này con gái nhà văn đã giới thiệu như thế nào, ấn tượng của bà về tác phẩm ra sao chúng ta sẽ tìm hiểu phần đọc: ...

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: TRƯỞC KHI ĐỌC

a. Mục tiêu: - Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh,

- HS xây dựng được mục tiêu đọc phù hợp với chủ đề, sách đã chọn và năng lực của cá nhân hoặc nhóm, lớp.

- HS biết lập danh mục sách, lựa chọn sách theo chủ đề và thể loại phù hợp với mục tiêu đọc sách.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm trao đổi trình bày sản phẩm

c. Sản phẩm: Mục tiêu đọc sách của cá nhân (nhóm), danh mục sách được chọn.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv y/c HS hoạt động nhóm 4 HS (2p) 1. Trình bày mục tiêu đọc sách của mình với nhóm 2. Chia sẻ danh mục sách cần đọc cho mỗi chủ đề được lựa chọn (theo PHT đã giao). 3. Trao đổi để thực hiện hiệu quả việc đọc sách trong dự án mới của em và các bạn. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: - Tổ chức cho HS thảo luận. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá.	I. Trước khi đọc 1. Xây dựng mục tiêu đọc sách - Mục tiêu đọc sách + Tìm hiểu thêm các văn bản cùng chủ đề với hệ thống bài học trong Ngữ văn 8. + Tăng thêm kiến thức, hiểu biết + Rèn luyện tính nhẫn nại, kiên trì + Củng cố tâm hồn, nhân cách 2. Lập danh mục sách theo chủ đề và thể loại <table><tr><th>Chủ đề</th><th>Tên sách</th><th>Tên tác giả</th><th>Nhà xuất bản</th><th>Năm xuất bản</th></tr><tr><td>Câu chuyện lịch sử</td><td>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</td><td>Nguyễn Huy Tưởng</td><td>Kim Đồng</td><td>2010</td></tr><tr><td>Những câu chuyện hài</td><td>Truyện tiếu lâm Việt Nam</td><td>Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng</td><td>Văn học</td><td></td></tr></table>	Chủ đề	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Câu chuyện lịch sử	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	Nguyễn Huy Tưởng	Kim Đồng	2010	Những câu chuyện hài	Truyện tiếu lâm Việt Nam	Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng	Văn học	
Chủ đề	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản												
Câu chuyện lịch sử	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	Nguyễn Huy Tưởng	Kim Đồng	2010												
Những câu chuyện hài	Truyện tiếu lâm Việt Nam	Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng	Văn học													

(GV có thể giới thiệu 1 số cuốn sách đã chuẩn bị)	Tin yêu và ước vọng	Những tấm lòng cao cả	Et-môn-đô Đơ A-mi-xi (Hoàng Thiều Sơn dịch)	Văn học	2012
	Chân dung cuộc sống	Túp lều bác Tôm	Harriet Beecher Stowe (Người dịch: Đỗ Đức Hiểu)	Văn học	2017

3. Để đọc sách có hiệu quả

- Xác định rõ mục đích **đọc sách**.
- Lựa chọn **sách đọc** phù hợp (mục tiêu, chủ đề).
- Chọn môi trường và thời gian **đọc hiệu quả** (mỗi ngày đọc 30p, sau khi làm bài tập; hoặc sáng sớm).
- Dành thời gian suy nghĩ về những gì đã **đọc được**.

Hoạt động 2.2: CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM

2.1. Đọc như một sự đón đợi

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, PP hợp tác, giải quyết vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV y/c HS HĐ cá nhân đọc thầm đoạn "Để tìm....tác phẩm" trả lời câu hỏi 1. Để tìm và chọn 1 cuốn sách phù hợp với sở thích và mục tiêu của mình em thường làm thế nào? 2. Lời giới thiệu sách có tác dụng gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: - HS HĐ cá nhân, suy nghĩ - GV quan sát, khích lệ HS, gợi ý (nếu cần). Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chia sẻ, trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị.	* Tìm và chọn sách - Đọc từ phần mở đầu (nhan đề, đề từ và lời tựa, khám phá từng phần của cuốn sách). - Đọc lời giới thiệu sách. - Đọc lướt những phần chính để nắm nội dung cuốn sách, ghi chép và quay lại đọc lời giới thiệu, đối chiếu cảm nhận của bản thân với nội dung chính được trình bày trong lời giới thiệu. * Lời giới thiệu - Thu hút sự chú ý, tạo tâm lí đón đợi của độc giả. - Cung cấp những thông tin đáng chú ý về tác phẩm.

+ HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, chốt, chuyển ý. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân: đọc nối tiếp văn bản trước lớp - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi sgk. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS nhận xét kĩ năng đọc diễn cảm của bạn - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi trình bày hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm: + Tác giả (tên, năm sinh) + Tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm. - GV y/c HS HĐ nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 2. + N1: chú ý phần 1, thực hiện nhiệm vụ 1. + N2: chú ý phần 2, thực hiện nhiệm vụ 2.	* Đọc văn bản: "Lời giới thiệu cuốn sách <i>Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể</i>". 1 Đọc, tìm hiểu chung 2. Tìm hiểu chung a- Tác giả: + An-nơ Gô-xi-nhi sinh năm 1986 + Là con gái nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi. b- Tác phẩm: + Xuất xứ: Lời giới thiệu cuốn sách ” <i>Nhóc Ni-cô-la:những chuyện chưa kể</i>” + Thể loại: VB thông tin c- Bố cục: • Phần 1:Từ đầu đến ”<i>chuyện ấy</i>”: Giới thiệu nhan đề, thể loại, hoàn cảnh ra đời của cuốn sách. • Phần 2: Tiếp theo đến ...”<i>chẳng bao giờ bị buồn chán</i>”: Giới thiệu đặc điểm nội dung, nghệ thuật của cuốn sách. • Phần 3: tiếp theo đến ”<i>cứ như là thực</i>”: Mối quan hệ giữa tác giả và cuốn sách. • Phần 4: Còn lại: Khích lệ mọi người đọc cuốn sách. 3. Khám phá văn bản

+ N3: chú ý phần 3, thực hiện nhiệm vụ 3. + N4: chú ý phần 4, thực hiện nhiệm vụ 4. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động cá nhân (2p), nhóm (5p). - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần). Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, điều hành các nhóm khác bổ sung. - Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến. - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả hoạt động của HS của HS. NV3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, y/c HS: <i>? Khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra cách viết một văn bản giới thiệu sách.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	3.1. Giới thiệu nhan đề, thể loại, hoàn cảnh ra đời của cuốn sách. - Nhan đề: Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể” - Hoàn cảnh ra đời: 45 mẩu chuyện khác, xuất hiện trên tờ <i>”Tây Nam chủ nhật”</i> và <i>”Hoa tiêu”</i> sẽ được giới thiệu đến công chúng, từ trong bóng tối bước ra ánh sáng. - Mối quan hệ giữa nhan đề, hoàn cảnh ra đời với sức hấp dẫn của cuốn sách + Nhóc Ni-cô-la đã được biết đến từ những cuốn sách khác của nhà văn Rơ-ne Gô-xi-nhi. Khi có thêm cụm từ <i>”những chuyện chưa kể”</i> có tác dụng thu hút, gợi tính tò mò của người đọc. + Hoàn cảnh: có 45 chuyện viết đã lâu nhưng chưa được chính thức công bố rộng rãi, nay được tập hợp lại thành 1 cuốn sách → tạo nên tính hấp dẫn. - Cách viết: Làm nổi bật sự mới lạ của cuốn sách, kết nối hiểu biết của độc giả về nhân vật chính của tác phẩm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ:** Hãy vẽ về nhân vật mà em yêu thích theo sự tưởng tượng và giới thiệu về nhân vật vật đó cho các bạn.

- Hs thực hiện nhiệm vụ ở nhà

D. HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Biết đọc hiểu và viết đoạn văn giới thiệu được cuốn sách.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, PP hợp tác, giải quyết vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Gv giao nhiệm vụ cho HS + Đọc một cuốn sách có liên qua đến chủ đề hoặc thuộc một thể loại trong bài học của Ngữ văn 8 + Viết lời giới thiệu về cuốn sách đó (Khoảng 8 - 10 câu) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gv gọi HS lên trình bày - Hs khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài làm của Hs và cho điểm hoặc tặng quà. - Gv yêu cầu Hs đọc bài viết tham khảo.	Em rất thích đọc sách. Cuốn sách mà em thích nhất là Chuyện con mèo dạy hải âu bay của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Nội dung của cuốn sách kể về việc chú mèo mun Gióc-ba đã nuôi dưỡng Lắc-ki, một con hải âu mồ côi. Mẹ Lắc-ki bị ngộ độc vàng dầu nên đã chết ngay sau khi đẻ trứng. Tình cờ chứng kiến cái chết của hải âu mẹ, Gióc-ba đã hứa với chị hải âu ba điều: ấp quả trứng, bảo vệ, nuôi lớn hải âu con và dạy nó bay. Kết thúc truyện, Gióc-ba đã hoàn thành lời hứa của mình. Sau khi đọc cuốn sách, em nhận ra những bài học thật ý nghĩa.

Bảng kiểm
Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 8 - 10 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: Giới thiệu cuốn sách em đã đọc		
3	Dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

*** Hướng dẫn tự học:**

- Tìm đọc và giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.

- Chuẩn bị: Nội dung phần còn lại của Đọc: Thách thức đầu tiên.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 35+

NGÀY SOẠN: 12/5/2024

TIẾT 137: ĐỌC: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN (TT)

TIẾT 138+139: VIẾT THÁCH THỨC THỨ HAI

TIẾT 140: NÓI VÀ NGHE: VỀ ĐÍCH NGÀY HỘI VỚI SÁCH

TIẾT 137: ĐỌC: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN (TT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu cuốn sách.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Viết được văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học.
- Năng lực đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc.
- Năng lực hợp tác, chia sẻ thông tin - kết quả của hoạt động đọc và báo cáo dự án của nhóm.
- Năng lực phát biểu, trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân về nhân vật, tác giả hoặc những điều thú vị trong sách.
- Năng lực phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS qua các hoạt động.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV, ti vi, kế hoạch bài dạy.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Các mẫu nhật kí đọc sách.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, đọc kĩ văn bản, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, sản phẩm nhóm....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Hoạt động: Mở đầu

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b. Nội dung: Trò chơi “Ai nhanh hơn”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv chia lớp thành 3 nhóm, tổ chức trò chơi tiếp sức

Cuộc thi “Ai nhanh hơn”

- Nhiệm vụ: Viết tên các nhân vật trong các cuốn sách mà em đã lựa chọn đọc và em muốn giới thiệu cho các bạn?
- Thời gian: 2 phút

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:- Trao đổi nhiệm vụ và phân công thành viên

GV:

- Hướng dẫn HS tham gia thi
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu các nhóm thực hiện đúng luật chơi
- Hướng dẫn HS cách trình bày viết

HS:

- Tham gia thi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động tri thức ngữ văn.

B. Hoạt động: Giới thiệu bài học và Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hs nắm được nội dung bài học và những tri thức liên quan đến dạng văn bản thông tin, vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học; nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học.

b. Nội dung: GV giới thiệu nội dung bài học, yêu cầu HS hoạt động cá nhân và làm việc nhóm để khám phá phần tri thức ngữ văn.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV – HS	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu: Giới thiệu bài học	2. Giới thiệu bài học:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệu bài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ kết quả trước lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học.

Nhiệm vụ 2. Khám phá Tri thức ngữ văn**a. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi theo nhiệm vụ:

PHT số 1:

- 1 Thế nào là văn bản giới thiệu một cuốn sách?
2. Chỉ ra đặc điểm chung về một cuốn sách mà em đã từng đọc

STT	Yêu cầu	Sản phẩm
1	Nhan đề	
2	Tác giả	
3	Thể loại	
4	Đề tài	
5	Chủ đề	
6	Bố cục	
7	Nội dung chính	
8	Quan điểm của TG	
9	Nhà xuất bản	

B2: Thực hiện nhiệm vụ**HS**

- Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời.

- Đọc phần tri thức ngữ văn.

- Thảo luận nhóm:

Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

GV:

- Chủ đề: Sách – người bạn đồng hành
- Thể loại: văn bản thông tin (giới thiệu một cuốn sách)

2. Khám phá Tri thức ngữ văn.**a. Đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách**

Văn bản giới thiệu một cuốn sách thuộc loại văn bản thông tin trình bày khách quan những đặc điểm chung của cuốn sách:

- + Nhan đề
- + Tác giả
- + Thể loại
- + Đề tài
- + Chủ đề
- + Bố cục
- + Quan điểm, thái độ của tác giả
- + Nhà xuất bản, năm sản xuất

- Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm. - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức. b. Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi theo nhiệm vụ: PHT số 2: <i>1. Vai trò của tưởng tượng đối với tác giả trong sáng tạo? Lấy VD</i> <i>2. Vai trò của tưởng tượng đối với độc giả trong tiếp nhận? Lấy VD</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Đọc sách, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm đưa ra câu trả lời. - Thảo luận nhóm: + 1 phút đầu, HS ktra kết quả PHT đã chuẩn bị ở nhà + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập. GV: - Hướng dẫn HS đọc, suy nghĩ và làm việc nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.	b. Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học - Vai trò của tưởng tượng đối với tác giả trong sáng tạo: + Tưởng tượng giúp tác giả có thể hình dung rõ rệt hơn về con người với những đặc điểm ngoại hình, hành động, nội tâm... + Tưởng tượng khiến tác giả có thể nhập thân vào đời sống + Tưởng tượng là cách để tác giả hồi tưởng và tái hiện những điều đã chìm và quá khứ. + Tưởng tượng là cách để tác giả kết nối với cuộc đời - Vai trò của tưởng tượng đối với độc giả trong tiếp nhận: giúp người đọc đồng cảm với tác giả và hiểu chi tiết, sự việc, nhân vật... sâu sắc hơn.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc. Gv mở rộng qua ví dụ bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt hoặc “Quê hương” của Tế Hanh c. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV kết hợp kĩ thuật trình bày 1 phút và động não, yêu cầu cá nhân trả lời câu hỏi: 1. Trình bày đặc điểm, chức năng của nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học 2. Nhận xét cách đặt nhan đề - <i>Dế Mèn phiêu lưu kí</i> (gắn hình tượng nhân vật chính) - <i>Bầy chim chìa vôi</i> (mang tính hàm ẩn để nói về nhân vật...) B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân. - GV quan sát, khích lệ HS. B3: Báo cáo thảo luận - HS trả lời cá nhân – HS khác nhận xét. - GV góp ý, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kiến thức.	c. Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản văn học - Nhan đề được đặt ở vị trí đầu tiên để gọi tên văn bản. - Nhan đề của văn bản văn học thường mang nghĩa hàm ẩn, gợi hình tượng - Nhan đề cũng có thể gọi ra đặc điểm hay thể loại, đề tài, nhân vật...

C. Hoạt động: Đọc” Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả”

1. Mục tiêu:

- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Có niềm yêu thích, đam mê đọc và tìm hiểu sách.

2. Tiến trình hoạt động:

Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu:** - Kết nối kiến thức cũ, mới - tạo hứng thú cho học sinh,
- Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ hiểu biết cá nhân.
- Sản phẩm:** HS nhận ra được tác phẩm được nhắc đến.

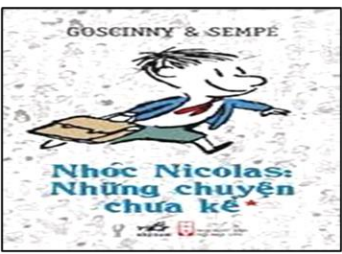
d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV y/c HS hoạt động cá nhân, quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi.

H: Cho biết những hình ảnh này gợi cho các bạn nhớ đến văn bản nào đã học ở lớp 6.

Em hãy nêu những ấn tượng chính của em về văn bản này?

 Nhà văn RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI	 Họa sĩ GIĂNG-GIÁC XĂNG-PÊ		 Mảnh họa của Giăng-giác Xăng-pê
Ha1: Đây là tác giả của VB.	H.a2: Người họa sĩ minh họa cho văn bản.	H.a3: VB đó được trích từ tác phẩm: Nhóc Ni-cô-la: Những chuyện chưa kể.	H/a4: Đây là bức tranh minh họa cho nội dung của văn bản.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ.

- GV quan sát, gợi ý, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS chia sẻ, trình bày hiểu biết của mình.

+ HS bổ sung kiến thức cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS.

Dự kiến sản phẩm: + VB đã học: "Bài tập làm văn"- Nhân vật chính là cậu nhóc Ni-cô-la, người bố, ông Blê-đúc. Ni-cô-la được giao bài tập làm văn kể về người bạn của mình, nhưng Ni-cô-la học yếu môn Văn đã nhờ bố làm hộ. Bố nhận lời nhưng cảm thấy rất khó viết. Cùng lúc ấy, ông Blê-đúc sang và giúp đỡ nhưng cả 2 chẳng ai hiểu về bạn của Ni-cô-la, 2 người đã cãi nhau và không chơi với nhau nữa. Cuối cùng Ni-cô-la quyết định tự làm bài tập của mình.

+VB giúp e rút ra bài học trong quá trình học tập, cần tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình.

- **GV dẫn dắt vào bài:** Nhóc Ni-cô-la: Những chuyện chưa kể là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi. Khi giới thiệu đến người đọc tác phẩm này con gái nhà văn đã giới thiệu như thế nào, ấn tượng của bà về tác phẩm ra sao chúng ta sẽ tìm hiểu phần đọc: ...

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: TRƯỚC KHI ĐỌC

a. Mục tiêu: - Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh,

- HS xây dựng được mục tiêu đọc phù hợp với chủ đề, sách đã chọn và năng lực của cá nhân hoặc nhóm, lớp.

- HS biết lập danh mục sách, lựa chọn sách theo chủ đề và thể loại phù hợp với mục tiêu đọc sách.

- b. Nội dung hoạt động:** HS hoạt động nhóm trao đổi trình bày sản phẩm
- c. Sản phẩm:** Mục tiêu đọc sách của cá nhân (nhóm), danh mục sách được chọn.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																									
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv y/c HS hoạt động nhóm 4 HS (2p) 1. Trình bày mục tiêu đọc sách của mình với nhóm 2. Chia sẻ danh mục sách cần đọc cho mỗi chủ đề được lựa chọn (theo PHT đã giao). 3. Trao đổi để thực hiện hiệu quả việc đọc sách trong dự án mới của em và các bạn. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: - Tổ chức cho HS thảo luận. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá. (GV có thể giới thiệu 1 số cuốn sách đã chuẩn bị)	I. Trước khi đọc 1. Xây dựng mục tiêu đọc sách - Mục tiêu đọc sách + Tìm hiểu thêm các văn bản cùng chủ đề với hệ thống bài học trong Ngữ văn 8. + Tăng thêm kiến thức, hiểu biết + Rèn luyện tính nhẫn nại, kiên trì + Củng cố tâm hồn, nhân cách 2. Lập danh mục sách theo chủ đề và thể loại <table><tr><th>Chủ đề</th><th>Tên sách</th><th>Tên tác giả</th><th>Nhà xuất bản</th><th>Năm xuất bản</th></tr><tr><td>Câu chuyện lịch sử</td><td>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</td><td>Nguyễn Huy Tưởng</td><td>Kim Đồng</td><td>2010</td></tr><tr><td>Những câu chuyện hài</td><td>Truyện tiếu lâm Việt Nam</td><td>Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng</td><td>Văn học</td><td></td></tr><tr><td>Tin yêu và ước vọng</td><td>Những tấm lòng cao cả</td><td>Et-môn-đô Đơ A-mi-xi (Hoàng Thiếu Sơn dịch)</td><td>Văn học</td><td>2012</td></tr><tr><td>Chân dung cuộc sống</td><td>Túp lều bác Tôm</td><td>Harriet Beecher Stowe (Người dịch: Đỗ Đức Hiểu)</td><td>Văn học</td><td>2017</td></tr></table> 3. Để đọc sách có hiệu quả - Xác định rõ mục đích đọc sách. - Lựa chọn sách đọc phù hợp (mục tiêu, chủ đề). - Chọn môi trường và thời gian đọc hiệu quả (mỗi ngày đọc 30p, sau khi làm bài tập; hoặc sáng sớm). - Dành thời gian suy nghĩ về những gì đã đọc được.	Chủ đề	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Câu chuyện lịch sử	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	Nguyễn Huy Tưởng	Kim Đồng	2010	Những câu chuyện hài	Truyện tiếu lâm Việt Nam	Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng	Văn học		Tin yêu và ước vọng	Những tấm lòng cao cả	Et-môn-đô Đơ A-mi-xi (Hoàng Thiếu Sơn dịch)	Văn học	2012	Chân dung cuộc sống	Túp lều bác Tôm	Harriet Beecher Stowe (Người dịch: Đỗ Đức Hiểu)	Văn học	2017
Chủ đề	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản																						
Câu chuyện lịch sử	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	Nguyễn Huy Tưởng	Kim Đồng	2010																						
Những câu chuyện hài	Truyện tiếu lâm Việt Nam	Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng	Văn học																							
Tin yêu và ước vọng	Những tấm lòng cao cả	Et-môn-đô Đơ A-mi-xi (Hoàng Thiếu Sơn dịch)	Văn học	2012																						
Chân dung cuộc sống	Túp lều bác Tôm	Harriet Beecher Stowe (Người dịch: Đỗ Đức Hiểu)	Văn học	2017																						

Hoạt động 2.2: CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM

2.1. Đọc như một sự đón đợi

a. **Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách.

b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, PP hợp tác, giải quyết vấn đề

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV y/c HS HĐ cá nhân đọc thầm đoạn "Để tìm....tác phẩm" trả lời câu hỏi 1. Để tìm và chọn 1 cuốn sách phù hợp với sở thích và mục tiêu của mình em thường làm thế nào? 2. Lời giới thiệu sách có tác dụng gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: - HS HĐ cá nhân, suy nghĩ - GV quan sát, khích lệ HS, gợi ý (nếu cần). Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chia sẻ, trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, chốt, chuyển ý. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân: đọc nối tiếp văn bản trước lớp - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi sgk. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS nhận xét kĩ năng đọc diễn cảm của bạn - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá NV2	* Tìm và chọn sách - Đọc từ phần mở đầu (nhân đề, đề từ và lời tựa, khám phá từng phần của cuốn sách). - Đọc lời giới thiệu sách. - Đọc lướt những phần chính để nắm nội dung cuốn sách, ghi chép và quay lại đọc lời giới thiệu, đối chiếu cảm nhận của bản thân với nội dung chính được trình bày trong lời giới thiệu. * Lời giới thiệu - Thu hút sự chú ý, tạo tâm lí đón đợi của độc giả. - Cung cấp những thông tin đáng chú ý về tác phẩm. * Đọc văn bản: "Lời giới thiệu cuốn sách <i>Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể</i>". 1 Đọc, tìm hiểu chung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi trình bày hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm: + Tác giả (tên, năm sinh) + Tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm. - GV y/c HS HĐ nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 2. + N1: chú ý phần 1, thực hiện nhiệm vụ 1. + N2: chú ý phần 2, thực hiện nhiệm vụ 2. + N3: chú ý phần 3, thực hiện nhiệm vụ 3. + N4: chú ý phần 4, thực hiện nhiệm vụ 4. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động cá nhân (2p), nhóm (5p). - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần). Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, điều hành các nhóm khác bổ sung. - Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến. - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	2. Tìm hiểu chung a- Tác giả: + An-nơ Gô-xi-nhi sinh năm 1986 + Là con gái nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi. b- Tác phẩm: + Xuất xứ: Lời giới thiệu cuốn sách ” <i>Nhóc Ni-cô-la:những chuyện chưa kể</i>” + Thể loại: VB thông tin c- Bố cục: • Phần 1:Từ đầu đến ”<i>chuyện ấy</i>”: Giới thiệu nhan đề, thể loại, hoàn cảnh ra đời của cuốn sách. • Phần 2: Tiếp theo đến ...”<i>chẳng bao giờ bị buồn chán</i>”: Giới thiệu đặc điểm nội dung, nghệ thuật của cuốn sách. • Phần 3: tiếp theo đến ”<i>cứ như là thực</i>”: Mối quan hệ giữa tác giả và cuốn sách. • Phần 4: Còn lại: Khích lệ mọi người đọc cuốn sách. 3. Khám phá văn bản 3.1. Giới thiệu nhan đề, thể loại, hoàn cảnh ra đời của cuốn sách. - Nhan đề: Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể” - Hoàn cảnh ra đời: 45 mẩu chuyện khác, xuất hiện trên tờ ”<i>Tây Nam chủ nhật</i>” và ”<i>Hoa tiêu</i>” sẽ được giới thiệu đến công chúng, từ trong bóng tối bước ra ánh sáng. - Mối quan hệ giữa nhan đề, hoàn cảnh ra đời với sức hấp dẫn của cuốn sách + Nhóc Ni-cô-la đã được biết đến từ những cuốn sách khác của nhà văn Rơ-ne Gô-xi-nhi. Khi có thêm cụm từ ” <i>những chuyện chưa kể</i>” có tác dụng thu hút, gợi tính tò mò của người đọc. + Hoàn cảnh: có 45 chuyện viết đã lâu nhưng chưa được chính thức công bố rộng rãi, nay được tập hợp lại thành 1 cuốn sách → tạo nên tính hấp dẫn. - Cách viết: Làm nổi bật sự mới lạ của cuốn sách, kết nối hiểu biết của độc giả về nhân vật chính của tác phẩm.

- GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả hoạt động của HS của HS. NV3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, y/c HS: <i>? Khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra cách viết một văn bản giới thiệu sách.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	

2. 2: Đọc như một cuộc thám hiểm

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Định hướng để chủ động lựa chọn và đọc những cuốn sách yêu thích, ghi chép trong nhật kí đọc sách một cách sáng tạo, cảm nhận và suy nghĩ riêng theo gợi ý thể hiện qua những câu hỏi.
- Phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS, nhật kí hành trình hoặc sơ đồ về hành trình đọc.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Gv yêu cầu học sinh quan sát một số mẫu nhật kí và sơ đồ hành trình đọc	



GV tổ chức GÓC SÁNG TẠO

- Chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ:

Nhóm 1,2 : Lập nhật kí đọc sách

Nhóm 3,4: Vẽ một sơ đồ về hành trình đọc

Với những biển chỉ đường là các câu hỏi đã cho như sau :

1. Nhan đề của cuốn sách có gì đáng chú ý? Chỉ ra mối quan hệ giữa nhan đề với một số yếu tố trong tác phẩm (thể loại, đề tài, nhân vật,...).
2. Đề tài gì được tác giả khai thác ở cuốn sách? Cách chọn đề tài cho thấy tác giả quan tâm đến những vấn đề nào của đời sống?
3. Những sự việc, chi tiết nào thể hiện dấu ấn của trí tưởng tượng trong tác phẩm?
4. Vì sao tác phẩm trở nên hấp dẫn đối với người đọc?
5. Những chi tiết, sự việc hoặc nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất?
6. Nếu được nhà văn cho phép thay đổi một số chi tiết, sự việc trong tác phẩm, em sẽ chọn thay đổi điều gì? Vì sao?
7. Chủ đề của tác phẩm là gì? Chủ đề này có liên quan như thế nào với những vấn đề của đời sống hiện tại?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Chọn một cuốn sách yêu thích.
- Làm việc nhóm 10'

- Thời gian chuẩn bị: 10 phút - Thời gian báo cáo: 5 phút + 4 phút đầu, HS trao đổi hệ thống câu hỏi đã cho. + 6 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận chọn người trình bày sản phẩm của nhóm GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Các nhóm lần lượt trình bày kết quả sản phẩm của nhóm không quá thời gian 5 phút. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Hướng dẫn HS cách thức trình bày (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần sau.	

2.3: Đọc để đồng hành và chia sẻ

Nhà thơ Y Phương: "Nói với con" cũng chính là nói với lòng mình!

a. Mục tiêu: Giúp HS sẽ hiểu rõ hơn nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học và nêu được nhận xét về điều này. HS có thể kết nối tác phẩm với hoàn cảnh sáng tác và những trải nghiệm của chính nhà thơ huy động cảm xúc và trí tưởng tượng để các em hình dung về mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật một cách sinh động, thú vị, trong cả đời sống thực tế và trong thế giới của tác phẩm.

b. Nội dung: HS tìm hiểu, liên tưởng, tưởng tượng để trả lời những câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời học tập của HS

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động 1 Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV tổ chức trò chơi NHÌN HÌNH ĐOÁN TÊN TÁC GIẢ**

+ Xuân Diệu

+ Lê Minh Khuê

+ Nguyễn Đình Thi

+ Chính Hữu

+ Y Phương

- GV dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1 Đọc và tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS theo dõi sgk, lắng nghe và nhận xét kỹ năng đọc diễn cảm của bạn - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản - HS đọc lời tâm tình của “ <i>Nhà thơ Y Phương: "Nói với con" cũng chính là nói với lòng mình!</i> ” 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: - Y Phương sinh năm 1948. Tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, người dân tộc Tày. Quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. - Thơ ông mạnh mẽ, chân thật và trong sáng với cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi. - Năm 2007, Y Phương được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. b. Tác phẩm - Xuất xứ: Theo Yên Khương, báo điện tử <i>Thể thao và văn hóa</i> , ngày 15/6/2008 - Phương thức biểu đạt: Nghị luận - Đề tài: Mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật trong cả đời sống thực tế và trong thế giới tác phẩm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	

Hoạt động 2.2 Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS sẽ hiểu rõ hơn nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học và nêu được nhận xét.
- HS có thể kết nối tác phẩm với hoàn cảnh sáng tác và những trải nghiệm của chính nhà thơ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV : Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi (2 phút) 1. Lời tâm tình của nhà thơ Y Phương cho biết điều gì về hoàn cảnh ra đời của bài thơ <i>Nói với con</i>? 2. Hoàn cảnh ấy có tác động như thế nào đến sự biểu đạt cảm xúc và hình tượng trong bài thơ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả và nhận xét. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh th : - Chia lớp thành 4 nhóm	II. Khám phá văn bản 1. Những lời tâm tình của nhà thơ Y Phương về bài thơ <i>Nói với con</i> a. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ “nói với con” + Bài thơ <i>Nói với con</i> viết năm 1980. Đó là thời điểm đất nước ta gặp vô vàn khó khăn. Thời kì cả nước mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ lâu dài và gian khổ. + Hoàn cảnh ấy đã tác động đến nội dung lời dặn dò và cách nói chân thành, giản dị mong người con hiểu được lời dạy của cha mẹ, sống làm người tử tế, luôn ghi nhớ cội nguồn, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. b. Tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ + Câu thơ <i>“Người đồng mình thô sơ da thịt Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”</i> -<i>Ý nghĩa:</i> thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hóa quê hương mình, khẳng định ý chí quyết tâm mạnh mẽ của người dân quê hương, tuy “thô sơ da

Nhóm 1,3 : Phiếu số 1 Nhóm 2,4 : Phiếu số 2 1. Câu thơ “<i>Người đồng mình thô sơ da thịt/Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con</i>” còn thể hiện ý nghĩa gì? 2. Vì sao nhà thơ thực sự trăn trở, tâm huyết với điều đó? 3. “<i>Chân phải bước tới cha/Chân trái bước tới mẹ</i>” và “<i>Vách nhà ken câu hát</i>” là hình ảnh thực hay tưởng tượng? Vì sao? 4. Theo em, điều gì làm nhà thơ xúc động, trăn trở nhất khi viết bài thơ <i>Nói với con</i>? - Thời gian: 5 phút Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ vào phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	thịt” nhưng chưa bao giờ chịu khuất phục bởi hoàn cảnh. - Vì ông rất yêu quê hương, trân quý cội nguồn và truyền thống văn hóa dân tộc mình. + “<i>Chân phải bước tới cha/chân trái bước tới mẹ</i>” và “<i>Vách nhà ken câu hát</i>” là hình ảnh thực. -> Vì: đưa con sinh ra có khởi điểm là cha, mẹ. Còn “<i>Vách nhà ken câu hát</i>” yếu tố văn hoá phi vật thể, thì nói đến việc người con gái trong vách, người con trai ngoài vách hát cho nhau nghe. => Niềm tin vào những giá trị tích cực vĩnh cửu của văn hóa. Mong cho những đứa con và người đọc có thể ý thức được về cái tốt, cái xấu. Biết trân trọng nguồn cội và yêu lấy nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc, kế thừa và phát huy những điều ấy thật tốt.
NV 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Gv giao nhiệm vụ cho HS (có thể trên lớp hoặc ở nhà) Gv yêu cầu học sinh đọc tác phẩm của tác giả em đã biết và trả lời theo những câu hỏi sau; Gợi ý : Bếp lửa (Bằng Việt) a. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ? Hoàn cảnh ấy có tác động như thế nào đến việc lựa chọn đề tài, thể hiện nội dung của tác phẩm? b. Việc chọn đề tài, thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm cho thấy tác giả quan tâm, xúc động, trăn trở nhất về điều gì? c. Tưởng tượng nếu em là tác giả, điều gì sẽ làm em hứng thú nhất và đâu là điều em cảm thấy khó khăn nhất khi viết tác phẩm này? d. Nhan đề có mối liên quan như thế nào với đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện dựa cá nhân và trả lời các câu hỏi .	2. Chọn đọc một tác phẩm của tác giả mà em đã biết tiếp tục tìm hiểu, khám phá. a. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm: - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài -> Xa quê, tác giả luôn nhớ về quê hương, về người bà với hình ảnh quen thuộc nhất đó là bếp lửa. Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về người bà. Từ đó khiến cho nỗi nhớ, tình cảm càng trở nên da diết, sâu đậm , từ đó viết nên tác phẩm. b. Tác giả quan tâm, xúc động, trăn trở nhất về người bà, về quê hương và những cảnh vật thuộc về nơi mình sinh ra, lớn lên và gắn bó suốt bao năm. c. Sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gv gọi HS lên trình bày - Hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài làm của Hs	- Còn điều em cảm thấy khó khăn nhất khi viết là sử dụng ngôn từ và cách diễn đạt ra sao để người đọc có thể cảm nhận cảm xúc của người cháu dành cho bà d. Mối liên quan của nhan đề với đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm: - Bếp lửa vốn là một hình ảnh quen thuộc trong mỗi gia đình người VN đã trở thành hình ảnh tượng trưng gợi kỉ niệm ấm áp của tình bà cháu. - Bếp lửa là nơi bà khơi dậy lên tình cảm, những khát vọng trở thành ngọn lửa của tình yêu, niềm tin. - Bếp lửa không chỉ hiện thân tươi đẹp về bà mà còn là kỉ niệm thiêng liêng nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

Hoạt động 3: Luyện tập

- a) **Mục tiêu:** Nắm chắc kiến thức đã học vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS đọc một tác phẩm thuộc chủ đề đã chọn.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của học sinh
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên yêu cầu học sinh lựa chọn một tác phẩm kì 2 trong chương trình Ngữ văn 8. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách thực hiện. HS tiến hành đọc tác phẩm đó B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu HS đọc. - Hs khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và nhận xét cách đọc của bạn. B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá.	

4. Hoạt động 4; Vận dụng

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, phát triển năng khiếu hội họa của HS.
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS là 1 tác phẩm hội họa.
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ) ? Vẽ lại một nhân vật trong một cuốn sách mà em ấn tượng nhất trong cuốn sách đã đọc. - Nộp sản phẩm về cho GV B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hành vẽ và trang trí ở nhà.	

B3: Báo cáo, thảo luận GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm. HS nộp sản phẩm cho GV B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Thực hiện nhật kí đọc sách theo mẫu.
- Giới thiệu nhật kí với các bạn.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết: Viết Thách thức thứ hai.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TIẾT 138+139: VIẾT THÁCH THỨC THỨ HAI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Viết được VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Viết một nhan đề và sáng tạo một tác phẩm mới.
- Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng.

2. Về phẩm chất

- Sáng tạo: Say mê, yêu thích khám phá, sáng tạo.
- Chăm chỉ: Có thói quen đọc sách, trân quý sách.
- Trung thực: thẳng thắn bày tỏ quan điểm trước những hiện tượng đặt ra trong sách vở và đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em đã đọc cuốn sách nào rồi? Hãy chia sẻ về cuốn sách ấy? Sau khi đọc xong, để chia sẻ về cuốn sách, em có những hình thức nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời: HS chia sẻ về cuốn sách đã đọc. HS có thể kể ra các hình thức chia sẻ như: kể tóm tắt lại, vẽ tranh, làm một thơ ngắn về cuốn sách, ...

GV dẫn dắt vào bài: Sách đem lại nguồn tri thức quý giá, vô tận cho con người. “Trong những cuốn sách ẩn chứa linh hồn của suốt chiều dài quá khứ”. Khi đọc sách, chúng ta không chỉ thưởng thức mà còn sáng tạo cùng tác giả. Sách là một thứ tài sản quý giá của loài người. Chúng ta không chỉ cần trân trọng, giữ gìn mà còn cần chia sẻ thứ tài sản đó cho mọi người. Vậy làm sao để chúng ta có thể chia sẻ những cuốn sách hay đến với những người xung quanh mình? Có nhiều cách để làm điều đó và viết bài thuyết minh giới thiệu về cuốn sách là một trong những cách giúp chúng ta giới thiệu, chia sẻ những cuốn sách hay đến với những người xung quanh mình.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

A. VIẾT BÀI THUYẾT MINH GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

I. Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS tham khảo một bài viết cụ thể từ đó rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài thuyết minh giới thiệu cuốn sách yêu thích, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chốt lọc kiến thức SGK, HS thảo luận cặp đôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong phiếu học tập của HS.

Phiếu học tập số 1.

STT	Yêu cầu	Nội dung
1	Bài viết tham khảo thuộc thể loại nào?	
2	Bài viết giới thiệu về vấn đề gì?	
3	Bài viết đã giới thiệu những thông tin nào?	
4	Sau khi phân tích bài viết, em thấy bài thuyết minh giới thiệu cuốn sách cần đạt được những yêu cầu nào?	

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HS đọc bài viết tham khảo “Mắt sói- câu chuyện về cuộc phưu lưu của những điều ngẫu nhiên và kì diệu” Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - HS thảo luận về các yêu cầu theo cặp: + Bài văn “Mắt sói- câu chuyện về cuộc phưu lưu	1. Đọc 2. Nhận xét - Thể loại: Văn bản thuyết minh - Vấn đề thuyết minh: cuốn sách “Mắt sói” của nhà văn Đa- ni- en Pen- nắc - Nội dung thuyết minh:

<i>của những điều ngẫu nhiên và kì diệu” thuộc thể loại nào?</i> + Bài văn giới thiệu về vấn đề gì? + Bài văn đã giới thiệu cho người đọc những thông tin nào? + Em thấy bài thuyết minh giới thiệu cuốn sách cần đạt được những yêu cầu nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	+ Mở bài: Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại, thời gian ra đời, xuất bản của cuốn sách. + Thân bài: ➤ Trình bày ngắn gọn về đề tài, nội dung chính, chủ đề của cuốn sách. ➤ Nêu những điểm đặc biệt, thú vị, mới mẻ của cuốn sách, về nội dung và nghệ thuật. ➤ Nêu quan niệm của tác giả về đời sống qua nội dung phản ánh trong cuốn sách. + Kết bài: Gợi hứng thú, khuyến khích việc đọc cuốn sách. 3. Yêu cầu đối với bài thuyết minh giới thiệu cuốn sách yêu thích + Giới thiệu được những thông tin cơ bản để nhận diện cuốn sách: nhan đề; tác giả; loại, thể loại văn bản; đề tài; chủ đề; bố cục; nội dung chính (tóm tắt). + Trình bày được cách nhìn (quan điểm, thái độ) của tác giả về đời sống. + Nêu được những giá trị, đóng góp nổi bật hoặc những điểm mới, thú vị của cuốn sách. + Nhấn mạnh được những đặc điểm gợi hứng thú đối với việc đọc, tìm hiểu cuốn sách.

II Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: HS xác định được mục đích viết, dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

b. Nội dung: chất lọc kiến thức từ cuốn sách yêu thích để viết bài. HS hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình <i>Trước khi viết, em cần chuẩn bị những gì ?</i> (a) Lựa chọn đề tài: GV yêu cầu HS chọn một cuốn sách em yêu thích để viết bài thuyết minh (b) Tìm ý - Tên của cuốn sách là gì? - Ai là tác giả? - Cuốn sách đó thuộc loại nào? thể loại gì? - Đề tài/ chủ đề, bố cục của cuốn sách như thế nào? Nội dung chính của cuốn sách là gì?	II. Thực hành viết theo các bước Đề bài: Em hãy viết bài thuyết minh giới thiệu về một cuốn sách yêu thích. 1. Trước khi viết a. <i>Lựa chọn đề tài:</i> Chọn một cuốn sách em yêu thích để giới thiệu dưới dạng một bài văn thuyết minh. b. <i>Tìm ý:</i> - Tên của cuốn sách là gì? - Ai là tác giả? - Cuốn sách đó thuộc loại nào? thể loại gì? - Đề tài/ chủ đề, bố cục của cuốn sách như thế nào? Nội dung chính của cuốn sách là gì?

- Cuốn sách đó thể hiện quan điểm của tác giả về đời sống ra sao? - Cuốn sách mang lại những giá trị hay đóng góp nào? - Khi đọc cuốn sách em thấy có điều gì thú vị? (c) Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý: Phần mở bài, thân bài, kết bài em sẽ giới thiệu nội dung gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm: Viết bài + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ (2)HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN GV hướng dẫn HS lập viết theo các gợi ý SGK- HS hoạt động cá nhân - Hướng dẫn HS chỉnh Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:	- Cuốn sách đó thể hiện quan điểm của tác giả về đời sống ra sao? - Cuốn sách mang lại những giá trị hay đóng góp nào? - Khi đọc cuốn sách em thấy có điều gì thú vị? c. <i>Lập dàn ý</i>: sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp. - Mở bài: Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại, thời gian ra đời, xuất bản của cuốn sách. - Thân bài: + <i>Trình bày ngắn gọn về đề tài, nội dung chính, chủ đề của cuốn sách.</i> + <i>Nêu những điểm đặc biệt, thú vị, mới mẻ của cuốn sách, về nội dung và nghệ thuật.</i> + <i>Nêu quan niệm của tác giả về đời sống qua nội dung phản ánh trong cuốn sách.</i> - Kết bài: Gọi hứng thú, khuyến khích việc đọc cuốn sách. 2. Viết bài Khi viết bài văn, em cần lưu ý: triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

Hoạt động 3: Luyện tập- 3. Chỉnh sửa bài viết

- Mục tiêu:** HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)
- Nội dung:** chất lọc kiến thức từ cuốn sách yêu thích, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với kiểu bài, bảng hướng dẫn. - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau (HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	3. Chỉnh sửa bài viết. a. Đọc lại và điều chỉnh: Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo: - Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật. - Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ. * HS chữa bài cho nhau

Chuẩn kiến thức về yêu cầu +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp.	

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Họ tên bạn được sửa:.....

Họ tên người sửa:.....

Phần		Nhận xét về những nội dung cần chỉnh sửa	Phần chỉnh sửa
Mở bài giới thiệu về	nhan đề	Vd-Đảm bảo nội dung	
	tác giả,	Vd-Đảm bảo nội dung	
	thể loại,	Vd-Đảm bảo nội dung	
	thời gian ra đời,	Vd- Đảm bảo nội dung	
	thời gian xuất bản	Vd- thiếu thời gian xuất bản	
	Dùng từ, diễn đạt, chính tả.	Vd- diễn đạt rõ ràng, mạch lạc,...	
Thân bài	đề tài, nội dung chính		
	Điểm đặc biệt, thú vị, mới mẻ của cuốn sách, về nội dung và nghệ thuật.		
	Quan niệm của tác giả về đời sống		
	Dùng từ, diễn đạt, chính tả.		
Kết bài	Gợi hứng thú, khuyến khích việc đọc cuốn sách.		
	Dùng từ, diễn đạt, chính tả.		

Hoạt động 4-Vận dụng: B. VIẾT MỘT NHAN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO MỘT TÁC PHẨM MỚI

a. Mục tiêu: Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích

- b. Nội dung:** HS thực hành viết cá nhân ở nhà, mỗi nhóm chọn một sản phẩm tiêu biểu nhất trình bày trước lớp trong phần khởi động của các giờ học trong bài 10.
- c. Sản phẩm:** sản phẩm viết sáng tạo: truyện, thơ, tản văn,... (tự sáng tác).
- d. Tổ chức thực hiện:**

Đ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm															
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày, giới thiệu sản phẩm nghệ thuật mà HS đã sáng tạo ở nhà trước tổ, nhóm (chia lớp thành 4-6 nhóm). Sản phẩm sáng tạo của HS có thể là một trong các nội dung sau: - <i>Sáng tác thơ (cảm xúc của em về nội dung, ý nghĩa, ...liên quan đến tác phẩm văn học một cuốn sách em đã đọc)</i> - <i>Truyện sáng tạo</i> - <i>Dựng kịch ngắn</i> ... Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - Ở nhà: HS thiết kế sản phẩm của mình, trao đổi với bạn bè, người thân để có sản phẩm tốt. - Ở lớp: phân công MC dẫn phần giới thiệu sản phẩm nghệ thuật của các nhóm. + Các nhóm của đại diện giới thiệu sản phẩm. + HS khác nghe, quan sát và chọn lọc những sản phẩm đặc sắc để đánh giá, cho điểm + GV quan sát, khuyến khích. Hỗ trợ Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của từng sản phẩm. Bước 4: Chuẩn kiến thức: về các tiêu chí đánh giá.	VIẾT MỘT NHAN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO MỘT TÁC PHẨM MỚI <table><tr><th>Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1. Nội dung: phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách)</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2. Hình thức: - Hài hòa, sáng tạo, có sức cuốn hút. Lời văn (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4. Phong cách tự tin, đĩnh đạc</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật	Đạt	Chưa đạt	1. Nội dung: phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách)			2. Hình thức: - Hài hòa, sáng tạo, có sức cuốn hút. Lời văn (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện.			3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.			4. Phong cách tự tin, đĩnh đạc		
Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật	Đạt	Chưa đạt														
1. Nội dung: phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách)																
2. Hình thức: - Hài hòa, sáng tạo, có sức cuốn hút. Lời văn (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện.																
3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.																
4. Phong cách tự tin, đĩnh đạc																

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thành nhiệm vụ sản phẩm theo yêu cầu.
- Chuẩn bị bài: Nói và nghe Về đích ngày hội đọc sách.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

TIẾT 140: NÓI VÀ NGHE: VỀ ĐÍCH NGÀY HỘI VỚI SÁCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết cách trình bày bài giới thiệu một cuốn sách; cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;
 - Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Biết cách trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách sao cho hấp dẫn và thuyết phục;
 - + Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;
 - + Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

3. Về phẩm chất:

- Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng.
 - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Giấy A4.
- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh sẵn sàng tham gia vào thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Kích thích học sinh tự hình thành cho mình thói quen đọc sách.

b. Nội dung:

- - GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- - HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của đoạn video (những lợi ích của việc đọc sách)

d. Tổ chức thực hiện:

- **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**
- GV chiếu video : *Tại Sao Cần Phải Đọc Sách? Những Lợi Ích Của Việc Đọc Sách Mà Bạn Cần Biết | Nghĩ Lớn*
(<https://www.youtube.com/watch?v=imNbIwVJ1IA>)

và giao nhiệm vụ cho HS:

- *Đoạn video đề cập đến những lợi ích nào của việc đọc sách? Theo em, làm thế nào để mỗi người có thể hình thành cho mình thói quen đọc sách mỗi ngày ?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.
- GV nhắc nhớ những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- Cá nhân HS trả lời câu hỏi của GV
- HS khác theo dõi, bổ sung (nếu cần thiết)

B4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét và kết nối vào bài

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

GIỚI THIỆU VỀ CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

a. Mục tiêu:

*HS đăng kí thuyết trình giới thiệu sách theo hình thức cá nhân

* HS trưng bày sản phẩm sáng tạo từ cuốn sách đã đọc:

- Tranh vẽ
- Truyện tranh
- Bài thơ
- Pô-xtơ giới thiệu nhân vật
- Các hình thức tóm tắt tác phẩm...

b. Nội dung:

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Sản phẩm sáng tạo của các nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò

Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv sử dụng phương tiện trực quan
- GV gọi HS xác định yêu cầu của hoạt động.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc và thực hiện yêu cầu.

B3: Báo cáo thảo luận

- **GV:** Hướng dẫn HS cách trình bày sp cá nhân, nhóm.
- **HS:** Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm sách, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

- **GV:** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HD sau.

TRÌNH BÀY TÁC PHẨM TỰ SÁNG TÁC (TRUYỆN, THƠ, TÙY BÚT, TẢN

VĂN...)

I. Trước khi nói

a. Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b. Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
* NV1: Xác định mục đích nói và người nghe B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi: - <i>Mục đích của bài nói là gì ?</i> - <i>Những người nghe là ai ?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS khai thác SGK và trả lời câu hỏi. B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi. - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói * NV2: Chuẩn bị nội dung nói B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm tổ, trả lời các câu hỏi sau: Nếu trình bày 1 cuốn sách em yêu thích, em cần chuẩn bị bài nói như thế nào? Nếu trình bày về tác phẩm của em, nên chuẩn bị những nội dung nào cho bài nói? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS suy nghĩ, thảo luận trả lời câu hỏi của GV. B3: Thảo luận, báo cáo - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận. - Các nhóm khác thao dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, tổng hợp, kết luận. Trước khi cho Hs tập luyện GV sưu tầm trên mạng và gửi link cho hs tham khảo trước mỗi bài luyện nói. Chia sẻ cảm nhận về cuốn sách em yêu - đạt giải Nhì Ngày hội đọc sách năm học 2021 - 2022	1. Chuẩn bị nội dung và phương tiện trình bày a. Xác định mục đích nói và người nghe - Mục đích nói: Chọn 1 trong 2: Giới thiệu cuốn sách yêu thích để thu hút sự chú ý đối với tác phẩm, gợi hứng thú đọc sách của người nghe. + Giới thiệu tác phẩm của mình đối với người đọc (đọc diễn cảm, ngâm thơ...) - Người nghe: thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến kết quả dự án đọc sách hoặc muốn có thêm kinh nghiệm... b. Chuẩn bị nội dung nói - Hs lập dàn ý bài nói, đánh dấu nội dung cần nhấn mạnh như tên cuốn sách, hoàn cảnh ra đời, đặc điểm nổi bật về nghệ thuật và nội dung, ảnh hưởng của cuốn sách đó với em và với mọi người. - Nếu trình bày về tác phẩm của em nên có lời giới thiệu về hoàn cảnh, nguồn cảm hứng gợi cho em về tác phẩm và lựa chọn cách đọc cách minh họa phù hợp. c. Tập luyện - HS tập nói trước nhóm/tổ.

* NV3: Tập luyện B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tập luyện trong nhóm dựa trên dàn ý đã xây dựng. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiến hành tập luyện. - GV lưu ý HS: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng; tận dụng có hiệu quả những ưu thế của các phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói thêm sinh động, thuyết phục. B3: Thảo luận, báo cáo - Các nhóm tập luyện nói, nhận xét, rút kinh nghiệm cho nhau; cử đại diện nói trước lớp. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét ý thức, thái độ làm việc của các nhóm.	

II. Trình bày bài nói																																			
a. Mục tiêu: - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. b. Nội dung: - HS nói theo nội dung đã luyện tập trong các nhóm - HS trong nhóm khác theo dõi, nhận xét HĐ nói của nhóm bạn. c. Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS. d. Tổ chức thực hiện																																			
HĐ của GV & HS					Dự kiến sản phẩm																														
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hs trình bày bài nói trước nhóm theo bảng tiêu chí và cho điểm các thành viên trong nhóm: Bảng tổng hợp đánh giá <table><tr><th>Tiêu chí</th><th colspan="5">Tên các thành viên trong nhóm</th></tr><tr><th></th><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th></th></tr><tr><td>1.Chọn được quyển sách hay có ý nghĩa</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2.Trình bày thuyết phục về đề tài, nét đặc sắc về nội</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					Tiêu chí	Tên các thành viên trong nhóm						A	B	C	D		1.Chọn được quyển sách hay có ý nghĩa												2.Trình bày thuyết phục về đề tài, nét đặc sắc về nội						- HS nói trước nhóm - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.
Tiêu chí	Tên các thành viên trong nhóm																																		
	A	B	C	D																															
1.Chọn được quyển sách hay có ý nghĩa																																			
2.Trình bày thuyết phục về đề tài, nét đặc sắc về nội																																			

dụng nghệ thuật của cuốn sách.					
3.Nói to, rõ ràng, truyền cảm.					
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp					
5.Mở đầu, kết thúc hợp lí					
6.Sử dụng kĩ thuật 5 “xin” khi trình bày bài nói. (xin chào,xin phép, xin lỗi, xin được,xin cảm ơn.)					

+ Yêu cầu các nhóm HS lựa chọn đại diện trình bày bài nói trên cơ sở kết quả luyện nói ở nhóm/tổ.

+ Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS quan sát.

- GV:Sử dụng kĩ thuật 5 “xin” đối với học sinh lên trình bày bài nói, kĩ thuật “3-2-1” đối với người nghe:

+ 3 điều tâm đắc:

+ 2 điều chưa hài lòng:

+ 1 ý kiến đề xuất với bạn để bài nói của bạn được tốt hơn:

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại dàn ý của bài nói.

- GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí

B3: Thảo luận, báo cáo

- GV phát phiếu đánh giá theo tiêu chí cho các nhóm và hướng dẫn HS nói. - Đại diện các nhóm trình bày bài nói (mỗi nhóm 1 đại diện). B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	

3. Sau khi nói	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc nhóm và trình bày kết quả. c. Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng nhóm HS. d. Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: + Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. + Yêu cầu HS đánh giá theo kỹ thuật 3-2-1 B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. - Các nhóm HS sử dụng phiếu đánh giá ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của nhóm bạn. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của nhóm HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao bài tập cho HS

Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa trên việc trả lời những câu hỏi sau:

- Em đã đọc cuốn sách khi nào? Điều gì làm em thích thú khi đọc cuốn sách?

- Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?

- Vì sao nên đọc cuốn sách này?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình.

- HS kể tên một cuốn sách đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao bài tập:

Bài tập 1: Giới thiệu một sản phẩm sáng tạo từ sách cùng với các bạn trong lớp, khối của em.

Bài tập 2: Làm 1 video clip ngắn thuyết phục mọi người hình thành thói quen đọc sách.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- Cá nhân HS hoàn thành bài tập ở nhà và nộp lại cho GV.

B4: Kết luận, nhận định

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Nhóm:.....

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được cuốn sách hay, có ý nghĩa.	Chưa chọn được cuốn sách yêu thích.	Chọn được cuốn sách nhưng chưa hay.	Chọn được cuốn sách hay và ấn tượng.
2. Trình bày thuyết phục về đề tài, nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của cuốn sách.	Nêu được đề tài, nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của cuốn sách xong còn sơ sài thiếu thuyết phục.	Có lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người nghe đề tài, nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của cuốn sách nhưng chưa đầy đủ.	Có đủ các lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người nghe về đề tài, nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của sách.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung nói.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).
- GV khuyến khích học sinh sưu tầm những cuốn sách hay và ý nghĩa để đọc và giới thiệu cùng các bạn và mọi người.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

